

*Cảm ơn Họa sĩ Thanh Châu đã cho sử dụng
tranh vẽ “Trại cải tạo” làm nền trang bìa của tập hồi ký này.*

Copyright © 2024 Dzuong K. Nguyen

All rights reserved.

ISBN: 979-8-218-55630-3

Lời nói đầu của tác giả

Thưa quý độc giả:

Tôi viết tập hồi ký này năm 2024, hy vọng sẽ được hoàn tất và xuất bản năm sau, 2025, như một trong những cột mốc đánh dấu đúng 50 năm Miền Nam Việt Nam bị bức tử. Những quân nhân (đủ mọi cấp bậc) như chúng tôi, và dĩ nhiên rất nhiều công chức chính phủ, cán bộ Quốc Gia (nếu chưa chạy thoát được *trước hoặc trong* ngày 30/4 Đen) đều đã phải chịu chung số phận nghiệt ngã, bị đẩy đọa bởi những người của “bên thắng cuộc”. Dù nói thế nào để tự biện minh, tự an ủi, mình cũng bị mang tiếng là đã “đầu hàng”. Vẫn biết là cuộc chiến đã đến hồi kết thúc – kết quả của những lần “đi đêm”, mua bán, đổi chác trên các bàn hội nghị của một số cường quốc – chỉ để quân đội của Hoa Kỳ rút chân ra khỏi chiến trường Việt Nam một cách an toàn – nhưng khi nhớ lại, chúng ta vẫn đau đáu trong lòng.

Khi quý độc giả đọc được những hàng chữ này – nói về “*Lao Tù Cải Tạo & Những Phận Đời Của Định Mệnh*” của tôi, trong đó, rất nhiều lần, chính tôi đã là nạn nhân, hoặc chứng nhân của những khổ đau – đều hiểu rằng tôi đã thoát khỏi cái vòng trầm luân khổ ải đó và đang định cư ở một nơi mà Tự Do được bảo vệ, nhân phẩm con người được đề cao và những quyền làm người – cho dù ở mức tối thiểu – luôn được tôn trọng.

Tôi không có tài viết văn và thú thật, đây cũng là lần đầu tiên trong đời, gõ bàn phím để viết một cuốn tự truyện. Có một điều tôi phải thừa trước là những mẩu truyện tôi viết trong này, ***đều là sự thật***, vì vậy nó ngắn như thế này. Nếu tôi có tài thêm thắt vào những “tình tiết éo le”, “trời trăng, mây nước”, có khi cuốn tự truyện này đã dài hơn, và hay hơn nhiều. Tôi cũng phải xác minh một điều là tôi không hề muốn nói xấu bà con, đồng hương của tôi ở ngoài Bắc. Những điều tôi nói ra ở trong tuyển tập của những phận đời của tôi dù sao, tình cờ, nó liên quan đến những ông cán bộ, hoặc các anh vệ binh từ ngoài Bắc vào.

Tôi đặt tên của tập hồi ký này là “*Lao Tù Cải Tạo & Những Phần Đời Của Định Mệnh*” để nói nhiều về những năm tháng trong lao tù của csVN cùng những phần đời trong định mệnh của tôi: có lúc sống vô tư, đầy hoa mộng, lúc chứng kiến những biến chuyển của thời cuộc, những lúc bị nhận chìm trong bể khổ, trong đày đoạ, trái với những lúc cuộc đời được thăng hoa, sống lạc quan và đem công sức ra phụng vụ xã hội.

Tôi sẽ dẫn quý độc giả đi qua từng phần đời của tôi theo thứ tự thời gian. Có nhiều lúc tôi hoàn toàn mất đi ý niệm về thời gian vì đang sống trong địa ngục ngay trên trần gian này. Có những lúc tôi bị lưu đày ngay trên quê hương mình. Quý độc giả sẽ chứng kiến từng phần đời đó của tôi qua lời văn giản dị, tự nhiên, vì như đã nói ở trên, đây tất cả là *sự thật, rất thật*.

Trước khi đi vào phần chính của cuốn tự truyện này, tôi cũng xin được ngỏ lời cảm ơn nhiều anh chị em, bạn bè, thân hữu, văn hữu, đã khuyến khích tôi viết tập hồi ký này, trong đó tôi muốn được nhắc đến các bạn: *Huỳnh Hồng Hiệp, Trần Ngọc Tự, Trương Văn Ván, Huỳnh Lương Thiện, Nguyễn Trung Cao, Nguyễn Hùng Anh, và (người bạn vong niên) Hoàng Cơ Định...*

Tháng Chín 2024
Oakland, California, U.S.A.

Nguyễn Kỳ Dzuơng



Ảnh tác giả chụp năm 2024

*Cuốn hồi ký này xin được dâng tặng hương hồn bố mẹ,
hai người đã sinh ra con, gây dựng gia đình,
và dạy dỗ con trưởng thành để phục vụ Tổ Quốc,
phụng vụ tha nhân.*

MỤC LỤC

Phần Một: Sài Gòn Vẫn Mãi Trong Tôi	7
Phần Hai: Một Nơi Để Nhớ	16
Phần Ba: Phần Đầu Của Khổ Đau	29
Phần Bốn: Trăng Oí, Nói Hộ Lòng Tôi	46
Phần Năm: Rắc Rối Chuyện Đời	57
Phần Sáu: Khúc Quanh Bất Ngờ	69
Phần Bảy: Cũng Cần Một Bàn Tay	82
Phần Tám: Cái Tội Đa Sầu Đa Cảm	92
Phần Chín: Trùng Trùng Xa Cách	100
Phần Mười: Tiếng Đàn Trong Gió	115
Phần Mười Một: Bài Thơ Không Đoạn Kết	128
Phần Mười Hai: Cháy Rừng, Áo Nào Con Tim	143
Phần Mười Ba: Tôi Đang Ở Đâu?	158
Phần Mười Bốn: Con Giun Xéo Lắm Cũng Oằn	168
Phần Mười Lăm: Đã Bước Chân Đi Chẳng Trở Về	176
Phần Mười Sáu: Giấc Mơ Thiên Đàng	190
Phần Mười Bảy: Phần Đời Bị Lưu Đây	201
Phần Mười Tám: Phần Đời Có Bình Minh	213
Phần Mười Chín: Đời Bình Nghiệp	227
Phần Hai Mươi: Những Công Hiến Cho Xã Hội	234
Phần Hai Mươi Một: Gìn Giữ Lá Cờ Chính Nghĩa	243
Phần Hai Mươi Hai: Tiếng Chuông Ngân	247
Phần Phụ Đính: Những Nhận Xét Và Giới Thiệu Của Văn Hữu	250

PHẦN MỘT

Sài Gòn Vẫn Mãi Trong Tôi

Tôi sinh ra ở Hà Nội, cùng gia đình di cư vào Nam năm 1954 và được sống ngay trong thành phố Sài Gòn. Gần cuối năm 1955, khi gia đình tôi đã vào sống ở Sài Gòn được một năm, thủ tướng Ngô Đình Diệm cho tổ chức cuộc *trưng cầu dân ý* để truất phế (Đức Quốc Trưởng) Bảo Đại. Từ đó, đồng bạc có mệnh giá một đồng, ở giữa có hình Bảo Đại, dần dần bị loại bỏ bằng cách cho dân xé làm hai, tiêu mỗi một nửa như là “năm cắc”. Tôi đang học tiểu học, quen với cách tiêu năm cắc này. Tan trường ra, trên đường về là phải ghé vào xe nước đá của “chú Ba” để mua năm cắc *nước đá nhận*. Buổi trưa oi bức của Sài Gòn, vừa đi vừa thưởng thức món “xi rô” ngọt lịm, mát rượi, tưởng không còn gì thú vị bằng!

(Trước năm 1954, ở ngoài Hà Hội, đá lạnh vô cùng quý hiếm, không có món nước đá nhận, và không có cái chuyện đây một ly nước đá bảo, đồ “xi rô” lên trên, ngon như thế mà bán có 5 “hào”. Thỉnh thoảng, mùa hè ở Hà Nội, gió Lào thổi sang nóng như đang ở trong lò lửa, mẹ tôi “rộng rãi” pha một liễn nước chanh, bỏ vài cục đá vào là cả nhà xuyết xoa!)

Một hôm, như thường lệ, tôi gọi năm cắc nước đá nhận, móc trong túi ra một nửa đồng Bảo Đại trả cho chú Ba. Chú trợn mắt nhìn tôi:

- Đồng bạc này bị cấm xài rồi, có tiền khác không? Tôi toát mồ hôi vì đó là đồng bạc duy nhất tôi có trong túi. Chú Ba thấy vậy, cũng thương hại vì biết là tôi còn nhỏ, không nghe lệnh mới của chính phủ, đã cấm không cho xài tiền Bảo Đại nữa. Chú nói:

- Thôi được rồi, mai mang tiền khác ra trả. Dzia đi. Mặc dịch!

Tôi nghiệm rằng khi người Nam phát âm “mắc” thì người Bắc sẽ phát âm là “mất”. Người Nam nói “dịch” thì người Bắc chúng tôi sẽ hiểu là “vịt”. Trên đường về nhà, tôi thắc mắc không biết

tại sao mắt mình thế này mà chú Ba lại gọi là “mắt vịt”?

Tôi về khoe lại với cô hàng xóm người Nam là hôm nay có người “khen” mắt tôi là mắt vịt! Cô hàng xóm hỏi rõ câu chuyện xong thì lăn ra cười, cô ấy nói:

- Ông ơi sao ông ngu quá dzậy? “mắc dịch” này không có tốt.

Tôi vẫn cứ thắc mắc là sao người Nam khó hiểu vậy? Có lúc “mắt vịt” thì tốt, có khi “mắt vịt” lại không tốt?

(Hóa ra tôi đã có khiếu ngữ học từ nhỏ, biết phân tích cách phát âm khác nhau giữa người Bắc và người Nam! Thảo nào, lớn lên chuyên dạy sinh ngữ!)

Cứ thế mà tôi lớn lên. Tôi sống trong Miền Nam tự do và được giáo dục bởi một nền văn minh nhân bản.

Tự dung hôm nay, ngẫm lại, sau hơn 45 năm phải lìa xa thành phố tôi sống cả thời niên thiếu, tôi nhớ Sài Gòn quá đỗi. Chắc chắn rằng đây không phải là cảm giác của riêng tôi mà của rất nhiều người trong lứa tuổi – ở VN họ gọi là U80.

Ngay từ khi mới vào sống và làm quen với thành phố Sài Gòn với bao nhiêu sự hiểu lầm (vô hại) vì khác biệt về ngôn ngữ, tôi đã cảm nhận được nhiều điều văn minh, tân tiến của Sài Gòn. Hôm bà ngoại tôi ra đón mẹ con chúng tôi mới xuống tàu ở Bến Bạch Đằng về Đa Kao – bằng xe “xích lô máy” – anh em chúng tôi ngồi ở sàn trước, cứ phải nhắm nghiền mắt vì thấy “bác tài” cứ lao vùn vụt!

Khi còn ở Hà Nội, mặc dù chưa lớn lắm, nhưng tôi đã biết đến những sản phẩm đưa từ bên Pháp sang như xe đạp nhôm *Peugeot*, rượu tây *Cointreau*, bánh *Lu* ăn với rượu *Champagne*... Ở trong Sài Gòn có những thứ lạ mà ngoài Hà Nội chưa bao giờ có như xe xích lô máy, phố xá rộng thênh thang, những rạp chiếu bóng to lớn, mát lạnh, và nhiều khu buôn bán sầm uất. Ngày ấy, theo

cảm nhận của tôi, hình như người Hà Nội sống chừng mực, có phần “e lệ”, không ồn ào, không vội vã. Đặc điểm của Hà Nội là có bốn mùa rõ rệt. Vào mùa thu và mùa đông, các bà, các chị tha hồ diện áo nhung “lông bò liếm” hoặc áo dài nhung xanh đậm khoác bên ngoài một áo lạnh cũng may bằng nhung màu đen tuyền. Quý ông và quý anh thì “chơi” những bộ “vét” nỉ xanh đậm, đội mũ “phớt” bằng nỉ đen, và không thể thiếu đôi giày “deux-couleur” đen và trắng!

Tôi còn nhớ một điều đặc biệt khác là những cái xe đạp của các chị người Hà Nội thuở ấy phải có hai tấm lưới bằng sợi cao su (có bọc chỉ màu rất đẹp và rất công phu) căng hình chiếc nan quạt từ trục bánh xe sau lên về xe để tà áo dài của các chị không bị cuốn vào bánh xe hoặc tệ hơn là bị cuốn vào dây “xích”. Trên chỗ giao nhau của hai dây “phanh” trước “ghi đông”, thế nào cũng phải buộc với nhau bằng một con búp bê len.

Người “Sè Goòng” thì lại ăn mặc xuề xòa hơn có lẽ vì trời nóng bức. Trong xóm của tôi ở Đa Kao, rất nhiều quý ông, ban ngày chỉ quấn trên mình vồn vện có một cái “xà rồng”, khoe cái bụng “la dze” (bia) thốn thện. Ngoài Bắc chúng tôi không bao giờ có cảnh này!

Cứ như thế mà tôi lớn lên lúc nào không hay. Ngoài những buổi học chính, tôi còn học thêm Anh Văn và Pháp Văn. Việc học thêm sinh ngữ hình như cũng là một phần đời trong định mệnh của tôi. Kiến thức và khả năng sinh ngữ đã giúp tôi rất nhiều trong cuộc sống sau này.

Nhân đây, tôi cũng muốn nói thêm về cái cơ duyên – một phần định mệnh – đã khiến tôi thích học sinh ngữ: Trong khi tôi đang học tiếng Việt ở một trường tiểu học tại Đa Kao thì cậu tôi, từ Hà Nội vào, tiếp tục theo học trường Chu Văn An (Sài Gòn). Cậu muốn đi học thêm môn Anh Văn. Cậu xin vào học trường Anh Văn Khải Minh. Gọi là “trường” nhưng thật ra, đó chỉ là một đình nhỏ, Đình Thái Hòa, ở đường Trần Quang Khải. Bà Khải Minh thuê một căn phòng nhỏ trong đình, chỉ có một ngọn đèn

mù mờ treo trên trần. Ban đêm, tại đây, các bác đánh xe thổ mộ (xe ngựa) chuyên chở các bà, các chị đi buôn bán rau củ ở các chợ, về đây tạm trú qua đêm. Các chú ngựa tha hồ phóng uế tại chỗ. Sáng sớm, trước khi đánh xe đi chợ, các bác đã dọn dẹp, nhưng ngày này qua ngày khác, sân đình đã trở nên khai kinh khủng. Ban ngày, bên ngoài bức tường của đình, có một số các bác thợ hớt tóc, thợ sửa bút, sửa khóa v.v.. đến nhờ nơi này sinh sống. Thỉnh thoảng, tôi cũng có đến đây cắt tóc.



Nguyễn Kỳ Dzuong, đại học luật khoa Sài Gòn, 1967.

Cậu tôi hay rủ tôi đi theo học Anh Văn tại đây vào buổi tối cho đỡ cô đơn. Các học sinh có đóng tiền cho “trường” thì được sắp ngồi phía trên, gần thầy, gần bảng. (Các “học sinh” này chỉ độ hơn mười người: các anh chị đã đi làm, một vài ông sư, vài người công chức muốn trau dồi thêm Anh ngữ và một vài anh học trò trẻ như cậu tôi). Tôi là một đứa trẻ con, ngồi tuốt ở bên dưới, không ai để ý. Có lần, thầy hỏi một câu về văn phạm, cả lớp không ai trả lời được. Tôi như một phản xạ tự nhiên, ở cuối lớp, giơ tay trả lời

đúng phóc! Ông thầy (và cả lớp) ngạc nhiên, ở đâu ra cái thằng nhỏ này, mà nó lại giỏi như vậy! Thầy kêu tôi lên bảng, viết một câu mẫu, dùng điểm văn phạm mà thầy đã dạy. Thầy ưng ý quá mức. Hỏi về nguyên nhân tôi có mặt trong lớp và từ đó thầy cho tôi ngồi hàng trên, cùng các anh chị khác mà không phải đóng tiền học. Sau này, khi tôi đi học để trở thành thầy giáo, mới biết rằng trẻ con vẫn có cái khả năng tiềm ẩn trong óc nó, mọi điều một đứa trẻ nghe được, đều tự động in vào óc nó mà không cần phải vận dụng để nhớ như người lớn – nhất là khi cần học sinh ngữ.

Khi lớn lên, sau trường Khải Minh, tôi vẫn tiếp tục học sinh ngữ. Riêng môn Anh Văn, tôi đã có cái may mắn được truyền dạy từ

các bậc thầy nổi tiếng của Sài Gòn thời bấy giờ: Gs. Lê Bá Kông, Lê Bá Khanh, Đỗ Đình Tuân, Nguyễn Ngọc Linh. Cũng vì mê học sinh ngữ nên về sau, tôi ghi danh học thêm tiếng Pháp ở Mission Centre Culturel Française, Sài Gòn.

Sau cuộc “cách mạng” của giới quân nhân Việt Nam Cộng Hòa năm 1963, các quán bar, vũ trường, “Bal”, “Boom”, được phép hoạt động tự do, chúng tôi thời đó còn là học sinh trung học, tha hồ đua đòi, nhảy nhót tung bùng.

Tôi cũng muốn nhắc lại kỷ niệm của những buổi chiều tà tà, vừa thong thả đi dạo trên đường Lê Lợi (Bonard), vừa cầm trên tay ngắm nghía những cuốn sách Toán, Vật Lý, Vạn Vật hoặc sách Anh Văn...cũ, của các lứa đàn anh, đàn chị, đã dùng qua, nay không cần giữ nữa, đem ra bán lại cho các sạp buôn bán sách cũ. Bạn nào mua được cuốn sách đang có ý tìm – lại còn lành lặn mà giá lại rẻ hơn sách mới rất nhiều – thì cô cậu nào cũng hý hửng ra mặt.

Thời bắt đầu biết mơ mộng (có lẽ mặt còn búng ra sữa), tôi đã biết “làm le” với các nàng kiều “đồng đánh” bằng cách mời các nàng đi uống trà đen, pha sữa ở các nhà hàng như Pôle Nord ở góc thương xá Tax, hoặc tập tễnh đi uống bia với các anh lớn ở Brodard, Givral, Thanh Thế, ăn sáng *bánh mì thịt nguội* ở Thanh Bạch. Tôi tuyệt đối chưa bao giờ dám vào Continental vì biết rằng nơi đó dành cho các “bậc trưởng thượng”, các nhà văn, nhà thơ, các ký giả lớn, có “máu mặt”. Tôi thiết tưởng cũng cần phải kể thêm kỷ niệm lúc làm ra vẻ “ta đây”, mò về tận Ngã Ba Ông Tạ, để có thể khoe với bạn rằng mình đã từng uống cà phê ở quán cà phê Thăng Long! Ông chủ quán Thăng Long này trông đẹp mã quá mức. Ông mặc quần soọc trắng, đi chiếc xe mô tô bóng loáng, bên hông có kẹp một cái vợt tennis! Chắc chắn, đây là niềm mơ ước của nhiều thanh niên thời đó, và dĩ nhiên, tôi cũng có trong số này!

Sau này, khi đang học Luật, tôi có đi làm thêm cho chính phủ Mỹ ở cơ quan USAID, số 85-87 Lê Văn Duyệt, đối diện Tổng Liên

Đoàn Lao Công VN, đã có tiền dẫn túi – thì bắt đầu mon men sang bên đường Catinat, Tự Do, khám phá các trung tâm thương mại và các hiệu bán đồ cổ bên đó. Tôi còn nhớ lần đầu tiên được xem một đoạn video nhạc trên màn ảnh TV màu trong tiệm cà phê Saigon Departo trên đường Tự Do. Tên của bản nhạc thì tôi nhớ mãi đến bây giờ: bài “Strangers in the Night” do ca sĩ Frank Sinatra hát (1966).

Chắc nhiều bạn cũng còn nhớ những kỷ niệm về chuyện đi xem xi nê như tôi: Hôm nào dẫn được một nàng có vẻ “chịu đèn” thì sẽ xem xi nê (phim gì cũng không cần biết) ở rạp Eden trong thương xá Passage Eden. Trên lầu hai, có những bức tường sau lưng, lỗ có làm gan “mi” nhau một cái thì không ai đằng sau nhìn thấy! Hôm nào chỉ thuần túy “cúp cua” đi xi nê với bạn thì vào rạp Lê Lợi vì phía trước màn ảnh, có cái đồng hồ treo tường, nhìn đấy để biết giờ mà về.

Tôi vẫn tự cho là mình có khiếu và giỏi Anh, Pháp Văn nhưng cho tới lúc đó, vẫn còn một cái “bé cái lằm” tai hại: Tất cả các bộ phim ngoại quốc đưa vào trong nước, đều được chuyển âm và lấy tựa của phim bằng tiếng Pháp. Tôi vẫn “ngây thơ cụ”, cứ đinh ninh rằng mọi phim đều là của Pháp. Thậm chí những phim “rất” Mỹ như Les Sept Mercenaires; Les Canons De Navarone; Ils N’ont Que Vingt Ans; Vacances A L’italienne... mà vẫn



“nghĩ” là do Pháp đóng và sản xuất!!! Bây giờ, nghĩ lại về cuốn phim do Chris Mitchum đóng, rất hay, muốn tìm xem lại, mà không biết tựa đề của phim bên tiếng Mỹ là gì. Đó là cuốn phim “Meurtre au Soleil”, tên Việt là “Tình Thù Rực Nắng”. Chỉ có mỗi phim My Fair Lady do nữ tài tử Audrey Hepburn và tài tử Rex Harrison đóng (1964, được 8 giải thưởng âm nhạc) thì vẫn giữ nguyên cách phát âm của người Ăng Lê, rất khó nghe!

Người trong ảnh, mặc áo dài trắng, tóc kiểu “cánh cụp cánh xòe” bên cuốn ra, bên cúp vào, thời trang lúc bấy giờ, của ca sĩ Sylvie Vartan, là người đã từng gục trên vai tôi khóc hết nước mắt chỉ vì lý do hai gia đình theo hai tôn giáo khác nhau. Gia đình tôi theo đạo Phật thuần thành và bên nhà cô nàng lại theo Thiên Chúa Giáo. Tôi cũng từng chết đuối trong dòng nước mắt ấy.

Chính trong thời gian này, nhạc trẻ ngoại quốc du nhập vào Việt Nam khá nhiều. Tôi có một người bạn là một tay trống trong một ban nhạc “bỏ túi” nhưng anh chàng này hay cho tôi theo phụ khiêng vác đàn, trống, nên tôi biết khá nhiều nhạc ngoại quốc. Đài Phát Thanh Sài Gòn và Đài Phát Thanh Quân Đội, vào buổi chiều, hay có những chương trình nhạc (ngoại quốc) yêu cầu. Không chiều nào tên tôi vắng “mặt” trên các làn sóng đó. Ngày nào tôi cũng gửi thư vào yêu cầu nhạc, hết bản nọ sang bản kia. Tôi còn nhớ có một “kỳ phùng địch thủ” với tôi trong chương trình này là một người (tôi đoán là con gái) có tên *Ti Ti Công Lý*. Hễ bài nào có tên tôi là – y như rằng – có lời yêu cầu của Ti Ti Công Lý.

Tôi cứ trưởng thành hơn theo thời gian. Đậu Tú Tài Một từ trường trung học Nguyễn Trãi (1964). Lúc đó, trường Nguyễn Trãi chưa có lớp đệ nhất nên tôi được gửi sang học ké trường trung học Chu Văn An. Tốt nghiệp trung học năm 1965 và bắt đầu vô trường Luật từ đó. Vừa học Luật, vừa làm trong cơ quan USAID, có tý tiền và có hơi hướm “cậu” nên ăn chơi vi vút, từ đó không “thèm” đi coi xi nê ở các rạp nhỏ nữa mà “leo” lên các rạp lớn, nổi tiếng sang trọng của thời đó như Rex, Đại Nam, để xem các phim trên các thước phim 70 ly, với các kỹ thuật tân kỳ hơn như TechniColor, màn ảnh đại vĩ tuyến Panorama...

Sau này, khi trưởng thành hơn và cũng có tý tiền còm nên tôi và một vài người bạn cũng bắt đầu mon men vào phòng trà của anh Jo Marcel và vũ trường Queen Bee. Vẫn chưa dám vào tận Chợ Lớn nghe nhạc ở phòng trà Ritz.

Một kỷ niệm đẹp nữa của Sài Gòn là phong trào sưu tầm tem thư.

Hồi đó tôi cũng bắt chước theo các bậc đàn anh, đàn chị, bày đặt sưu tầm tem thư. Cố tìm mua cho bằng được bộ tem Vua Bảo Đại và bộ tem Nam Phương hoàng hậu. Tôi đã vô cùng thích thú với các con tem của Madagascar, sao đẹp thế không biết? Các con tem đều in khổ vuông, lớn, sáng bóng mà hình trên các con tem đều rất đẹp. Sau này mới phát giác ra là Madagascar nghèo không...*kém* quốc gia nào! Tôi cũng không lỡ một dịp phát hành tem mới của Việt Nam Cộng Hòa. Hôm ấy, thế nào tôi cũng có mặt sớm để mua được hai, ba con tem trong bộ sưu tập của nó (không có tiền để mua cả bộ), dán lên phong bì của dịp đó, đưa cho các bác nhân viên để xin đóng cho con dấu bưu điện Sài Gòn ghi nhận ngày phát hành đầu tiên. Tôi tình cờ gặp được chị Huyền, một người có thú sưu tầm tem thư như tôi trong ngày phát hành đầu tiên, và từ đó trở đi, cũng hay gặp nhau. Chị luôn luôn mặc áo dài tươm tất và thoang thoang mùi nước hoa, đã làm tôi ngây ngất! Tôi cố mời chị về nhà tôi cốt để giới thiệu với các anh chàng ở trọ học nhà tôi. Không nẩy được mối tình nào!

Sau trận Mậu Thân, sinh viên của các trường đại học ở Sài Gòn đều phải tham gia chương trình Quân Sự Học Đường là khóa huấn luyện căn bản quân sự, bao gồm tập đội hình, bước đều, các động tác cơ bản thao diễn thông thường, một ít kỷ luật quân đội...

Chúng tôi tập đi “ắc ê” trong vườn Tao Đàn, cũng được phát súng và cũng được cất đặt đi tăng cường canh gác thành phố cùng các đơn vị quân đội, cảnh sát.

Sinh viên Quân Sự Học Đường được may một bộ đồng phục ka ki vàng, đội nón “calô” cũng bằng ka ki vàng, đi giày Bata trắng. Tự nhiên người dân Sài Gòn bắt ngờ trông thấy một lũ “quỷ nhỏ” chạy vàng trời thành phố! Chúng tôi hồi đó bị nhiều người gán cho cái tội “kiêu binh”. Quả thực họ cũng không ngoa vì lúc này, các chú cảnh sát biết chúng tôi là tài nguyên quốc gia, sẽ bị động viên đi sĩ quan, họ không thèm xét giấy. Còn các quân nhân Quân Cảnh trong các toán tuần tra hỗn hợp này cũng không thèm hỏi giấy tờ chúng tôi vì chúng tôi *chưa* phải là lính! Tôi thậm chí còn lợi dụng danh nghĩa là sinh viên Quân Sự Học Đường, vào sở

USAID Sài Gòn vẫn diện nguyên bộ đồng phục ka ki vàng. Đôi khi tôi lấy có phải đi tập quân sự, hay đi gác, và lấy giờ nghỉ, chính phủ Mỹ vẫn phải trả lương. Đúng là kiêu binh!

Một lần, kiêu binh chúng tôi được cắt đặt đến gác ban đêm tại Câu Lạc Bộ du thuyền của giới thượng lưu và của người ngoại quốc ở Bến Bạch Đằng. Chúng tôi đến sớm từ chiều để nhận mật lệnh và lịch trình canh gác. Chúng tôi được ông quản lý mời vào câu lạc bộ giải khát. Chúng tôi mặc dù không uống bia rượu gì mà đùa nào cũng láng láng vì sung sướng quá, chưa bao giờ chúng tôi dám mơ tưởng có ngày vào câu lạc bộ sang trọng này giải khát cả!

Tôi vừa nói về những kỷ niệm đẹp của thời niên thiếu của tôi trên đất Sài Thành: ***Sài Gòn vẫn mãi trong tôi.***

PHẦN HAI
Một Nơi Để Nhớ

Năm 1969, tôi thi rớt năm cuối cùng trường Luật ở Sài Gòn nên bị động viên liền sau đó.

Sau trận “tổng công kích” năm 1968 của quân cộng sản Bắc Việt trên hầu hết các mặt trận trong các thành phố lớn của Miền Nam, nhu cầu bành trướng quân đội và trang bị vũ khí tối tân cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) đã trở nên thiết yếu và cấp bách. Tôi còn nhớ năm đó, quân cộng sản Bắc Việt đã được trang bị súng liên thanh AK-47 của khối cộng sản viện trợ cho Miền Bắc. Trong khi đó, quân nhân của đại đa số các đơn vị chiến đấu của Miền Nam vẫn chỉ được trang bị súng Garant hoặc Carbine M1, không thể so sánh với AK-47 của cộng sản.

Khi tôi vào quân trường, chúng tôi vẫn tập bắn với súng Garant nhưng dần dần, sinh viên sĩ quan chúng tôi đã được làm quen với súng trường M-16 của Mỹ viện trợ.

Khởi đi từ năm 1968, nhu cầu tăng cường quân số cũng như nhu cầu đào tạo sĩ quan cho quân lực VNCH hầu như quá dồn dập. Khả năng tiếp nhận, đào tạo sĩ quan của Trường Bộ Binh (BB) Thủ Đức không thể đáp ứng với tốc độ đó nên các thanh niên, trình diện tại Quân Vụ Thị Trấn Sài Gòn sẽ được đưa thẳng lên trường BB Thủ Đức – nhưng đến đợt chúng tôi, chúng tôi lại được đưa lên Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Trước đây, Trung Tâm này chỉ dành để đào tạo hạ sĩ quan và tân binh cho quân đội. Từ 1968 trở đi, thanh niên thuộc tài nguyên sĩ quan, khi bị gọi nhập ngũ, đều phải trải qua 8 tuần đầu huấn luyện căn bản quân sự tại quân trường Quang Trung.

Những ai đã trải qua thời gian huấn luyện ở Quang Trung hẳn còn phải nhớ những buổi sáng thức dậy từ 5 giờ sáng để “chà láng” các giao thông hào dọc hai bên những con đường trong trại. Chúng tôi cũng phải quét sạch lá cây *bã đậu* trên những con đường này. Những con đường thẳng tắp, hai bên đường trồng cây

bã đậu rất nhiều lá nhưng luôn sạch sẽ tinh tươm. Những con đường đã từng nghe tiếng đêm nhịp, những bước chân đều đặn và những tiếng hát oai hùng của bao thế hệ trai thời chiến: “...người đi...chưa về...chắc rằng có người nhớ...” (Bài Đường Ra Biên Ải của Phạm Duy) Hết thời gian tám tuần huấn luyện căn bản quân sự ở Quang Trung, chúng tôi sẽ được chuyển lên trường BB Thủ Đức để - từ đó - được tôi luyện trở thành những sĩ quan đảm trách công việc chỉ huy ngoài chiến trận trong tương lai.

Phải thú thực là khi vào trường quân sự, được huấn luyện để trở thành sĩ quan, hầu như ai cũng hoang mang vì không biết định mệnh sẽ đưa đẩy mình về đâu sau khi ra trường. Mặc dù vậy nhưng chương trình huấn luyện cả ngày lẫn đêm, dồn dập, khiến chúng tôi không còn nhiều thì giờ ưu tư nữa.

Đặc biệt nhất là tại trường BB Thủ Đức, trong chín tuần “Huấn Nhục” đầu tiên, chúng tôi bị các huynh trưởng hành hạ “bỏ hơi tai, mờ con mắt”, không còn thì giờ nào suy nghĩ về tương lai. Tân khóa sinh trong thời gian huấn nhục này có thể bị phạt bất cứ lúc nào, vì bất cứ lý do gì. Tuy vậy, phải công nhận, chúng tôi học lẫn nhau nhiều hơn là học hỏi từ các vị cán bộ huấn luyện viên của trường (đúng là “học thầy không tày học bạn”!). Cứ như vậy mà kiến thức, kỹ thuật, chiến thuật, và nghệ thuật chỉ huy được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác cho những sinh viên sĩ quan sau này sẽ trở thành các cấp chỉ huy trong Quân Lực VNCH.

Đối với tôi, thời gian bảy tháng huấn luyện ở trường BB Thủ Đức lại là một kinh nghiệm khó quên. Chốn này đã thành một nơi để nhớ cho đến bây giờ, và có lẽ suốt quãng đời còn lại.

Ngay sau lưng trường BB Thủ Đức là một khu đồi (và rừng non) có cái tên rất thơ mộng: *Tăng Nhơn Phú*.

Chắc chắn các sinh viên sĩ quan của trường BB Thủ Đức đều đã trải qua nhiều kinh nghiệm với khu đồi này. Trong suốt khóa học,

chúng tôi đã nhiều lần vào khu rừng Tăng Nhơn Phú này để thực tập các bài học hành quân khác nhau. Chúng tôi đều lấy làm lạ khi chúng tôi nhận được lệnh hành quân tiến chiếm một tọa độ nào đó trong rừng: Lẽ ra, chúng tôi phải phác họa bản đồ, chấm tọa độ, rồi từ đó nhắm hướng mà “kéo quân” đi – thế mà – khi nghỉ chân, gặp các cô bán chè, cháo, xôi, hoặc có khi hột vịt lộn, các cô đơn đả mời rồi các cô hỏi chúng tôi hôm nay “đánh” tọa độ nào, các cô đều thuộc vanh vách những tọa độ đó nằm ở hướng nào! Thì ra, các cô này là con, là em của các huấn luyện viên quân sự cư ngụ trong khu rừng nhỏ này tiết lộ cho biết trước cả rồi. Quanh đi quẩn lại thì trong khu rừng nhỏ và quen thuộc này, được cha hay anh chỉ cho một lần là các cô nhớ hết.

Từ đó, mỗi lần được lệnh hành quân vào khu rừng Tăng Nhơn Phú, chúng tôi đều háo hức gặp lại các cô nhỏ này để “đấu láo”, ăn chè, ăn cháo cho đỡ mệt và chắc chắn sẽ đi đến nơi, về đến chốn!

Một lần, tình cờ chúng tôi tạt vào một khu vườn trồng cây sầu riêng. Vườn sầu riêng này không lớn lắm nhưng lợi tức có lẽ cũng đủ nuôi cả gia đình chủ vườn. Tôi theo anh em cùng đơn vị vào thăm vườn sầu riêng lần đầu. Hồi đó tôi chưa biết ăn sầu riêng và tôi là chàng “Bắc Kỳ” duy nhất trong nhóm. Các bạn thách thức tôi nuốt trôi được một múi sầu riêng thì khi về khu gia binh trong trường sẽ “khao” tôi một châu *coca cola* pha *sữa chua*! Món uống đặc ý của nhiều người!

Khi thấy tôi nuốt nước mắt nước mũi, dằn dụa, cố nuốt trôi miếng sầu riêng, các bạn tôi tha hồ cười chế nhạo. Ngược lại, cô con gái bà chủ có vẻ thương cảm. Cô khuyến khích tôi cố gắng. Sau cùng, tôi cũng “thắng” được cuộc thách đố. Bắt đầu từ đó, tôi lại thấy sầu riêng ăn rất ngon. Một phần đã quen với hương vị của sầu riêng, phần khác vì cô con gái bà chủ luôn săn sóc tôi đặc biệt và tận tình. Tôi được biết cô là con gái út trong gia đình, có tên là Huệ, cô Út Huệ, một cái tên đặc Miền Nam.

Những lần hành quân khác, sau khi bố trí quân vào vị trí, tôi tìm

có tạt vào vườn sầu riêng, để thưởng thức sầu riêng thì ít – mà thực tình được thấy cô Út Huệ và trao đổi vài câu nói chuyện – thì nhiều hơn.

Càng ngày, tôi càng tìm nhiều lý do để ra Tầng Nhon Phú. Từ khi lên “huynh trưởng” rồi “đại huynh trưởng”, tôi luôn tìm cách dẫn khóa đàn em đi thực tập hành quân xuyên qua khu vườn sầu riêng.

Có một hôm, tôi ra thăm nhà cô Huệ. Lúc về, cô dúm cho tôi một bức thư viết tay. Nội dung lá thư cũng không có gì nhiều. Cô chỉ nói về tâm sự của cô trong những ngày trông mong được gặp tôi. Cô hay đặt những câu hỏi băng quơ. Một hôm cô viết “phải hôn anh” trong một câu hỏi. Tôi đọc mà thẩn thức quá vì không ngờ chúng tôi chưa hề nói yêu nhau mà cô Út đã nói *phải hôn anh!* Trong thư trả lời, tôi cũng đáp lại: Phải hôn em!

Khi ra nhà cô, tôi dúm lá thư hồi âm của tôi vào tay cô và hồi hộp trở về, chờ đợi. Tuần sau, tôi lại mò ra vườn sầu riêng, có nhìn thấy cô thấp thoáng sau nhà nhưng không thấy cô lên nhà trên đón tiếp tôi như mọi khi.

Tuần sau nữa, tôi lại lò dò (dẫn đàn em) ra Tầng Nhon Phú. Gặp nhau, cô trách tôi tại sao tôi dám đòi hôn cô? Tôi bào chữa: “tại cô nói *phải hôn tôi* trước đây chứ”? Cô nguýt cho tôi một cái, đuôi mắt cô kéo dài cả thước! Cô giải thích rằng, đối với con gái người Miền Nam, khi hỏi *phải “hôn” anh* thì chỉ có nghĩa là *phải “không” anh* thôi. Tôi ngượng chín cả người ví cứ tưởng bờ! Tuy nhiên, từ hôm đó trở đi, cô có vẻ không được tự nhiên với tôi lắm. Đôi mắt “u uẩn” của cô như thâm muốn nói điều gì đó.

Một lần ngồi nói chuyện với nhau ngoài vườn sau, bà mẹ cô Út đi ngang qua, bà nhìn tôi và nói:

- Mai mốt thằng Dzung lấy con út nhà tao, tao cho một bó bạc to bằng cái bắp vế! Cô Huệ nghe mẹ nói như vậy, kêu ầm lên:
- Sao má nói gì kỳ vậy, con không chịu đâu! Bà mẹ tỉnh bơ:

- Tao nghĩ sao, tao nói vậy thôi, tùy tụi bay.

Một hôm khác, chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau (thân mật hơn một chút rồi), tôi khen tóc cô có mùi thơm kỳ lạ. Cô chạy vào nhà lấy ra một lọ dầu nhỏ, đưa cho tôi và nói:

- Đây là lọ dầu dừa, con gái Miền Nam thích dùng dầu này lắm, vừa thơm lại vừa mượt tóc. Anh cảm về giới thiệu với vợ anh.

Tôi giãi bày, đang học dở dang, bị đi động viên, vào đây huấn luyện, đâu đã vợ con gì! (Sau này nghiệm lại, tôi mới nghĩ ra là cô nàng muốn dò hỏi xem tôi đã có gia đình chưa! Cũng cao tay ần ần!)

Càng ngày, hình như mối dây thân mật giữa chúng tôi càng được thắt chặt hơn. Một buổi chiều, ngồi ngắm hoàng hôn đang đỏ xuông đồi Tăng Nhơn Phú, tôi buột miệng nói

- Hoàng hôn ở trên đồi này đẹp thật. Cô Huệ nói:

- Em chả thấy đẹp gì cả. Tôi hỏi sao vậy? Cô không trả lời tôi mà hỏi lại:

- Anh đã có dự tính gì sau khi ra trường chưa? Tôi thành thật trả lời:

- Tôi đâu đã tính được gì vì sau khi ra trường tôi không biết sẽ về đơn vị nào. Một chuẩn úy mới ra trường, được điều động về bộ binh, nắm một trung đội, sáng sớm đi dò mìn, gỡ mìn của việt cộng trên các tuyến đường xe đồ đi về lục tỉnh, có khi lon chưa khô mà đã leo lên bàn thờ ngồi. Cô lấy tay bịt miệng tôi, thỏn thức nói:

- Em không muốn nghe anh nói như vậy. Em sợ lắm. Cô biết rằng tôi nói thật vì sống trong cái môi trường tiếp xúc với các sinh viên sĩ quan, khóa này sang khóa khác, năm này sang năm khác, cô vẫn biết đây là sự thật xảy ra cho các chàng trai thời chiến

nhưng cô không muốn nghe câu này thốt ra từ chính miệng tôi.

Thời gian cứ trôi đi, chúng tôi chuẩn bị ra trường. Một hôm gặp nhau chiều thứ sáu, cô hỏi:

- Tuần này, anh đừng đi phép về Sài Gòn được không? Tôi muốn biết cô định làm gì. Cô nói:

- Em muốn đưa anh ra chợ Biên Hòa ăn cơm tấm. Tôi nhận lời ngay vì không về nhà một kỳ nghỉ phép cũng đâu có sao.

Thú thực, tuy tôi ở Sài Gòn đã lâu, nhưng chưa một lần đến thăm thành phố Biên Hòa. Chợ Biên Hòa thì lại càng không biết gì. Chúa Nhật hôm đó, tôi ra nhà cô Huệ, thay một bộ đồ “xi vín”, leo lên xe “lam”, theo cô ra chợ Biên Hòa. Cô Huệ hôm nay không búi tóc lên như mọi ngày. Cô thả tóc xuống bờ vai, mặc quần vải Mỹ A đen và một chiếc áo bà ba màu tím nhạt. Có lẽ cô có trang điểm một chút nên trông cô hôm nay đẹp quá đỗi. Tôi cũng phải sửng sò! (Không biết các người đẹp “tuyệt thế giai nhân” ngày xưa đẹp cỡ nào mà các vương tôn công tử phải chết mê chết mệt? Nhưng đối với tôi, hôm nay cô Huệ đã chiếm trọn trái tim tôi).

Cô tát tả đi trước dẫn đường, trông dáng rất quen thuộc. Tôi luôn lách qua các sạp bán hàng, cố bám theo sau. Đến sạp bán cơm tấm, cô giới thiệu tôi với bà dì, bà chủ của sạp cơm tấm. Bà dì ân cần lấy đĩa thứ ăn cho tôi. Mặc dù không được giới thiệu chính thức nhưng qua ánh mắt của bà, bà có vẻ như đã biết “lý lịch” của tôi. Nhìn cái đầu tóc ngắn không thể ngắn hơn được của tôi, bà ngầm hiểu rằng cô cháu gái của bà muốn giới thiệu anh chàng sinh viên sĩ quan này là bạn trai của cô. Sau chầu cơm tấm, cô lại dẫn tôi sang gian hàng bán nước rau má, toàn món của người Miền Nam!

Chiều đã xuống hẳn mà dường như cô chưa muốn về. Sau cùng, chúng tôi cũng phải leo lên xe lam, trở về Tăng Nhơn Phú. Tôi không bén nhảy chuyện tình cảm như các nàng con gái nên tôi

không biểu lộ cảm xúc gì. Cô Huệ thì có vẻ suy nghĩ dữ lắm. Cô lộ vẻ buồn ra mặt.

Về đến cửa, cô đưa tôi vào nhà để thay bộ quân phục trở về trường vì trời đã tối. Cô nắm chặt tay tôi và cúi vào tay tôi một chiếc khăn tay. Hình như cô đã chuẩn bị cho việc này từ trước. Sau đó, cô chạy vào nhà và tôi thấy cô khóc nức nở. Tôi lúng túng không biết nên làm gì. Sau cùng, tôi đành phải yên lặng ra về. Lòng tôi cũng buồn rười rượi. Giở chiếc khăn ra thì mới thấy đây là chiếc khăn tay có thêu hai chữ H và D lồng vào nhau. Trong khăn tay cũng có một ít tiền lẻ cho tôi dẫn túi.

Đó là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất chúng tôi cầm tay nhau.

Đó là những ngày sau cùng tôi còn ở trong trường BB Thủ Đức. Một tuần sau chúng tôi sẽ làm lễ mãn khóa. Trong những ngày này, chúng tôi vô cùng bận rộn thực tập các thủ tục cho lễ mãn khóa. Thú thật, lúc này, chúng tôi đều háo hức chuẩn bị cho ngày tốt nghiệp. Tôi phải thú tội rằng trong tuần lễ cuối cùng, với cả ngàn công việc phải làm cho xong. Tôi không còn một thoáng nào nghĩ đến hình ảnh cô Huệ.

Sau khi ra trường, về đơn vị được một thời gian ngắn thì có tin trung đội (thuộc đại đội của tôi khi trước), cũng đi thực tập bài học *Vượt Sông* ở một con sông nhỏ sau trường BB Thủ Đức bị trúng mìn phục kích của việt cộng. Ông thiếu úy Trọng, cán bộ mới tốt nghiệp trường Fort Benning về, và một vài bạn sinh viên sĩ quan khác bỏ mình tại chỗ. Một vài anh em khác bị thương, được đưa về bệnh xá điều trị.

Về nhận đơn vị một thời gian ngắn sau, tôi được điều động đi học khóa huấn luyện sĩ quan căn bản Quân Cảnh ở trường Quân Cảnh Vũng Tàu. Vùng Tăng Nhơn Phú bị coi là vùng “xôi đậu”, không an toàn, ai không có việc gì cần về đó, được khuyến cáo là không nên về.

Trong đơn vị, tôi phụ trách công việc bố trí phòng thủ phi trường. Với cái đà leo thang chiến tranh và mức độ pháo kích thường

xuân của việt cộng, tôi đã phải vùi đầu trong công việc mới, để đã cả năm, tôi không có cơ hội trở về Tăng Nhơn Phú.

Hôm nay, tôi ngồi viết lại tâm tình này như một lời tạ tội. Tôi thổn thức quá mức. Tôi nhớ lại mọi chuyện và tự tôi cũng ngạc nhiên là vì khi chưa nhập ngũ, sống ở Sài Gòn, là sinh viên trường Luật, lại làm công chức trong sở Mỹ USAID, tôi đã từng “quậy” đục nước Sài Gòn. Thế mà khi gặp và quen với cô Huệ, tôi lại lúng túng như “con nai vàng ngơ ngác”! Có lẽ vì cô Huệ quá dịu dàng, đôn hậu và ánh mắt nhìn tôi luôn mang niềm u uẩn, tôi không nỡ tán tỉnh và không nỡ hứa hẹn điều gì với cô chăng? Câu chuyện tình không đoạn kết này đã xảy ra cách nay đúng 55 năm. Thỉnh thoảng tôi vẫn thoáng nhớ đến người xưa, chốn cũ. Mọi chuyện định mệnh đã an bài. Tôi hằng cầu xin để cô Huệ luôn được bằng an và hạnh phúc. Em xứng đáng được hạnh phúc. Tạ lỗi vô vàn cùng em.

Tiểu mục

Tâm sự của người bên kia ảo ảnh.

(Từ sự ân hận và nhớ nhung da diết của tác giả)

Tôi không nhớ rõ là gia đình chúng tôi đã về lập nghiệp ở xã Tăng Nhơn Phú này bao lâu rồi. Dần dà, những cây sầu riêng trong vườn cũng lớn hơn nhiều. Mỗi năm đã có thể kêu người đến bán “mão”. Họ ngắm nghía, ước lượng xong rồi trả giá. Đến mùa trái chín đều, họ cho xe, cho người đến hái và chở đi. Cứ đến mùa này là nhà tôi rộn rã, tung bừng, tiếng cười, tiếng nói. Dĩ nhiên mẹ tôi là người sung sướng nhất vì bà sẽ nhận được một bó bạc mặt “to bằng cái bắp vế”.

Tôi cũng đã quen với những tiếng cười nói rộn ràng, không phải từ những lá thương, mà từ các chàng sinh viên sĩ quan tinh nghịch của trường Bộ Binh Thủ Đức đi thực tập hành quân ngang qua và tìm dịp ghé vào vườn nhà chúng tôi.

Mẹ con chúng tôi ở đây đã lâu nên biết rõ thời khóa biểu, lịch trình “hành quân” của những khóa học nối tiếp nhau, năm này

qua năm khác. Mỗi năm, dễ đến cả ngàn người mới vào và cũng cả ngàn người tốt nghiệp, rời trường.

Trong những lần ghé thăm vườn của các chàng thanh niên tinh nghịch vô tư ấy, có một hôm, tự nhiên linh cảm cho tôi biết rằng, trong những anh chàng này, có một anh sinh viên đã chiếm một chỗ đứng đặc biệt trong tim tôi.

Anh tên là Dzuong, có vẻ ít nói nhất, hơi bị lạc lõng vì anh là người duy nhất trong đám bạn là người Bắc, nói giọng Bắc và không biết ăn sầu riêng. Tội nghiệp, có một lần bị bạn bè thách thức, trong nước mắt nước mũi dàn dụa, anh cố nuốt trôi miếng sầu riêng để không thua cuộc với bọn bạn tinh quái.

Cũng lạ, từ đó trở đi, anh lại biết thưởng thức sầu riêng và lần nào ghé thăm, cũng phải có được một vài múi. Được cái, đây là món đặc sản của Tăng Nhơn Phú, lại cây nhà lá vườn, dễ có và dễ “chiều”.

Câu chuyện từ từ thành sự thực. Anh Dzuong hay tìm cách đến vườn sầu riêng nhà tôi nhiều hơn. Khi bắt đầu mang “con cá” trên ngực áo trần, từ “huynh trưởng” đến “đại huynh trưởng”, anh lại càng có nhiều cơ, dẫn khóa đàn em đi thực tập ở trên đồi Tăng Nhơn Phú. Anh có nhiều cơ hội để ghé vườn nhà tôi.

Có lẽ đây cũng là lúc mối tình của chúng tôi đậm đà mùi sầu riêng hơn. (Ừ, mình có nói yêu nhau bao giờ đâu mà mơ mộng vậy cà?)

Thình thoảng, chúng tôi trao đổi vội vàng một lá thư viết tay vì những nhưng nhớ không thể nói ra. Thư trao đi rồi bắt đầu trông đợi hồi âm. Dù cũng chỉ là những đôi đáp bằng quơ nhưng có lẽ người viết cũng như người nhận, đều thổn thức như nhau. (Mình đang mơ mộng và tưởng tượng quá đây chẳng?)

Có một lần, trong bức thư viết tay của mình, tôi nhớ tôi có hỏi “phải hôn anh?” Đối với học trò con gái người Miền Nam, chữ

“hôn” ở đây chỉ là chữ “không”, *phải không anh?* Thế mà cu cậu tưởng bở, trong thư trả lời mình, “dám” nói “phải hôn em”. Ông này quá lắm rồi. Không khù khờ như mình tưởng. Mình hạch tội rồi nguýt cho một cái, “nghiêng thùng đổ nước”. Cũng tội nghiệp, chỉ vì một chút khác biệt của ngôn ngữ. Anh chàng trông khổ sở vì bị “măng vón” không đâu.

Một lần khác, chàng khen tôi có mái tóc mượt mà, thơm thoang thoang nhưng không biết đó là mùi gì. À thì đây là cơ hội để “điều tra” xem chàng có gia đình chưa! Tôi cho biết đó là mùi thơm của dầu dừa. Con gái người Nam, người nào cũng thích dùng dầu dừa này. Vừa có mùi thơm trinh nguyên, vừa giúp mái tóc óng ả. Tôi tặng chai dầu dừa và nói:

- Anh đem về tặng cho vợ! Anh chàng dầy này, “mới học xong là bị động viên liền, đã làm gì có vợ”?

Mẹ tôi cũng có vẻ ung bụng với chàng sinh viên sĩ quan này nên đã có lần bà nói:

- Mai mốt thằng Dzung lấy con Út nhà này, tao cho một “bó bạc to bằng cái bắp vế”! Tôi mắc cở chín người, hét âm lên:

- Má, sao má nói kỳ dzậy? Con không chịu đâu.

Thời gian cứ thế trôi đi. Sẽ đến ngày mãn khóa. Chàng sẽ tốt nghiệp và sẽ xa rời Tăng Nhơn Phú. Cứ nghĩ đến đây là lòng tôi quặn đau. Nước mắt cứ thế mà tuôn rơi.

Một hôm, tôi bạo dạn hỏi Dzung về dự tính của anh sau khi ra trường. Anh cũng thành thật, chậm rãi giải thích cho tôi rằng một sĩ quan mới ra trường, với cấp bậc chuẩn úy, chưa biết số phận sẽ đưa đẩy về đâu. Ra tiền tuyến có khi “ngồi” chưa nóng chỗ thì đã leo lên bàn thờ. Bây giờ đâu đã tính gì được?

Tôi cũng cảm nghiệm được điều này nhưng vẫn muốn dò hỏi ý định của chàng. Tôi chỉ biết thần thờ ngồi cạnh chàng cho đến

hết buổi chiều. Chàng vô tình nói:

- Buổi chiều trên đồi Tăng Nhơn Phú đẹp chi lạ. Chiều nay tôi không thấy đẹp như mọi khi. (Chàng không biết nói điều gì khác với tôi hay sao?)

Còn hai tuần nữa là chàng ra trường. Tôi muốn có dịp ở cạnh chàng lâu hơn và thân thể, giới thiệu chàng với một người bà con bên mẹ tôi có sạp bán cơm tấm ngoài chợ Biên Hòa.

Chúa nhật đó, chàng không đi phép về Sài Gòn, ra nhà tôi thay bộ quần áo “xi vin” và đi cùng tôi ra chợ Biên Hòa. Hôm đó, tôi đã “diện” bộ cánh mới: quần Mỹ A đen và một chiếc áo bà ba màu tím nhạt. Tôi cũng không quên trang điểm nhẹ. Trông thấy tôi, mắt chàng reo vui. Chàng như ngỡ ngàng nhìn thấy tôi khác mọi khi, hơi lúng túng, có vẻ muốn nói gì đó rồi lại thôi.

Tôi đã có dịp bán chính thức giới thiệu “người trai thời chiến” với bà dì tôi. Tôi được sống trọn vẹn một ngày với anh.

Về đến nhà, lòng tôi nặng trĩu vì biết rằng thời gian ở bên nhau sắp hết, không có cách nào kéo dài hơn được. Trong khi chờ chàng thay lại bộ đồ trận, tôi sửa soạn sẵn chiếc khăn tay tôi thêu tặng chàng, có hai chữ D và H quấn vào nhau.

Khi chia tay, có lẽ cả hai đều linh cảm đây là lần cuối cùng gần bên nhau. Cả hai chúng tôi đều bịn rịn, không rời. Tôi mạnh dạn nắm chặt tay chàng, trao vội chiếc khăn tay, có gói sẵn vài trăm đồng cho chàng dẫn túi rồi chạy vội vào nhà, không cầm được nước mắt cứ lăn xả tuôn rơi.

Bộ quần áo xi vin chàng để lại đã được giặt ủi tử tế và được treo trong tủ áo của tôi.

Thế rồi một tuần, hai tuần, ba tuần. Rồi một tháng, hai tháng, ba tháng... chàng vẫn biệt tăm, chưa một lần về thăm lại Tăng Nhơn Phú (thăm tôi thì đúng hơn). Sau này, một tai nạn đã xảy ra cho đại đội cũ của chàng ngay sau cổng trường Thủ Đức khiến cho

mấy sinh viên và một sĩ quan cán bộ bỏ mình tại chỗ.

Năm đó, tôi không thi đậu tú tài hai nên giấc mộng về học trường Văn Khoa để có cơ và có thì giờ đi tìm lại “người trong mộng” cũng tiêu tan. Nghe chàng nói là cha mẹ và gia đình chàng sinh sống ở khu trường Đắc Lộ, Ngã Tư Bảy Hiền.



*Sinh viên sĩ quan Nguyễn Kỳ Dzuong,
Trường Bộ Binh Thủ Đức 1969*

Mãi cho đến cả năm sau, tôi mới nguôi ngoai, buổi tối không còn đầm nước mắt trong giấc ngủ chập chờn.

Anh ơi, em nghĩ về anh như một mối tình vô vọng. Em chỉ là người bên kia ảo ảnh. Anh có thể là kẻ bạc tình đến thế sao?

Dù sao, em vẫn không dám trách anh vì người trai thời loạn, mấy ai ra đi có thể hẹn ngày về? *Cố lai chinh chiến kỷ nhân hồi?* Em còn nhớ ngày xưa anh đã nói “chỉ sợ sau này, cầm một trung đội, đi gỡ

mìn trên các tuyến xe đồ lục tỉnh, có khi sớm lên bàn thờ ngời”. Em không biết tin tức gì về anh từ hôm ấy và cũng không cách gì để dò hỏi tin tức của anh.

Em oán trách định mệnh ngang trái đã đưa anh đến với em rồi lại mang anh vĩnh viễn ra khỏi cuộc đời em. Em chỉ còn biết cầu mong anh được bình an và còn nhớ đến em.

Em bắt chước nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp, viết tặng anh bốn câu thơ:

*Em cầu em với Dzuơng,
Mãi mãi bước chung đường,
Xin Phật Trời chứng giám,
Nguyện muôn kiếp còn thương.*

Em, Trần Thị Huệ.



(Ảnh minh họa AI làm hộ!)

PHẦN BA

Phần Đầu Của Khổ Đau

Lúc chuẩn bị viết lại tập hồi ký này, tôi biết rằng mình thuộc loại “hybrid”, nửa xăng, nửa điện! Tôi nói như vậy là vì một nửa hồn tôi là của một quân nhân dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, một nửa kia là của một người chuyên dạy sinh ngữ, dùng vốn liếng chữ nghĩa của mình để kiếm sống.

Trong tập hồi ký này, tôi sẽ nói nhiều về con người quân nhân của tôi – mà phần lớn kể về những phần đời của định mệnh, trong đó, tôi là nạn nhân – và là chứng nhân của những sự khổ đau trong các trại lao tù “cải tạo”.

Đã từ lâu, tôi muốn viết lại những kinh nghiệm này của cả một quãng thời gian chịu đựng đọa đầy một cách vô lý và đầy những oái oăm. Có lẽ nó là những mảnh nối của định mệnh ghép bên nhau và đổ lên đầu những người hoàn toàn không chuẩn bị trước, và cũng không có sức kháng cự như tôi.

Loay hoay mãi mà vẫn không biết nên bắt đầu từ đâu. Muốn viết một bài văn thì cũng phải có phần mở đề chứ! Cuốn tự truyện mà tôi sắp viết có thể sẽ có nhiều trùng hợp về kinh nghiệm sống trong giai đoạn này với rất nhiều người “trao thời chiến” ở Miền Nam Việt Nam trước và sau năm 1975. Sự chịu đựng nào cũng là chịu đựng. Cái đau nào cũng vò xé tâm can và thân thể của nạn nhân – nhưng mỗi người có cách để chịu đựng. Những cái đau cũng đưa đến những cảm giác khác nhau tùy mỗi người. Mỗi người sẽ kể cho người khác nghe về những nỗi đau của mình theo cách của họ.

Tôi đợi đến ngày thứ nhì (trong hai ngày) của lệnh trình diện của “Ủy Ban Quân Quản Sài Gòn” mới rủ hai người bạn cùng đi. Hình như hôm ấy là ngày 26 tháng sáu, 1975. Như vậy là Miền Nam đã mất hơn một tháng rồi!

Sau này, đọc một số tài liệu, tôi có được một thống kê với những

con số tiêu biểu như sau:

Ở Sài Gòn, 443,360 người ra trình diện, trong đó có 28 viên tướng, 362 đại tá, 1,806 trung tá, 3,978 thiếu tá, 39,304 sĩ quan cấp úy, 35,564 cảnh sát, 1,932 nhân viên tình báo các loại, 1,469 viên chức cao cấp trong chính quyền, 9,306 người trong các đảng phái được cách mạng coi là “phản động”. Chỉ 4,162 người phải truy bắt trong đó có một viên tướng và 281 sĩ quan cấp tá.” (Huy Đức, Bên Thắng Cuộc, Cuốn 1, Giải Phóng – Nhà in Osinbook)

Không biết độ chính xác của tài liệu này thế nào, nhưng tôi chắc chắn một điều: tôi là một trong những sĩ quan cấp úy của “chế độ cũ” đi trình diện hôm đó.

Không phải tôi cố ý mô tả ngày hôm đó như một ngày thê lương nhưng thật ra, hôm đó trời se lạnh, hơi âm u và có vẻ như muốn mưa. Trời đang ở tháng sáu. Sài Gòn dễ mưa lắm. Lúc sống ở Miền Nam, tôi đã từng đọc những mẩu truyện về tù cải tạo ngoài Bắc sau năm 1954, cũng như những câu chuyện khủng khiếp của những người tù dưới thời Mao Trạch Đông khi mới cai trị toàn cõi Hoa Lục (1949). Tôi linh cảm hôm đó là “ra đi, không có ngày trở về” aller sans retour – mặc dù theo thông cáo chính thức của “nhà nước” thì sĩ quan cấp úy chỉ phải mang theo mười ngày quần áo và lương thực, so với các sĩ quan cấp tướng/tá – đã đi trình diện trước chúng tôi hai mươi hôm – phải mang theo quần áo và lương thực đủ dùng cho một tháng.

Tôi nhờ bà ngoại đưa hai đứa con trai của tôi (lúc đó lên hai và lên ba tuổi) sang nhà hàng xóm chơi, đừng để tôi nhìn thấy lúc rút áo ra đi. Hai đứa con đang trong lứa tuổi đáng yêu như vậy mà nhìn thấy trước lúc ra đi thì nỡ lòng nào mà đi cho được?

Vừa lúc đó, Nguyễn Duy Linh và Nguyễn Thái, hai người bạn sang nhà tôi để cùng đi trình diện với nhau. Sự có mặt của hai người bạn khiến tôi không thể tỏ ra bịn rịn với vợ tôi. Tôi chỉ còn có thể lặng lẽ nhìn và ghi nhớ hình ảnh – của người đã nhiều năm

đầu áp tay gối với tôi – vào trí óc và hy vọng sẽ không bao giờ phai mờ trong tâm trí tôi. Vợ tôi đứng trong hàng rào thấp trước cửa nhà, nắm tay tôi mà tay nàng run rẩy, lạnh ngắt. Hai người bạn hình như cũng muốn giúp tôi có can đảm ra đi. Họ nói:

- Bịn rịn làm gì. Chỉ đi học có mười ngày thôi, về ngay đây mà.

Chúng tôi đều cố tin rằng sau mười ngày, trở về làm một công dân thường trong một đất nước không còn chiến tranh, gây dựng lại cuộc đời, có nhau, khi đói khi no, rồi cũng sẽ sống được.

Ba đưa chúng tôi đi xe lam đến địa điểm trình diện theo như thông cáo của địa phương. Đó là trường nữ trung học Lê Văn Duyệt ở Đa Kao. Chúng tôi đến nơi, người vệ binh gác cổng cho biết là nơi đây đã hết chỗ, chỉ chúng tôi đến nơi trình diện khác, đó là một trường trung học ở đường Trần Hoàng Quân, Chợ Lớn.

Ba đưa chúng tôi đều hoảng vì cùng mang ý định níu kéo thời gian tự do ở bên ngoài, đợi đến lúc gần hết giờ trình diện theo thông cáo của “nhà nước” – mới bước vào. Bây giờ phải đổi địa điểm, tận trong Chợ Lớn thì không biết đến có kịp không? Chúng tôi ra đón xe lam chạy sang chỗ mới. May quá, bác tài dường như cũng thông cảm hoàn toàn nên chở chúng tôi đến thẳng đó mà không đón thêm khách nào dọc đường.

Chúng tôi đến địa điểm, vào hỏi thăm thì thở phào: đây vẫn còn tiếp nhận người mới. (Tự chui đầu vào rọ mà mừng!) Chúng tôi được một anh vệ binh giới thiệu một anh đội trưởng, một trong những người vào trình diện sớm hôm đó. Chúng tôi làm quen nhau và kéo nhau vào một phòng học, tìm chỗ sắp xếp đồ đạc mang theo và tìm chỗ ngủ. Anh đội trưởng tên là Hải. Anh ấy nói với chúng tôi là theo lệnh, mọi người phải sớm ổn định chỗ ngủ và mỗi người phải đóng 600 đồng để ban quản giáo đóng cho nhà thầu. Nhà thầu sẽ nấu cơm đem đến cho chúng tôi mỗi ngày. Chúng tôi không phải lo cơm nước gì cả, chỉ yên tâm mà học tập! Hải hỏi chúng tôi đóng tiền cho trại. Hải nói:

- Các anh mới vào nên chưa đóng tiền, tất cả mọi người trong này đã đóng hết rồi.

Chúng tôi từ chối không đóng tiền vì chúng tôi đã tự lo lấy thức ăn cho đủ 10 ngày. Hải tìm gặp anh vệ binh, trình bày sự việc. Anh vệ binh nói:

- Không cần biết. Đây “nà” “nệnh” của “trên”.

Hải lại trở lại gặp chúng tôi và năn nỉ chúng tôi giúp anh chàng làm tròn bổn phận. Chúng tôi nhất quyết không đóng tiền. Tội nghiệp cho Hải, anh chàng này cứ chạy tới, chạy lui.

Càng làm mạnh thì chúng tôi càng lý, không đóng tiền theo lệnh! Khoảng 10 giờ tối, có nhiều tiếng quát tháo:

- Tất cả các anh ổn định chỗ ngủ. Không được làm ồn. Sáng sớm mai các cán bộ đến và sẽ bắt đầu “bước vào học tập”.

Giọng nói và cách truyền lệnh không giống như cách các anh này nói với chúng tôi buổi chiều. Chúng tôi đều có cảm giác không phải là việc bình thường.

Chúng tôi trải chăn chiếu, mắc mùng xong nhưng chưa ai có thể ngủ được. Ai cũng có những tâm trạng bất ổn, náo nê, tụm nhau lại thì thầm những suy nghĩ của mình. Chúng tôi tìm cách an ủi nhau bằng cái lý luận: “Nhà nước ra thông cáo chính thức trên các hệ thống truyền thông như vậy, có nghĩa là các diễn đàn quốc tế của thế giới này cũng sẽ biết. Họ không thể lừa dối chúng ta. Mười ngày rồi sẽ xong thôi”!

Đúng 12 giờ đêm, lại cùng giọng quát tháo lúc tối:

- Tất cả các anh thức dậy, cuộn gói đồ đạc, chuẩn bị chuyển trại. Phải tuyệt đối giữ im lặng, không được gây một tiếng động nào.

Chúng tôi lên nhìn ra ngoài đường thì đã thấy một hàng dài xe

vận tải nhà binh *Molotova* của Nga đậu lặng lẽ trong bóng tối. Hình như họ cố tình cúp điện toàn khu vực để bảo mật?

Chúng tôi được lệnh sắp hàng, kẻ trước người sau, cứ đủ 35 người thì tiến ra phía công và lặng lẽ leo lên xe. Lúc đó, Hải muốn gia nhập với nhóm 3 người chúng tôi. Thái và tôi đều là sĩ quan Quân Cảnh của Việt Nam Cộng Hòa, chúng tôi đều có một vài “ngón nghề”, có thể “ra đòn” khi cần. Hai đứa chúng tôi thì thầm với nhau: Phải cố tình làm bộ leo lên xe chậm chậm, mỗi thằng ngồi một bên, ở sau cùng, sát cạnh anh vệ binh. Ba mươi lăm người chúng tôi phải ngồi trên sàn xe. Khi xe chuẩn bị chạy thì tám bạt sau xe được thả xuống, trở thành bít bùng không thể nhìn ra bên ngoài.

Xe chạy lòng vòng trong phố một thời gian ngắn, đổi hướng. Chúng tôi truyền tai nhau, cho biết xe đang chạy về phía Tây Ninh.

Dọc đường, thỉnh thoảng tôi lén vạch tấm bạt sau, vừa để xem tình hình bên ngoài, cũng để định hướng, và cũng để hít thở một chút không khí trong lành. Dọc đường, cứ khoảng nửa cây số lại thấy một người lính bộ đội ôm súng, đứng lặng lẽ trong bóng đêm. Khi trước, ở Sài Gòn, tôi có xem những phim người Đức chở tù Do Thái trên xe như thế này. Bất ngờ xe dừng lại, lính gác nhảy xuống và từ bên đường, lính Đức xả súng đại liên, giết hết những người tù trên xe. Tôi thì thầm với Thái: “Nếu trường hợp xe bất ngờ dừng lại thì tao với mày phải giết hai thằng vệ binh ngồi sau, cướp súng, nhảy xuống bắn về phía có tiếng súng bắn mình. Giết được thằng nào thì giết, rồi mình chết cũng chịu”.

Chuyện đã không xảy ra như chúng tôi tưởng tượng. Thỉnh thoảng, đoàn xe có dừng lại, cho từng người xuống “tưới cỏ” bên đường. Xe cứ chạy như thế đến gần sáng thì đến Trảng Lớn, Tây Ninh. Chúng tôi bị lừa vào tập trung trong một doanh trại quân đội VNCH ngày xưa. Tôi không biết đó là trại của lực lượng nào trước đây. Tôi thấy một cột “ăng ten” bằng sắt, rất lớn, đã bị bắn gãy đổ nằm trong khu vực. (Đến đây tôi mới chợt nhớ lại việc

chúng tôi đồ lý, không chịu đóng tiền nên không bị mất toi. Mãi cho tới về sau, không hề thấy anh cán bộ nào nhắc đến 600 đồng này!)

Chỉ mới trải qua một đêm mà định mệnh đã đưa chúng tôi đi quá xa. Cuộc đời chúng tôi đã hoàn toàn thay đổi, khác với tất cả những điều “chính phủ” hứa mấy ngày trước đây.

Chúng tôi được phát cháo, củi, gạo và mì gói để tự nấu cơm. Loại gạo mà họ phát cho chúng tôi là loại gạo hẩm, có lẽ được lấy từ trong “bung” ra, đã tích trữ ở trong đó cả mấy năm? Gạo vừa mục, vừa đầy bọ, phải sàng rất kỹ trước khi nấu. Có vài anh “cải tạo viên” tháo vát, đã biết cách trộn đất sét, đắp lò cho vừa những cái chảo to (tôi chưa từng thấy bao giờ) và bắt tay ngay vào việc nấu nước cho anh em. Cái chảo sau này được dùng để phục vụ tất cả mọi nhu cầu trong cuộc sống của chúng tôi: từ nấu cơm, nấu canh và nấu nước. “Tổ” nào hôm ấy được cắt đặt nấu cơm thì coi như hôm ấy no. Lý do đơn giản là sau khi phát cơm cho anh em, tổ làm bếp có quyền cạy cháy trong chảo để “bồi dưỡng” thêm! Lộc trời cho.

Theo lệnh của trại, chúng tôi tự tổ chức thành những đơn vị, từ tổ, mỗi tổ 15 người, đến đội gồm 4 tổ, tức là 60 người, lên đến đơn vị lớn nhất là “Bếp” có 4 đội, tức là 240 “cải tạo viên”. Chúng tôi nghe không quen chữ Bếp và cũng không thể ngờ được là Miền Bắc, người ta ghép quân số với nhau theo từng *Bếp* một! Các anh em tình nguyện nấu bếp thường ngày được gọi là “anh nuôi”. Trong khu trại chúng tôi ở, có lẽ phải có đến vài “bếp” vì nhìn qua các khu khác, anh em, bạn bè cũng rất đông. Chúng tôi không được tiếp xúc với nhau.

Chỉ hơn một tuần sau là tất cả anh em chúng tôi đều thèm ngọt và thèm chất béo. Nhiều anh em như điên khùng vì thất vọng. Đợi mãi mà không thấy nói đến việc “học tập”. Mỗi ngày được cắt đặt đi làm “nao động”, tức là làm những việc dọn dẹp linh tinh, sửa chữa vớ vẩn, toàn những việc không tên!

Đêm thứ 10, nhiều anh em người Miền Nam nằm áp tai xuống đất xem có nghe tiếng đoàn xe lên đón mình về không? Chúng tôi, người Bắc di cư, đã quá biết những sự thật xảy ra ngoài Bắc sau năm ‘54 và đã tiên đoán chuyện này từ trước. Chúng tôi cũng buồn chán nhưng không tỏ ra thất vọng gì về việc không có đoàn xe nào đón mình về. Đêm hôm đó, nhiều tiếng khóc âm ứ vì thất vọng và nghiệm ra rằng tất cả đã bị lừa!

Từ đêm đó trở đi, nhiều người thất thểu ra mặt, trông như người không hồn. Thỉnh thoảng, một vài cán bộ vào thanh tra “trại”, chúng tôi xúm lại, hỏi bao giờ chúng tôi bắt đầu “bước vào” học tập? Cán bộ tỉnh bơ:

- Các anh vội gì, nhà nước đã khoan hồng, không bắt các anh tội chết. Nhà nước chủ trương giáo dục qua “nao động”. Các anh cứ yên trí, cải tạo tốt, *nao động* tốt. Chúng tôi sẽ để các anh về, ai giữ các anh ở đây làm gì!!!

Vẫn có những người ngây thơ, hỏi cán bộ:

- Nếu chúng tôi học tập tốt theo như cán bộ nói thì khoảng bao lâu chúng tôi sẽ được về? Con vẹt lại tuôn ra câu học thuộc lòng:

- Về sớm hay muộn là tùy các anh thôi!!! Ông ta ung dung chấp tay sau đít rời khỏi trại.

Sau hai tuần, mọi người như đã biết chấp nhận số phận, chăm sóc lại chỗ ngủ của mình vì biết sẽ còn ở đây lâu!

Oái oăm một điều là trước cổng trại (tù) của chúng tôi, họ chẳng tấm biểu ngữ “Không có gì quý hơn Độc Lập, Tự Do” (*sic*).

Có vài anh kiếm đâu ra được một ít màu vẽ. Lúc rảnh, các anh tìm cách giết thì giờ bằng cách tự trang hoàng bức tường của căn nhà với bức họa một số gia cầm (gà, vịt, chó, mèo...) sống vui vẻ, hòa mình với con người. Một hôm, tình cờ, một cán bộ nhìn thấy. Anh cho gọi người họa sĩ đến, hỏi:

- Anh vẽ thế này có ý gì? Anh xuyên tạc chúng tôi đầy đọa các anh sống chung với chó mèo hay sao? Anh ta ra lệnh lập tức xóa ngay bức tranh đó!

Như tôi đã nói ở trên, mấy ngày liền ăn cơm gạo hầm. Chán đến phát cáu nhưng chúng tôi đều không còn chọn lựa nào khác! Còn cái gọi là “canh” chỉ là một chảo nước sôi, thả vào đó hai, ba cái bắp cải, thêm chút muối (hột). Cuối cùng, anh bép vút vào một gói mì gói. Cái đó gọi là canh! Hoàn toàn không có miếng thịt nào (dĩ nhiên). Cơ thể chúng tôi, người nào cũng còn cào thềm chất béo và chất ngọt.

Bây giờ cũng phải nói đến “cái khoái thứ tư” của “tứ khoái”, tức là nhu cầu thiết yếu của con người. Đã cho vào thì cũng phải thải ra! Cả một đám người đông như thế mà không có chỗ này thì “sống không bằng chết”.

Một hôm, chúng tôi “phản ánh” lên trên, yêu cầu cho giải quyết việc (tế nhị) này.

Ông cán bộ gãi cằm ra vẻ suy nghĩ, sau đó ông quyết định:

- Thôi, các anh theo tôi. Mấy anh tổ trưởng đi theo ông. Đến gần hàng rào kẽm gai của trại, ông nói:

- Đây, các anh cho đào nhà xí công cộng chỗ này. Hôm nay, chỉ tiêu mỗi người đào ba thước khối đất. Đất đào lên đắp thành luống, trồng khoai “nang”. Một tổ trưởng gãi đầu:

- Thưa cán bộ, anh em chúng tôi không được ăn uống đầy đủ mà cuộc xẽng thì chỉ có hai cái, chỉ tiêu cán bộ ra là ba thước khối mỗi người thì sợ không thực hiện nổi! Ông cán bộ quát:

- Mỗi người có ba thước khối mà các anh kêu ca cái gì? Đây nhá, chiều này một thước, chiều này một thước, đào xuống một thước nữa, vị chi là ba thước khối, có cái gì *nà* khó đâu? Rõ chán cái kiến thức về Toán của “*Đỉnh Cao Trí Tuệ*”!

- À, thưa cán bộ, như thế thì chúng tôi “nằm” được. Anh tổ trưởng thử áp dụng loại ngôn ngữ mới, anh nói chữ “nằm”, thay vì chữ “làm”. Hình như ông cán bộ không có vẻ ngạc nhiên và ông không có phản ứng gì. Chúng tôi tùm tùm cười! Cán bộ có vẻ hài lòng, đứng định ra về. Chúng tôi chỉ đợi có thể. Miễn là họ cho sử dụng miếng đất sát hàng rào kẽm gai làm nơi “xả” thì mọi chuyện sẽ được giải quyết!

(Đây cũng là một trong những cái khổ của chúng tôi sau này. Trong những ngày oi bức, tự nhiên gió đổi chiều, thổi từ phía hàng rào trại vào khu chúng tôi ở thì không có chỗ nào để chạy thoát cái mùi nồng nặc đó!)

Như có thoáng nói ở trên: Anh bạn đón chúng tôi buổi chiều hôm chúng tôi trình diện, người năn nỉ chúng tôi đóng tiền để cho anh xong nhiệm vụ, đó là Vũ Nam Hải. Hắn tốt nghiệp khóa nhạc trưởng quân nhạc từ Mỹ về, phục vụ trong vai trò nhạc trưởng ban quân nhạc cho trường Võ Bị Đà Lạt.

Khi trại bắt chúng tôi phải tập một vài bài hát “cách mạng” để hát cho có “khí thế” lúc “hội thảo” buổi tối. (Chúng tôi nghĩ bụng, cơm không đủ ăn thì tinh thần đâu mà hát?) Tuy vậy, theo lệnh của trại, chúng tôi chọn bài thứ nhất để tập với nhau – trong số các mà bài hát mà trại đưa – bài “Bão nổi lên rồi”, có lời của phần đầu như sau:

*Bão nổi... lên rồi. Từ miền Nam quê hương thân yêu,
Từ Trị Thiên băng qua Tây Nguyên lan tới bưng biền,
Triệu người bừng bừng, cùng Đà Nẵng với Huế chiến thắng,
Khí thế sôi sục tràn về Sài Gòn.
Giờ tiến công sục sôi tìm muôn người...*

Hải nhìn bài hát, ướm giọng xướng âm xong thì tập cho chúng tôi câu đầu tiên:

(Hai, ba) Bão nổi (i) lên rồi...

Mấy ngày sau, vào lúc chiều, anh cán bộ sang “thăm” trại và bảo chúng tôi hát thử một khúc nhạc cách mạng xem sao. Chúng tôi cất giọng hát: Bao nổi (ì) lên rồi... Ông cán bộ ngưng chúng tôi lại, hỏi:

- Ai tập cho các anh bài này? Hỏi tái mặt:

- Thừa cán bộ, tôi. Ông cán bộ hỏi:

- Anh có biết nhạc không? Hỏi đáp:

- Dạ, tôi biết một ít. Ông cán bộ nói:

- Anh tập cho anh em sai rồi. Bài hát này phải hát là: Bao nổi (ì) lên rồi... Chỗ này phải *lên* giọng mới có khí thế! Hỏi dạ thưa cho xong. Anh chàng biết tổng ra là ông nhạc sĩ sáng tác muốn hát là Bao nổi (ì) lên rồi... Thôi, tránh voi chẳng xấu mặt nào!

Đến đây, tôi muốn nói cái việc “hội thảo” buổi tối. Đây cũng là một trong những đòn tra tấn của cộng sản. Ngoài những tra tấn thể xác ban ngày, họ còn bắt chúng tôi ngồi “kiểm điểm, xây dựng” lẫn nhau ban đêm, để khủng bố tinh thần. Ai cũng phải nghĩ ra được một vài khuyết điểm trong ngày, tự nhận lỗi và hứa từ nay sẽ “khắc phục”! Riết rồi chúng tôi không còn nghĩ được gì để “bịa” nữa. Một buổi tối, một ông cán bộ “tham gia” hội thảo để hướng dẫn chúng tôi “đào sâu” suy nghĩ để có thể “thành khẩn” với “cách mạng”. Bí quá, một cải tạo viên trong tổ tôi, thái độ rất thành khẩn, tự kiểm mình:

- Thừa cán bộ, thưa anh em, hôm nay tư duy của tôi không được tốt. Tôi hãy còn “tiểu tư sản”. Hôm nay, tự nhiên tôi thèm thịt quay quá sức. Ông cán bộ mỉm cười ra về. Hôm sau, ông cho nghỉ “nao” động, tập hợp để kiểm điểm. Trước đám đông chúng tôi, ông hùng hồn:

- Chúng tôi đã biết là không bao giờ có thể cải tạo được các anh. Các anh đã quá quen sống trong xã hội đòi trụ. Bơ thừa sữa cặn

của đế quốc Mỹ nhiều rồi, bây giờ phải ăn uống kham khổ, thắt lưng buộc bụng ở hậu phương để yểm trợ cho tiền tuyến, có mấy ngày thôi mà đã thêm được ăn ngon trở lại! Các anh cứ liệu mà cải tạo để mau chóng trở thành người hữu ích cho xã hội. (Anh này học thuộc bài thật nhưng nói không đúng lúc và không đúng chỗ. Giờ này mà còn tiền tuyến nào? Hậu phương nào?) Rõ khổ. Ăn gạo hầm, không còn vitamine B1 nên đến lúc này thì nhiều anh em chúng tôi bị phù thũng. Chúng tôi lên phản ánh để xin thuốc. Cán bộ nghe báo cáo như vậy, sang thanh tra trại chúng tôi và “phán” một câu xanh rờn:

- Các anh ăn ở bản thiu, luộm thuộm thế này thì bị phù thũng là phải rồi. Cải thiện đi cho hợp vệ sinh của xã hội “tiên tiến” mới! (?) Xin chịu.

Định mệnh cũng đã đưa đẩy tôi, *riêng tôi*, vào cái hoàn cảnh dễ thở và cũng là cái dịp giúp anh em có thêm sức sống.

Một hôm, có một cán bộ vào trại chúng tôi. Ông hỏi:

- Trong các anh, có anh nào có tài viết chữ đẹp và vẽ giỏi? Không ai dám giơ tay. Tôi hỏi:

- Thừa cán bộ, cán bộ cần việc gì? Ông cán bộ nói:

- Chúng tôi muốn viết một hàng chữ lớn trên cổng trại. Tôi trả lời:

- Việc này thì tôi làm được. Tôi xin tình nguyện. Ông nói:

- Đi theo tôi.

Tôi theo ông sang khu trại dành cho cán bộ và vệ binh. Ông giới thiệu tôi với ông thủ trưởng. (Trước đó, người Miền Nam không có chữ “thủ trưởng” này và tôi phân vân, không biết giữa hai ông, ai lớn hơn ai). Ngay sau đó, ông thủ trưởng bảo ông cán bộ kia:

- Thôi được rồi, đồng chí cứ để anh này ở đây làm việc với tôi. Chú có thể về được rồi. Bây giờ thì tôi hiểu: ông “Thủ trưởng” lớn hơn ông cán bộ kia!

Ông thủ trưởng có vẻ “trọng” người tài (?). Ông hỏi tôi ăn gì chưa? Tôi nói:

- Thưa anh, theo lệnh của trại, không được ăn sáng nên từ sáng tôi chưa có gì. (Thực ra, ở bên trại, không ai bảo ai, nhưng buổi tối, khi ăn, phải lén nắm một nắm cơm nhỏ, giấu dưới chân, sáng có cái mà lót bụng. Thế mới có sức đi lao động.) Ông thủ trưởng quay vào trong, gọi một anh bếp riêng của ông ra bảo:

- Mày mang ra đây một hộp sữa, lấy nước nóng pha cho “họa sĩ” một chén rồi lấy cho tao một cái bánh lương khô.

Anh bếp chạy vào trong, bung ra một nồi nước sôi nhỏ, một hộp sữa Quân Tiếp Vụ, mở ra, rót vào chén (cái chén sắt, có cái khoen để đeo, màu xanh lá cây mà lính việt cộng đeo theo người), pha đầy cho tôi một chén sữa đặc.

Má ôi, chén sữa đặc đó có lẽ là chén sữa ngon nhất trong đời tôi được uống! Sau gần một tháng thèm đường muốn chết, mà bây giờ lại được uống chén sữa đặc quánh như thế này thì có lẽ còn sướng hơn lên thiên đàng!

Tôi uống chậm chậm như để thưởng thức “vị ngọt đầu môi” của người yêu.

Ông thủ trưởng có vẻ hài lòng nhìn thái độ “thành khẩn” của tôi. Ông bóc thổi lương khô đưa cho tôi bảo:

- Anh uống xong thì ăn thêm miếng lương khô này. Anh sẽ no đến chiều. Có no thì mới làm việc được.

Hôm ấy, hình như ông cũng chưa vội nên không thấy cắt đặt tôi làm việc gì. Lúc ấy cũng là xế trưa, tôi cũng sốt ruột nên hỏi ông:

- Thủ trưởng muốn tôi làm gì hôm nay? Ông trả lời:

- À, hay là hôm nay anh cứ về, tôi còn có việc phải đi. Sáng mai anh sang, bắt đầu làm việc cũng được. Tôi vừa đi về trại mà vừa lằng lằng, không biết đây có phải là sự thật không?

Anh em trong trại nghe tôi kể mà không người nào tin. Người thì cho là tôi “nổ”. Người khác thì lay tôi dậy, “tỉnh lại đi, mày đang mắc ảo tưởng đấy”. Tôi cãi:

- Đây hoàn toàn là sự thật, không ảo tưởng gì hết! Anh em tản ra, trở về công việc đang làm dở.

Sáng hôm sau, dĩ nhiên, tôi cũng đã “lủm” nắm cơm nắm xong mới đi sang trại cán bộ. Ông thủ trưởng nhìn thấy tôi, có vẻ vui mừng, hỏi:

- Sao, họa sĩ, ăn gì chưa? Tôi sợ đây là cái bẫy nên cũng trả lời đúng sách vở:

- Thưa cán bộ, tôi chưa ăn gì. Ông nói:

- Họa sĩ mà không ăn gì, run tay, làm sao vẽ được? Lại bồn cũ. Ông quát anh bếp pha cho tôi chén sữa và cho tôi một phong bánh lương khô. Má ơi, có thật không đây? Sao ông này tốt với mình vậy? Hay là bố của ông ngày xưa ở ngoài Bắc đã từng là một họa sĩ nghèo? Chịu!

Ông dẫn tôi ra cổng trại, chỉ lên cao nói:

- Tôi muốn viết hàng chữ *Doanh Trại Quân Đội Nhân Dân*. Anh làm được không? Tôi đáp:

- Việc này thì tôi làm được. Anh có sơn và xăng không? Cọ vẽ nữa? Ông hỏi tôi:

- Sơn thì có, tôi mua sẵn rồi, nhưng xăng để làm gì? Tôi nói:

- Phải có xăng để rửa cộ và để pha cho sơn loãng bớt ra, vẽ mới nhanh được. Ông nói:

- Vậy để tôi bảo tài xế nó hút một ít xăng trong xe cho anh. Ông không nhắc gì đến cái cộ sơn. Tôi phải tự chế bằng cách cắt một ít tóc, buộc vào một thanh tre, cũng xong.

Có một hôm, không biết ông muốn thử tài của tôi hay có ý gì khác. Ông hỏi tôi:

- Anh có vẽ được chân dung của Bác không? (Dĩ nhiên là trong khả năng, tôi vẽ được nhưng tôi phải tìm cách từ chối vì việc làm này tôi không thích). Tôi đáp:

- Thưa anh, tôi nghĩ là tôi vẽ được, nhưng mà tôi sợ vẽ không đẹp hoặc là trông không giống, thì không hay. Xin anh tìm người khác hộ. Ông không hỏi gì thêm.

Được vài ba ngày, tôi khỏe hẳn lại vì tự nhiên có của ăn của uống từ trên trời rớt xuống. Vẫn cứ câu giờ, vẽ vờ chưa xong. Tôi thấy thương anh em bên trại nên một hôm, ăn uống no nê, thấy ông thủ trưởng cũng có vẻ khoan khoái, dễ chịu, tôi đánh bạo nói với ông:

- Thưa anh, mấy hôm nay, được anh cho ăn uống đầy đủ, tôi rất biết ơn anh. Tôi có một việc muốn xin anh, nhờ anh giúp cho. Ông hỏi:

- Anh nói thử xem, anh cần gì?

Tôi nói với ông là kể từ ngày mai, tôi chỉ ăn một nửa bánh lương khô, còn nửa kia, xin anh cho tôi mang về giã ra, trộn với muối làm muối mè, cho anh em có thêm tý đường, tý muối, “bồi dưỡng” thêm một chút. Ông có vẻ không hiểu chữ “muối mè” nhưng ông không hỏi. Có lẽ ông cũng không ngờ là bọn tù này nó thiếu ăn đến vậy. Ông nói:

- Thôi được, tùy anh. Nhưng nếu trên đường về, anh bị bắt thì anh cố mà đỡ, tôi không chịu trách nhiệm. Liên hệ giữa cán bộ và cải tạo viên là vi phạm luật của trại. Anh mà khai là tôi cho, thì tôi cũng mất chức! Tôi trấn an ông:

- Có gì thì tôi sẽ hoàn toàn chịu phạt một mình tôi. Ông yên tâm nhưng từ đó ông không dám tỏ ra thân mật, vồn vã với tôi nữa. Một điều tôi nhận xét là ông nói giọng Bắc rất chuẩn, không lẫn lộn giữa “N” và “L”. Ông nói chuyện rất chừng mực, không bao giờ nói chuyện về cuộc chiến, không bao giờ nhắc đến những người của bên thắng trận.

Anh chàng bếp kia thì hay mon men đến chỗ tôi làm việc. Có hôm anh hỏi tôi:

- Tôi biết là trong Nam, các anh hay chống đối, cãi cọ với chính phủ. Ngoài Bắc chúng tôi, bác Hồ là vị cha già vĩ đại của dân tộc. Cha nói gì thì các con nghe. Như thế có phải là hay hơn không?

Tôi ớ hòng, không dám tranh cãi với anh. Anh hay đến chỗ tôi làm việc, tỏ ra muốn quan sát và khám phục tài viết chữ của tôi, nhưng kỳ thật, anh ấy ngắm nghía cái đồng hồ *Seiko 5* tôi đeo trên tay. Sau cùng, có vẻ như không đợi được nữa, anh vệ binh hỏi tôi:

- Anh có muốn bán cái đồng hồ của anh không? Tôi trả lời:

- Tôi không cần bán và không muốn bán.

Sáng hôm sau, khi tôi sang làm việc, anh đưa cho tôi 200 đồng, bảo tôi đổi cho anh cái đồng hồ của anh. Anh các thêm số tiền đó. Hơn nữa, anh bảo tôi viết thư về nhà, anh sẽ đem tay về tận nơi. Lúc ấy, có lẽ mọi gia đình có chồng con đi học tập đều nóng lòng muốn biết tin tức của thân nhân. Tôi suy nghĩ thật nhanh và nhận lời. Bây giờ mà vợ tôi nhận được tin tức bằng chữ viết tay của tôi thì yên tâm lắm. Tôi về viết một lá thư ngắn, mang sang cho anh, nhận tiền và đổi cái đồng hồ “cà là mèng” của anh ta.

Hóa ra tôi bị lừa một vỏ nữa. Cái thư không bao giờ đến tay vợ tôi. Có lẽ anh chàng vệ binh này biết là sắp bị đổi đi đơn vị khác, hoặc anh ta về phép ngoài Bắc rồi tránh mặt tôi luôn.

Trở lại việc miếng bánh lương khô: Tôi giấu nửa cái bánh kia trên đầu, đội cái mũ lên, ung dung ra về. Anh vệ binh gác cổng ngăn giữa hai khu trại nhìn thấy tôi ra vào mỗi ngày nên cũng không thèm hỏi han, khám xét gì nữa. Bây giờ thì anh em mới tin là tôi nói thật, không “nổ”. Chúng tôi giã ra, trộn với muối, như một loại muối mè đã chiến. Nhờ thế mà dần dần, chúng tôi bớt thèm đường, thèm muối.

Mỗi ngày, tôi không phải chui ra hàng rào kẽm gai, tháo mình hoặc cuốc đất trồng rẫy như các anh em khác, nhưng ngược lại, phải làm việc nhiều giờ hơn vì bên này không có chỉ tiêu. Cứ leo lên leo xuống, mỗi hàng chữ như thế mà mãi vẫn chưa xong!

Tôi cũng cầu công việc lâu xong mà anh em tôi bên trại cũng cầu công việc của tôi còn mãi, chỉ vì ngày nào tôi cũng mang nửa miếng lương khô về cho anh em. Nhưng cũng phải nói thêm là không biết các cán bộ (và vệ binh) đã uống hết sữa Quân Tiếp Vụ rồi – hay ông thủ trưởng muốn giữ khoảng cách với tôi. Ông vẫn cho anh bếp đưa tôi phong bánh nhưng không còn chén sữa nóng nữa.

Lại nói về loại muối mà họ phát cho chúng tôi. Đó là loại muối đá, lẫn đầy đất cát trong đó, rất bẩn. Chúng tôi phải đổ vào nồi nước, khuấy đều xong, đợi cho đất cát lắng xuống đáy, chỉ lấy phần nước trong bên trên, nấu lại, cho đến khi nước bốc hơi hết, lấy phần muối bên dưới rang lại mà dùng. Nhờ bánh lương khô của tôi mà hũ muối mè giúp chúng tôi ăn “cơm” ngon miệng hơn nhiều.

Khi dự định viết hồi ký này, tôi luôn tâm niệm là tôi sẽ kể tất cả những sự thật đau đớn mà tôi phải trải qua trong suốt chuỗi ngày định mệnh của tôi. Sự thực đau đớn đầu tiên của tôi (và của hàng ngàn người khác) mà tôi muốn nói đến, chính là sự Tự Do của

chúng tôi ngang nhiên bị tước đoạt. Thảo nào, ngày xưa đã có câu: *“Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”*.

PHẦN BỐN

Trăng Oì, Nói Hộ Lòng Tôi

Thời gian cứ thế trôi đi. Chúng tôi ở trại Trảng Lớn này, thoảng một cái đã hơn một tháng. Mấy hôm trước, bắt ngờ, đêm đã khuya, vọng trong gió, chúng tôi nghe tiếng di chuyển của một đoàn “công voa”, cách trại chúng tôi khoảng nửa cây số, đến và đi trong vòng mấy tiếng đồng hồ. Vài hôm sau, khi đi ngang các trại khác, dừng lại hỏi nhau vội mấy câu thì các bạn ấy nói hình như họ chuyển một trại giam nữ quân nhân đi nơi khác. Trại này không nhiều nữ tù cho nên xe đến và đi chỉ trong vòng mấy tiếng đồng hồ. Lúc đó, chúng tôi mới biết là trong khu vực này, không chỉ có trại giam *nam tù nhân* chúng tôi, mà cũng đã từng giam giữ *nữ quân nhân* của VNCH.

Chúng tôi vẫn phải tiếp tục cuộc sống lay lắt này. Vẫn đi lao động để đạt được chỉ tiêu của “trên” đưa ra. Vẫn tu sửa chỗ ăn, chỗ ở, nhưng vẫn thăm hiểu sẽ có ngày bị chuyển đi nơi khác. Định mệnh sẽ đưa đẩy mỗi người chúng tôi đến đâu đây?

Chuyện gì đến đã phải đến. Đêm hôm đó, lúc anh em chúng tôi đang ngủ vui, mệt mỏi vì đã phải cuốc đất, đánh luống trồng bắp suốt ngày. Khoảng hai giờ sáng, họ đánh keng âm ỹ, kêu tất cả chúng tôi thức dậy. Đã có một số đông vệ binh, gươm súng AK-47 đứng gác quanh trại. Một vài ông cán bộ bắc loa cầm tay, ra lệnh tất cả chúng tôi phải thức dậy, nhanh chóng thu xếp đồ đạc cá nhân gọn gàng để chuẩn bị được đưa đến một nơi khác, “có điều kiện thuận lợi hơn để học tập” (*sic*). Ông cho biết phải mang tất cả đồ đạc cá nhân, không để lại bất cứ thứ gì. Tất cả những con dao dùng hàng ngày phải đem nộp cho trại. Ai vi phạm sẽ bị trừng phạt nặng. Một số những con dao chúng tôi tự chế trong những ngày qua được xếp thành một đồng nhỏ trước mặt cán bộ.

Ngoài việc quơ vội tất cả những thứ vật vãnh của riêng mình, chúng tôi được lệnh phải phụ nhau khiêng bếp, chảo cùng các dụng cụ khác như rìu, búa, cuốc, xẻng... Lúc đó chúng tôi mới để ý là đã có một đoàn xe Molotova đợi

lặng lẽ từ hồi nào ở ngoài cổng trại. Những người bạn thân cố dắt díu để có thể cùng lên một xe, may ra thì cùng đến chỗ mới với nhau.

Chuyện đã không xảy ra như chúng tôi muốn. Họ cầm theo một danh sách dài. Họ chia sân tập trung ra hai bên. Họ bắt đầu đọc tên trong danh sách. Ông cán bộ nói:

- Các anh được đọc tên trong danh sách thì sắp hàng bên này. Các anh không được đọc tên thì vẫn đứng bên đó.

Chúng tôi đau khổ nhìn nhau, cầu mong mình có tên trong cùng một danh sách!

Nhóm chúng tôi (vẫn 4 thằng: Linh, Thái, Hải và tôi) được gọi tên và được đứng cùng một bên, thở phào. Chúng tôi nảo nề leo lên xe. Thái và tôi thì thăm dạn nhau như lần trước. Nhìn xuống thì thấy những người đứng bên kia được phép tan hàng, dọn vào nhà. Mọi người chúng tôi đều tự hỏi, không biết đi tốt hơn – hay được ở lại tốt hơn? Xe bắt đầu chuyển bánh. Chúng tôi, kẻ ở, người đi, nghẹn ngào vẫy tay chào nhau và thầm chúc nhau may mắn.

Linh và Hải tìm tay tôi trong bóng tối như muốn an ủi nhau. Thái ngồi bên kia xe, gật đầu nhẹ, ra cái điều thông cảm.

Cũng như cuộc hành trình trước, khi già từ Sài Gòn về Trảng Lớn, thỉnh thoảng chúng tôi lại lén vạch tấm bạt phủ sau xe để được hít thở một chút không khí trong lành và cũng để định hướng xem họ chở mình đi đâu. Cứ thế mà truyền tai nhau tên của những địa danh vừa đi qua. Dần dần thì chúng tôi biết họ chở chúng tôi về hướng Long Khánh. Các anh ngày xưa đã từng ở đơn vị đóng quân gần đây đều tỏ ra am tường địa hình, địa vật. Không biết rồi để làm gì? Nhưng chắc chắn một điều là các anh tiên đoán giờ đến nơi gần đúng. Chúng tôi xuất phát từ Trảng Lớn lúc 3 giờ sáng. Các anh bạn này nói:

- Nếu đúng là họ chở mình đi Long Khánh, thì với khoảng cách

hơn 150 cây số, mình sẽ đến đó lúc 8 giờ sáng.

Quả thực, chúng tôi đến “trại” mới ở Long Khánh vào lúc gần 9 giờ sáng.

Trời đã sáng bạch nhưng chưa thấy nóng. Đây có lẽ là khu gia binh của một đơn vị Thiết Giáp cũ. Ban quản giáo đã đến đây từ trước. Họ đã cho dựng lên một cổng vào khu trại và có một trạm gác. Ngay bên hông cổng trại là một dãy nhà dành cho cán bộ và vệ binh. Có lẽ họ đã về đây đóng quân lâu. Chúng tôi đã thấy một số chuồng gà và mấy con gà đang bươi tìm thức ăn. Mấy con gà này có vẻ vô tư và đang hưởng sự Tự Do của chúng. Chúng tôi thấy họ đã phơi quần áo trước cửa nhà. Lòng chúng tôi quặn đau khi thấy một vài cái quần lót, quần đùi của chúng may bằng vải “cờ vàng, ba sọc đỏ”.

Chúng đưa chúng tôi vào sâu bên trong trại. Những căn nhà cho gia đình binh sĩ lúc này gần như tan nát do ảnh hưởng của các trận giao chiến trong vùng vào thời điểm cuối tháng Tư. Các mái tôn thì như tổ ong, tường thì lỗ chỗ vết đạn. Cũng may là các bức tường vẫn còn đứng được. Không biết trước chúng tôi, đã có người ở trong cư xá này chưa mà đi lượm lật mãi vẫn không tìm được cái nồi niêu xoong chảo hay bát đĩa, dụng cụ nào bỏ lại. Chúng tôi vào những căn nhà đó và cứ 12 người thì được chiếm một căn nhà. Cán bộ cho chúng tôi hai ngày để “ổn định” chỗ ăn ở.

Chúng tôi vừa quét dọn, vừa tiếp tục dao dác nhìn xem có cái gì có thể còn dùng được thì lượm làm của riêng. Một thanh sắt trở thành vô cùng quý giá vì sẽ được rèn lại thành con dao nhỏ. Chúng tôi nhặt nhanh gỗ vụn và ván vụn để ghép lại thành giường ngủ. Khi cán bộ trở lại, họ không cho chúng tôi ngủ riêng trên giường tự đóng mà phải đóng một tấm phản lớn, trên đó 12 mạng ngủ với nhau. Kết quả là tấm phản được đóng dọc theo chiều dài của căn nhà, chúng tôi chia nhau diện tích chỗ ngủ. Mỗi người chỉ còn được khoảng hơn nửa thước. Những đêm đầu, vừa khó ngủ, vừa thở nặng nhọc sau một ngày đi vơ vét gổ tạp linh kinh,

một anh quay lưng sang phải – là mấy anh bên cạnh cũng phải trở mình qua bên phải theo vì không muốn hít hơi thở của nhau! Trên các cột nhà của chúng tôi, trại có cho gắn một cái loa nhỏ để thông báo kịp thời những chỉ thị mới của trại. Một hôm, chúng tôi nghe thấy tiếng gõ “cộc cộc” trên loa, ra lệnh cho một cải tạo viên có tên Nguyễn Văn Nghi mang đồ đạc lên trình diện trại để được về đoàn tụ! Không ai trong chúng tôi dám tin đây là sự thật. Anh em trong tổ muốn an ủi anh này, “chắc không có gì quan trọng đâu”. Anh Nghi này có vẻ rất bình tĩnh. Anh lặng lẽ cuộn gói đồ đạc. Những thứ cảm thấy không cần mang về “làm kỷ niệm”, anh chia lại cho những người ở lại. Anh chào từ biệt chúng tôi và lên trình diện trại. Từ hôm đó, chúng tôi không thấy anh nữa. Nếu thật sự anh Nghi đã được thả cho về, thì anh này là người được thả ra sớm nhất. Từ ngày vào trình diện đến nay chỉ mới có hơn ba tháng! Về sau, hình như anh Nghi có viết thư vào trại cho người bạn, cho biết là anh có người cha tập kết từ năm 54, nay đã là một sĩ quan cao cấp, bảo lãnh cho anh về sớm.

Mấy hôm sau, tình cờ một cải tạo viên trong chúng tôi, trước đây phục vụ trong ngành truyền tin, được trại cho loa gọi lên để chạy lại dây điện cho một số phòng trên khu doanh trại của cán bộ. Khi trở về, anh kể lại cho chúng tôi là những cái loa này chạy hai chiều, có nghĩa là chúng dùng để phát thanh nhưng cũng có thể dùng để thu thanh. Chúng tôi ai cũng toát mồ hôi vì có những lúc vô tình, đứng gần, chửi xấu chế độ, có khi ở trên đó, họ đã nghe được cả? Từ đó trở đi, thỉnh thoảng chúng tôi cố tình đứng gần loa, làm bộ khen đường lối của “cách mạng” và khuyến khích nhau yên tâm học tập. Có một vài anh, bệnh phù thũng vẫn chưa khỏi, trở thành lở loét, đứng gần loa, vừa vén quần đùi gãi, vừa hát: *“Vùng lên, nhân dân Việt Nam anh hùng, vùng lên...”*

Trại bắt đầu phát cho chúng tôi mỗi người một bộ quần áo tù, loại mỏng như quần áo ngủ ở nhà, có sọc màu xanh và trắng. Tôi chưa bao giờ khoác bộ quần áo này lên người!

Chúng tôi tự tổ chức thành tổ, đội, và ... “bếp”! Những cái chảo to mà trại Trăng Lớn cho vác theo, bây giờ lại được dùng để nấu

ăn, uống. Trại cũng gọi chúng tôi lên gánh gạo, muối (lại muối hột!), bí rợ (hay bí đỏ) và cá khô về làm thức ăn. Phần trước, tôi có nói về cái loại muối hột đầy đất cát rồi, phải hòa trong nước, đợi cặn lắng xuống, lấy nước trong ở phần trên, nấu lại mới có muối ăn được.

Bây giờ phải nói về cái-gọi-là “cá khô”: Những con cá khô này, hồi trước, có lẽ tôi cũng không “nỡ” cho chó ăn! Gọi là “khô” nhưng tất cả đều ẩm ướt, mục rữa và rất nhiều dòi! Những con dòi này có lẽ đã quen bị quăng, quật nên chúng vẫn thản nhiên bám lấy miếng mồi và chăm chỉ gặm! Chỉ có những trái bí rợ là cứng như đá, không bị bể, không hề hấn gì với thời gian. Chủ vừa bí nào trúng mảnh, bán được cho bộ đội mề bí này (chắc còn sót lại từ năm ngoái) hẳn họ phải ăn mừng. Những trái bí này cứng đến nỗi chúng tôi phải liều lấy búa tạ đập và sau đó, “nghiến răng nghiền lợi” gọt vỏ. Khi nấu “canh” phải cho bí vào hầm trước. Của đáng tội, nói vậy chứ trong hoàn cảnh này, canh bí cũng ngon thật! Ở Trảng Lớn, ăn canh bắp cải với mì khô mãi cũng chán ngấy rồi!

Chúng tôi được dất ra ngoài khu gia binh để canh tác. Chỗ thì trồng khoai lang, chỗ thì gieo đậu phộng, chỗ khác thì trồng bắp. Tổ nào không bị dất ra ngoài canh tác thì lo nhặt những mảnh xi măng lót cho đường đi hoặc sà nhà, sà hội trường.

Một ngày khoảng giữa tháng Chín (1975) khi chúng tôi đã ở trong tù được 4 tháng. Không biết các bạn tù của chúng tôi nhặt được tin đồn ở đâu là nhà nước sắp đổi tiền! Trại cho tập trung, giải thích chuyện này hoàn toàn không có. Chúng tôi không mang tiền nhiều nên cũng không quan tâm. Chuyện này đi vào quên lãng.

Một sáng sớm, loa phát thanh ra lệnh cho chúng tôi tập trung ngoài sân, trước cửa mỗi gian nhà chúng tôi ở. Chúng tôi lục tục kéo nhau ra, dò hỏi nhau xem có chuyện gì. Không ai biết. Một lát sau, một số cán bộ vác bao vải đến, chia nhau thành từng toán. Họ ra lệnh chúng tôi vào nhà, mang hết tiền, vàng, đồng hồ

ra sân. Chúng tôi trở vào làm theo lệnh. Các cán bộ ngồi xuống, lấy giấy ghi biên nhận, đã nhận của cải tạo viên tên gì, những món đồ gì, nói rằng: “Chúng tôi chỉ tạm giữ cho các anh, khi nào được về đoàn tụ với gia đình thì chúng tôi sẽ trả lại!”. Riêng về tiền mặt thì “Các anh được đổi tối đa 100 ngàn tiền cũ lấy 200 đồng tiền Cách Mạng”. Những cải chính trấn an chúng tôi mấy hôm trước, bây giờ thành sự thực! Chúng tôi đi cải tạo, đâu có mang nhiều tiền theo nên chỉ bị lột hết dây chuyền, đồng hồ, nhẫn và cuối cùng, với số tiền ít ỏi mang theo, chúng tôi được cầm mấy đồng tiền mới của “Cách Mạng”. Những đồng tiền mới này có in những cái hình mà chúng tôi chỉ muốn “tiêu” đi cho khuất mắt!

Về đây, trại chỉ cho chúng tôi 500 gram gạo mỗi ngày, mỗi đầu người, thay vì 700 gram theo tiêu chuẩn. Các cán bộ cho biết là “về đây, các anh không phải đi “nao” động xa nên “trên” đã quyết định giảm tiêu chuẩn ăn hàng ngày”. (Các ông không nói, cứ ăn bớt của chúng tôi, chúng tôi cũng chẳng biết đẩy vào đâu!)

Theo tiêu chuẩn ăn mới, chúng tôi không có đủ gạo nấu cơm nên buổi sáng, chúng tôi được mấy muống cháo cầm hơi, đi làm. Buổi chiều về, chưa ăn cơm đã thấy buồn, ăn cơm rồi thấy buồn hơn... vì chưa ăn đã hết!

Những ngày đầu phải làm quen với tiêu chuẩn ăn tiết kiệm này, nhiều người khỏe mạnh trong chúng tôi đang làm thì ngã vật – vì chỉ ăn cháo, vừa đói, vừa tiêu ra nhiều quá, mất nước trong cơ thể!

Được cái là hồi này, họ không còn gạo hầm để phát cho chúng tôi ăn nữa. Gạo mới, ăn vẫn ngọt hơn. Chúng tôi đều cùng áp dụng trường phái *Oshawa*, nhai cơm thật chậm, thật kỹ, và “uống” cơm chứ không phải ăn cơm! Có như thế thì ăn xong mới không “buồn” những nỗi buồn không tên!

Thỉnh thoảng, vài cán bộ “khung” cũng xuống thăm anh em chúng tôi. Các ông này rất lấy làm lý thú, kể cho chúng tôi thành

tích “đánh bại Đế Quốc Mỹ” cho chúng tôi nghe. Ông say sưa kể về “chiến sĩ lái” – anh hùng không gian Phạm Tuân: Lúc đó, ông lái chiếc Mig của Liên Xô, bay lên trời, tìm một đám mây đen lớn, chui vào đó, tắt máy, ẩn nấp, đợi máy bay B-52 của Mỹ bay ngang qua. Lúc đó ông mới mở máy, bay vọt ra. B-52 Mỹ trở tay không kịp, trúng một hỏa tiễn của ông, rớt xuống hồ Trúc Bạch ở Hà Nội! (Tôi không biết máy bay Mig của bác Phạm Tuân này có thể lên được bao nhiêu “feet” (bộ Anh) chứ máy bay B-52 của Mỹ thường bay ở cao độ 30 - 50 ngàn feet, Mig của ông làm sao leo lên tới độ cao đó được?!)

Chúng tôi chỉ còn nước làm bộ tròn xoe mắt, khen: “tài”... thật!

Như đã nói ở trên, đây là khu gia binh cũ nên thực ra cũng gần với dân chúng sống ở bên ngoài. Từ từ rồi dân cũng nhận ra đây là một trại tù. Họ kháo với nhau và tin tức từ đó lan về Sài Gòn. Thỉnh thoảng, chúng tôi ngó ra ngoài cổng, thấy mấy bà – có lẽ là mẹ hoặc vợ sĩ quan đi trình diện học tập đã mấy tháng mà chưa có tin tức gì – tụ tập ở ngoài, năn nỉ, ăn vạ, trước cổng trại, đòi thăm chồng con. Mấy tên vệ binh lúng túng, không biết trả lời thế nào. – “Các bà biết tội mày còn non cơ lắm! Cho bà thăm chồng bà đi”!

Chỉ một vài ngày sau vụ nổ, không khí thê lương, rờn rợn vẫn còn đâu đây, vào lúc sáng sớm, chúng tôi chưa hoàn toàn tỉnh giấc thì loa lại phát thanh âm âm gọi chúng tôi dậy để điểm danh.

Có chuyện gì nữa đây?

Chúng tôi tập họp trước sân, sắp hàng ngay ngắn đợi cán bộ xuống. Cán bộ và vệ binh chạy rập rập vào, vừa chạy vừa hét. “Có mấy thằng tù trốn trại!”

Tôi đã biết trước việc này sớm muộn sẽ xảy ra vì người bạn chủ trương trốn trại này đã nhiều lần bàn với tôi và còn muốn rủ tôi đi trốn cùng.

Trại điểm danh xong thì nêu tên ba người trốn trại: Người thứ nhất là Thái, bạn thân, người đã cùng đi trình diện “học tập” với tôi. Người thứ hai là Nguyễn Văn Lộc, nằm ở cuối dãy, cùng trên phần dài với tôi và Thái. Người thứ ba là Lê Văn Bé. Lộc và Bé đều là phi công lái phản lực A-37 thời VNCH.

Khoảng một tuần sau, trại cho biết là Lộc và Bé đã bị bắn chết. Thái thì chạy thoát nhưng theo ông cán bộ, trước sau gì cũng sẽ bị bắt và phải “đền tội”!!!

Chúng tôi cảm tức nhìn cán bộ và các anh vệ binh dương dương tự đắc vì thành quả của “cách mạng”. Chắc chúng nó đang nghĩ: “Chúng mày có chạy đằng trời với chúng ông”!

Tối hôm sau, tổ trực chúng tôi bị gọi đi lấy xác của Lộc và Bé. Họ chở chúng tôi trên xe vận tải lớn. Đến bìa rừng thì dân đã khiêng xác hai người ra để sẵn ở đó. Vì trời tối, chúng tôi nhảy xuống xe, vội vã gói hai cái xác đầy máu của hai người bạn vào chiếu, khiêng lên xe chạy về trại. Về sân trại, họ không cho chúng tôi khiêng hai cái xác xuống. Họ bắt chúng tôi phải “vút” xuống sân. Hai cái xác không hồn rớt bịch xuống sân. Cũng may là sân là sân đất nện, tiếng hai cái xác rớt xuống đất không gây nên tiếng động ghê hồn như chúng tôi nghĩ (tiếng của cái hộp sọ đập xuống đất cứng.)

Nhiều anh em trong chúng tôi phải cổ nuốt lệ vào, không dám tỏ ra thương xót bạn mình quá mức!

Trừ tổ trực của tôi được loanh quanh xác của hai đứa bạn, tất cả những tổ khác đều phải ở yên trong nhà, không được đến gần chúng tôi. Các anh bạn chỉ dám lấp ló ở cửa nhà, phóng mắt ra quan sát sự việc qua bóng tối. Trong gian nhà gần nhất, chúng tôi nghe thấy tiếng đọc kinh rì rào của đám Uyên, Linh, Hải, Huy, anh Mai Quang Tuyền, và anh Ninh Thế Đồng. Các bạn này đều là người theo Thiên Chúa Giáo. Giờ này, chắc họ cũng “phó mặc”, bất chấp lệnh của trại, túm tụm nhau đọc một chuỗi kinh cho Lộc và Bé.

Anh Đồng cũng làm gan, chạy ra đưa cho chúng tôi một lon “gô” nước ấm và một gói mì khô. Chúng tôi bẻ ra, chia nhau nhai sòng như vậy và uống nước vào cảm hơi. (Bây giờ mới thấy cái hữu ích vô song của lon sữa bột hiệu *Guigoz*. Ở trong trại, nó được chúng tôi sử dụng vào rất nhiều việc. Trong này, chúng tôi gọi tắt là lon “gô”)

Chúng tôi được lệnh để nguyên hai cái xác đó, đợi đến sáng, cán bộ xuống sẽ cho lệnh mới. Trong đêm, chúng tôi chia nhau ra canh cho xác hai người bạn đừng bị thú vật quấy phá. Chúng tôi ngấm ngấm đọc kinh theo từng tôn giáo của mỗi người để cầu nguyện cho Lộc và Bé được cứu rồi và sớm được siêu thoát.

Sáng hôm sau, khi làm nghi thức tâm liệm cuối cùng cho hai người bạn, chúng tôi giật bắn người vì bây giờ có ánh sáng mới nhìn rõ: mặt của Lộc bị sưng vù, hai bên má bạnh ra, hàm răng nghiêng chặt, mắt trợn trừng, biểu lộ sự uất ức tột cùng. Mặt của Bé thì chỉ như đang ngủ yên. Có lẽ nó bị trúng đạn, không kịp biết mình đã chết? Lúc còn sống, ở cùng gian nhà với chúng tôi, Lộc luôn lạc quan, vui vẻ. Hàm răng của hắn to, khỏe và trắng muốt. Chúng tôi cứ chọc ghẹo hắn là: “mai một được tha cho về, mày quảng cáo cho hãng kem đánh răng Hynos cũng đủ sống!” Ngày xưa, ông Từ Hải của cụ Nguyễn Du cao to cỡ nào chúng tôi không tưởng tượng nổi, nhưng vai của Lộc nở nang, thân hình cao lớn, vạm vỡ. Chúng tôi không dám mở chiếc chiếu ra để xem hai đứa nó lãnh bao nhiêu phát đạn và bị trúng những chỗ nào!

Có lẽ Lộc bị bắn nhưng chưa chết ngay và trong cái cảm tưởng mình bị bắn và sắp chết, cái lạnh của sự chết từ từ chuyển từ dưới chân, lên đùi, lên bụng, ngực, và trong nỗi đau tột cùng ấy, có lẽ Lộc đã nghiêng răng nguyên rửa thẳng cầm súng bắn vào hắn? Chúng tôi lúc này không còn sợ bị liên lụy nữa, cứ mặc cho nước mắt tuôn trào. Kỳ diệu thay, khi tôi vừa lâm râm khấn vái với Lộc:

- Lộc ơi, tao không nhớ mày theo tôn giáo nào, nhưng tao chỉ biết cầu nguyện mày được ra đi thanh thản, sớm được về nơi chốn

bình yên vĩnh cửu, và nhớ đến tụi tao với. Khi tôi lấy nước nóng lau mặt cho nó, các bắp thịt trên mặt nó từ từ mềm ra, chúng tôi vuốt mắt và nắn lại gương mặt của nó trở lại bình thường. Lộc ơi, giờ này mày không còn những nỗi bức dọc, phiền não, không còn phải uất ức, phẫn nộ vì những bất công mà đã phải chịu đựng. Thôi, yên nghỉ nhé, tụi tao sẽ cầu nguyện cho mày.

Vừa lúc đó thì cán bộ trại đến nơi, thấy chúng tôi đã bó hai cái xác gọn ghẽ, cho lệnh khiêng hai cái thi thể ra ngoài bờ rào kẽm gai, đào một cái hố chôn chung hai đứa. Chúng tôi có làm một cột mốc ghi dấu, biết đâu mai kia thân nhân của Lộc và Bé, gặp duyên lành, tìm lại được năm xương tàn của hai đứa nó?

Những ngày hôm sau thì trời đất cũng như đồng cảm với tâm trạng náo nức của chúng tôi. Ban ngày, trời u ám, không một ngọn gió. Ánh trăng ban đêm mang màu xanh rờn rợn. Tôi càng thấy xót thương cho hai người bạn vừa mất. Thấy thương cảm cho Thái, thằng bạn trốn trại mà mãi cho tới nay chưa thấy tin tức gì. Tôi bắc cái ghế đẩu ngồi lặng lẽ trong bóng tối, trước hiên nhà. Giờ này, hơn 9 giờ đêm, ban quản giáo đã cúp điện phần trại của chúng tôi – mà có điện đi nữa, cũng chỉ có một ngọn đèn yếu ớt treo trên trần. Nhìn lên ánh trăng, tôi chợt cố hình dung lại những khuôn mặt thân thương, từ bố, mẹ, đến các em, rồi vợ con.

Thương cảm cho chính mình và những người bạn đang trong hoàn cảnh tù đày với mình. (Lúc đó, mọi tin tức về cuộc sống ở bên ngoài vẫn hoàn toàn bị bung bít. Chúng tôi chưa biết rằng đã bao nhiêu thân xác bị đày đoạ, mang ra tận ngoài Bắc, giam trong các trại nổi tiếng tàn nhẫn, ác độc, trong chốn rừng thiêng nước độc, vào đó rồi không hy vọng còn nguyên vẹn trở về.)

Ngước lên trời, nhìn bóng trăng lặng lẽ, tôi thì thầm: *Trăng ơi, nói hộ lòng tôi.*

Chú thích thêm của tác giả: Tôi viết tập hồi ký này năm 2024. Tôi dùng chữ “định mệnh” nhiều lần trong tập này, nó đã “vận” vào “mệnh” của tôi hay không mà có những trùng hợp lạ lùng.

Khi tôi đang viết tập hồi ký này, một ngày cuối tháng tám 2024, tôi tham dự một sinh hoạt của cộng đồng VN ở vùng San José, Bắc Cali. Gặp lại bác *Giao Chỉ - Vũ Văn Lộc*. Bác VV Lộc là một trong những người “bạn” vong niên của tôi cư ngụ ở vùng Thung Lũng Hoa Vàng này. Bác Lộc lôi tôi vào Viện Bảo Tàng Truyền Nhân/Việt Nam Cộng Hòa của bác. Bác chỉ vào hàng kệ sách cùng những chồng phiên bản Video đang có ở thư viện, bác nói:

- Tôi biểu ông đây, ông muốn lấy cái gì thì lấy, muốn lấy bao nhiêu cũng được.

Tôi xin một cuốn sách mang tên *Giao Chỉ Văn Tuyển*, cuốn số một của bác. Dem về nhà đọc thì tình cờ, cuốn sách này viết lại câu chuyện người hoa khôi trường Nguyễn Bá Tòng năm nào, cô Nguyễn Thị Ngọc Di, cùng con gái đi về VN nhiều chuyến với mục đích đi tìm xác chồng/cha, ngày xưa trốn tù và đã bị bắn chết, Người tù trong truyện của bà Ngọc Di chính là phi công Nguyễn Văn Lộc, người mà tôi đã sục sùi thổn thức kể lại trong tập hồi ký này. Bà Ngọc Di và cô con gái, bác sĩ Nguyễn Lộc Đan Vi đã tìm được nắm xương tàn của chồng và đã đưa về Mỹ năm 2008.

PHẦN NĂM

Rắc Rối Chuyện Đời

Cho tới nay, chúng tôi đã “yên tâm học tập” được gần hai năm. Tôi cũng không ngờ tập thể tù cải tạo, vốn là những sĩ quan của “chế độ cũ”, có nhiều tài năng chưa được khám phá! Các anh thật vô cùng tháo vát. Tôi không thể tưởng tượng nổi là các bạn tôi giỏi đến như vậy. Không có máy móc gì mà họ đã tự “chế” ra được mọi thứ để dùng! Cho đến hôm nay, những nhu cầu căn bản, linh kinh, của cuộc sống như dao, kéo, kim, thau, chậu, gầu múc nước, cho đến đồ dùng để đi lãnh cơm, canh, v...v...đều được các bàn tay khéo léo, lấy tôn đập cho phẳng, rồi gò thành những sản phẩm này. Thậm chí, nhiều anh còn sản xuất được cả những cái va li tôn, trông đẹp không kém gì va li Samsonite của Mỹ, khiến cho nhiều anh cán bộ thêm rở dãi! Có những cán bộ không sợ vi phạm luật của trại, điều đình mua lại những va li tôn này để đi phép!

Với thời gian, chúng tôi nghiệm ra rằng, ở trong này, mình có tỏ ra đau khổ mấy cũng không khiến tụi cán bộ việt cộng động lòng. Chi bằng, bây giờ mình đổi chiến thuật, sống lạc quan vui vẻ để xem thằng nào tức? Từ đó, tất cả chúng tôi đều ngấm ngấm đồng ý, cứ sống vui tươi, không lộ vẻ đau khổ.

Từ khi họ cho thăm nuôi, các anh được các chị tiếp tế nên trông ai cũng ra dáng lắm. Ăn mặc tươm tất hơn, bề gì cũng đã từng là các sĩ quan phục vụ trong quân lực hùng mạnh nhất Đông Nam Á mà! Chỉ tội mấy anh gộc gác ở xa, gia đình ở mãi các tỉnh miền Trung, không vào thăm được, chịu số phận “mò côi” nhưng anh em cũng thông cảm và sẵn sàng nhường nhịn, chia sẻ. Nhờ vậy mà chúng tôi sống vui vẻ, đề huề với nhau.

Có vài anh bắt đầu đi “săn” gỗ để làm mặt đàn. Ai có miếng lát giường bằng ván ép, lớp trên còn nguyên vẹn, sẽ được “gà” đổi lấy một món gì đó, thường là thuốc rê, giấy cuốn, do gia đình gửi vào. Các bạn này giỏi đến nỗi, làm ra những cái thùng đàn “ghita” rồi chế tạo cái cần đàn. Sau đó, tìm mảnh chai vỡ, đem về gọt

dũa. Phục nhất một điều là làm thế nào mà các bạn ấy có thể cura chính xác vị trí của phím đàn, khi căng dây, đánh lên nghe đúng âm thanh của “nốt” ấy!

Chúng tôi cũng bận rộn, đi tìm dây điện thoại của nhà binh ngày xưa, đem về, chế cái “máy” quấn dây đàn, quấn cho những dây số 4 - dây Rê, số 5 - dây Là, và số 6 - dây Mi.



Năm 1982, Nguyễn Kỳ Dzuong dạy Toán và Anh Văn tại trường trung học Galileo, San Francisco, đã dùng nhạc lý học được trong tù, thành lập “ca đoàn” gồm các em học sinh trong trường, trình diễn hợp ca trong lễ mãn khóa niên học đó.

Vũ Nam Hải, người đón chúng tôi buổi tối đầu tiên khi chúng tôi trình diện, đã tốt nghiệp trường quân nhạc ở Mỹ về, giờ đây, mở một khóa dạy nhạc. Chúng tôi xin những hộp diêm quẹt, cắt thành cái ngòi bút có 5 ngòi để vẽ dòng nhạc trên các trang tập của chúng tôi. Mực và vỏ bao diêm bây giờ trở thành vô cùng quý giá! Hải chọn những học trò đầu tiên gồm có: Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Quang Huy, Trần Bình Tĩnh, Nguyễn Văn Uyển, và tôi. Chúng tôi được “thầy” Hải hướng dẫn từ căn bản nhạc lý, đến soạn hợp âm, rồi đến sáng tác. Tôi và Uyển được Hải kèm riêng kỹ thuật điều khiển một dàn hợp xướng.

Tôi có hai tai tốt, có thể nghe được bè nào, hát giọng gì, từ Soprano, Mezzo-Soprano, Alto, đến Tenor, Baritone, Bass. Sau này, tôi còn biết phân tích thể nào là “contre-temps”, thể nào là “Syncope”.

Chúng tôi vớ được cái “can” xăng 20 lít trang bị cho quân xa ngày trước, lựa một khúc cây dài làm cần đàn, đóng chặt vào can xăng, căng một sợi dây điện thoại, để nguyên vỏ cao su đen để giữ tiếng trầm của sợi dây đàn, biến thành một chiếc “đại hồ cầm”, tiếng đàn nghe cũng “oách” ra phết. Chúng tôi cũng bắt đầu xin trại cho tổ chức những buổi văn nghệ bỏ túi. Các bản nhạc phải được đưa lên cho trại kiểm duyệt trước. Bản nào cũng của Văn Cao hoặc nhạc của Liên Xô, chứ nếu nói của Phạm Duy thì bị gạt sang một bên ngay tức khắc! Tôi đã được sự ủy quyền của Vũ Nam Hải, đứng ra điều khiển cho “ca đoàn” trình diễn bài *Mẹ Trưng Dương* với bốn bè, được “khán giả” vỗ tay hưởng ứng nhiệt liệt.

Trong gian nhà bên cạnh chúng tôi, có hai anh em ruột, cùng đi học tập với nhau. Thành và Thạnh. Thành là anh, rất khiêm nhường, vui vẻ và biết điều. Ông em, Thạnh, có lẽ đã được sinh ra ở gần kho đạn Thành Tuy Hạ, cho nên rất thích “nổ”. Ông cho biết là đã từng sang Mỹ, làm việc cho cơ quan NASA! Thành không học nhạc, mà mở một lớp dạy nhiếp ảnh.

Bác sĩ Thùy, một bác sĩ quân y trẻ, không được trại dùng vào việc gì, cũng ngồi gãi rốn như chúng tôi. Anh muốn mở một lớp dạy đỡ đẻ, phòng khi mai một được về, không được ở thành phố, không có bệnh viện, chúng tôi có thể tự lo cho vợ!

Anh chàng người Hoa, tên Hính, chúng tôi chọc ghẹo, gọi anh ta là Hứng, anh cũng không giận. Anh cũng có ít chữ nghĩa, chỉ dẫn thêm cho chúng tôi môn “chiết tự” và một số tiếng Hoa căn bản trong đời thoại.

Bạn Vang “mở” một dịch vụ sửa, vá quần áo miễn phí cho anh em.

Bác Hạnh nhấc gia đình mang lên bộ dao kéo, hớt tóc cho bạn tù.

Cán bộ trại cũng ngạc nhiên thấy chúng tôi sinh hoạt vui vẻ, thoải mái. Khi được hỏi thì chúng tôi đều trả lời giống nhau: “Bây giờ chúng tôi tuyệt đối tin vào cách mạng, chỉ biết yên tâm học tập, khi nào tốt thì nhà nước cho về thôi mà”! Chúng tôi trở thành những con vẹt hồi nào không hay.

Cũng nhờ được thăm nuôi, chúng tôi cũng bắt đầu có chè, cháo, thuốc Lào, thuốc rê, kẹo lạc, trà và cà phê v...v... Vẫn chưa chừa được cái nếp sống của tụi tiểu tư sản!

Tiểu Mục *Người tù bất khuất*

Trong trại, từ từ rồi chúng tôi trở thành thân thiết với nhau, biết rõ cá tính của nhau, có thể chọc ghẹo lẫn nhau mà không sợ mịch lòng. Gần hai năm ở với nhau trong hoàn cảnh khốn cùng, chúng tôi biết chỉ nên an ủi nhau, chờ cho đến lúc phép lạ xảy ra: chúng tôi được trả Tự Do.

Tôi muốn viết lại một đoạn văn sau đây như một nén hương dâng tặng linh hồn của một người bạn tù bất khuất. Tôi bảo đảm những điều tôi viết ra đây – cũng như những điều tôi viết về hai số phận bất hạnh của Lộc và Bé ở phần trước – là có thật “một chăm phần chăm” bởi vì viết về những người bạn đã chết tức tử trong tù cs thì tác giả không dám bịa đặt.

Tôi đang nói về anh bạn *Dương Hùng Cường*, Dê Húc Càn (DHC). Anh DHC và tôi ở tù chung với nhau trong gần 2 năm đầu ở trại Long Khánh. DHC có cái biệt tài là thuộc lòng như cháo các truyện kiếm hiệp của Kim Dung. Anh chàng này cứ từ từ, chậm rãi, kể cho chúng tôi nghe các bộ truyện, từ Võ Lâm Ngũ Bá, Thiên Long Bát Bộ, tới Thần Điêu Đại Hiệp, Anh Hùng Xạ Điêu, tới Cô Gái Đồ Long v..v.. Những bộ truyện này hầu hết chúng tôi cũng đã từng đọc qua, nhưng với tài “chiếu phim” của

Dương Hùng Cường, chúng tôi vẫn say mê, chìm đắm trong trí tưởng tượng, theo dõi từng đoạn, như thường!

(Dương Hùng Cường là một nhà văn miền Nam Việt Nam, nổi tiếng, dù viết không nhiều. Cho đến ngày qua đời, anh chỉ cho xuất bản trước sau ba tác phẩm. Đó là các cuốn “Buồn Vui Phi Trường,” “Lính Thành Phố” – ký sự, và “Vĩnh Biệt Phượng” – tiểu thuyết. Mặt khác, Dương Hùng Cường cũng nổi tiếng với bút hiệu Dê Húc Càn, trên tuần báo trào phúng Con Ong của nhà báo Minh Vô.)

Theo lệnh của trại, đúng 9 giờ tối là chúng tôi phải lên “chuồng” đi ngủ để hôm sau có sức mà “nao” động, “nập” công dâng “Bác”! Buổi tối xập xướng là vài người chúng tôi bí mật tụ tập ở đầu nhà, đốt ngọn đèn dầu lạc nhỏ, quây quần bên nhau. Ai có trà thì đem trà, ai có thuốc Lào thì đem thuốc Lào đến đóng góp. Anh Dương Hùng Cường dùng đỉnh “rít” một hơi thuốc Lào, “chiêu” một ngụm nước trà nóng, trong khi chúng tôi sốt ruột chờ anh kể tiếp đoạn truyện tối hôm qua, khi mà Tiểu Long Nữ và Dương Quá trút bỏ hoàn toàn y phục, áp mình vào nhau, để luyện môn *Ngọc Nữ Tâm Kinh*.

Bất ngờ, anh em được báo động là có cán bộ đến thì chúng tôi lập tức thổi phụt tắt ngọn đèn, chui vào mùng nằm nín thở mà tiếc hùi hụi. Có nhiều buổi tối, có lẽ bụng “chàng” đang rỗng, lại được bắn một “bi” thuốc Lào loại “xịn” của một người bạn mới được thăm nuôi: chàng rít xong là té bật ngửa, mồ hôi toát ra đầy trên trán, hai tay bắt chuồn chuồn.... Dần dần, chúng tôi đã quen với “màn trình diễn” này cho nên đã hết sợ! Khi tỉnh dậy, chàng lại say sưa kể truyện mà không hề muốn “bắn” thêm một “bi” nào nữa!

Thỉnh thoảng, trong giờ nghỉ giải lao, chúng tôi bị tập hợp lại và bị mấy thằng vệ binh oắt con chửi rửa là “chúng tôi biết các anh vẫn vi phạm nội quy của trại, hay tụ tập kể nhau nghe truyện của “nữ thi sĩ Kim Dung”!!! Má ơi, nghe “ăng ten” báo cáo thế nào

mà chúng nó dám “chuyển giống” cho ông Kim Dung, tội nghiệp ông ấy ghê!

Trong trại, thỉnh thoảng chúng tôi lại bị lừa vào “hội trường” để được mấy con vẹt, cán bộ chính trị của nhà nước “lên lớp” dạy một bài học về “kách mệnh”.

Một trong những bài học ấy là “*Nước ta có truyền thống đoàn kết, bất khuất, chống ngoại xâm.*” Con vẹt được cử đến “giảng bài” thao thao bất tuyệt và tỏ ra rất hãnh diện về những truyền thống tốt đẹp này. Buổi tối, khi về trại, chúng tôi phải ngồi “thảo luận”, phân tích về bài học và sau cùng, phải cố viết bịa ra một tờ “thu hoạch” và nộp cho trại.

Sau vài ngày, một hôm, chúng tôi được lệnh miễn lao động, tập hợp lên hội trường. Khi lên đến nơi thì chúng tôi đã thấy vô số vệ binh đồ trang bị AK-47, mặt mũi đờng đờng sát khí, gác chung quanh hội trường. Trong hội trường đã có một cái bàn dài, trải khăn xanh. Chúng tôi linh cảm rằng hôm nay sẽ có biến và nín thở chờ đợi.

Khi tất cả chúng tôi đã “an vị” trên các chiếc ghế đầu tự đóng và tự tha đi, có 5 cán bộ đeo “sắc cốt” và súng lục theo nhau vào ngồi trên bàn chủ tọa. Các vị này trông đều lạ, có lẽ từ đâu cử đến.

Một ông lấy trong túi ra một tờ giấy viết tay và hỏi lớn:

- Ai là anh Dương Hùng Cường? Lên đây!

Dương Hùng Cường biết lúc này là những giây phút cuối cùng của đời mình nên không tỏ vẻ sợ hãi, từ từ bước lên cạnh bàn của các cán bộ. Một cán bộ đưa anh tờ giấy và hỏi:

- Có phải đây là tờ thu hoạch của anh không? DHC liếc mắt và công nhận. “Đúng là của tôi”!

Cán bộ đập bàn và hỏi:

- Hôm trước, anh có học tập không? DHC đáp, “có.”

- Thế tại sao nhà nước dạy rằng “dân tộc ta có truyền thống đoàn kết” mà trong bản thu hoạch, anh lại dám nói là “dân tộc ta có truyền thống chia rẽ”?

DHC bình tĩnh hỏi lại:

- Thế các cán bộ có học sử Việt không? Cán bộ tức tối đập bàn:

- Là người Việt, ai mà không học sử Việt!

- Thế thì thừa cán bộ, Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ, đẻ ra một trăm trứng, nở ra một trăm con. Năm mươi con theo mẹ lên núi, năm mươi con theo cha xuống biển. Mầm mống chia rẽ đã có từ thời đó.

Các cán bộ te mũi, không trả lời được, cuộn gói hạm hực ra về.
Không có ai bị xử bắn ngày hôm đó.

Sau khi chuyển trại, chúng tôi không còn biết tin gì về nhau. Sau này, tôi nghe nói anh Dương Hùng Cường đã được thả nhưng lại bị bắt trở lại và đã bị cộng sản đánh chết trong tù, ở trại Phan Đăng Lưu, khi ấy anh mới 58 tuổi!

(Trích Việt Báo) Anh Dương Hùng Cường đi "tù cải tạo" từ 1975 đến 1979. Năm 1984 anh bị bắt giam lần thứ nhì cùng những cây bút khác gồm Khuất Duy Trác, Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Trần Ngọc Tự, Lý Thụy Ý... và bị buộc tội là một trong “Những Tên Biệt Kích Cầm Bút”.

Xin anh biết cho rằng chúng tôi vẫn nhớ đến anh và hôm nay, xin cầu chúc anh được an nghỉ bình yên trong cõi vĩnh phúc.

Chú thích riêng của tác giả: Trong số những tên “biệt kích cầm bút”, ngoài Dương Hùng Cường, có (nhà thơ) Trần Ngọc Tự là hai người bạn thân quý của tôi.



Trong ảnh, *Trần Ngọc Tụ* là người bung mâm quả đám cưới của vợ chồng chúng tôi năm 1972. Tác giả, chú rể, cài hoa trắng, cùng bạn Ngô Kim Hùng, phù rể, đi sau. *Trần Ngọc Tụ* đã khuyến khích tôi thỉnh thoảng viết lách một chút như là một trong những thú vui cuối đời. Tôi đã nghe theo.

Để chia sẻ thêm về hai người bạn chí thân này, nhà thơ *Trần Ngọc Tụ* và *Dương Hùng Cường*, đã từng bị “kết tội” là “những tên xung kích

cầm bút”, tôi xin trích bài viết của nhà văn *Du Tử Lê* trên báo *Người Việt* Tháng Ba 2018:

Đầu thập niên 1970, định mệnh đã mỉm cười với nhà văn Dương Hùng Cường. Dù nụ cười ấy nhanh chóng tắt ngúm; ném trả cuộc đời tác giả “Vĩnh Biệt Phượng” vào những bất hạnh, lao tù mới!

Đó là thời gian cho thấy dường như hoạn lộ của ông bắt đầu sáng sủa hơn. Ông được thăng cấp thượng sĩ, rồi chuẩn úy, thiếu úy và chuẩn bị theo học một khóa chuyên môn, để điều chỉnh cấp bậc và sẽ lên trung úy...

Người thân cận nhất với tác giả “Buồn Vui Phi Trường” ở giai đoạn này là nhà văn Trần Ngọc Tụ, thư ký tòa soạn cuối cùng của nguyệt san Lý Tưởng, tiếng nói chính thức của binh chủng Không Quân VNCH, tính đến Tháng Tư, 1975. Sau Nguyễn Thụy Long, có lẽ Trần Ngọc Tụ là người thứ hai, nói về đời thường của Dương Hùng Cường, thời gian mặc áo lính chi tiết nhất.

Nhà văn Trần Ngọc Tự kể rằng, ngay khi mới được bổ nhiệm về khối Chiến Tranh Chính Trị, Bộ Tư Lệnh Không Quân ở Tân Sơn Nhất, ông đã gặp nhà văn Dương Hùng Cường nhiều lần. Nhưng phải một thời gian sau, khoảng cách xa lạ, ngập ngừng giữa hai người mới được xóa nhòa.

Đó là thời gian Trần Ngọc Tự biết Dương Hùng Cường chính là Dê Húc Càn, người phụ trách mục “Cà Kê Dê Ngỗng” của tuần báo trào phúng Con Ong mà ông từng theo dõi, thích thú. Ngoài bút hiệu Dê Húc Càn, ông Cường còn có một bút hiệu khác là Lão Dương. Và, người thượng sĩ thâm niên này, đã không che giấu thiện cảm của ông, dành cho chuẩn úy trẻ, mới ra trường Trần Ngọc Tự.

Vẫn theo nhà văn Tự thì sự ưu ái mà nhà văn Dương Hùng Cường đặc biệt dành cho ông, vì trước sau không thay đổi thói quen tôn trọng đàn anh đi trước, ông còn: “...Hay đi chung với mấy anh em trong nhóm các cây bút của tập san Lý Tưởng Không Quân như Khải Triều, Kiêm Thêm, Phan Lạc Giang Đông, Minh Triệu-Ngô Văn Đắc, Trần Kim Nho, Thanh Chương, Hoàng Bá Thủy... mà anh cũng có thân tình từ trước nên tự nhiên tôi được ăn theo chút gì đó chẳng? Phần khác, có thể vì khi chuyện trò buổi sơ giao, tôi đã nhắc tới mấy chi tiết về nhân vật Pi lốt Thái Bình trong quyển ‘Buồn Vui Phi Trường’ của anh, từ đó dễ lấy được cảm tình của ông nhà văn nhà báo, có tiếng lừng kình và kén chọn trong việc giao tiếp với những người cùng đơn vị...” (Nguồn: Nguyệt San Việt Nam)

Từ tình thân này, Trần Ngọc Tự được biết nhà văn Dương Hùng Cường gia nhập binh chủng Không Quân từ năm 1953, ở miền Bắc. Ông được qua Pháp học ngành hoa tiêu, nhưng cuối cùng lại chuyển ngành học về chuyên môn kiểm soát không lưu. Trước khi được chuyển về Bộ Tư Lệnh Không Quân ở Sài Gòn năm 1965, Dương Hùng Cường phục vụ trên “Lầu Gương” tức Đài Kiểm Soát Không Lưu ở phi trường Biên Hòa khá lâu, trước khi được đổi về Bộ Tư Lệnh Không Quân ở Sài Gòn.

Chính thời gian làm việc tại phi trường Biên Hòa, đã đem lại cho Dương Hùng Cường bút ký “Buồn Vui Phi Trường,” mà có người từng ngạc nhiên, không hiểu từ đâu mà Dương Hùng Cường biết rõ phi trường Biên Hòa, vì những người này cho rằng

ông không hề làm việc tại phi trường Biên Hòa.

Vấn theo ghi nhận của nhà văn Trần Ngọc Tự, thì Dương Hùng Cường là người căn bản có tính bất cần đời... Vì thế ông đã gặp khá nhiều rắc rối trong binh nghiệp cũng như ngoài dân sự.

Để dẫn chứng cho ghi nhận của mình, Trần Ngọc Tự cho biết, ông từng được chính Thiếu Tá Bùi Hoàng Khải, xếp lớn của ông là bạn học cùng khóa với Dương Hùng Cường ở Pháp. Người nằm giường trên, người giường dưới; đã có không ít lần suýt xảy ra chuyện đánh nhau... Nếu ông Khải không nhẫn nhịn trước tính ngang bướng của bạn.

Trần Ngọc Tự cũng thêm rằng, sự chậm trễ lên lon của ông Cường, một phần còn vì ông không chịu tham dự những khóa tu nghiệp, để điều chỉnh cấp bậc, theo yêu cầu.

Giữa lúc những người bạn của nhà văn Dương Hùng Cường định ninh, con đường binh nghiệp của ông bắt đầu sáng sủa hơn, khi ông chịu lên trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt, theo học khóa sĩ quan căn bản chiến tranh chính trị để điều chỉnh cấp bậc thiếu úy rồi sẽ lên trung úy sau đây, thì một hôm, đang làm việc, bỗng Dương Hùng Cường bị khối An Ninh Quân Đội Không Quân đưa giấy, gọi trình diện...

Trước sự kiện bất ngờ này, nhà văn Trần Ngọc Tự kể, nhờ Thiếu Tá Trần Tam Tiếp làm việc tại khối An Ninh, mới biết rằng, trước đó ít ngày, trong một cuộc nhậu ở nhà hàng Thanh Thế, đã xảy ra một vụ lớn tiếng, qua lại, giữa một bên là Dương Hùng Cường, nhà văn Nguyên Vũ, và một bên là mấy dân biểu thân chính... Kết quả nhóm dân biểu này đã có thư tố cáo hai nhà văn vừa kể, về tội mạt sát đại diện dân cử, gửi tới nhiều cơ quan thẩm quyền khác nhau. Trong số đó, có cả văn phòng phủ tổng thống. Và, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã bút phê trong phiếu trình là: "Sĩ quan chiến tranh chính trị tuyên bố láo lếu, thuyên chuyển khỏi Quân Khu." (Nguồn: Nguyệt San Việt Nam)

Trần Ngọc Tự đọc được công văn này, khi một bản sao được chuyển cho khối Chiến Tranh Chính Trị Không Quân để thi hành. Thế rồi cả Dương Hùng Cường lẫn Nguyên Vũ bị thuyên chuyển về Sư Đoàn 3 Bộ Binh, ở Đà Nẵng.

Nhờ sự vận động tích cực của Thiếu Tá Trần Tam Tiếp (khóa 2 Nam Định, từng tu nghiệp ở Pháp), nên khoảng một năm sau,

Dương Hùng Cường được về lại Không Quân. Nhưng ông không còn ở ngành chiến tranh chính trị nữa mà bị đổi về Cần Thơ, phụ trách ngành hành chánh, sau khi tham dự một khóa học chuyên môn về ngành này, do nhà văn Trần Ngọc Tự phụ trách.

Lần gặp gỡ cuối với nhà văn Dương Hùng Cường, được nhà văn Trần Ngọc Tự ghi lại nguyên văn như sau: “...Lần sau cùng tôi gặp anh (Dương Hùng Cường) trước ngày 30 Tháng Tư, 1975, là vào khoảng Tháng Mười Hai, 1974. Anh đi phép và ghé vào Tân Sơn Nhất thăm bạn hữu anh em. Xuống khu gia binh uống cà phê, anh nói với tôi rằng đang bắt đầu chuẩn bị việc in ấn quyển ‘Vĩnh Biệt Phượng’ là tác phẩm thứ hai sau ‘Buồn Vui Phi Trường.’ Buổi sáng hôm ấy, tôi nhớ cũng có cả anh Nguyễn Đình Thiều, ở tờ Lý Tưởng phòng Tâm Lý Chiến cùng thời với anh Dương Hùng Cường đạo trước và đã thuyết chuyển đi căn cứ Không Quân Phan Rang mấy năm rồi. Thời gian đó, Thiếu Tá Sĩ Phú là trưởng khối Chiến Tranh Chính Trị ở đơn vị này. Anh Nguyễn Đình Thiều từ Phan Rang về và ghé qua Sài Gòn trên đường ra trình diện trại cai nghiện ma túy của quân đội ngoài Phú Quốc. Tôi được tin anh từ trần tại đây vào cuối Tháng Giêng, 1975.” (Nguồn: Nguyệt San Việt Nam)

Sau đấy, cũng như tất cả những sĩ quan bị kẹt lại, nhà văn Dương Hùng Cường bị tù cải tạo lần thứ nhất... (Đu Tử Lê)

Phải thừa thật với quý độc giả là bạn Dương Hùng Cường này khi còn sống với tôi ở Long Khánh, không biết sao, anh ấy là một nỗi ám ảnh lớn đối với cán bộ trại. Khi đọc tên điểm danh mỗi buổi chiều, ông thủ trưởng xướng:

- Dương Hùng Cường? DHC đáp: “có”. Ông thủ trưởng xướng tiếp:

- Dương Hùng Kỳ?!!! Tôi biết là ông ấy muốn đọc tên tôi nhưng ông ấy lộn, tôi vẫn đáp: “có”. Mọi việc êm xuôi, trôi chảy.

Thê thảm nhất là anh Nguyễn Mạnh Côn chết ở Trại Cải Tạo Xuyên Mộc. Anh Côn bị bắt tháng ba 1976. Năm 1977 tôi (Hoàng Hải Thủy) chỉ nhìn thấy anh vài lần khi tôi nằm Biệt

Giam – Sà lim số 20 Khu B, Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu. Rồi anh bị đưa lên Trại Xuyên Mộc, Bà Rịa. Năm 1980 khi từ nhà tù trở về lần thứ nhất tôi được tin anh đã mất ở Xuyên Mộc. Anh Côn là người chết tức tưởi, khổ sở, bị thương nhất trong số anh em tôi đã chết sau năm 1975. Thân xác anh nằm lại vùng rừng già Xuyên Mộc.

Năm 1986 anh Hiếu Chân Nguyễn Hoạt chết trong nhà tù Chí Hòa. Anh bị cao áp huyết. Phòng giam quá đông người nên quá ồn ào, rối tinh rối mù như trong ổ kiến. Những ông già bị tù cao áp huyết thường không chịu nổi cảnh loạn xạ bắt nháo từ sáu giờ sáng đến mười giờ đêm trong phòng giam chật ních người, các ông thường lặng lẽ ra đi vào lúc nửa đêm.

Năm 1987 Dương Hùng Cường Dê Húc Càn chết trong sà-lim khu B, Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu. Là sĩ quan anh đã đi cải tạo ba năm. Được về năm 1979 anh bị bắt lại – Đêm rạng ngày 2 tháng năm, 1984 – Anh bị khệp tội vào tổ chức “Bọn Biệt Kích cầm bút.” Năm sà-lim một mình, lên cơn bệnh, anh chết trong đêm. Cường nằm ở một nghĩa trang vắng vẻ trên Lái Thiêu.

Những người đã chết như: Tam Lang, Nguyễn Hiến Lê, Vũ Bằng, Chu Tử, Trần Việt Sơn, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Hồ Hữu Tường, Thiếu Lang; các bạn tôi: Minh Đăng Khánh, Trọng Nguyên, Hoàng An, Hoàng Thắng, Hoàng Trúc Ly, Huy Cường, Thái Dương, Trần Việt Hoài, Xuyên Sơn, Cát Hữu, Lê Thanh, Mai Anh, Trịnh Viết Thành, Lan Đài, Y Vân, Trọng Khương, Nguyễn Ngọc Tú tức Ngọc Thứ Lang, tác giả Bỏ Già, Hoàng Trọng Miên, Hồ Diệp mất tích trên biển, Minh Vô Con Ong, v...v... Còn bao nhiêu anh em tôi đã chết mà tôi không biết, không nhớ, không thể kể hết! (Hoàng Hải Thủy)

PHẦN SÁU

Khúc Quanh Bất Ngờ

Cuộc sống “an phận” của chúng tôi trong trại Long Khánh càng ngày càng có vẻ được dễ chịu hơn.

Họ đã bắt đầu cho chúng tôi được tự đi ra trồng rau ngoài hàng rào kẽm gai. Quanh đi quẩn lại thì cũng chỉ vài luống rau thơm, rau lang, và rau rền. Mỗi tổ chiếm một khoảnh đất. Đi ra, đi vào đều được tương đối dễ dàng. Các vệ binh gác cổng không còn hạch sách chúng tôi như trước. Các anh này thấy chúng tôi quá hiền lành, có quá nhiều tài, thỉnh thoảng các anh này cũng cần phải nhờ vả chút xíu.

Nhiều anh em trong chúng tôi khéo tay, nhặt được những miếng nhôm mỏng, đem về cưa, dũa thành những cái vòng đeo tay, cái gương, cái lược... hy vọng mai này đem về làm quà cho vợ! Nếu cần đánh cho bóng, các anh ấy lấy chuối hạt đeo cổ – ngày xưa chúng tôi dùng để đeo hai tấm thẻ bài – chà một lúc thì những đồ nhôm này sáng bóng như bằng bạc thật. Tôi lại có chút tài mọn là khắc chữ và trạm trổ trên những cái gương, lược này nên đôi khi cũng nhờ thế mà không phải đi lao động vài ba ngày, ở nhà “trang điểm” những món này dùm cho các bạn.

Ở trên “khung” mới tậu được một con bò. Chúng tôi được giao trách nhiệm chăn con bò này. Tội nghiệp, con bò cũng còm cõi không kém gì chúng tôi. Tổ nào đến phiên, được cắt đặt đi chăn con bò này thì quả là được một điểm phúc lớn. Chúng tôi không cần lấy dây thừng xỏ mũi con bò để dắt nó đi. Nó cũng mang đầy vẻ tự lự, muốn hưởng Tự Do. Nó cứ đứng đĩnh đi trước, người chăn nó theo sau. Cái quan trọng là anh nào được đi chăn con bò ngày hôm đó là phải nhớ mang theo một cái bịch nylon, hốt cái phân nó thải ra, đem về pha loãng với nước và tưới cho những luống rau của tổ. Vừa nhàn hạ, vừa được hưởng ké cái Tự Do của con bò. Bác Toàn là người ưu tiên được đi chăn bò khi đến phiên trực của tổ tôi. Bác Toàn trước đây là một sĩ quan an ninh quân đội, năm nay đã 60 tuổi trong khi đó, anh em chúng tôi chỉ từ 25

đến 30 tuổi. Lâu lâu cho bác được hưởng cái nhàn hạ chốc lát cũng là việc tốt, nên làm.

Tội nghiệp con bò: gần Tết âm lịch, trại cho lệnh thịt nó để “niên hoan” mừng Tết. Chúng tôi buồn vì mất đi những giờ phút Tự Do khi đi chăn bò, và cũng mất đi nguồn lợi cho luống rau – nhưng ngược lại thì khắp khối mừng thầm vì biết đâu, sẽ được trên chia cho một ít thịt, ăn cho có thêm tí *protein*?

Sau khi ngả thịt con bò xong, trại ra giá và chúng tôi phải gom tiền mua lại phần thịt, lẫn xương con bò để ăn Tết! Dĩ nhiên, phần bán cho tù cải tạo như chúng tôi là xương và da của phần còm cõi nhất, còn những phần thật sự có thịt và tý mỡ thì của “trên”. Nhưng đó cũng là lần thứ nhì trong năm chúng tôi được ăn thịt. Lần trước là hôm 2 Tháng Chín.

Như đã nói ở trên, trại bây giờ tỏ ra dễ dãi hơn với chúng tôi rất nhiều vì có lẽ, dần dần, họ cảm nghiệm được là chúng tôi thực sự không phải là những tên có tội ác với nhân dân, luôn hà hiếp, cưỡng bức dân lành như chúng đã từng bị nhồi sọ. Họ đã nhận ra rằng chúng tôi có tư cách, rất lịch sự, nhã nhặn và đều có học.

Từ từ, họ bỏ cái thói hay “nổ” trước mặt chúng tôi. Những cái họ nói trước đây, khi mới vào Miền Nam, như là *frigidaire*, *Ti Vi* chạy đầy đường, họ biết mình đã bị “hớ”. Những cái ấu trĩ như là đồng hồ “không người lái”, 12 đèn, hai cửa sổ, đều dần dần bị đào thải.

Không biết những người csVN sau này có cảm thấy một chút ngượng ngùng nào khi nhớ đến cái “huyền thoại” bác Phạm Tuân lái chiếc Mig chui vào trong mây, tắt máy, phục kích, khi máy bay B-52 của giặc Mỹ bay ngang, nhảy xổ ra bắn rơi xuống hồ Trúc Bạch Hà Nội?

Thêm vào đó, tôi chắc câu hỏi chung của rất nhiều người trong chúng tôi là: Không biết người csVN có còn lương tri, liêm sỉ và cảm thấy hổ thẹn khi nhớ lại cái thông cáo “trình diện học tập”

mà “Nhà Nước” đã cố tình lừa dối người dân trong nước – lẫn dư luận thế giới – khi họ tung một mẻ lưới hốt gần như 100% quân, cán, chính Miền Nam Việt Nam vào tù? Cho đến nay, nhà nước Hà Nội vẫn chưa bao giờ tỏ ý hối hận về chuyện này và, dĩ nhiên họ chưa bao giờ “xin lỗi” chúng tôi vì chính sách đã man này!

Bỗng một hôm, tự nhiên vào sáng sớm, “bếp” chúng tôi được lệnh chuẩn bị cơm trưa, ra lao động ngoài đồn điền cao su Long Khánh. Đây là một tin vui bất ngờ vì biết mình sẽ được ra phố, nhìn thấy – và may ra, có thể được tiếp xúc với dân?

Một hai ngày đầu, các vệ binh còn canh chừng chúng tôi trong rừng cao su đó, nhưng sau vài ngày, các anh này cũng có hứng thú ra chợ, đi chơi và mua sắm chút đỉnh. Dần dà, chúng tôi cũng quen với công việc. Thực chất thì chúng tôi chỉ dọn cỏ trên các con đường thẳng tắp trong đồn điền. Chúng tôi không phải là dân cạo mủ chuyên môn nên họ không dám giao cho việc này. Đồn điền cao su này được người Pháp khai thác cả trăm năm trước nhưng bây giờ vẫn là nguồn lợi vô biên của nhà nước, qua bàn tay của phu cạo mủ. (Thời nào thì phu cạo mủ cao su cũng bị lợi dụng, bóc lột như nhau!)

Vào buổi sáng, khi ra đến nơi, sương hầy còn mờ mờ, lãnh đăng trên các tàng cây. Ánh nắng mặt trời bắt đầu le lói, chiếu thành những vệt sáng dài thẳng tắp, xuyên qua sương sớm và những vòm lá, tạo nên một khung cảnh thật lãnh mạn, nên thơ. Anh bạn Tiến “thi sĩ” lớn giọng ngâm nga những bài thơ cũ có, mà do anh mới sáng tác cũng có. Chúng tôi say sưa thưởng thức cái hạnh phúc hiếm hoi đó. Kể ra, đời cũng còn có những lúc đẹp! Thời khóa biểu và chỉ tiêu làm việc cũng được nói lỏng đôi chút. Mọi việc sắp xếp làm việc chỗ nào, rầy cỏ cho bao nhiêu hàng cao su...đều do chúng tôi tự phân công đảm nhiệm.

Bây giờ, trong chuyến đi công tác làm cỏ cho đồn điền cao su, chúng tôi đã có cơ hội chia nhau chạy ra khu chợ gần đó, trao đổi, mua bán vài món cần thiết rồi chạy về nơi công tác. Có lẽ,

các vệ binh cũng biết nhưng việc này có vẻ vô hại, họ cứ lờ cho chúng tôi được thoải mái hơn. Dần dần, chúng tôi lại kiêm thêm công việc mua hàng dùm cho anh em trong trại. Hầu như ngày nào cũng cầm theo một cái “sớ”, ghi những thứ anh em nhờ mua hôm nay. Thường thì cũng chỉ vài thẻ đường, thuốc Lào, thuốc rê, giấy cuốn, diêm quẹt, hoặc có khi là một cái nồi bằng gang, cỡ nhỏ, hoặc vài loại thuốc tây quen thuộc. Khi chúng tôi cần chút xăng bật lửa, cho anh em, thì lại mon men đến anh bộ đội lái xe đưa chúng tôi đi làm, xin xỏ, các anh ấy cũng không hẹp bụng.

Tôi vốn thích ăn xôi từ lúc còn nhỏ nên hay lên chạy ra chợ tìm mua một nắm xôi. Các chị, các bà bán xôi đều biết chúng tôi trước đây là những sĩ quan, bây giờ, sa cơ thất thế, phải đi tù cải tạo, tỏ ra thương cảm vô vàn. Thường thì họ vừa bán, vừa cho. Chúng tôi cũng ngậm ngùi không kém. Nhìn nhau mà ngán lệ.

Có một anh không phải trong tổ tôi, nghe nói đời sống ngoài đó quá vui, anh rất muốn được đi theo chơi. Anh bạn này tên Tây, tên của anh là Tây chứ không phải có tên tiếng Pháp. Tây trước đây là một sĩ quan thuộc Lực Lượng Đặc Biệt. Anh có dáng người vừa phải, khuôn mặt khắc khổ, hay đăm chiêu, rất ít nói và không có bạn. Khi rảnh, chúng tôi chỉ thấy anh đi đi, lại lại, mất dỗi ra hàng rào kẽm gai như mong ngóng điều gì. Tây ngỏ ý rất muốn được theo chúng tôi ra đồn điền cao su, hưởng ké chút không khí Tự Do.

Tôi là tổ trưởng cho nên phải lên gặp thủ trưởng để xin hộ anh. Ông thủ trưởng vốn là người dễ tính, ngay cái việc “tiền sĩ” Nguyễn Văn Hảo ngày trước, ông cũng không có ý muốn phạt nặng. Ông thấy không trở ngại nhưng bắt tôi phải chịu trách nhiệm. Tôi nghe thấy vậy cũng nhột quá, tôi về nói lại với anh. Anh Tây nói:

- Tôi có thể làm gì hại anh chứ? Là chỗ bạn bè, anh cứ tin tôi đi. Sau mấy ngày suy nghĩ và bàn bạc với anh em trong tổ, tôi đành phải chiều anh Tây, cho anh ấy đi theo ra ngoài Long Khánh. Anh tỏ ra rất hứng khởi, cảm ơn tôi rồi rít.

Những ngày đi làm với nhau qua đi một cách bình thường. Anh Tây rất chịu khó. Khi anh thấy tôi lên ra chợ, anh cũng chạy theo, cũng mua vài món đồ cần thiết.

Một ngày. Một ngày oan nghiệt cho tôi: Đến chiều, lúc hết giờ làm, lục tục kéo nhau về, đợi mãi không thấy Tây đâu. Đồn điền cao su có những con đường và những hàng cây nhìn ngang, nhìn dọc, nhìn xéo góc – đều thẳng tắp và giống hệt nhau. Chúng tôi nghĩ rằng Tây đã bị lạc nên nán nà đợi anh ấy thêm một lúc. Vẫn không thấy bóng dáng anh chàng này đâu. Tôi là người trách nhiệm nên lo sợ nhất. Cuối cùng, đành phải dắt díu nhau, nhắm mắt đưa chân (trường hợp này thì đúng là “nhắm mắt đưa chân”) trở về trại.

Khi về đến tổ, tôi là người phải mang cái chuyện này lên trình cho trại. Không muốn bước nhưng vẫn phải lê chân đi về phía khu trại của cán bộ. Tôi mong được gặp ông thủ trưởng nhưng lại gặp một ông cán bộ khác. Tôi báo cáo là hôm nay có một người đã bị “lạc” mất!

Bạn đọc cũng có thể hình dung được ánh mắt giận dữ của ông cán bộ này lúc đó. Tôi đứng đó mà chân chỉ muốn khuyu xuống. Thương bạn, thương mình. Lại một người tù trốn trại nữa. Thân phận bạn mình sẽ ra sao? Thân phận mình sẽ ra sao?

Ông cán bộ cô lấy bình tĩnh hỏi đầu đuôi sự việc. Ông nghe tôi trình bày nhưng hình như ông không nghe thấy gì. Lửa giận trong lòng của ông đã làm mờ giác quan của ông ấy. Tôi phải giữ khoảng cách và ngấm ngấm thủ thế! Ông nghe tôi nói xong thì cố làm ra vẻ bình tĩnh (chắc lúc này ông bình tĩnh lại thật rồi bởi vì ông cũng sẽ phải trình báo lại cấp trên của ông) nói ngắn gọn với tôi:

- Ngày mai tổ của anh không ra làm ngoài đó nữa. Tôi sẽ đổi tổ khác. Anh về đi.

Các bạn của tôi ở bên trại cũng lỏng ngóng đợi tin tức của tôi. (Họ không muốn phải lên trại trên khiêng tôi về.) Mọi người đổ

ùa ra vui mừng vây quanh tôi khi họ thấy tôi vẫn còn tự về được. Hầu hết những câu hỏi thốt ra từ những cái miệng nhanh nhẩu là:

- Thế tội nó không đánh mày à? Tội tao ở đây chuẩn bị mang võng lên khiêng mày về!

Thật sự tôi cũng không vui nổi với những quan tâm hồn nhiên của đám bạn vì biết chắc chắn rằng mai kia tôi sẽ phải chịu những hình phạt không lường được vì cái tội “bao che, tiếp tay cho người khác trốn tù”.

Trong suốt cả tuần, đời vẫn trôi qua trong yên lặng một cách đáng sợ - ít ra, đối với cá nhân tôi. Anh em vẫn hàng ngày vác cuốc ra ngoài hàng rào kẽm gai trồng tía. Buổi tối vẫn về kể cho nhau nghe những chuyện vụn vặt xảy ra trong ngày để qua thì giờ.

Một buổi sáng sớm, tiếng loa gõ lộc cộc, gọi tôi lên trình diện trại, mang theo giấy bút. Không ai đoán được là trại muốn gì. Tôi nuốt vội nắm cơm nguội anh Ninh Thế Đồng đưa cho. Tôi lặng lẽ lục trong túi xách, lấy ra cuốn vở và cái bút bi. Bạn cùng tôi nhìn tôi ái ngại. Từ gian phòng tôi ở lên đến trại quản giáo chỉ cách nhau độ vài trăm thước nhưng hôm đó, nó dài lê thê, đi mãi chưa đến nơi. Con đường tự nó xa hay là tôi đang cầu để đi mãi không tới? Không biết.

Việc gì đến cũng phải đến. Một anh vệ binh dẫn tôi vào một gian phòng trống, đã kê sẵn một cái bàn và hai cái ghế. Anh bảo tôi ngồi xuống đó, viết tờ báo cáo, kể rành rẽ hết sự việc xảy ra hôm người tù trốn trại. Anh nói xong, bỏ đi. Gọi là phòng nhưng thật ra, nó là một khoảng không gian nhỏ, che không gian đối diện phía bên kia bằng một lớp phen mỏng đan bằng tre.

Trong này nói gì thì ở ngoài cũng nghe hết.

Tôi ngồi suy nghĩ nên viết thế nào để có thể chạy bớt tội của mình. Đối với họ, dù sao đây cũng là một cái tội. Chữ của họ dùng là “tội bao che và tiếp tay cho người khác trốn tù”.

Bình thường thì tôi có tiếng là viết chữ đẹp nhưng hôm đó, tôi cố tình viết chữ nguệch ngoạc, khó đọc. Có lẽ lúc đó tôi nghĩ được cách này để câu giờ? Chừng hơn một tiếng đồng hồ sau, một anh cán bộ khác vào phòng. Anh muốn biết tôi đã viết xong chưa, có mô tả hết sự việc ngày hôm đó không. Tôi đưa anh tờ giấy và nói:

- Thừa cán bộ, tôi đã viết hết trong này rồi. Anh ta cầm tờ giấy và chăm chú đọc. Chỉ một chút xíu sau, anh ấy nói:

- Tôi không có thì giờ đọc hết tờ khai này của anh. Anh hãy nói tôi nghe nhanh hơn. (Chàng này thuộc loại i-tờ-rít, không biết đọc, còn giả bộ). Tôi cũng đành phải kể hết cho anh nghe những gì tôi viết trong giấy. Anh chàng cũng vẫn còn thái độ hờ hững. Anh nói:

- Thôi, nếu anh đã thành khẩn khai báo hết rồi thì anh cứ về. Chúng tôi sẽ điều tra thêm và làm việc với anh sau.

Tôi cũng làm bộ bình tĩnh ra về nhưng kỳ thực, tim tôi muốn nhảy ra ngoài vì tôi hiểu đây là đòn cân não. Trước sau gì tôi cũng sẽ nhận lãnh đòn thù của họ.

Một vài hôm sau, thấy tình hình có vẻ yên tĩnh, một người trong tổ của tôi nói nhỏ với tôi:

- Hôm Tây nó trốn, tao có nhìn thấy nó leo lên ghế sau xe gắn máy của một người đàn ông từ bên kia đường vòng sang đón nó rồi hai người biến mất vào chợ. Tôi chỉ nói với nó là:

- Việc này, mày phải nhớ, sống để bụng, chết mang theo. Tuyệt đối không được nói thêm việc này với bất cứ ai. Cho dù sau này, trại cho điều tra thêm, mày hoàn toàn không biết, không thấy, hiểu chưa? Nếu việc này lộ ra, mày sẽ bị phạt nặng hơn tao. Bây giờ, tao lỡ gánh tội rồi, để tao chịu một mình.

Chuyện này đã xảy ra cách đây đã 48 năm, trong trại học tập cải

tạo vùng Long Khánh! Cứ theo *ngài Minh Tuệ** thì đáng lẽ tôi phải buông bỏ hết nhưng có lẽ chính vì không thể buông bỏ và nhất định phải kể ra. Tôi chưa thành chánh quả.

Một tuần trôi qua, tình hình có vẻ yên ổn. Ông cán bộ hôm trước xuống tận tổ tìm tôi. Lúc đó là buổi chiều, tôi vừa làm xong chỉ tiêu của mình, đang xách cái gầu, chuẩn bị ra giếng tắm.

Ông cán bộ nói tôi theo ông lên trại. Tôi vớ vội cái quần dài và theo ông.

Lên tới trại, chúng tôi vào cái phòng hôm trước. Ông lôi tờ giấy tự khai của tôi ra. Ông nhìn vào mặt tôi và bất ngờ hỏi có vẻ rất hần học:

- Anh có ý gì mà anh thêm chữ này vào tên của anh. Ông không biết đọc chữ “Z” nên ông dí ngón tay vào chữ đó ở tên tôi trong tờ kiểm điểm, tự khai của tôi. Anh hãy còn cái tư tưởng “ôm chân đế quốc”.

Tôi không hiểu tại sao ông ấy lại “đổ” cho tôi cái tội ôm chân đế quốc. Tôi nói là tôi không hiểu, xin cán bộ giải thích thêm. Ông cán bộ quần giáo đập bàn phẫn nộ hỏi là:

- Anh có ý gì mà thêm chữ này vào trong tên của anh? Trong tiếng Việt đâu có chữ này. Anh có ý chống đối nhà nước hả? Thôi to chuyện rồi, toát mồ hôi! Chỉ vì mình có tên hơi khác lạ so với cái tên “Dương” bình thường mà bị cán bộ gán ghép cho hai cái tội: Ôm chân đế quốc, và chống đối nhà nước. Đúng là “miệng nhà quan có gang có thép”! Tôi ôn tồn giải thích là hồi tôi sinh ra, ở Hà Nội có phong trào thêm chữ Z này vào sau chữ D nếu cha mẹ đặt tên con bắt đầu bằng chữ D. Cán bộ đập bàn quát:

- Tôi không cần biết tên ai thế nào nhưng hôm nay, tôi quyết định anh phải bỏ chữ đó ra khỏi tên của anh. Tôi vẫn cố giải thích:

- Thưa cán bộ, tôi vẫn học tập tốt, thiết tưởng việc tôi có tên lạ

như vậy đâu có liên quan gì với nhau? Cán bộ lại càng tức tối:

- Anh còn ngoan cố nữa hả? Một lần nữa, tôi hỏi anh, hôm nay anh có chịu đổi cái tên đó không? Tôi lại phải vót vát:

- Thưa cán bộ, hôm nay tôi sửa cái tên của tôi cũng được, nhưng mai kia có cán bộ khác hỏi tôi tại sao tôi không khai trước sau như một – lúc mới vào trại thì khai tên khác, bây giờ lại khai tên khác? Thì tôi cũng khó trả lời. Ông cán bộ có vẻ suy nghĩ nhưng vì đã lỡ ra oai nên vẫn đưa tôi tờ giấy bảo tôi viết xuống lời cam kết là kể từ hôm nay, tên của tôi sẽ không có chữ “Z”. Ông đứng dậy bỏ đi và hẹn nửa tiếng sau sẽ trở lại.

Từ khi sinh ra, và dĩ nhiên, trong giấy khai sinh, tên tôi đã có chữ “Z” sau chữ “D”. Sống gần 30 năm ở cả Hà Nội lẫn Sài Gòn, vẫn không gặp rắc rối gì với cái tên “kỳ quặc” này. Cho đến hôm nay, thì tôi mới bắt đầu trải qua những kinh nghiệm không có cách giải quyết.

Tôi cũng ngạc nhiên là tại sao hôm nay ông cán bộ này không thêm đếm xỉa gì đến cái “đề tài” đang bỏ dở - tức là cái việc điều tra vụ trốn tù của anh Tây.

Tôi ngồi ngậm bút suy nghĩ cách trốn cái việc làm trái khuấy này. Chừng nửa tiếng sau ông trở lại thật. Thấy tôi vẫn chưa viết được chữ nào, ông nổi giận đùng đùng, tát vào mặt tôi một cái. Không chuẩn bị trước nên tôi lãnh đủ cú đánh hậm hực đó. Ông hỏi tôi:

- Sao, bây giờ anh có chịu viết tờ cam kết không? Lúc này tôi vẫn lắc đầu, biết là không sao giải thích hoặc tránh né gì được. đành phải chờ đợi hậu quả vậy.

Quả thực, ông sai mấy người vệ binh lôi tôi ra khỏi phòng, trói tôi vào cái cột và đâm liên tục vào ngực, vào bụng, vào mặt tôi. Hồi còn trẻ, tôi có học võ vẽ vài ngón của hai môn võ Judo và Taekwondo nhưng hình như lúc này những kỹ thuật tôi học được cũng không giúp được gì cho tôi lắm, chỉ còn cách gồng mình,

chịu đựng. Ngày xưa, ở trong các quân trường, sinh viên sĩ quan đều nhìn thấy khẩu hiệu “*Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu*”.

Hôm nay tôi vừa mất mồ hôi, lại vừa tổn máu!

Đánh đấm một hồi, tôi rũ người ra nên các anh vệ binh hình như không còn hứng thú nữa. Họ lôi tôi xuống “chuồng cọp” gần khu trại của họ và thả tôi xuống đó.

Chuồng cọp là một cái hố đào bằng tay, chung quanh có rào kẽm gai, trên có một miếng tôn làm mái. Chiều dài không đủ cho tôi nằm, chiều cao không đủ cho tôi đứng. Cứ phải lom khom như vậy. Một chút xiu sau, mệt quá, tôi đành phải ngồi bệt xuống. Khổ nổi là dưới đáy chuồng cọp lại còn một ít nước mưa đọng lại! Bất cần, đau và mệt quá, tôi cứ ngồi trong tư thế nửa khô, nửa ướt như vậy mà thiếp đi.

Sáng sớm, họ đưa cho tôi một nắm cơm gói trong lá chuối. Họ xóc tôi lên mặt đất, dẫn tôi ra một đồng củi của ai đó chẻ và bỏ dở. Một ông cán bộ bảo tôi “chẻ tiếp đồng củi này xong, cho anh về trại”. Nhìn quanh, chỉ thấy một lưỡi búa rìu, đã rỉ sét, rất cùn mà lại không có cán nữa! Đồng củi còn lại đó chỉ còn những khúc cong queo, đầy mắt, có con rựa bén cũng khó mà chẻ, huống chi đang trong tình thế tay không! Tôi lại phải ngồi đợi con giận kẻ tiếp của những người quản giáo.

Một lúc sau, một anh vệ binh đến, hắt hàm hỏi tôi:

- Anh chẻ đến đâu rồi? Tôi phân trần:

- Tôi không có con rựa để chẻ, các anh chỉ cho tôi lưỡi búa này mà lại không có cán. Tôi không làm gì được. Tôi rất tiếc.

Anh vệ binh ngồi xuống bên tôi hỏi:

- Anh có biết bài hát *Những Đồi Hoa Sim* không? Tôi sợ đây là

cái bẫy của họ cho nên giả vờ không biết. Anh vệ binh có vẻ thân mật nói:

- Anh không phải dấu tôi. Tôi biết là trong Nam, các anh ai cũng biết bài hát này mà. Tôi thấy thái độ của anh chàng này có vẻ vô hại nên tôi hỏi lại:

- Vậy anh muốn biết bài hát này làm gì? Anh chàng có vẻ tươi hơn một chút. Anh nói:

- Thực ra một tuần nữa, tôi được về Bắc, đi phép, tôi muốn chép bài hát này về tặng vợ tôi. Ở ngoài đó ai cũng thích bài hát này nhưng không ai biết trợn lời của nó. Anh giúp tôi được không?

Cơ hội ngàn vàng đến rồi đây! Tôi nói nhỏ với anh: Nếu anh cho tôi về trại với anh em, tôi tìm người bạn nào thuộc bài hát này, tôi sẽ chép lại cho anh.

Anh vệ binh đứng dậy, dẫn đường, đưa tôi trở về trại. Các bạn tôi ra dìu tôi vào nhà, giúp tôi lau máu và bôi dầu lên các vết bầm tím của tôi.

Tối hôm sau, anh vệ binh trở lại, tìm tôi và đưa cho tôi cuốn vở học trò còn mới tinh. Anh nói “anh chép lời bài hát vào đây cho “em”. Cố viết cho đẹp để em mang về tặng cô vợ mới cưới”. Trời đất ơi, hôm nay anh chàng vệ binh này xưng “em” với tôi. Có thật không đây? Dĩ nhiên là bài Những Đồi Hoa Sim tôi thuộc lòng. (Lúc đó chỉ có bài hát nguyên thủy của Dzũng Chinh phỏng theo lời của bài thơ Màu Tím Hoa Sim của nhà thơ Hữu Loan.)

Hai ngày sau đó, tôi “vắt chân chữ ngũ”, nằm khểnh, nghỉ ngơi để “duỡng thương”. (Cái tên của ông Dzũng Chinh này cũng có chữ Z đấy, các ông cán bộ có dám thắc mắc gì không?)

Hai hôm sau, anh vệ binh trở lại tìm tôi, anh ấy mang theo một bịch nylon đựng một ít ruốc (thịt chà bông) và một bịch nhỏ khác, đựng một ít “mì chính”, một thứ phụ gia (bột ngọt) đáng quý của

người Miền Bắc. Tôi trao lại cuốn vở cho anh. Anh liếc nhìn thấy tôi trình bày rất đẹp, bài hát được viết nắn nót. Anh hài lòng lắm, cầm về.

Đây âu cũng là câu chuyện rắc rối trong đời tôi nhưng nó lại có cái kết đẹp vì sau trận đòn bắt tôi phải bỏ chữ Z ra khỏi cái tên của tôi, tên tôi được lan truyền trong giới quần giáo của trại. Khi cần đến việc làm tỷ mỉ, khéo tay là họ lại nhờ vệ binh chạy xuống trại tìm tôi và nhờ tôi giúp. Tôi luôn lợi dụng việc này, phải có qua có lại chứ! Tôi không bao giờ quên “mặc cả” đòi vài ngày nghỉ khỏi đi lao động!

Tôi cũng yên trí hơn, không sợ bị đánh nữa vì hầu hết các cán bộ và vệ binh trong trại, ít nhiều, cũng đã nhờ tôi việc này, việc nọ!

Cũng vì vậy mà câu chuyện anh Tây trốn trại không bao giờ được nhắc lại nữa. Thật là một **khúc quanh bất ngờ**.

**Hành giả Minh Tuệ tu theo hạnh đầu đà. Đầu-đà 頭陀 (tiếng Phạn Dhuta) hay hạnh đầu đà 頭陀行 là thực hành tu khổ hạnh để dứt bỏ các tham dục, phá ngã chấp, thực chứng khổ chỉ là vọng tưởng của tâm chứ không phải có thật. Có 12 (có nơi ghi 13) hạnh đầu-đà:*

1. Y phục làm bằng những mảnh vải rách.
2. Chỉ dùng ba y.
3. Khất thực mà ăn.
4. Chỉ ăn một bữa vào giờ trưa.
5. Không ăn quá no.
6. Không giữ tiền bạc.
7. Sống độc cư.
8. Sống trong nghĩa địa.
9. Sống dưới gốc cây.
10. Sống ngoài trời.
11. Không ở cố định, thường du hành.
12. Ngồi ngủ, không nằm ngủ.

Đối với Minh Tuệ thì khổ hạnh chỉ là hình thức bên ngoài, khổ chỉ là vọng tưởng của tâm thôi chứ không phải tuyệt đối có thực. Nên phép tu khổ hạnh của ông là phá bỏ vọng tưởng đó, thực chứng tánh không của vạn pháp. Ông chứng tỏ cho mọi người thấy rằng để đầu trần phơi nắng, đi chân đất, dầm mưa dãi nắng, ăn tối thiểu mỗi ngày một bữa để sống chứ không cầu no, không cầu ngon, ngủ ngồi dưới gốc cây hay dưới gầm cầu, và không có gì là khổ sở cả. Ông vẫn vui vẻ khỏe mạnh, coi việc đi bộ từ nam ra bắc và ngược lại chỉ giống như đi hành cước dạo chơi thôi, không có gì là khổ, ông vẫn hạnh phúc.

Vậy điều chủ yếu là ông thực hành tánh không mà Phật giáo đã hướng dẫn. PG nói ngũ uẩn giai không và ông thực hành lời dạy đó. Ông buông bỏ tất cả bởi vì thế gian chỉ là ảo mộng, không có cái gì tuyệt đối chân thật, tất cả là do tâm tạo (nhất thiết duy tâm tạo). Ngay cả thân mạng ông cũng không coi là quá quan trọng.
(Trích bài của Thư Viện Hoa Sen)

PHẦN BẢY

Cũng Cần Một Bàn Tay

C hắc hắc quý độc giả cũng còn nhớ ở phần trước, khi nói về loại thuốc trị bá bệnh KaPê Xiline của bộ đội quân giáo, tôi có nói về Thùy, một bác sĩ quân y trẻ tuổi. Thường thì anh bạn này cũng “sáng vác cuộc đi, tối vác về” như ai! Anh không được hành nghề, ngứa tay, muốn tình nguyện lên “bệnh xá” của trại làm. Nhìn cái vẻ thư sinh, khuôn mặt bầu bĩnh, trắng như bột, đáng người nhỏ như con gái, lại ăn mặc rách rưới, không cán bộ nào tin là trước đây, anh đã từng là bác sĩ của Sư Đoàn Dù! Có thể cũng vì tự ái, họ vẫn tin vào các ông “y sĩ” Bắc Việt hơn.

Một hôm, có một sự “có” xảy ra: Một anh bộ đội đi đâu, nhìn thấy cái tổ ong. Anh ấy mừng quá, về nhà tìm cái bịch nylon mang theo với ý định là ra vớt lấy một ít mật. Mật này hoàn toàn thiên nhiên, chắc là tốt lắm đây. Có lẽ anh này không biết tí gì về đặc tính của ong mật. Anh trèo lên, lấy cái que, chọc vào tổ ong để hy vọng, mật tươi sẽ từ đó mà chảy ra! Không ngờ, đàn ong tủa ra, vây lấy anh, chúng “đánh” anh tận tình. Đang ở trên cây, không biết đường nào mà đỡ. Gậy, bịch nylon lẫn thân thể của anh rớt xuống đất. Không chết nhưng trán của anh bị một rách một đường từ giữa trán sang đến tận màng tang. Mạch máu ở màng tang cứ bơm từng chập, tuôn ra lênh láng. Cũng may, anh được đồng đội khiêng về trạm xá kịp thời. Ông y sĩ Bắc Việt không làm sao cầm máu cho anh này được. Bất ngờ, họ nhớ đến anh chàng thư sinh “tự nhận” là bác sĩ của quân Ngụy ở trong trại bên kia. Họ không còn cách nào khác, đành phải cho vệ binh chạy sang trại, kêu BS Thùy sang giúp họ. Thùy vớ vội túi đựng “đồ nghề” của mình chạy theo sang bệnh xá của quân giáo.

Với lương tâm của một vị bác sĩ, không phân biệt bệnh nhân là ai (tổ Hippocrates đã dạy như thế) Thùy dùng mấy cái kim, kẹp các mạch máu trên vùng màng tang. Máu đã ngừng chảy. Anh làm công việc của anh rất nhuần nhuyễn, cẩn thận khâu vết thương cho nạn nhân. Mặc dù không có thuốc tê – nhưng thà chịu đau ít còn hơn đau nhiều, (có khi mất cả mạng) nếu không được những cái kim (có hình nửa vòng tròn) này xỏ vào thịt khâu vết thương cho mình. Anh bộ đội

nghiên rằng chịu đựng. Ông y sĩ và vài anh bộ đội khác đứng quan sát. Có anh còn thủ sẵn súng, trường hợp thằng Ngụy này giả bộ, cố tình giết đồng đội của họ thì họ sẽ không tha. Thùy không cần phải dùng những ngón tay để điều khiển kim khâu. Kim, chỉ được khéo léo khâu và thắt nút với nhau bằng hai cái kẹp. Đến nút thắt sau cùng, mọi người thở phào. Bây giờ họ mới tin thằng “nhãi” này là bác sĩ thật. Thùy lau mồ hôi trán và chào mọi người ra về và hẹn:

- Nếu trại muốn, ba hôm sau, tôi sẽ trở lại tháo chỉ và rửa vết thương cho anh ấy. Thùy được một vệ binh “ân cần” tiễn về trại.

Chúng tôi “phỏng vấn” thì Thùy cho biết “ôi giời” đây là ca phẫu thuật dễ nhất từ trước đến giờ trong cuộc đời binh nghiệp của anh. Tuy vậy, anh cũng thú nhận là cho dù với lương tâm của một bác sĩ, lúc khâu vết thương cho anh bộ đội kia, một chút lửa hận cũng có dâng lên trong lòng anh. Anh cố tình làm việc thật chậm, làm ra vẻ kỹ lưỡng, nhưng thật ra, anh để cho tên ấy phải chịu đau đớn lâu hơn một chút.

Ba hôm sau, lại một anh vệ binh sang trại chúng tôi, tìm Thùy rồi cùng đi về trại bên kia. Họ không nói chuyện với nhau, nhưng thái độ không có vẻ xa cách và hằn học như mọi khi.

Anh bộ đội bị thương có vẻ cảm kích ra mặt vì đã được các đồng đội kể cho nghe từng chi tiết của lần cấp cứu. Sau khi tháo băng, cắt chỉ, anh ân cần cầm tay Thùy cảm ơn. Anh còn hứa là từ nay sẽ không dám chọc tổ ong nữa. Mọi người đứng chung quanh phì cười. Hòa cả làng.

Có lẽ càng có những sự việc như vậy, cộng với vô số những giúp đỡ của những người tù, bộ đội quân giáo cũng bớt hung hăng khi phải tiếp xúc với chúng tôi.

Anh Dương Hùng Cường vẫn còn ở trại đó. Ông thủ trưởng vẫn điểm danh tên tôi bằng cái tên *trộn* giữa hai người: Dương Hùng Kỳ!

Tôi vẫn được anh em tín nhiệm là có tài viết chữ đẹp, có tài điêu khắc, trạm trổ. Những tài này chỉ được “trọng dụng” trong trại tù này thôi

chứ ngày nào đó, ra được bên ngoài, chỉ có những tài vật này thì có mà chết đói!

Một hôm, một anh tù ở tổ khác, chạy sang làm quen và muốn nhờ tôi một việc. Anh ta tên là Lâm. Anh cho biết anh người Đà Lạt. Anh có sáng tác được mấy bài hát và anh muốn nhờ tôi trình bày những bản nhạc của anh vào một cuốn tập. Tôi đồng ý. Từ đó, chúng tôi hay gặp nhau. Anh mượn đàn và hát cho tôi nghe. Tôi phải công nhận, những bài hát của anh hay thật. Lâm cũng là một người đánh bóng chuyền rất hay, cũng có một chút tài thổi khẩu cầm *Harmonica*. (Lúc ấy, trong trại chúng tôi đã có vài loại nhạc khí, người nhà đưa lên cũng có, mà do chúng tôi tự chế, cũng có).

Tôi cố dành thì giờ trình bày cuốn nhạc của Lâm, từ trang đầu cho đến những trang trong. Tôi cũng tự ý chép thêm vào đó cho anh một vài bài thơ tình mà tôi thuộc. Anh cho là ý tưởng này rất hay. Tôi cũng vẽ vài tấm tranh nguệch ngoạc bằng than bếp trộn nhựa rau lang vào cuốn nhạc của anh.

Một thời gian sau, khi cuốn nhạc gần hoàn tất, Lâm mời tôi một “tuần trà” loại ngon do người nhà mang lên. Anh thổ lộ cho tôi biết là sau khi tôi hoàn tất cuốn nhạc cho anh, anh sẽ khâu nó vào lưng của cái ba lô, và sau đó, khi có cơ hội, anh sẽ trốn tù!

Trời đất ơi, lại một lần nữa, tôi tiếp tay cho người khác trốn tù hay sao đây? Lần này mà trại biết đến thì chắc chắn họ không thêm hạch hỏi chữ “Z” trong tên của tôi nữa, mà sẽ trừng phạt tận tình. Tôi đành phải nói thật với Lâm suy nghĩ của tôi như vậy. Hai chúng tôi đều buồn bã, ngồi đăm chiêu suy nghĩ. Đây là ý tưởng của người bạn đã ấp ủ từ lâu. Tôi không có lý do gì mà khuyên can bạn ấy. Lâm cũng lo là tôi sẽ phải chịu trách nhiệm lây. Chúng tôi đồng ý là từ đó không gặp nhau nữa để tránh bị nghi ngờ. Lâm xin mang cuốn tập nhạc về. Tôi có linh cảm là chúng tôi sẽ không gặp lại nhau nữa.

Độ hơn tuần sau, trại lại ra lệnh tập hợp khẩn cấp để điểm danh. Quả thực, trại phát giác ra là người tù tên Vũ Ngọc Lâm đã trốn trại.

Có lẽ, đối với trại, việc trốn tù bây giờ không là việc quan trọng nữa. Ngày hôm sau, chúng tôi vẫn sắp hàng đi lao động như không có gì xảy ra. Hình như trại cũng không có ý mở cuộc điều tra. Cùng lắm thì bớt một thằng tù, bớt được 500 gram gạo mỗi ngày! Mãi về sau, chúng tôi cũng không nghe thêm tin tức gì về Lâm. Cũng cầu xin cho bạn được bình an.

Chúng tôi nghe tiếng la hét từ phía trại quản giáo. Lắng nghe nhưng vẫn không thể đoán được đó là việc gì. Tôi thoáng nghĩ và cầu mong đây không phải là điều tôi đang nghĩ: Điều tệ nhất có thể xảy ra là bạn Lâm đã bị bắt lại và bây giờ đang bị tra tấn! Chúng tôi có những bản khoản khác nhau, nhưng nỗi lo sợ thì giống nhau: Một thân xác đang bị hành hạ! Một lúc sau, tiếng la hét đó đã tắt. Có lẽ người đó quá mệt hoặc không chịu đau nổi nên đã ngất xỉu?

Hôm sau, đi lao động, chúng tôi dò hỏi một anh vệ binh. Anh vệ binh này tỏ ra rất hứng khởi khi có người muốn nghe sự việc “bí mật” của ngày hôm qua. Anh cho biết là có một người tù ở trại khác đi đào mìn ngoài hàng rào kẽm gai, bị trúng mìn, cụt mất một bàn chân, lên tới mắt cá. (Hóa ra, chung quanh đây, trại tù của chúng tôi là trại duy nhất có “trạm xá” cứu thương! Tù ở chỗ khác bị thương phải mang đến đây để cứu chữa vì họ không muốn đưa những người tù này ra bệnh viện dân sự ngoài phố để được săn sóc như những công dân thường!) Ông y sĩ Bắc Việt phải một phen vất vả!

Chúng tôi tò mò hỏi chuyện đã xảy ra như thế nào. Anh vệ binh tỏ vẻ hãnh diện đã biết một bí mật. Anh cho biết là người tù này được chuyển đến trạm xá mấy ngày hôm nay, từ trại nào anh không rõ, chắc cũng không xa lắm. Khi quyết định cắt phần da và những mảnh xương vụn còn dính vào phần chân của người tù, ông y sĩ chỉ còn cách bắt anh này ngâm chân vào thùng nước đá lạnh để cho cái chân bị tê, ông y sĩ mới cắt được cho anh. Anh vệ binh chép miệng:

- Trạm xá này làm gì có thuốc tê hay thuốc mê gì đâu. Ông y sĩ cũng đã phải dùng cái cưa sắt để cưa miếng xương cho thẳng này. Nó đau quá, ngất xỉu luôn. Cũng nhờ vậy mà ông y sĩ mới làm xong được công việc. Bây giờ thì thằng tù ấy “ồn” rồi.

Chúng tôi nghe câu chuyện mà lòng bùng nổ tại. Đến thời đại này rồi mà nền y khoa của “Đỉnh Cao Trí Tuệ” còn chữa trị người bằng phương pháp của hai trăm năm trước hả trời?

Cuộc đời cứ thế mà trôi qua. Chúng tôi lo kiếm cái ăn cho vũng bụng để còn đi lao động và cũng quên mất câu chuyện ngâm chân vào nước đá rồi dùng cửa sắt mà cửa chân cho người ta.

Một buổi chiều, đi lao động về đến “nhà”, mấy anh em chúng tôi chuẩn bị đi tắm rồi ăn cơm.

Lại nghe tiếng la hét ở bên trại cán bộ. Cũng tiếng la của lần trước. Chúng tôi bảo nhau: “Hay là lại anh chàng xui xẻo ấy?”

Chúng tôi cố đến thật gần khu trại cán bộ nghe ngóng tình hình xem câu chuyện thế nào. Khi đến được gần khu trại, cũng là gần cái trạm xá, chúng tôi hết hồn nghe người bạn tù này vừa la hét, tỏ ra đau đớn cùng cực mà cũng tỏ ra phẫn uất cùng cực, anh ấy lòi hết tên họ của những “lãnh tụ kính yêu” của chế độ ra mà chửi rửa, gồm cả họ Hồ, họ Phạm, họ Lê, v.v.v., kể cả các quân giáo, cán bộ, vệ binh. Anh không “tha” một ai. Anh còn lớn tiếng thách thức:

- Tụi mày cứ bắn tao chết đi, tao không thiết sống với lũ chó má chúng mày!

Lòng chúng tôi cũng sôi lên vì biết rằng cùng cực lắm, thực sự không thiết sống, nên anh bạn này mới phải dùng kế sách sau cùng này để cuộc đời anh được kết liễu. Nhưng đám việt cộng cũng vẫn đành phải nghe vì không thể chỉ vì những lời chửi bới lúc cùng cực này mà bắn chết người ta! Một lúc sau, tiếng la hét, chửi rửa đã ngưng, chúng tôi lục tục kéo nhau về.

Vừa cố nuốt miếng cơm mà vừa thổn thức, ghen ngào.

Hôm sau, loa lại cộc cộc báo cho BS Thùy hôm nay được miễn đi lao động, mang dụng cụ y khoa sang giúp trại. Thùy lại vớ vội gói dụng cụ riêng của mình, chạy sang trạm xá.

Buổi chiều, khi thấy Thùy về đến trại, chúng tôi xúm vào hỏi. Thùy kể lại cho chúng tôi nghe mọi việc:

Anh bạn tù bị mất bàn chân hôm trước đã được ông y sĩ Bắc Việt cắt những mảnh xương vụn còn sót và đã khâu lại phần da cho anh. Nhưng vì không có thuốc sát trùng, cũng không có thuốc trụ sinh, cái chân của anh bị làm độc. Lần này, họ cũng bắt anh ngâm chân vào nước đá và định làm như lần trước, có nghĩa là họ sẽ cắt lên cao thêm cho anh! Phần xương thịt cũ đã làm độc, không thể chữa được.

Các vệ binh trói anh lại, đẩy anh ngồi xuống ghế, ấn cái chân anh vào thùng nước đá. Anh này kháng cự và chửi tục như chúng tôi đã nghe thấy.

Ông y sĩ Bắc Việt nói với Thùy:

- Thằng này ngoan cố lắm, tôi muốn chữa cho nó mà nó nhất định không chịu, còn chửi rửa chúng tôi nữa. Anh có thể làm gì cho nó không?

Thùy đến trước mặt anh tù, định giới thiệu mình và sẽ giải thích cho anh ấy hiểu những thủ tục Thùy sẽ làm để giúp anh. Anh tù kia mắt long lên sòng sọc, chửi tiếp vì anh ta chưa biết đây là một bác sĩ của “phe ta”.

Thùy kiên nhẫn đợi anh ta một lúc. Mãi rồi cũng chán, anh kia không chửi nữa nhưng vẫn nhăn nhó ra vẻ đau đớn lắm. Thùy ôn tồn nói:

- Tôi cũng là một người tù cải tạo như anh, nhưng tôi còn là một bác sĩ của Sư Đoàn Dù. Tôi sẽ giúp anh.

Anh bạn tù kia ngạc nhiên quá sức. Anh gật đầu chào rồi hỏi:

- Anh sẽ giúp tôi như thế nào?

Thùy giải thích là vết thương của anh đã làm độc, nếu không tẩy, rửa thì vi trùng sẽ ăn lên cao và anh sẽ phải cưa cái chân lên cao hơn một chút.

Anh bạn vừa suy nghĩ vừa quan sát Thùy xem có tin được anh này không? Anh bằng lòng để Thùy xem xét vết thương. Thùy nói với chúng tôi là vết thương đã sưng tấy lên, mang mùi hôi thối của đồng thịt rữa.

Thùy trao đổi với cán bộ quân giáo:

- Tôi có đầy đủ dụng cụ để chữa cho anh này nhưng tôi không có thuốc sát trùng. Anh có thể “liên hệ” ở đâu xin cho tôi thuốc sát trùng và một ít thuốc trụ sinh. Hôm nào có thì tôi sẽ trở sang. Sau đó, Thùy mở băng, tạm rửa vết thương cho anh bạn. Với con mắt của một bác sĩ, Thùy biết là anh sẽ phải cắt thêm một đoạn xương vì lần trước, ông y sĩ Bắc Việt cuống quá, những cái xương bị ông cắt còn nhọn như mũi dao, sau này nó sẽ mọc lòi ra ngoài da.

Thùy dự tính sẽ phải cắt cái xương đó lên một chút, gọt cho phẳng lại và sẽ cố giữ lớp da để sau đó, khâu bó lại, đại khái như bó giò vậy.

Cái khó cho Thùy lúc này là làm sao có thuốc mê để tạm cho anh này ngủ đi một lúc và sẽ phải nhanh tay. Thùy biết là nếu để nghị xin một lúc ba loại thuốc: thuốc sát trùng, trụ sinh, lại còn đòi thêm thuốc mê nữa thì chắc chắn ông cán bộ sẽ không sẵn lòng giúp nữa.

Ba hôm sau, Thùy lại được gọi sang trạm xá. Thùy xin mang theo một người bạn để phụ giúp. Ông cán bộ cho biết là đã đi “liên hệ” và xin được thuốc cho Thùy. Sang đến nơi, ông đưa cho Thùy một lọ thuốc đỏ và một gói giấy đựng thuốc trụ sinh bột. Ngửi mùi, Thùy biết, ít ra cũng có được một gói bột Peniciline! Thùy thấy mà ngao ngán quá nhưng biết làm sao bây giờ. Thùy giải thích cho anh bạn bất hạnh kia. Anh ấy vui vẻ nhận lời để Thùy giúp. Thùy nói là không có thuốc tê hay thuốc mê. Anh bạn bình tĩnh trả lời:

- Tôi đau nhiều rồi, hôm nay đau thêm một tý cũng đâu có sao. Tôi sẽ cố bắt chước ông Quan Công ngày xưa. Bác sĩ cứ bắt đầu đi. Anh có vẻ đã tin tưởng Thùy lắm nên đổi cách xưng hô với nhau là “tôi và bác sĩ”.

Thùy bắt đầu mở băng, rửa vết thương bằng thuốc đỏ, lột những phần da dúm dó được ông y sĩ túm lại hôm trước. Anh bạn bắt đầu cảm thấy đau đớn cùng cực, không còn can đảm nhìn Thùy rửa vết thương như lúc đầu. Anh với tay lấy cái khăn nhét vào miệng. Bây giờ là lúc người bạn đi cùng Thùy sang đây phải cố gắng ôm anh bạn kia thật chặt, không để anh ấy vùng vẫy, Thùy phải “tranh thủ” làm việc thật nhanh. Thùy cắt, gọt những đầu nhọn của xương xong, nhanh tay khâu phần da còn lại quanh vết thương. Trán Thùy đầm đìa mồ hôi. Anh bạn kia hình như không còn sức gồng người dậy dựa nữa. Mọi việc cũng xong. Thùy rắc số bột trụ sinh lên vết thương và bó lớp băng mới lên cho người bạn. Thùy chào quản giáo ra về. Anh bạn kia hình như đã thiếp đi, không thấy chào tạm biệt vị cứu tinh của mình.

Khoảng một tuần sau, ông thủ trưởng cho biết là người tù bị thương kia đã khỏe. Thủ trưởng còn đề nghị với Thùy là gửi anh ấy vào sống chung với tổ của Thùy. Ông ấy chép miệng:

- Tù thì ở chỗ nào cũng là tù. Ở đây có anh, khi cần giúp gì thì còn có người.

Thùy đồng ý để anh ấy dọn vào trại chúng tôi. Anh bạn mới tên là Sang. Anh ấy tự gọt đẽo cho mình một cái nạng. Với những chia sẻ vài viên thuốc từ mỗi người chúng tôi, và được sống bên cạnh Thùy, anh này phục hồi nhanh chóng. Anh Sang vẫn còn được miễn đi lao động. Ở trại, anh tình nguyện giúp anh em nấu nước, chẻ củi, và giúp quét dọn gian nhà anh ở với Thùy. Anh Sang lại đánh đàn ghi-ta “classic” khá hay. Chúng tôi được nghe anh đọc tấu Tây Ban Cầm những bài nhạc xưa, trông lão luyện lắm. Anh cũng nói đùa, cũng “may” là mất bàn chân, chứ nếu mất bàn tay thì hết chơi đàn!

Anh Sang cho biết là trước đây, anh là một sĩ quan Chiến Tranh Chính Trị, đóng ở Cần Thơ. Anh chưa có gia đình. Cha mẹ thì lại ở xa, tận dưới miệt Đồng Tháp. Anh không có ai thăm nuôi bao giờ. Anh được ở với chúng tôi cũng là một niềm an ủi.

Theo ý kiến của chúng tôi, anh viết tờ đơn xin trại cho về vì với thân thể tàn phế như vậy, anh không đóng góp được gì cho “cách mạng”.

Trại không trả lời và dĩ nhiên, cũng không cho anh về. Anh Sang ủ rũ ra mặt vì cứ theo suy nghĩ thông thường thì một người tàn phế như vậy, cho về là phải!(?)

Mấy hôm nay, có tin đồn xôn xao là sắp có đợt chuyển trại. Cứ xem những thành phần nào đi với nhau là có thể đoán được nhóm đó “lành” hay “dữ”. Trại lại cải chính sẽ không có biến chuyển gì. Họ khuyên chúng tôi là cứ “yên tâm học tập”. Bồn cũ soạn lại!

Chỉ ba ngày sau, cũng trong đêm khuya, các loa gắn trong trại chúng tôi lại có lệnh:

- Tất cả thức dậy, thu xếp đồ đạc cá nhân, ra sân tập hợp để chuyển trại. Lần này những con vẹt *không* nói là: “các anh sẽ được chuyển về trại mới, có điều kiện học tập tốt hơn”!

Lúc đọc tên để phân chia nhóm, tôi để ý thấy Bác Toàn, An Ninh Quân Đội, anh Sang, Chiến Tranh Chính Trị (CTCT), Dương Hùng Cường, CTCT (*Xung Kích Cầm Bút*), Nguyễn Duy Linh (CTCT), bạn thân, người cùng đi trình diện với tôi hôm đầu – và nhiều anh em nữa, tôi không nhớ đơn vị/bình chủng của họ, đã đứng chung danh sách, có nghĩa sẽ được/bị chuyển sang chỗ mới cùng với nhau.

Sau hai năm ở trại này, chúng tôi đều có nhiều đồ đạc linh kinh hơn, nặng nề quá sức, nhưng “bỏ thì thương, vương thì tội”. Cuối cùng, chúng tôi quyết định mang theo hết để đến chỗ mới, có cái mà dùng! Cuộc diêm danh để chuyển trại diễn ra khoảng bốn tiếng đồng hồ. Gần sáng, chúng tôi, những người không bị đọc tên, được cho tan hàng, trở về nhà cũ. Không gian nào nề. Chỗ nằm trở thành rộng rãi hơn nhưng chúng tôi không vui được vì thương các bạn kia quá. Nhìn thành phần bị gọi tên đi chung với nhau, chúng tôi đều hiểu rằng “lành” ít, “dữ” nhiều cho họ.

Giờ đây, tôi mới nảy ra ý định là phải lợi dụng thời gian này, tìm cách học hết những kỹ thuật mưu sinh thoát hiểm từ những bạn còn lại. Ai biết gì thì mình học cái nấy.

Tôi đã học cách định hướng đi trên biển theo chòm sao Thất Tinh Bắc Đẩu từ một người bạn trước đây là Hải Quân trung úy. Anh dạy tôi “đọc” hướng của chòm sao này theo từng giờ khác nhau trong đêm. Quan sát và nhìn chòm sao này mỗi đêm, chòm sao 7 ngôi này trở thành rất dễ nhận, rất sáng và rõ trên bầu trời hướng Bắc. Từ đó, nhìn thoáng, tôi đã biết hướng nào là hướng Bắc và từ đó suy ra ba hướng kia dễ dàng.

Tôi đã học được một số kỹ thuật đi rừng từ mấy anh em trước đây đã từng là hướng đạo sinh. (Không anh Biệt Kích nào còn sót lại). Cách lấy nước từ dây leo rừng. Nấm màu gì, mọc như thế nào thì ăn được. Bị rắn cắn thì phải làm những gì. Cách tránh bị thú dữ tấn công...

Tôi thấy tiếc vì giá trước đây, lúc còn ở chung với nhiều anh em thuộc nhiều đơn vị khác nhau, nếu tôi nghĩ ra việc này sớm thì có lẽ còn học được nhiều “ngón nghề” của nhiều bạn khác hơn. Nhưng thôi, muộn còn hơn không.

PHẦN TÁM

Cái Tội Đa Sầu Đa Cảm

Từ hôm một số lớn anh em chúng tôi bị chuyển đi trại khác, cuộc sống ở trại của chúng tôi trở nên buồn tẻ hơn trước nhiều. Phần thì không còn được tham dự những buổi “chiếu phim” kiểm hiệp của Kim Dung từ anh Dương Hùng Cường. Phần thì trại bây giờ trông vắng quá. Nếp sinh hoạt không còn vui tươi, đầm ấm, hồn nhiên như trước. Bao nhiêu mạng con người đã chung sống với nhau gần hai năm trong khu trại nhỏ xíu thế này rồi còn gì?

Ngoài thì giờ học những kỹ năng sinh sống để đối phó với những hoàn cảnh khác nhau – lỡ khi cần phải tự mưu sinh. Tôi bắt đầu học đàn ghi-ta classic cho qua thì giờ. Uyển, Vang, và anh Đồng muốn tôi học về kinh thánh Công Giáo. Trước khi trốn trại, lúc Thái còn ở với tôi, thỉnh thoảng bạn này cũng dạy tôi một vài bài kinh bằng tiếng Latin. Thời giờ dư quá thành ra tôi cũng muốn học thêm nhiều thứ, chả đi đâu mà thiệt!

Hình như thành phần cán bộ quản giáo của trại cũng có thay đổi, Chúng tôi thấy một vài khuôn mặt mới. Họ không quen với chúng tôi nên họ vẫn giữ khoảng cách an toàn.

Một buổi sáng sắp hàng điểm danh đi lao động. Khi còn đông anh em, đội chúng tôi thường xếp hàng năm (hàng ngang). Hôm nay vắng người, chúng tôi xếp hàng bốn. Anh vệ binh mới quát chúng tôi:

- Các anh đứng thế này làm sao “người ta” đếm được? Chúng tôi nhìn nhau, tự hỏi: “Sao lại không đếm được nhỉ”? Chúng tôi đứng lại cho ngay ngắn, thẳng hàng, thẳng lối nhưng anh vệ binh vẫn không chịu.

Thấy chúng tôi chưa hiểu, anh vệ binh nói:

- Các anh sắp hàng như cũ, tôi chỉ việc đếm: 5 – 10 – 15 – 20 là xong. Hôm nay các anh đứng kiểu này, tôi không đếm được. À, hóa ra thằng em này chưa được học cửu chương cho nên không biết nhân! Bốn nhân với mấy, thành mấy, thì khó thật, không đếm được là phải!

Quả nhiên, khi chúng tôi đội đội hình thành hàng 5 thì ông ấy lấy lại tinh thần: 5 – 10 – 15 anh này đi theo đồng chí Khánh bên kia, đi trông ngó. Còn 5 – 10 – 15 anh này, theo tôi ra rẫy, đốt cỏ. Số còn lại, đi kiểm củi về cho trại (cho trại của cán bộ đấy!) Lại một thí dụ nữa về kiến thức Toán của Đinh Cao Trí Tuệ!

Tất cả những người chúng tôi còn lại đều buồn chán, mất tinh thần vì biết rằng sớm muộn gì, sẽ có những đợt “biên chế” khác. Chúng tôi đã cố gắng “lao động tốt” để chứng tỏ “học tập tốt” nhưng đây thực ra không nằm trong “quan tâm” của “Đảng và Nhà Nước”. Họ chỉ cốt giam giữ chúng tôi càng lâu càng tốt, có khi nhờ “Mẹ thiên nhiên” giết chúng tôi qua những đày đoạ thân xác, khủng bố tinh thần, thiếu thốn vật chất. Những thằng tù sẽ phải chết dần chết mòn trong các trại cải tạo, thế thôi! (Việc này, nhà nước ta bắt chước “Ông” Trung Quốc y hệt, có những người bị giam tù thời Mao Trạch Đông (1949) cho tới nay (1977) vẫn chưa được thả!!!)

Chúng tôi dù sao vẫn là con người, vẫn còn tinh thần “tham sinh, úy tử”. Dù phải ở trong hoàn cảnh bị đày đoạ đến đâu, cũng vẫn tranh đấu giành mạng sống, cố thắng định mệnh để vượt qua.

Chúng tôi đã lớn lên và được giáo dục bởi nền văn minh nhân bản trong Miền Nam VN *chỉ vỏn vẹn hai mươi năm*. Chúng tôi đã chứng kiến Miền Nam phát triển ngang hàng với những đất nước văn minh tân tiến khác.

Bây giờ, *mới trải qua hai năm* trong cái xã hội lạc hậu này mà cả nước như bị kéo lùi về 50 năm trước. Chúng tôi đều cảm thấy tiếc là ngày xưa, chính quyền của nền Cộng Hòa Miền Nam không chủ trương dạy chúng tôi hận thù cộng sản Miền Bắc. Chúng tôi chỉ nghe theo tiếng gọi của chính nghĩa, cố theo đuổi cuộc chiến tự vệ, bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ của Miền Nam VN và nền hòa bình của toàn vùng Đông Nam Á. Nghĩa cử cao đẹp, quân tử như vậy mà cứ bị chà đạp, nói xấu, bóp méo, theo luận điệu tuyên truyền ra rả hàng ngày ở ngoài Bắc. Họ chỉ đổ tội cho rằng chính quyền Miền Nam VN là “chính phủ bù nhìn”, làm “tay sai cho đế quốc”. Người Miền Nam có tội với nhân dân, với tổ quốc.

Người cộng sản tự bào chữa cho mình bằng một phương châm ngụ ý biện “*cứu cánh biện minh cho phương tiện*”. Có cần phải thực hiện biện pháp đê tiện nào nhằm đưa đến kết quả sau cùng cho họ - thì họ không ngần ngại.

Số anh em nửa trại còn lại của chúng tôi càng sống gần gũi nhau hơn. Có gì cũng chia sẻ với nhau. Đó cũng là một cách an ủi lẫn nhau.

Trại có vẻ cũng cảm nhận được điều này. Họ biết rằng họ không thể “nuôi” nổi chúng tôi. Muốn giam giữ chúng tôi thì cũng phải cho chúng tôi ăn uống chứ? Để người ta đói quá thì – hoặc người ta không nghe lệnh nữa, hoặc có khi tệ hại hơn – những người tù này sẽ làm loạn. Vì thế, có lẽ để cứu vãn tình hình, họ đã xin “trên” cho chúng tôi lại được thăm nuôi.

Đợt thăm nuôi này, họ cho chúng tôi thời gian ngồi với thân nhân nhiều hơn. Cán bộ cũng không ngồi giữa người tù và thân nhân của chúng tôi như trước. Những câu chuyện trao đổi trong các buổi thăm nuôi đều chất chứa những than thở, nuôi tiếc về cuộc sống cũ.

Các bà kể về những nỗi nhọc nhằn lay lắt kiếm sống để nuôi con cái. Lẽ sống hàng ngày chỉ đặt trên căn bản của tờ “hộ khẩu”. Sở hộ khẩu có bao nhiêu người thì được hưởng tiêu chuẩn gạo, vải vóc, đường, sữa, mỡ... theo con số đó. Người nào không có tên trong hộ khẩu thì không có một chút quyền lợi nào. Các con tôi phải thức dậy từ sáng sớm, đứng xếp hàng thay cho mẹ, cho đến lúc tổ phát bánh mì, hoặc đường, sữa, gạo. Các em tôi không được lên đại học vì hồ sơ lý lịch: Có bố là Ngụy quân (đã giải ngũ cũng vẫn tính), anh cũng là Ngụy quân, lại còn đang đi cải tạo!

Phụ nữ sống tại các phường cũng phải tham gia các buổi hội thảo buổi tối để “quản triệt” đường lối của nhà nước!

Nghe các truyện kể từ gia đình, vợ con, tai chúng tôi đều lòng bùng, không thể tin nổi là thành phố Sài Gòn thân yêu – nơi chúng tôi quen sống – không những đã bị đổi tên, bây giờ lại xấu xa, đê tiện, hèn mọn như vậy.

Nhiều gia đình trước đây đi xe hơi, bây giờ phải tuột xuống, làm bộ đi xe đạp. Trước đây “ăn trắng mặc trơn” bây giờ phải giờ đủ các mảnh qua mặt công an, xắn quần xắn áo, đi buôn lậu từ thịt heo, đến gạo, đến thuốc tây... Căn nhà riêng, người ta đã phải đổ bao nhiêu mồ hôi nước mắt ra xây dựng, bây giờ trở thành của công, phải cho các anh “bộ đội của nhân dân” dọn vào ở chung.

Các anh chàng này giờ đủ mảnh mung hèn mọn, lợi dụng hoặc tìm cách ăn hiếp chủ nhà.

Nghe các câu chuyện kể mà tôi nhớ lại bộ phim *Doctor Zhivago*, một phim dựng lại theo cuốn tiểu thuyết vĩ đại của văn hào Boris Pasternak viết tại Nga và được xuất bản tại Ý năm 1957 (đã từng bị chính quyền Xô Viết cấm lưu hành cả chục năm) dựng thành phim năm 1965. Một người thuộc giới quý tộc, giàu có, thành công như bác sĩ Zhivago (trong phim) đã từng phải đi ăn cắp gỗ hàng rào của hàng xóm đem về đốt lò sưởi. Tôi đã xem bộ phim nhiều lần, lần nào cũng xót thương cho mối tình của Yuri Andreyevich Zhivago và nàng “Lara” Antipova. Nhạc nền của phim, qua tiếng đàn rất “Nga” *balalaika* cũng phải nói là quá hay, thêm nổi sâu thẳm cho câu chuyện. Lần nào xem lại, tôi vẫn sụt sùi nước mắt. (Cái tội đa sầu, đa cảm!) Căn nhà của Zhivago cũng đã bị chia thành nhiều “hộ” cho người khác đến cùng ở!

Nhắc đến cái tội đa sầu, đa cảm, tôi mới nhớ lại, cũng chính nhờ cái “tội” này mà tôi và “người yêu bé bỏng” của tôi mới “mê” nhau tận tình! Cũng chỉ mới tập tễnh đánh được vài hợp âm chính của tông Đô, tôi đến nhà cô nàng, với tay mượn cây đàn của người anh trong nhà, vừa đàn, vừa hát những bài hát (dễ dễ) của *Đoàn Chuẩn – Từ Linh*, hoặc là bài *Một Mùa Đông*, lời 2 của ông *Lưu Trọng Lư*. Thế mà “ông tơ bà nguyệt” cũng ghé mắt xuống chúng tôi. Xin trích ra đây bài thơ *Một Mùa Đông*, lời 2, của thi sĩ *Lưu Trọng Lư*:

Tặng D.C.

*Em là gái trong khung cửa,
Anh là mây bốn phương trời;
Anh theo cánh gió chơi vơi,*

Em vẫn nằm trong nhung lụa.

*Em chỉ là người em gái thôi,
Người em sâu mộng của muôn đời,
Tình em như tuyết giăng đầu núi,
Văng vặc muôn thu nét tuyết vời.*

*Ai bảo em là giai nhân
Cho đời anh đau khổ?
Ai bảo em ngồi bên cửa sổ
Cho vương váu nợ thi nhân?
Ai bảo em là giai nhân
Cho lệ tràn đêm xuân?
Cho tình tràn trước ngõ?
Cho mộng tràn gối chăn?*

Trong bài thơ cùng tựa đề của thi sĩ Lưu Trọng Lư, lời 1, có hai câu:

*Nhìn nhau mà lệ ứa,
Mỗi ngày một cách xa...*

Không biết có phải vì cái tội đa sầu, đa cảm của tôi mà bài thơ này đã bám vào “mệnh” của tôi. Tôi đã trải qua nhiều giây phút chia tay với vợ tôi: “*nhìn nhau mà lệ ứa*”. Bây giờ đã quá xa, hai năm trôi qua, không biết có ngày về hay không?

Phải trở lại thực tế: Tôi thú nhận là có những từ ngữ mới mà “bên thắng cuộc” cố tình sử dụng như một hình thức giới thiệu văn minh/văn hóa mới của Xã Hội Chủ Nghĩa – mà cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa thể quen được. Thí dụ nhá: Quán triệt – Hộ khẩu – Căn hộ – Biên chế – Giao lưu – sự Cố – v...v... Khi nghe các bà kể lể tâm tình, chúng tôi cũng thông cảm là các bà, các chị, không thể quen với chữ “*Nắm*” mà các cán bộ hay dùng mỗi khi xuống họp tổ: Tôi đưa một số mục đích, yêu cầu cho các chị “*nắm*”... Các bà đỏ mặt!

Năm nay, hình như cả nước đều hiếm gạo. Các con tôi phải xếp hàng từ sáng sớm để được nhận lãnh bánh mì cho gia đình. Cũng trong đợt

này, trại kêu anh em chúng tôi lên đong bột mì, thay vì lãnh gạo như trước. Trại đã hết gạo và mới nhận được bột mì từ Liên Xô.

Bột mì mới về, chưa ai nghĩ được cách biến chế thế nào để nuốt cho trôi. Các “anh nuôi” ở trong bếp chỉ có thể nhồi bột, cán mỏng, lấy cái lon sữa bò làm khuôn, cắt thành những cái bánh tròn, rồi thả vào chảo luộc! (Tiêu chuẩn chung: Mỗi em hai cái bánh luộc cho buổi trưa và ba cái bánh luộc vào buổi chiều)!

Bánh mì luộc ăn với rau lang luộc thì nuốt thế nào được hả trời? Không những như vậy mà (việc này xin lỗi độc giả) “nhà xí công cộng” đầy máu tươi vì nhiều anh em bị đau bao tử, hoặc bị bệnh trĩ. Bánh bột mì luộc trở thành quá nóng, ruột gan không tiêu thụ nổi, nạo máu trong ruột, tống ra ngoài.

Vài ngày sau, một người có sáng kiến lấy đất sét, đập thành lò *nướng* bánh mì. Từ đó trở đi, chúng tôi đã có bánh mì mới ra lò, nóng hổi, thơm, ngon, dù ăn bánh mì chấm với muối mè!

Cuộc sống của chúng tôi trong trại cứ kéo dài. Cho tới nay, đã hơn hai năm. Cũng nhờ được thăm nuôi, tiếp tế mà anh em tươi tỉnh, tươm tất hơn. Vẫn biết rằng, khi đưa quà cáp lên trại cho chồng con thì thực ra, ở nhà, gia đình của người tù đã phải “nhịn ăn, nhịn uống” nhín bớt mà đưa lên trại tù nuôi nấng người thân.

Tôi vẫn tiếp tục học thêm những kiến thức linh kinh, những kỹ thuật mưu sinh thoát hiểm, cộng thêm học đàn, học nhạc.

Một buổi tối cảm thấy nhớ nhà quá đỗi. Tôi hồi tưởng lại những kỷ niệm khi đưa cô bạn gái – bây giờ là vợ tôi – đi lễ Nhà Thờ Đức Bà Sài Gòn. Khi đó tôi chưa hiểu nhiều về Thiên Chúa Giáo, nhưng để chiều người đẹp, cũng chịu khó vào nhà thờ quỳ với nàng.

Tôi ngồi ngay dậy, loay hoay soạn nhạc và lời cho bài hát tôi đang nhen nhúm trong lòng. Bài này sẽ nhắc nhớ lại các kỷ niệm của đêm Noel năm đó, lúc tình chưa đến hồi *kết* cuộc (tức là *kết* hôn đấy!). Trong lúc hồn phôi phôi dạt dào ý tưởng, chỉ trong 20 phút, tôi đã làm

xong bài hát này.

Sau đây là lời của bài hát (Nhịp 2/4, chậm, tha thiết)

“Đêm Lạnh Cô Đơn”

*Đêm nay, sương rơi nghe lạnh quá,
Chân em cô đơn trên đường xa,
Đi lễ Noel, ôi đêm Thần Thánh.
Người ta từng bùng, riêng em xót xa.*

*Em nhớ mùa Noel năm nào,
Quỳ bên hang đá, đêm nhiệm màu.
Cùng nhau, ta sẽ luôn nguyện ước:
Muôn đời, muôn kiếp, mình yêu nhau.
Đêm nay, cô đơn, em quỳ bên giáo đường,
Em thầm khấn nguyện Chúa tình thương
Ban nhiều ơn phước, an bình Chúa,
Chúc lành cho người em mến thương.*

Làm xong bài hát, lệ tôi cứ thế mà tuôn rơi. Anh em nằm gần bên cũng phải mũi lòng nhưng không biết nên nói gì vào lúc này. Tâm trạng ai cũng náo nức như nhau!

Ông Trời ơi, chúng tôi có làm gì nên tội mà giờ này tình nghĩa vợ chồng, cha mẹ, anh em chúng tôi bị chia cách. Tự nhiên chúng tôi bị rớt xuống cái vực thẳm không đáy. Bên thắng cuộc vô học, vô nhân, đứng trên miệng vực thẳm đó, cười hô hô, đắc thắng. Chúng ta đều biết: Ở các quốc gia văn minh, nhân bản, một công dân vẫn được coi là vô tội, cho đến khi bị đưa ra tòa, bị luận tội, bị tuyên án – thì mới bị coi là thành phần tội phạm. Ở đây, chúng tôi chưa bao giờ bị đưa ra tòa, chưa bao giờ bị luận tội, mà đã bị tù, đã bị coi là các tội phạm, có tội với nhân dân!

Nói vậy chứ giá có bị đưa ra tòa ở cái xứ XHCN – *Xếp Hàng Cả Ngày* này, có bị đưa ra xét xử, bị luận tội bởi các ông, các bà cán bộ cộng sản rất với bản án đã được ấn định sẵn. Ông quan tòa đóng vai bù nhìn,

thi hành, tuyên bố lệnh phạt tù – thì chúng tôi cũng vẫn bị đi tù thôi! Nghĩ đến thân phận của chúng tôi, tôi cảm thấy uất ức quá, tủi thân quá. Chúng nó chọn cái quyền đánh người mà không sợ bị coi là vi phạm nhân quyền! Nghĩ đến đây, lại ứa nước mắt. Âu cũng là *Cái Tội Đa Sầu Đa Cảm!*

PHẦN CHÍN

Trùng Trùng Xa Cách

Việc gì đến vẫn phải đến. Nó cũng là một phần của định mệnh mà! Khoảng hai giờ sáng, những thân thể mỏi mệt, rã rời đang say thiếp trong giấc ngủ nặng nhọc – thì cũng những tiếng lộc cộc vang lên trong loa: “Tất cả thức dậy, chuẩn bị cơm nắm, thu dọn tất cả đồ đạc riêng tư để chuẩn bị chuyển trại”.

Chúng tôi bàng hoàng, mặc dù biết chuyện này trước sau gì cũng sẽ xảy ra. Mọi người nói với nhau trong sự vội vã: “Nếu được đọc tên cùng một danh sách thì phải tìm cách đứng gần nhau, cố leo lên cùng một xe để đến chỗ mới còn có nhau”.

Cũng như lần trước, bị đánh thức dậy lúc hai giờ sáng, khi vợ vét những đồ đạc linh tinh, mặc dù không có một chút giá trị gì ngoài đời, vẫn bị giảng co: Vứt lại hay mang theo đây? Hôm nay cũng vậy, mang theo thì nhiều quá, nặng quá, mà bỏ lại thì sợ rằng đến chỗ mới không có cái mà dùng.

Có cái mơ tưởng là biết đâu, lần này được thả về - cũng là một nỗi hoang mang!

Ở trong này chúng tôi mất hết ý niệm về thời gian – trời vẫn sáng rồi vẫn tối. Ngoại trừ ngày Chúa Nhật, chỉ phải làm nửa chỉ tiêu, thì còn biết là bước sang tuần mới. Lần trước, các anh em bị chuyển trại, không nhớ bao lâu rồi nhưng lần này thì khác.

Cán bộ ra lệnh: Người nào nghe đọc tên thì người đó tự mang những đồ vật cá nhân, đi bộ ra phía cổng trại, không được quay lại. Ra khỏi cổng trại, chúng tôi bị lừa lên xe. Lần này không biết ai đi, ai ở lại trại. Lần chuyển trại này, tôi không còn có Thái đề nhỏ to bàn với nhau phải ngồi đâu trên xe. Các xe bộ đội chở chúng tôi đi lần này là những xe “đề-ca-pô-táp”, không có bạt mui, không có bạt sau xe, không bít bùng. Xe trống tuênh toang, chỉ còn mấy cái cọc sắt gắn sẵn trên xe. Ba mươi lăm người chúng tôi cũng ngồi trên sàn xe. Tôi ngồi trên cùng, dựa lưng vào thành xe để may ra thì nhắm mắt được vài phút

trên đường đi. Lần này, chúng tôi không còn phải định hướng xem họ chở mình đi đâu. Một phần thì chả cần biết là mình sẽ bị chở đi đâu. Đi đâu cũng chỉ là đi tù. Một phần thì xe trống tuếch, liếc ra ngoài là biết mình đang đi đâu. Hôm đó, chúng tôi bị đưa từ Long Khánh đi Phước Long. Trời tối quá và cũng mệt mỏi chán chường quá, không còn tâm trí nào mà xem trên xe mình có những đứa bạn nào.

Xe khởi hành lúc 4 giờ sáng ở Long Khánh. Trên đường vào Phước Long, bụi cuốn vào xe mù mịt. Chuyến không đơn giản như vậy. Càng vào sâu khu vực (sẽ giam chúng tôi) thì xe vất vả, quanh co theo con đường mòn, chỉ vừa cho xe vận tải đi lọt. Chúng tôi phải phụ giúp đẩy những chum “lô ô” đan vào nhau phía trên mũi xe thì xe mới có thể nhích tới được một chút. Chưa gì mà đã bị hành hạ thế này rồi, không biết vào đến nơi còn đón nhận những hình phạt nào khác nữa. Các cành tre lô ô đâu có nhẹ. Chúng dài hàng chục thước, to và nặng. Theo ngày tháng, qua hàng triệu cơn gió rừng, chúng lớn lên, ngọn chúng đan vào nhau và ngã rạp về một phía.

Trời chưa sáng hẳn nên chúng tôi chưa thấy quang cảnh chúng tôi đi qua, chỉ cảm nhận được một điều là khu rừng lô ô này hình như chưa được khai phá, có vẻ còn đang trong tình trạng hoang sơ, thậm chí còn có vẻ chưa có bước chân người đi vào. Phước Long, Bà Rá vẫn là nơi bị coi là “rừng thiêng nước độc”. Ngày xưa, Pháp dùng làm nơi giam giữ người Việt. Bây giờ thì nhà nước ta cũng dùng để giam người Việt!

(Đoạn văn này được đặt tên là “Trùng Trùng Xa Cách”, không phải lỗi *typo* đâu. Tôi không đặt là “Nghìn Trùng Xa Cách” theo một bài hát trữ tình của ông Phạm Duy mà chữ “trùng trùng” ở đây ám chỉ những cánh rừng bạt ngàn đã chia cách chúng tôi với cuộc đời bên ngoài)!

Cuối cùng, nhờ chúng tôi vật lộn với những cành lô ô lúc còn trên xe, xe đã đến được địa điểm. Chúng tôi không dám tin vào mắt mình. Chẳng lẽ đây là nơi chúng tôi sẽ “học tập”? Khu rừng hoàn toàn hoang sơ, cây cối và lô ô sống chen chúc với nhau. Nhìn quanh, chúng tôi không thấy một khoảng đất trống nào. Chỗ nào cũng là cây, là rừng,

là lô ô! Người cán bộ vẫn còn sức để hò hét chúng tôi:

- Các anh mau chóng ổn định, sáng mai chúng ta sẽ vào làm công tác phát rừng, dựng trại!

Dành cho những quý độc giả chưa hình dung ra được này giờ tôi nói về cây “lô ô”: Đây là một loại tre, thân mộc, trong bụng rỗng, thân có nhiều mắt hay còn gọi là “đốt tre”. Rừng Việt Nam chúng ta có nhiều loại tre với đường kính to nhỏ khác nhau và được đặt tên khác nhau. Cây thì gọi là tre, cây thì lại gọi là trúc, giang, luồng, nứa.... Ở rừng này thì nó được gọi là Lô Ô. Trong khoa học, các loại thuộc họ tre này được mang cái tên chung là Bambuseae.

Lô ô có lóng dài hơn tre, cùi dày, đường kính nhỏ hơn tre, cũng sống thành quần thể nhưng không có gai. Sau này, cây lô ô giúp chúng tôi rất nhiều việc.

Cũng nhờ trại Long Khánh đã phát cho chúng tôi miếng vải vông mùa đông vừa rồi, chúng tôi tìm hai cây gần nhau, móc dây vông vào đấy, làm chỗ ngủ cho mình đêm nay.

Việc thứ nhì là mọi người chia nhau ra đi quanh “chỗ ở” xem có cái suối, cái hồ nào để đi lấy nước về sống tạm qua đêm. Tôi tìm thấy một vũng nước, không xa chỗ tôi mắc vông lắm. Chỉ một điều là vũng nước này đầy những con nòng nọc. Nước thì có màu xanh lơ lơ. Tôi lấy cái ca tôn khoảng mấy cái, nòng nọc lặn xuống hết, lấy phần nước bên trên, đem về nhóm củi nấu. Khi nước đang sôi bọt tăm thì cũng là lúc những màng nâu nâu kết tủa, nổi lên bênh trên mặt. Lại một phen vớt, gạn, lọc. Cuối cùng thì nước cũng sôi, màu nước vẫn lơ lơ đục nhưng ít ra tôi biết rằng nước đã được sát trùng! Đây là ngày đầu tiên được “học tập” trong cái môi trường thiên nhiên thú thật!

Lúc này, mặt trời đã lên cao, chúng tôi lấy lại tinh thần, ngao ngán nhìn quanh. Nơi chúng tôi sẽ được lệnh “lập trại” nằm lưng chừng một quả đồi, không cao lắm. Không có một khoảng đất trống nào đủ lớn để dựng một cái nhà. Toàn là cây cối mọc hoang, chen lẫn với hàng triệu cây lô ô. Bất ngờ, có một anh bạn cho biết là đi xuống chân

đòi, độ chừng 300 thước thì sẽ gặp một con suối nhỏ. Như vậy cũng tạm yên trí.

Chúng tôi vừa gặm nhấm nắm cơm mang đi từ Long Khánh, vừa đi rảo quanh xem những ai quen. Bây giờ trời đã sáng rõ, mới biết là rất nhiều bạn từ những trại cải tạo khác cũng được chở đến đây, pha trộn với chúng tôi. Tuyệt nhiên không gặp một anh giáo chức biệt phái nào ở gian nhà bên cạnh chúng tôi từ Long Khánh đến đây. Có lẽ họ vẫn được ở lại trại cũ. Tôi cũng không tìm thấy anh bạn thân, giáo sư dạy Toán, anh Trần Bá Hải.

Cuối cùng, tôi tìm được anh Mai Quang Tuyền và Nguyễn Văn Uyển. Chúng tôi lếch thếch dọn đồ đạc đến gần nhau, căng võng nằm chờ tối. Tuy gặp bạn cũ, ai cũng mừng thăm nhưng không ai muốn nói gì vào lúc này.

Trời trong rừng già này sập tối nhanh chóng. Bây giờ tôi mới để ý là suốt cả ngày hôm nay, chúng tôi chưa nghe thấy tiếng “chim kêu, vượn hú” như trong các chuyện đường rừng đã đọc qua. Rừng này hình như không có cây ăn trái nên không có con gì về đây kiếm ăn.

Nằm trên võng, lơ mơ một lúc thì tôi cũng thiếp đi. Hình như con muỗi cũng không có? Cả đêm không thấy ai phải đập muỗi cả!

Sáng sớm thì mọi người đều lục tục kéo nhau dậy. Nhiều anh chịu khó theo nhau xuống suối ở dưới chân đồi để làm vệ sinh. Ba anh em chúng tôi, anh Tuyền, Uyển và tôi lui cui đánh lửa, nhóm bếp để nấu nước uống.

Lúc trở về, các bạn cho biết là con suối ở dưới rất nhỏ và rất ít nước, có lẽ bị thân cây mục, lá rừng, cùng các loại rác rến khác ở trên thượng nguồn đã ngăn nước xuống dưới này. Tin không được “hồ hởi” cho lắm.

Một điều nữa tôi phải nói ngay ở đây là lúc này trời vừa rạng sáng, trong rừng như thế này mà cũng không hề có tiếng kêu của loài vật gì. Không chim, không vượn, dĩ nhiên không có tiếng gà gáy.

Không biết đêm qua, các vệ binh và cán bộ ở đâu mà sáng nay họ cũng đã xuất hiện. Họ kêu một số anh em chúng tôi đi theo họ để lãnh gạo, muối, cá khô cùng rất nhiều cuốc, xẻng, dao rựa. Họ bảo chúng tôi “khẩn trương” phạt bằng khu đất, chặt cây rừng và lò ô về dựng “lán” để ở.

Việc đầu tiên chúng tôi cũng phải làm là lo cho cái bao tử trước. Một số anh em phụ nhau đắp đất làm thành bếp. Chúng tôi chia nhau đi tìm củi về để các anh nấu bữa cơm đầu tiên ở trại mới. Cũng nhờ thời gian ở Long Khánh, chúng tôi được gia đình tiếp tế nên cũng có chút thức ăn dùng với bữa cơm đạm bạc đầu tiên với nhau.

Lúc này, ba anh em chúng tôi mới hoàn hồn vì biết rằng ít ra mình cũng còn có nhau. Nhìn xung quanh, chỉ thấy toàn những khuôn mặt mới lạ. Hình như nhà nước cố tình pha trộn các xe với nhau trong khi di chuyển, người của trại này pha với người của trại khác? Cả trăm người bạn đã từng sống với nhau hơn 2 năm ở Long Khánh, bây giờ không thấy ai. Bác sĩ Thùy, Bích “kiến cang”, Hải (tóc quăn), Hải (nhạc sĩ), anh Ninh Thế Đồng, và nhiều bạn khác không thấy đâu.

Đến giờ lãnh cơm, chúng tôi chào hỏi và làm quen nhau. Cùng cảnh ngộ cho nên cũng dễ thông cảm. Có anh ở Long Giao đến, có anh từ Trảng Bom về, có nhiều anh từ trại Suối Máu...

Cơm xong, tôi rủ anh Tuyến đi ra vũng nước, chỗ tôi đi múc sáng sớm hôm qua. Quái lạ, sáng nay, hoàn toàn không có con nòng nọc nào. Nhìn quanh cũng không có dấu vết của con ếch hay con cóc nào. Anh Tuyến bảo tôi hay là cậu nằm mơ? Thật tình mà, rõ ràng hôm qua, nước đục lờ lờ, đầy nòng nọc bơi lội trong đó. Hay đó là ảo tưởng của tôi thật? Những màng nước sóng sánh gây nên cái ảo giác là vô số nòng nọc bơi trong đó? Nhưng cũng nhờ công khám phá của tôi, sau này, anh em đào sâu thêm và rộng ra, nó trở thành một cái giếng nước trong. Thực ra thì nửa hồ, nửa giếng. Nó không sâu để được gọi là giếng. Nó cũng hơi rộng, trông như cái hồ nước nhỏ. Múc nước đến đâu, nó lại đầy lên đến đó. Không thể ngờ được và không ai tin trên sườn đồi cao như thế này lại có mạch nước ngầm. Âu cũng là trời sanh, trời dưỡng!

Một số cán bộ lại hiện ra giữa chúng tôi. Họ cũng ra lệnh cho chúng tôi lập thành đội, thành tổ và dĩ nhiên thành những đơn vị “bếp” khác nhau. Họ kéo mỗi đơn vị đi một chỗ khác, xa nhau một chút để thành lập những trại riêng. Chúng tôi mới làm quen nhau xong thì lại phải chia tay. Gọi là đi chỗ khác, nhưng thật ra cũng không xa nhau lắm. Cánh rừng này quá lớn, quá rậm rạp, khiến chúng tôi có cảm tưởng là đã “trùng trùng xa cách”!

Đội của chúng tôi bắt đầu ngay vào công việc dựng trại. Một số anh em đi xuống phía suối, tìm mấy phiến đá để mài dao cho sắc để chuẩn bị đi chặt cây về làm nhà.

Chúng tôi có ba anh em, bảo nhau làm việc nên các anh bạn mới, tưởng tôi là tổ trưởng, đến hỏi tôi muốn họ làm gì. Tôi cũng nhận bừa chức vụ, bảo họ phát quang khu vực để lấy chỗ chuẩn bị dựng “lán”.

Từ nhỏ đến lớn, tôi chưa bao giờ nghe thấy chữ “lán” nhưng khi nghe các cán bộ nói, tôi cũng hình dung được đó là cái gì.

Chỉ trong một ngày, chúng tôi đã phát quang được một khoảng trống đủ để dựng một cái lán cho hai mươi người ở. Ngày hôm sau, chúng tôi bắt đầu chặt lòi ô xuống xếp thành một đống, chặt những cây mọc tương đối thẳng để chuẩn bị dựng cột nhà.

Tôi phác họa căn nhà, bắt đầu lấy dây rừng căng làm chuẩn cho nền nhà. Một số anh em khỏe được phân công tác ban nền nhà cho tương đối bằng phẳng. Cứ vài người cuốc đất thì vài người khác kéo đất xuống phía dưới, be lại thành bờ cho nền nhà tương lai.

Tôi phác họa vị trí và kích thước cho căn nhà. Tôi dự trù căn nhà sẽ rộng khoảng 5 thước, dài khoảng 20 thước. Sẽ có hai phản ngù theo chiều dài của căn nhà, mỗi phản rộng 2 mét để vừa đủ đầu, đuôi lẫn túi đồ đạc riêng tư. Ở giữa sẽ chừa một lối đi rộng một thước.

Cái mái nhà là việc làm khó nhất. Tôi áp dụng định lý “pythagore”: “Bình phương cạnh huyền bằng tổng số bình phương hai cạnh góc vuông”. Cạnh huyền tôi muốn nói ở đây là chiều dốc mỗi bên của mái

nhà. Từ đỉnh mái nhà xuống đến xà ngang, từ đó kéo ra sườn nhà là hai cạnh của góc vuông. Tôi cho khoan lỗ vào những cây lồ ô được chọn để làm sườn mái, ráp vào cột nhà, sẽ thành mái nhà. Trật lất! Máy tính không có, từ số bình phương, chia ra để lấy “căn” bằng tay không chính xác. Lỗ khoan đầu tiên không đúng vào lỗ khoan trên cột nhà! Quê quá chừng!

Từ đó trở đi, chúng tôi dựng cột nhà xong, leo lên mái, từ đỉnh, thả cây lồ ô xuống, đến đâu mới khoan đến đó. Rồi cũng xong. Chúng tôi đã dựng được cái “lán” đầu tiên. Một số anh em được phân công tiếp tục đi chặt cây, chặt lồ ô về để sẵn. Một số bắt tay vào đan lát làm thành những tấm phên che chung quanh nhà. Một số khác cũng dùng cây và lồ ô để làm phản ngủ.

Mô tả công việc đã xong thì nghe cũng dễ và cũng nhanh chóng nhưng thật ra, công việc mất nhiều công sức và thì giờ lắm. Tốn rất nhiều mồ hôi và máu do những tai nạn xảy ra trong rừng.

Khi khung cảnh trở nên quang đãng thì chúng tôi mới có thể phóng tầm mắt nhìn ra xa, qua các ngọn đồi chung quanh, mới thấy rằng khu rừng hãy còn bạt ngàn. Không biết với sức lực và dụng cụ thô sơ, hạn hẹp như hiện tại thì chúng tôi có thể khai quang đến đâu.

Một ông cán bộ đến thanh tra trại. Ông tỏ ra rất hài lòng vì “tiến độ” của công việc. Ông lặp lại lời của “bác” cho chúng tôi nghe: “Có sức người, sỏi đá cũng thành cơm” (*sic*). Ông nói chúng tôi cứ tiếp tục công việc tạo dựng chỗ ăn, chỗ ở để còn sớm đi vào học tập! (Xưa rồi ông ơi, bịp bợm mãi!)

Thức ăn thăm nuôi cũng vui dần. Trong rừng này chúng tôi vẫn chưa thấy có con gì “nhúc nhích” để có thể bắt chúng làm thịt ăn để “cải thiện” được. Chỉ có con vắt ở dưới chân đồi, nơi ẩm ướt quanh năm, gần suối, là nhiều nhất. Chúng người thấy hơi người, ngóc đầu lên le ngoe xong là chúng “búng” thật nhanh đến phía chúng tôi. Anh nào không đề phòng, hoặc sợ quá, không biết làm gì thì thế nào cũng bị chúng bám vào người, hút no nê máu, từ lúc nhỏ như cọng tăm, đến lúc rút ra khỏi người nạn nhân thì đã to bằng cọng đũa, mọng máu.

Chúng tôi bắt đầu lục tục dọn vào “nhà” mới. Dự trữ lúc đầu của tôi thế mà rất chính xác. Chiều ngang của cái phản đủ rộng để một người nằm thoải mái, trên đầu còn đủ chỗ để cái bao tải đựng đồ đạc riêng tư. Hai mươi anh em chúng tôi giờ đã biết tên nhau, sinh hoạt vui vẻ. Cuộc sống như thế rồi cũng quen. Có giếng nước gần chỗ ở, có con suối ở dưới chân đồi để tắm giặt. Nhìn qua những gian gần chúng tôi, họ cũng gần xong, cũng chuẩn bị dọn vào. Con đường đi xuống suối giờ này đã thành con đường mòn. Chúng tôi phải hô hào nhau cuộc thành bậc thang, gánh nước lên không sợ trơn trượt.

Càng ngày chúng tôi càng phải đi xa trại để kiếm cây, chặt lồ ô và tìm cỏ tranh về xây dựng lán tiếp. Cán bộ thấy chúng tôi thích nghi với cuộc sống nhanh chóng cũng có vẻ yên trí. Tuy vậy, cũng vì thấy chúng tôi có nhiều khả năng, họ bóc lột công sức của chúng tôi thêm bằng cách bắt chúng tôi thay phiên nhau sang dựng lán cho họ ở. Họ đã làm được một hai cái lán nhưng có vẻ chưa hoàn tất. Tất cả những cái lán chúng tôi làm bên trại của chúng tôi đều được lợp bằng cỏ tranh nhưng hãy còn lưa thưa và có vẻ rất tạm bợ. Mái của những cái lán của cán bộ được lợp bằng một loại lá rất lạ, phẳng lý, trông đẹp mắt. Thấy chúng tôi trầm trồ khen nên một anh vệ binh hứa ngày mai sẽ đưa chúng tôi đến khu rừng có loại lá này, hái đem về lợp. Lá đó có cái tên rất hay: lá Trung Quân. Họ chỉ chúng tôi hái. Đem về phơi khô xong gấp làm hai, dùng một thanh tre làm hom, xỏ qua và lấy một que tăm cài lá lại.

Thế là chúng tôi phát động một đợt chặt tre làm tăm cho đội. Anh nào “chân yếu tay mềm” thì được ở nhà lo công việc cura lồ ô thành những khúc ngắn và chặt thành tăm. Chúng tôi vẫn tiếp tục đi xa khám phá thêm khu vực xung quanh. Sau cùng, chúng tôi cũng phụ nhau lợp mái bằng lá Trung Quân này, trông đẹp mắt hơn nhiều.

Một hôm, nhóm chúng tôi đi ngang qua một vũng nước lớn, trông có vẻ như một hồ bom. Đường kính của hồ bom này rộng khoảng 10 thước, sâu khoảng 3 thước. Chúng tôi thấy có cái gì đọng đáy dưới đó. Hai anh chạy về nhà lấy hai cái gầu nước để lát nữa thay phiên nhau tát nước. Chúng tôi thay phiên nhau, múc nước ở dưới hồ, chạy theo triền dốc của cái hồ, lên trên bờ, đổ nước ra ngoài. Chạy được

một lúc như vậy rồi anh nào cũng mệt bỏ hơi tai, tuy vậy không ai muốn đầu hàng! Chừng hai tiếng sau, chúng tôi bắt được một con cá trê nhỏ bằng nửa bàn tay, một con rắn nước, và một con ếch. Không ai có thể giải thích được là làm thế nào mà ba con vật này hiện hữu ở đây, sống với nhau và chúng đã sống như thế này bao lâu rồi?

Dù sao, hôm ấy chúng tôi cũng có một bữa cơm “thịnh soạn”. Ngoài những con vật hung dữ, đây là những con vật “có thịt” đầu tiên chúng tôi bắt gặp trong khu rừng này.

Đêm hôm đó, tôi có một giấc ngủ yên bình và một giấc mơ đẹp! Tôi mơ thấy những ngày sau đó, tôi đều bắt được những con vật có thể ăn thịt được.

Lại phải tỉnh giấc để trở về thực tại. Càng ngày, chúng tôi càng phải đi xa hơn. Phần thì những thân cây mọc gần chỗ ở chỉ còn những thân cong queo, chỉ có thể dùng làm củi. Phần thì phải đi đến các tranh tranh, vốn là những cánh rừng khô, chết, bây giờ cỏ tranh mọc tràn lan. Nhu cầu xây dựng lán nhiều hơn thì nhu cầu đi lấy cỏ tranh cũng nhiều hơn. Cái hay của việc đi lấy cỏ tranh là sau khi cắt và sắp xếp thành bó, chúng tôi lại lấy chính những cọng tranh bện lại làm dây, tóm chúng lại thành bó, xỏ đòn vòng vào mà gánh về. Công việc tương đối nhẹ nhưng phải cái là cỏ tranh rất rậm, rất ngứa.

Chỉ tiêu của trại cho những anh em đi cắt tranh là mỗi người hai bó, chu vi mỗi bó là *năm* gang tay.

Tôi vừa lười, vừa muốn âm thầm phản kháng, không “chấp hành” đúng lệnh của trại nên chỉ cắt hai bó nhỏ, xỏ đòn vòng gánh về. Hôm đó, “trời bất dung gian”, trên đường về, anh thủ trưởng tình cờ đi ngược chiều chúng tôi. Anh trông thấy tôi gánh bó tranh quá nhỏ, ngứa mắt, anh vẫy tôi lại gần quát:

- Anh Dương, anh gánh hai bó tranh như hai bó hành vậy? Tôi tỉnh bơ:

- Ấy, anh đừng có nói vậy. Tôi đã xong chỉ tiêu của tôi. Gánh này là tôi làm thêm cho một anh bạn hôm nay không khỏe, đã đưa một gánh

nhỏ về nạp trước rồi.

Ông thủ trưởng hằm hằm, không nói thêm gì. Sở dĩ ông thủ trưởng thuộc tên tôi là vì tôi được anh em gán cho cái chức “tổ trưởng” và hay phải sang trại của các ông nhận công tác cho ngày hôm đó. Có lẽ cũng là vì trông cái “tướng” của tôi đáng ghét? Cao lớn hơn người thường, không mặc quần áo tù như một số đồng anh em. Vẫn mặc những bộ quần áo lính ngày xưa do vợ mang lên từ khi còn ở Long Khánh.

Nhắc lại Long Khánh, tôi nhớ những kỷ niệm ấy quá sức. Đau khổ, tức tưởi cũng có nhưng trong những lúc ấy cũng có nhiều niềm vui. Phần thì thỉnh thoảng được thăm nuôi, được gia đình tiếp tế, nhờ thế mà trông tươi tắn hơn, “phình phao” hơn. Một phần nữa là nhờ có anh thủ trưởng không “hắc ám” lắm. Ở nơi đồng bằng, gần thành phố, nơi cuộc sống tương đối dễ chịu hơn, người ta có vẻ không hà khắc với nhau lắm?

Ở trên vùng rừng thiêng nước độc này, cuộc sống thảm hại hơn nhiều. Các cán bộ, vệ binh, và nhất là ông thủ trưởng, có lẽ họ đều bất mãn với số phận. Họ cũng phải “thắt lưng buộc bụng” mới có cái mà ăn. Họ chưa tiếp xúc với chúng tôi nhiều. Trong con mắt của họ, chúng tôi vẫn là những kẻ cựu thù. Bây giờ nằm trong “rọ” của họ thì họ cho mình có cái quyền ngược đãi chúng tôi.

Gạo đã bị ăn bớt, cắt xén nhiều nên phát không đủ tiêu chuẩn. Thực phẩm phát cho chúng tôi vẫn chỉ là muối hột, cá “khô”, mì gói, có khi thêm được một ít khoai sắn (để trừ vào số lượng gạo đáng lẽ được lãnh).

Khi đọc những đoạn văn này, bạn đọc chưa thể hình dung thân thể thảm hại, lam lũ, rách rưới của chúng tôi. Các nơi gọi là “trại cải tạo” này, thực chất, đều là các trại tù khổ sai, lò hành hạ con người. Bây giờ là cuối thế kỷ hai mươi, các trại khổ sai giam giữ chúng tôi có lẽ không đã man bằng các trại giam người Do Thái thời Đức Quốc Xã, nhưng cái đau khổ nào trên thân xác và tinh thần của con người ta cũng giống nhau mà thôi.

Bạn đọc cứ tưởng tượng ra thân hình của những người đàn ông, quần áo không lành lặn, mang đủ mọi loại “giày dép” tự chế, nhặt nhạnh được ở đâu đó, mặt mũi méo mó, khô héo, như không còn sinh khí. Vai luôn dính liền với cái cuốc, hoặc con dao “rựa” của người Miền Nam. Vừa đi vừa cúi gằm mặt xuống – không phải là ngượng ngập gì với ai đâu – mà phải để ý tìm kiếm xem có cái nấm “ma” nào, hay quả mướp rừng nào thì chộp ngay lấy, bỏ vào cái túi vải đem theo người để cuối ngày, về có thêm cái gì để chế biến thành thức ăn. Nấm “ma” tôi nói ở đây có cái tên đặc biệt này là vì chúng thoáng mọc, thoáng mất. Ai có duyên “lành” thì nhìn thấy nó và hái đem về. Những bạn đi trước không hề nhìn thấy nó, những anh bạn đi sau cũng không hề biết những cái nấm này đã mọc ngay bên cạnh đường đi!

Có hôm, ba anh em chúng tôi không được may mắn lắm, chộp được quả mướp rừng, đem về hỷ hửng nấu với cá khô (đã làm sạch), hy vọng chia nhau một bát canh ngon. Hỡi ôi, đó là một bài học chừa cho đến chết vì quả mướp đó đã bị một loại dây rừng nào đó quện lấy và truyền chất đắng cho dây mướp. Từ đó trở đi, mỗi khi gặp mướp rừng, phải cẩn thử một miếng. Nếu thấy ngọt thì đem về, còn thấy đắng ngắt, thì vứt bỏ ngay. Nồi canh hôm trước cố gắng lắm cũng không thể nuốt nổi, đổ đi mà lòng tiếc hùi hụi!

Một ngày bình thường bắt đầu bằng một ngậm nước muối, ngậm một lúc rồi xúc miệng. Cái gọi là kem đánh răng (và như hai chữ Tự Do), đã trở thành xa xỉ phẩm từ lâu. Phần vệ sinh cá nhân thì dù trong tù vẫn phải diễn ra. Sau đó, sắp hàng (nhớ xếp hàng 5 cho dễ đếm) chờ lệnh công tác. Lúc đi cắt tranh, lúc đi “chặt tre, dẫn gỗ” trên ngàn. Bây giờ đã có nhiều khoảng đất trống, chúng tôi được phát những “hom” mì giống để trồng thành vườn cây mì. Trại cũng muốn xây dựng một cái hội trường để “học tập”. Chúng tôi lại có vô số những công tác mới. Cũng may là mùa này rừng Phước Long chưa mưa và chưa lạnh. Các công tác vẫn được tiến triển tốt.

Giờ này, tất cả chúng tôi đã quá quen với việc dựng nhà cửa bằng gỗ và tre. Cái khó lần này trong việc xây dựng một cái hội trường là phải đủ cao, rộng cho một sinh hoạt đông người. Một anh trước đây là sĩ quan công binh, phác họa sơ đồ của một hội trường có mái cao vút

như mái nhà thờ, theo những bức tranh vẽ nhà của người cao nguyên. Anh lý luận là làm như vậy cho hợp với quang cảnh xung quanh của núi rừng trùng trùng điệp điệp. Bản vẽ được đưa lên cho trại để phê duyệt. Chắc các ông ở “trên” cũng thuộc loại i-tờ-rít cho nên các ông ấy chấp thuận dự án liền. Nhìn cái bản vẽ có cái mái cao vút như vậy, chúng tôi đều ngao ngán vì biết trước là việc lợp mái cho hội trường này sẽ “căng” lắm đây.

Công việc vẫn phải tiến triển. Cột kèo đã buộc xong, chỉ chờ đi cắt cỏ tranh về, đan lại và leo lên lợp. Đến lúc này thì các cán bộ quản giáo mới phát giác ra là mái của hội trường này trông giống mái của một nhà thờ. Các ông tập trung chúng tôi lại, sỉ vả cho một trận, đổ lỗi chúng tôi cố tình làm mái “nhà thờ” này để nhớ lại ngày xưa còn sống ở thành phố (!) Các ông ấy bắt rở ngay cái mái. Chúng tôi ầm ục lắm nhưng cũng thở phào vì leo lên lợp cho cái mái dốc như thế thì thế nào cũng có anh té lộn cổ xuống mà chết.

Theo năm tháng, hội trường cũng được hoàn thành. Mái xuôi vừa phải, chỉ đủ để nước mưa đừng đọng lại, đừng dột thôi. Các ông cán bộ cũng tỏ ra hài lòng. (Hy vọng giờ này các ông đã nghiệm ra là chúng tôi là một tập thể đa tài, đa năng).

Sau một ngày làm việc trong rừng, cơ thể ngứa ngáy, khó chịu. Về đến trại là chúng tôi bỏ cuộc xêng, chạy ủa xuống suối tắm giặt, rửa ráy. Trong hoàn cảnh này, đâu có ai phải “màu mè” với nhau. Chúng tôi đứng tắm trong hình hài ông A Dong mà chả ai thèm quan tâm đến ai. Một hôm, một ông cán bộ cũng đi xuống suối, nhìn thấy cảnh tắm chung như vậy, ông bỏ lên trước. Ngày hôm sau, ông cán bộ tập trung chúng tôi lại và sỉ vả là chúng tôi không có văn hóa. Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau. Tại sao ông này nói mình không có văn hóa? Cán bộ nói rằng khi tắm, ít ra các anh cũng phải kín đáo, đâu có ai cứ để “tồng ngồng” như vậy trước mặt nhau! (Ông ơi, ngày xưa chúng tôi đều có nhà tắm riêng, có khi có cả vòi hoa sen, nước nóng nước lạnh nữa đấy ông ạ!)

Cái việc mà ông cán bộ mắng nhiếc chúng tôi – là không có văn hóa – vì tội cùng nhau tắm dưới suối trong hình hài của ông A Dong sau

này đã trở thành một đề tài chúng tôi dùng để chọc ghẹo nhau như những chuyện vui trong cái khổ để vui đi những nhọc nhằn ở chốn trần ai này.

Bây giờ “trại” của chúng tôi đã dần dần thành hình. Các anh em đều đã có “chuồng” để mà về sau một ngày lặn lội trong rừng. Trên dưới hai mươi người chia nhau chỗ ngủ và cùng sống trong một lán. Trại cũng đã có một “hội trường” tuy chưa được khánh thành vì chưa thấy đoàn cán bộ nào xuống dạy chúng tôi “làm người”!

Công tác mỗi ngày một rộn rịp vì thời tiết có vẻ sắp chuyển thành mùa mưa. Cán bộ trại đốc thúc chúng tôi phá rừng để lấy đất trồng trọt sau này khi mùa mưa đến. Tất cả những cây mọc và lồ ô đều được lệnh chặt xuống hết, xếp thành từng đống, loại nào xếp thành loại ấy.

Thời tiết thay đổi thì cảnh vật cũng thay đổi. Lá rừng rụng nhiều. Những “cây ngay” vẫn bị “chết đứng” như thường vì chúng tôi phải phá rừng một cách “khẩn trương”. Mưa đã lất phất. Măng non của lồ ô và tre đã bắt đầu nhú lên. Đến lúc này thì trong rừng, con vật độc ác sau con vắt là những con muỗi. Chúng có vẻ rất đói. Thân chúng cứng hơn những con muỗi ở thành phố rất nhiều. Khi nó nhào vô được thân thể chúng tôi là thân chúng chống lên, cắn cái vòi của chúng và bắt đầu hút máu liền. Chỉ mới chốc lát mà bàn tay đập muỗi đã đầy máu.

Trời đã hơi se se lạnh. Khi đi làm rừng, chúng tôi phải thủ thêm một manh áo nữa. Cũng nhờ cái không khí se se lạnh này mà công việc có vẻ đỡ mệt nhọc hơn, ít tốn mồ hôi hơn. Nhưng lại phải nghĩ ra cách để chống lại hàng triệu con muỗi đói lúc sáng sớm. Chúng tôi phải nói cái vành nón cho rộng ra, choàng vào đó một cái lưới làm bằng vải mùng rồi thắt chặt xuống cổ áo. Áo phải có tay dài và phải mặc quần dài. Nhưng trời có sinh, có dưỡng. Lúc mặt trời đã sáng hẳn và có ty gió thì đàn muỗi cũng tản mát dần và biến mất.

Trong những sinh hoạt ở trại, chúng tôi thấy có một anh vệ binh, lúc nào cũng đeo theo khẩu AK-47. Điểm đặc biệt của anh chàng này là cái băng sừng của anh được sơn màu đỏ, trên đó có khắc một vài cái gạch. Anh khoe với chúng tôi là đó là những con số ghi nhớ mỗi lần

anh bắn hạ được một *quân thù!!!* Cái khẩu AK của anh luôn được đeo trên vai, nòng súng hướng lên trên và có nạp đạn sẵn.

Một hôm, không biết sự “cô” đã xảy ra thế nào mà súng của anh tự nhiên phát nổ một tràng “ra-phan” chừng độ mười mấy viên đạn liền. Cái nòng súng sát cạnh bên tai phải của chàng cho nên chắc là bị bể cái màng nhĩ, máu trong tai chảy ra. Từ đó, anh chàng này bị điếc hẳn một bên tai, không còn thái độ hống hách với cái thành tích bắn hạ được vài quân thù! Từ đó, dáng đi của anh ta nghiêng sang một bên, không biết đây có phải là hậu quả của việc rách màng nhĩ bên tai phải hay không? Cũng may là nòng súng hướng lên trời chứ mà...

Không biết đây có phải là *gieo gió gặt bão* không nhưng chúng tôi cũng hề hã và có thêm đề tài để biến nó thành trò vui đùa.

Trại cũng nghĩ đủ mọi phương cách để hành hạ và bóc lột sức lao động của chúng tôi: Phía dưới hạ nguồn con suối có một chỗ mở rộng ra thành một cái đầm nước. Nước tù đã đọng lại qua nhiều năm, nước mang màu đen thẫm, có mùi cây, cỏ, lá mục. Họ bắt chúng tôi đắp thành bờ, khơi cho nước suối chảy vào. Khi nước đã tương đối đầy, họ bắt chúng tôi lội xuống đó, vớt hết bùn rác lên làm cho nước trong sạch lại. Trại nói là họ sẽ mua cá giống về, thả xuống, sau này thỉnh thoảng vớt cá lên đem đi bán. Họ không hề nói là tiền lời bán cá có được chia cho chúng tôi chút nào không? (Biết là không nhưng vẫn muốn hỏi!)

Chúng tôi có dịp “làm quen” với một sinh vật mới: Con đĩa! Khi một người khoắng chân xuống nước là hàng trăm con đĩa bơi đến. Chúng lập tức bám vào da chúng tôi và bắt đầu hút máu. Nhiều anh sợ quá, chỉ biết hét thật lớn và chạy lên bờ. Từ hôm đó, những ai được phân công đi vớt hồ thì phải đeo theo một cái lọ nhỏ, thường là lọ đựng chao trước đây, bỏ một ít tro bếp vào. Khi thấy đĩa bơi đến là tóm ngay lấy chúng, bỏ vào lọ chao. Những con đĩa quần quai trong tro bếp. Khi về đến nhà, chúng tôi thẳng tay vứt chúng vào lò! Ngày qua ngày, công sức của chúng tôi cũng được đền bù. Lúc đi làm rừng về, phóng xuống hồ, tha hồ vẫy vùng.

Nhưng. Chữ “nhưng” quái ác. Trại muốn bóc lột thêm công sức của chúng tôi: Họ bắt chúng tôi phác họa và phải xây một cây cầu kiềm một cái đập nước ngang con suối, phía dưới đầm nước vì họ biết rằng khi mùa mưa đến, nước sẽ chảy siết và sẽ cuốn hết cá trong hồ đi mất. Thế là một công trình vĩ đại nữa được chuẩn bị. Các anh sĩ quan công binh trước đây lại có việc làm. Chúng tôi lại nai lưng ra đi kiếm gỗ về xây dựng đập. Không biết ngày xưa người cổ Ai Cập xây kim tự tháp như thế nào mà bây giờ, cũng chỉ với những dụng cụ thật thô sơ, chúng tôi đã hoàn tất cây cầu, và cũng là cái đập ngăn nước. Trại chưa yên tâm vì không chắc đã hết địa chưa nên họ cho chúng tôi thỏa sức nhảy xuống tắm hồ, nếu còn địa thì chúng tôi sẽ bắt giúp họ.

Ngày trọng đại đã đến: Trại đã mua được mấy “can” cá giống. Họ gọi chúng tôi đến quan sát. Chúng tôi phải đóng đúng vai trò của khán giả: phải vỗ tay, hò hét ủng hộ việc làm của trại khi họ đổ cá giống xuống hồ. Các cán bộ có vẻ hài lòng ra mặt. Nhưng, lại chữ nhưng quái ác: Họ không cho phép chúng tôi xuống hồ tắm nữa vì như vậy sẽ làm cá sợ, chúng nó không ăn và sẽ không lớn được. Mất dzui!

Chúng tôi không nhớ nổi là chúng tôi đã ở trại này bao lâu. Mùa mưa đã bắt đầu với những trận mưa nhẹ nhẹ.

Họ đã chuẩn bị sẵn thóc giống. Họ chỉ chúng tôi cách trồng lúa đồi. Kỹ thuật rất đơn giản: Hai người một cặp. Người đi trước sẽ cầm cái gậy, chọc một lỗ xuống đất. Người đi sau đeo cái bị thóc giống, thả xuống lỗ vài hạt thóc rồi lấy chân đá một cái, lấp cái lỗ lại. Cứ xếp hàng ngang mà đi như vậy, mỗi ngày cả cây số. Hết đồi nọ qua đồi kia. Những lúc được nghỉ giải lao, chúng tôi nhìn lại thành quả của mình. Từ đồi nọ qua đồi kia, không có chỗ nào mà không có công sức của chúng tôi. Đồi nào cũng đã được trồng hoặc lúa, hoặc khoai mì, hoặc mía, hoặc đậu phộng, v...v...Đúng là *trùng trùng xa cách*.

PHẦN MƯỜI

Tiếng Đàn Trong Gió

Đất đỏ trên các đồi ở vùng Phước Long này tốt vô cùng. Không bao lâu, lúa đã mọc lên, thành từng luống thẳng tắp như chúng tôi đã từng sắp hàng ngang đi rải thóc vậy. Đám cây khoai mì chúng tôi trồng trước đây cũng đã lớn lên bội rồi. Nhiều anh nghe ai, hái đọt non của cây mì về nấu uống, có lẽ họ nghĩ là sẽ ngon ngọt giống như đọt non của cây bắp. Uống xong nước đọt khoai mì thì nôn thốc tháo. Có anh bị say quá, té tại chỗ, khiến anh em phải bôi dầu, lay tỉnh lại.

Bây giờ lúa đã mọc, chúng tôi lại có thêm công tác mới: Phải liên tục đi rẫy cỏ để lúa có chỗ mọc, để cỏ mọc tràn lan, lúa sẽ èo uột. Sức lao động của chúng tôi bỏ ra nhiều như vậy nhưng chưa biết sau này có được hưởng ké một chút nào không. Thực tình mà nói, không hy vọng được Đảng và Nhà Nước chiếu cố nên thỉnh thoảng, có cơ hội đi ngang đồi trồng khoai mì, chúng tôi cũng “tranh thủ” vào đào trộm (chính công sức của mình) vài củ về nhà ăn độn với cơm. Bác đã dạy là “ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh” (*sic*). Nhưng trong hoàn cảnh hiện tại của chúng tôi, rõ ràng chúng tôi bị ức hiếp quá mức. Sức lao động của chúng tôi bị bóc lột quá mức. Chả ai dám làm gì để phản kháng lại. Kiếp sống con người luôn bị chi phối bởi “nhị phân”. Có trắng thì có đen. Có sáng thì có tối. Có thực thà thì có dối trá. Nhưng trong kiếp sống phong ba của chúng tôi hiện nay, có làm nhưng không có hưởng! Mình phải đi ăn trộm thành quả của chính mình. Thế này thì gạt bỏ *Tham, Sân, Si* thế nào nổi?

Trời bắt đầu mưa nhiều hơn. Những trận mưa rừng dầm dề, có lúc như vũ bão. Những ngày đầu, vệ binh còn đưa chúng tôi đi làm rẫy để canh chừng. Càng về sau, những trận mưa rừng tưởng như không dứt, các anh ấy cũng ngại đi ra ngoài, cho chúng tôi được nghỉ lao động luôn. Nói là nghỉ lao động nhưng chúng tôi vẫn phải làm việc. Những mái tranh đánh vội vã lúc mới lập trại, bây giờ bị gió tốc mất, hoặc nước mưa đọng trên mái trở nên quá nặng, nước mưa đổ ào ào vào trong lán. Chúng tôi lại phải dỡ ra, kết thêm tranh và lợp lại. Đối với những ai chưa từng “được” học tập trong các “Đại Học Máu”

(do “Bác” bắt chước Tàu Cộng để đầy đọa người của chế độ cũ) thì không thể hình dung ra được những cảnh sống của chúng tôi. Những thân xác tiều tụy, rách rưới của những người bị đầy đọa mà không thể phản kháng. Tư cách, nhân phẩm của chúng tôi thường bị miệt thị. Những nguyện vọng chính đáng, cần thiết – và vô cùng căn bản – vẫn không bao giờ được đáp ứng. Họ tiếp xúc, làm việc với chúng tôi mỗi ngày, vẫn trong những nghi ngờ và vẫn trong cái tương quan của những cai tù và tội nhân.

Quý độc giả nghe nói về những căn nhà, hay những cái lán làm chỗ trú ngụ cho bọn tù chúng tôi, không biết rằng chúng tôi không có cái đỉnh hay cọng dây thép nào trong công việc xây dựng những căn nhà này, kể cả “hội trường” có thể chứa cả trăm người ngồi, cũng không hề có cái đỉnh nào. Tất cả những công việc kết nối xà nhà, cột, kèo, vách, đều do những sợi dây lạt chẻ từ tre, hoặc mây rừng. Công việc chẻ lạt từ những thanh tre (lò ô) hay những sợi mây, cả là một công trình. Nếu không biết chẻ thì sợi lạt cứ mỏng dần về khúc cuối và trở nên rất yếu, không dùng được.

Tôi nói về sợi lạt tre ở đây vì tôi muốn nói về một tai nạn của tôi, mà có lẽ cũng xảy ra cho nhiều người. Trời mưa thì không những đường rừng trở nên trơn trượt mà những cây lồ ô chặt xuống cũng bị ướt và trơn hơn. Để “đạt chỉ tiêu”, từng cặp chúng tôi kết độ mười cây lồ ô với nhau, lấy sợi lạt tre, quấn một vòng quanh chúng, cầm hai đầu sợi lạt xóc xóc cho những cây lồ ô ép sát vào nhau rồi xoắn tròn hai đầu lạt, rịt cho chắc xong là gánh về.

Hôm đó trời mưa, khi tôi xóc hai đầu lạt cho chặt thì bị tuột tay, sợi lạt tre sắc như dao cạo, cứa một đường giữa lòng bàn tay tôi, miếng da mỏng giữa ngón cái và ngón trỏ của bàn tay phải của tôi bị cắt đứt vào khoảng một phân, mỡ và thịt lòi ra. Các bạn thấy tôi bất thần thả đám lồ ô xuống, nhả nhó ồm bàn tay máu chảy ròng ròng, thì chạy lại, hô hào, xin thuốc rê, thuốc lào của anh em, nhét vào lòng bàn tay tôi, xé miếng cạp quần, buộc chặt bàn tay tôi lại. Nước mưa trên mặt của tôi chảy xuống mũi, miệng, có hương vị mặn của nước mắt! Đây không phải là *cái tội đa sầu đa cảm* của tôi, mà vì vết đứt đau thật. Nước mắt đổ ra cũng vì vết đứt đau quá không cầm nổi, mà cũng vì

tự thương xót cho thân phận của mình vẫn bị đày đoạ mấy năm nay.

Lại phải nói thêm về những sợi lạt tước ra từ những cọng mây rừng. Hôm nào tổ bị cắt đặt công việc đi lấy mây về cho trại thì ngày đó coi như đổ máu không ít. Những sợi mây rừng leo thật cao trên các thân cây mộc. Sợi mây rất dai, thường thì to bằng ngón tay cái. Sợi mây rừng đều có một lớp vỏ bọc mỏng, đầy những gai nhọn. Gai của những sợi mây rừng này không có cái gì có thể so sánh nổi. Chúng nhọn và sắc còn hơn cái kim may nhưng chúng to, dài, rất khó gãy. Cái gai khi cắm vào tay rồi mà còn ló một phần đuôi thì coi như còn có phước. Nó cắm sâu vào trong thịt rồi mà bị gãy nửa chừng thì về nhà, chỉ có khóc! Những sợi lạt này, sau khi chẻ xong mà chưa dùng tới ngay thì chỉ cần ngâm vào chậu nước, chúng sẽ giữ được độ mềm, dẻo như còn mới. Một sợi mây rừng cần chừng hai hoặc ba anh bám chặt vào, đu đưa, vật lộn với sợi mây đó cả giờ đồng hồ mới kéo chúng xuống tới đất. Kéo được sợi mây xuống rồi thì lấy dao rựa gọt lớp vỏ đầy gai của chúng, cuộn lại rồi gánh về. Chỉ tiêu của trại đưa ra là mỗi người một trăm thước một ngày. Muốn lấy được một trăm thước mây rừng thì tốn khá nhiều công sức, mồ hôi, và nhiều máu.

Mùa này trên rừng có những trận mưa như vũ bão, có khi kéo dài cả ngày. Đi làm rừng cũng khổ mà ở nhà thì cũng lo chống đỡ với những bất trắc trên mái. Mái nhà có thể bị hất tung lên bất cứ lúc nào. Cuộc sống như thể trở lại thời kỳ ăn lông ở lỗ. Đã sắp hết thế kỷ 20 rồi mà cuộc sống chúng tôi không được bảo vệ, che chở bởi một phương tiện tối thiểu nào. Một đêm, chúng tôi đang co ro ngủ trong cái lạnh cùng sự ẩm ướt thì bỗng anh em chúng tôi nghe một tiếng “ầm” thật lớn. Tiếng ầm này vang vọng trong núi rừng, chúng tôi không đoán được nó là tiếng gì và xuất phát từ đâu. Sau tiếng ầm đó thì không gian trả lại tiếng rả rích của mưa rơi.

Đến sáng thì có tiếng gọi nhau ời ời. Chúng tôi nghe anh em gọi nhau: “Mang thùng xuống suối vớt cá.” Chúng tôi cũng chạy theo nhau, người thì mang theo giỏ, người thì mang theo thùng. Chạy xuống đến suối thì mới vỡ lẽ ra là tiếng “ầm” đêm qua là do cái đập/cầu chúng tôi dựng lên phía dưới hồ cá của cán bộ - đã không chịu nổi sức nước, đã bị sập và bị cuốn mất một phần. Cái hồ cá cũng vì thế mà bị tháo

hết nước. Những con cá cán bộ nuôi đã lớn trọng rồi nhưng một phần lớn bị cuốn đi, một phần thì đang nằm phơi bụng, dây dựa trên vũng sinh lầy của buổi sáng sớm. Mạnh cán bộ thì cán bộ bắt cá. Mạnh tù thì tù bắt cá. Bây giờ, mọi sự là của chung nên không ai cấm cản được ai. Người nào trong anh em chúng tôi cũng hốt được đầy thùng, đầy giỏ mình mang theo. Chiều hôm đó, vừa không phải đi làm rừng, vừa ở nhà biến chế món cá, để dành ăn dần. Tối hôm đó, ai cũng xuýt xoa bên nồi cháo cá tươi hiếm có.

(Các ông cán bộ trại chắc cũng tiếc hùi hụi vì chưa “thu hoạch” được mẻ cá nào. Hôm nay mấy thằng tù tha hồ ăn ké mà không nói gì được chúng)!

Một hôm, trại tập trung chúng tôi lại và báo một tin khá “hồ hởi”: Chúng tôi được viết thư về cho gia đình biết là sắp có đợt thăm nuôi. Cũng ngay sau đó, chúng tôi được phát động chiến dịch đi lấy cây, lò ô, cắt tranh, để xây dựng *nhà thăm nuôi*. Chúng tôi đã quen công việc và đang vui vì sắp được gặp người thân nên công việc tiến triển nhanh hơn và căn nhà thăm nuôi trông cũng tươi tắn hơn. Chúng tôi cũng tự động đan những tấm phên để chia thành phòng và có làm những chõng tre cho thân nhân nghỉ. Nhà thăm nuôi cách trại chúng tôi khoảng nửa cây số đường rừng. Bây giờ chúng tôi mới biết cách đó không xa có con đường đất đỏ, đủ lớn để cho xe đồ chạy vào. Tầm nhìn của chúng tôi cũng nhờ thế mà đi xa hơn.

Chúng tôi lấy có phải đi cắt cỏ tranh cũng như gỗ và tre nên phải đi xa. Bất ngờ, chúng tôi nghe tiếng nước chảy âm âm như tiếng thác. Đến gần tiếng nước gào thét đó thì không gian như rộng mở. Đó là một khúc sông, mùa này mưa nhiều nên nước chảy siết dưới chân một cái cầu. Lúc đó ai mà vô phước ngã xuống dòng nước đó thì chỉ có chết mất xác. Đang đà muốn khám phá, chúng tôi đến gần cầu, nhận ra là bên kia cầu, có một vài căn nhà dân. Chúng tôi mạnh dạn đến gần. Có một căn nhà trông như một quán nước nhỏ, chúng tôi bước vào. Mấy người đàn bà trong quán thấy chúng tôi, xua đuổi như đuổi tà. Chúng tôi cố lấy vẻ lịch sự ra chào hỏi và tỏ ra vô hại cho họ.

Một vài phút sau, một chị nói với chúng tôi là các ông cán bộ ở vùng

này không cho họ tiếp xúc với tù vì những người tù này rất nguy hiểm. Hóa ra, chung quanh đây cũng có nhiều trại tù khác và nhiều anh bạn cũng đã từng đến đây. Chúng tôi cố trấn an họ, nói cho họ biết là chẳng qua cũng vì hoàn cảnh chứ chúng tôi hoàn toàn vô tội và sẽ không gây ra sự khó khăn nào cho bà con. Một người đàn bà bắt đầu tin chúng tôi. Nhìn quanh thật nhanh thì chúng tôi thấy quán có bán bánh ú, chuối, gạo, khoai lang, và một vài loại thức ăn khô nữa. Chúng tôi không ngờ ở đây cũng có cái quán nhỏ này và trong người không có sẵn tiền nên tần ngần một lúc rồi xin phép ra về. Từ hôm đó, chúng tôi đặt tên cho cái quán đó là “Quán Ba Cô” cho có vẻ thơ mộng. Cũng từ đó, trong túi chúng tôi lúc nào cũng thủ vài đồng để nếu có dịp đi qua chỗ cây cầu đó thì sẽ vào mua một vài món ăn.

Mấy hôm sau, chúng tôi lại lấy cớ đi về phía cây cầu, lại vào quán. Lần này thì họ không xua đuổi chúng tôi nữa. Chúng tôi mới được biết đây chính là một chi nhánh của Sông Bé. Họ cho biết là mùa khô thì khúc sông này nước chảy rất êm dịu, nhảy xuống tắm được. Chúng tôi mua vài cái bánh ú và một nải chuối. Chúng tôi cũng thấy có một chuồng gà. Họ cho biết là gà cũng để bán nhưng chúng tôi không dám mua vì không có cách nào đem con gà vô trại được.

Từ hôm biết tin là sẽ được viết thư về nhà và sẽ được thăm nuôi, chúng tôi bàn tán với nhau sôi nổi. Anh nào cũng hăng hái chia sẻ là sẽ dặn vợ mang những thứ gì lên. Người nọ bổ túc cho người kia. Nhưng cũng nhiều lúc chúng tôi phải khựng lại vì biết rằng để có thể mua sắm nhiều thứ như vậy, tội nghiệp cho vợ con, vừa phải lặn lội, phải tự khiêng, lôi, vác, kéo lê lết bao nhiêu cây số để mang những thứ đó cho chồng con, vừa phải nhịn ăn bớt ở nhà để có tiền mua sắm những thứ đó.

Tôi nhớ lại quán Ba Cô bên kia cầu sông Bé có mấy con gà mà không dám mua. Đây là cơ hội để có được con gà hợp pháp! Mọi người reo vui vì cái viễn tượng sẽ có cả đàn gà, tha hồ “bồi dưỡng”.

Và thế là “con tim đã vui trở lại”. Người tù đã được gặp lại vợ con, gia đình. Chúng tôi được trại cho ra sống với gia đình bốn tiếng đồng hồ. Các bà đều tả lại chuyện đi của mình vô cùng thương tâm. Họ đã

phải ra bến xe sắp hàng từ hai giờ sáng. Các bà để giỏ đồ của mình để giữ chỗ trước rồi sau đó chia nhau đi mua thức ăn sáng. Quái ác một điều là cửa hàng bán vé xe đò chỉ bán giới hạn 40 chỗ mỗi xe. Sau 40 vé đó thì khách lại phải trở lại sáng hôm sau. Những trạm công an dọc đường gây mọi chuyện khó dễ. Sau này, các bà truyền nghề cho nhau là cứ có thủ tục “đầu tiên” thì trót lọt hết. Khi xe vào đến địa phận tỉnh Phước Long thì đôi khi khách phải xuống đi bộ, có khi phải phụ đẩy xe vì cái xe đò cũ quá, đất đỏ dính vào bánh xe rất nặng, lại trơn trượt. Bánh xe cứ quay mà xe thì không nhích được mét nào. Các bà cũng nói thêm: lúc lên xe đò, trả tiền vé rồi mà có khi vẫn bị tài xế hoặc anh lơ xe chửi mắng vì mang nhiều đồ linh kinh quá.

Chúng tôi nghe những chuyện thương tâm như vậy mà xót xa. Cũng thoáng một cái là đã hết thời gian thăm nuôi.

Tôi bàn với người bạn “Hay là mình liều ở ngoài này với vợ”? Vào điểm danh xong là chuồn ra ngoài này ngay. Nhân thể đề phòng nhờ đêm xuống, mình không có ở đây, mấy thằng cán bộ ra giờ trò với vợ con thì sao? Nghe có lý, chúng tôi áp dụng mưu kế. Đúng như chúng tôi dự tính, ban đêm chúng tôi đang ngủ với nhau trong giường thì có ánh đèn pin soi vào mình. Các anh này có lẽ cũng có ý ra đây dọa nạt, lợi dụng tý tình những kẻ cô thế. Chồng của họ ở trong tay mình. Mình vò vĩnh cái gì chả được? Nhưng bất ngờ, soi thấy những giày dép đàn ông ở dưới gầm giường, họ mới biết là họ không có cơ hội. Cán bộ hét to giữa đêm khuya:

- Các anh ra khỏi giường ngay. Tôi biết các anh vi phạm lệnh của trại. Đừng có hòng chạy trốn hoặc chối tội.

Tôi lồm cồm bò ra. Lại là cái ông thủ trưởng thuộc tên tôi. Ông áy hắng giọng:

- Anh Dzuơng lại làm gương xấu cho anh em trong trại hả? Anh vào trại rồi mai lên trình diện tôi.

Tôi mặc vội quần áo, quơ con dao rựa tôi luôn mang theo, xỏ giày xong là biến vào trong bóng đêm. Những tên cán bộ cũng mất hứng vì biết hai bên cùng đổ bể mưu toan của phía mình. Ba đứa chúng tôi

chạy được một lúc, nghĩ lại thấy lo cho gia đình mình ngoài đó. Chúng tôi rủ nhau liêu trở lại, rình xem bọn này có làm gì thân nhân mình không. Các bà cũng lo sợ cho thân phận của chồng mình, xúm nhau lại trên cùng một cái giường thôn thức suốt đêm.

Một lúc sau, thấy những tên cán bộ cũng đã bỏ về, chúng tôi đành phải trở vô trại. Tôi vừa chạy vào trại vừa nghĩ, cũng may là mình để đôi giày dưới chân giường, chúng nó soi ra mới đổ bể câu chuyện và không đưa đến kết quả khôn lường.

Nếu đã giấu đôi giày thì nó không biết mình ở trong mùng. Nó dở trò đòi bại, thò tay vào mùng, sờ ngay thấy mình thì chắc con dao rựa của tôi đã quơ mất một cái đầu và câu chuyện đã đến hồi kết ngay đêm hôm đó.

Đến sáng, tôi chia thức ăn và đồ đạc lĩnh kính vợ tôi mang lên thành nhiều phần nhỏ, gửi bạn bè giữ dùm vì lát nữa tôi lên trình diện trại, không biết có trở về không.

Lúc này, tôi vẫn nhớ là vợ tôi có mang lên cho tôi một con gà!

Trời sáng bạch. Tôi nhờ mấy người bạn làm bộ đi về hướng nhà thăm nuôi xem vợ con chúng tôi đã về được chưa. Mấy người bạn nhìn tôi ái ngại khi tôi bắt đầu đi lên trại cán bộ để trình diện, theo đúng lệnh của ông thủ trưởng đêm qua.

Trại của cán bộ cách trại chúng tôi một cái dậu thưa bằng tre do chúng tôi dựng lên từ hồi mới đầu. Ngày đó, nhiều lần các ông ấy chỉ vào cái dậu thưa này và nói với chúng tôi:

- Các anh thấy cái dậu này thưa không? Chúng tôi cũng không mất công làm hàng rào quanh trại các anh, nhưng chúng tôi thách các anh chạy trốn đấy. Lực lượng của chúng tôi đóng dày đặc chung quanh. Các anh đừng hòng có ý định trốn khỏi tay chúng tôi.

Hôm nay không thấy anh vệ binh gác ở đây như mọi khi. Tôi lên đến trại thì hình như họ cũng biết chuyện cả rồi. Họ chỉ một góc nhà, bảo

tôi ngồi đó chờ. Tôi đã chuẩn bị tư tưởng là sẽ ăn no đòn thù nên cũng không tỏ ra sợ hãi. Có lẽ ông thủ trưởng cũng âm thầm quan sát tôi từ bên kia bức phen. Có lẽ ông cũng ngạc nhiên không thấy tôi tỏ ra lo sợ gì. Một chút sau ông ra gặp tôi. Ông hỏi:

- Anh biết tôi muốn anh lên trại làm gì rồi chứ? Tôi đáp:

- Tôi vi phạm nội quy của trại. Tôi sẽ làm tờ tự kiểm. Tôi chơi đòn cân não với ông. Tôi cố ý lái ông sang một ý tưởng khác. Không đại gì mà nói “Tôi sẵn sàng chịu hình phạt...” Ông thủ trưởng cũng có vẻ ngạc nhiên thấy tôi coi việc vi phạm lệnh của trại như chuyện bình thường. Ông đưa tôi một tờ giấy nói:

- Thế thì anh ngồi đây, làm tờ tự kiểm và tự đề nghị hình phạt cho anh. Anh chàng này cũng có chuẩn bị nên cũng chơi đòn cân não. Hẳn nhất định phải đánh tôi một trận cho bỏ những lần trước gặp tôi. Tôi chưa bao giờ tỏ ra sợ thủ trưởng, lại còn can vào cái tội chuyên mặc quần áo quân đội của chế độ cũ. Anh chàng bỏ đi và không hẹn giờ trở lại. Chết thật, mình đánh trò tâm lý mà gặp tay này cũng cao cơ. Điều này thì hôm nay nhịn đói là cái chắc.

Tôi ngồi suy nghĩ để viết tờ tự kiểm. Trong lòng tôi đang suy nghĩ làm sao tránh được cái việc tự đưa ra hình phạt cho mình.

Tôi nghĩ ra cách là bây giờ mình phải làm bộ ngu ngơ, không chơi trò tâm lý với tay này nữa.

Tôi viết đúng tinh thần vi phạm lệnh của trại (không đại gì mà mô tả mình đã phạm tội gì) và hứa là sẽ đem về cho trại bao nhiêu củi, bao nhiêu cây lồ ô, và cả một đàn gà... toàn những lời hứa vô tội vạ của một *thằng khờ*.

Ông thủ trưởng hình như đã đợi giây phút giáng cho tôi một báng súng từ lâu nên nói tôi đi ra chuồng lợn, ông ấy sẽ giao công tác. Vừa quay đi thì ông ấy đã dùng báng súng AK-47 đánh một cú thật mạnh vào bả vai trái của tôi. Tôi ngã lăn quay trên nền đất lạnh. Tôi còn làm bộ ngoan cố hỏi:

- Sao anh đánh tôi? Những vi phạm nội quy của trại đâu có nói là sẽ đánh tù nhân bằng báng súng?

Ông thủ trưởng thấy tôi cũng cứng lý luận và tỏ vẻ không sợ đòn thù. Ông bây giờ đang đứng ở đây có một mình, xét ra không có lợi nên ông quay đi bảo tôi theo ông.

Ra đến chuồng lợn, trong ấy có mỗi một con. Ông ấy chỉ con lợn và bảo:

- Anh múc nước giếng lên tắm sạch cho con lợn này, lát nữa sẽ có người đến giúp anh làm thịt.

Trước mặt kẻ thù, tôi không muốn tỏ ra đau đớn vì làm như thế sẽ đúng ý của chúng. Tôi xách cái gầu tôn xuống giếng múc nước lên dội cho con heo. Cái chuồng heo này chắc chưa bao giờ được tẩy rửa nên hôi thối đủ mọi thứ mùi. Tôi cứ tà tà, đi xuống lấy nước giếng lên tắm cho con heo. Mấy bạn như vậy thì con vật cũng sạch sẽ hơn. Nó có vẻ mát mẻ, khỏe mạnh lại và bắt đầu đòi ăn. Vừa lúc đó, có mấy bạn tù cải tạo khác đến, giúp tôi vật con heo xuống, cắt tiết, mổ bụng, lấy bộ đồ lòng ra xong thì chào tôi đi về trại trước. Họ không muốn lừng khừng đứng xó rợ ở đây, lát nữa, sức lao động của họ sẽ bị bóc lột hơn và sẽ bị giao những công tác khác.

Những người bộ đội muốn tự mình nấu nồi cháo nên họ xuống vo gạo, rửa rau, bắc cái bếp xong đặt cái nồi to lên đó. Họ làm bộ lòng rất nhanh nhẹn, có vẻ đã quen thuộc. Mọi thứ xong xuôi thì họ giao lại cho tôi, bảo tôi canh chừng nồi cháo. Họ lại biến mất, không hề hỏi tôi đã ăn cơm tối chưa. Trời đã tối, từ lúc tắm rửa và vật lộn với con heo đến giờ tôi mới nhớ là mình chưa được ăn gì. Nhân thể có mấy miếng lòng lợn đang để đấy, tôi thả vào nồi nước sôi, đợi một chút rồi vớt ra, tự thưởng cho mình mấy miếng trước.

Đến lúc này mới chợt nhớ ra là mình cũng chưa đi tiểu lần nào từ sáng đến giờ. Tôi lấy cái ca, tiểu ra ngoài một chút của đợt đầu, đợt sau, cầm cái ca tôn hứng lấy một ít, đổ hết vào nồi cháo. Coi như huê, gỡ lại cái đánh bằng báng súng vào lưng tôi buổi sáng. Nghĩ đến cái lúc

mà chúng nó hít hà cái nồi cháo thơm phức, đầy đủ lòng, dôi, huyết... mà tôi nhẹ hẫng lòng! (Lại phải xin lỗi thầy Minh Tuệ nữa rồi. Tôi vẫn chưa thể thành chánh quả.) Nồi cháo chín, họ khiêng nồi cháo vào nhà và cho tôi về trại. (Không thấy ông thủ trưởng đâu.)

Trong trại, có thể có “ăng ten” rải rác đâu đó nên tôi không dám khoe thành tích này với ai trong tổ.

Từ đó, việc thăm nuôi cũng trở nên dễ dãi hơn. Trại cho chúng tôi được ngủ qua đêm với vợ con. Cũng nhờ các bà bàn với nhau, tạo thành một cái tiền lệ, đưa cái phong bì mỏng mỏng cho các anh cán bộ trại, gọi là một chút thành ý (trong phim Tàu!). Các anh ấy cũng không nề hà gì cái chuyện con con này. Hai bên đều “thắng lợi”.

Cũng từ đó, mỗi khi có đợt thăm nuôi mới, anh em chúng tôi chuẩn bị chu đáo hơn: gánh nước ra cho các bà dùng, đem mùng mền và tấm bạt ra che giữa các cái giường với nhau cho lịch sự. Anh bạn tên là Nguyễn Trọng Hậu, nhỏ con, vui vẻ, luôn tình nguyện đóng vai trình diễn ca nhạc bỏ túi để mọi người giải khuây. Anh chàng Hậu này thuộc rất nhiều bài hát của Miền Nam trước ‘75. Hậu vừa đàn, vừa say sưa hát, có khi đến nửa đêm mới thôi. Chúng tôi ngồi quanh đồng lửa trại, chia nhau thức ăn mới được các bà đem lên. Nhiều người trong số khán, thính giả đêm đó cũng tham gia thành một buổi nhạc “thính phòng” có một không hai trên cõi đời vô thường này.

Sau này, có thêm anh bạn thi sĩ Nguyễn Văn Tiến và anh Tạ Kỳ Linh cũng tham gia. Cả Hậu và Tiến đều vừa đánh đàn vừa ca hát được nhiều bài. Riêng Tạ Kỳ Linh thì mang cây đàn của anh ra, khoe là gia đình mang lên theo lời yêu cầu của anh. Tạ Kỳ Linh chỉ đánh đàn – hoặc như một *guitarist*, tay đàn chính của ban nhạc – hoặc chỉ đệm cho người hát. Tất cả chúng tôi, kể cả Hậu và Tiến, chỉ biết há hốc miệng ra quan sát ngón tay của Tạ Kỳ Linh “múa” trên phím đàn. Thực tình, chúng tôi chưa thấy người nghệ sĩ nào có tài chơi ghi-ta thần sầu như vậy. Các bà cho biết là cũng lạnh toát người, mặc dù không có một chút khái niệm nào về nghề chơi ghi-ta. Anh Tạ Kỳ Linh như đang hưởng những giây phút được Tự Do hiếm có, thả hồn theo nhạc như tối hôm nay. Anh độc tấu một số nhạc trẻ của thời 64-

65 ở Sài Gòn. Tiếng đàn vọng trong gió.

Chúng tôi say sưa thưởng thức tiếng đàn tuyệt vời này một lúc. Riêng tôi, hồi còn ở trại Long Khánh, đã cố tập mấy bài nhạc cổ điển, nhìn thấy ngón tay anh bạn này “chạy” trên cần đàn thì tôi biết rằng mình phải gọi anh này bằng “bác”! Lúc ngừng để nói chuyện, chúng tôi mới biết bạn này tên Tạ Kỳ Linh, con trai của Trung tá/Họa sĩ/Thi sĩ Tạ Ty.*

Tạ Kỳ Linh vốn là một người kín tiếng. Chưa bao giờ chúng tôi thấy anh tham gia vào các sinh hoạt buổi tối của anh em. Chúng tôi không hề biết là anh có ngón đàn độc đáo đến như vậy. Anh cho biết là nhớ nhà quá và cũng nhớ cái đàn của anh quá. Anh đã nhắn gia đình mang lên trại cho anh. Anh mới nhận được cái đàn mấy hôm nay.

Dĩ nhiên là anh cũng là sĩ quan nhưng chúng tôi lại quên không hỏi đơn vị/quân chủng của anh. Từ đó, khi có cơ hội là chúng tôi lại yêu cầu Tạ Kỳ Linh chơi vài bản nhạc.

Niềm vui các buổi thăm nuôi – dù thăm mình, hay thăm bạn mình – không được bao lâu thì có sự “cố”. Trại bất ngờ tập trung, điểm danh và cho biết có người trốn trại. Người tù trốn trại đó là Tạ Kỳ Linh.

Chúng tôi nhớ lại những đêm chúng tôi được thăm nuôi (hoặc tham gia các buổi thăm nuôi của “bạn hiền”) thì trong những lúc tạm ngừng văn nghệ để ăn bánh, uống nước trà hay cà phê, Tạ Kỳ Linh hỏi các bà rất kỹ đường vào, đường ra, từ trại đến các nút chặn của công an trên đường về Sài Gòn. Hóa ra anh này có ý trốn trại từ lâu, đã bỏ công ra nghiên cứu kỹ lưỡng. Điều kỳ lạ là Tạ Kỳ Linh đã mang theo cả cái đàn yêu quý của anh! Chúng tôi không thấy trại tuyên bố là người tù này đã bị bắt lại. Các ông cũng phạm vào cái tội “nổ” với chúng tôi khi nói với chúng tôi trước đây là lực lượng của các ông vây kín khu rừng này. Các ông đã từng thách chúng tôi là *đó* chúng tôi trốn thoát được!

Nhắc lại con gà bà xã tôi mang lên cho tôi hôm trước. Nó đã lớn, rất khôn và rất trung thành. Mỗi ngày đi làm ngoài rẫy, chúng tôi luôn

nhớ là phải bắt được vài con châu chấu, cào cào, hay dế, đem về cho “thú cưng” của mình ăn thêm. Đặc biệt là con gà nó biết chủ của nó là ai. Khi thấy chủ nó về là nó chạy lại, đứng chờ. Chủ mở bao nylon ra, thấy thức ăn cho chúng.

Buổi sáng, trước khi đi làm, chúng tôi mở cửa chuồng cho gà xuống tự đi bắt sâu bọ ăn nhưng đến tối thì con nào về chuồng con nấy. Có nhiều anh bạn biết cái ổ mỗi trông nó như thế nào. Đang đi đường mà thoáng thấy thì anh này hô anh em dừng lại một chút. Chỉ qua mấy nhát cước là anh này đào lên được một khối đất màu đen. Lấy lạt buộc vào đầu đòn gánh, đem về. Anh bạn về đến trại, hạ cái ổ mỗi xuống đất, lấy con rửa sạch từng lát mỏng cho cả ngàn con mỗi chạy ra. Gà cứ thế mà nhặt ăn say sưa! Món này là món khoái khẩu nhất của gà trong trại.

Con gà của tôi là con gà mái. Mỗi sáng, khi tôi mở cửa chuồng cho nó xuống, quơ tay vào, thế nào cũng “thu hoạch” được một cái trứng nóng hổi. Tôi không cần phải luộc cho mát thì giờ, đập ngay hai đầu quả trứng và hút sống như vậy. Tôi cưng nó quá mức. Càng ngày nó càng lớn và béo ra. Đến đây, tôi cũng muốn nói về bản năng sinh tồn kỳ diệu của giống gà – mà ở thành phố, mình không có cơ hội quan sát nên không biết. Hễ con gà mẹ thoáng thấy có con điều hâu bay trên cao là nó biết gọi bầy gà con chui vào dưới đôi cánh xòe ra. Trong khi các con gà con lúp xúp dưới cánh thì gà mẹ xù lông ra, trông rất hung dữ, có vẻ như sẵn sàng tử chiến với con điều hâu trên kia. Chúng tôi chạy ra, lấy áo phất phất vào trong gió, như để xua đuổi. Con điều hâu thấy coi bộ khó ăn, lẳng lặng bay mất. Có khi chúng tôi thử trí khôn của con gà, thấy trước mặt nó một con vắt hay con đĩa. Con gà nhìn xong, khinh khỉnh bỏ đi chỗ khác, không thèm ăn!

*Sau đây là phần trích từ *Wikipedia* về tiểu sử của ông Tạ Ty, thân phụ của bạn Tạ Kỳ Linh:

Ông sinh ngày 3 tháng 5 năm 1921 (tức ngày 26 tháng 3 năm Tân Dậu) tại thủ đô Hà Nội. Nhưng trong giấy khai sinh của ông lại ghi là ngày 24 tháng 9 năm 1922, vì khai muộn mất một năm.

Từ khi còn là một sinh viên, Tạ Ty đã thành danh khá sớm. Năm 1941,

nhờ nhận một giải thưởng tranh, ông được đến thăm kinh đô Huế. Năm 1943, ông tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Và cũng năm này, bức tranh "Mùa Hè" của Tạ Tỵ đoạt một giải thưởng của Salon Unique.

Năm 1946, chiến tranh nổ ra giữa Việt Nam và Pháp, Tạ Tỵ cùng với nhiều họa sĩ Việt Nam khác, đã tham gia mặt trận Việt Minh chống Pháp và ông là người thầy dạy mỹ thuật đầu tiên trong Liên khu 3. Tác phẩm "Nhớ Hà Nội" năm 1947 (20 × 25 cm) được Tạ Tỵ vẽ trong giai đoạn này.

Tháng 5 năm 1950, Tạ Tỵ rời khỏi vùng kháng chiến để trở về Hà Nội. Ông viết cho một người bạn rằng "Cách suy nghĩ của tôi không hợp với kháng chiến sau mấy năm chung sống với họ".

Bắt đầu từ đầu thập niên 1950, ngoài tài vẽ chân dung hí họa, ông còn sáng tác trên nhiều lĩnh vực khác, như: truyện, thơ, kịch bản, bút ký...

Năm 1951, ông triển lãm 60 bức tranh tại Hà Nội.

Sau 1954, ông vào Nam và sống ở Sài Gòn. Ở đây ông đã phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa với cấp bậc sau cùng là trung tá trong Tổng cục Chiến tranh Chính trị.

Năm 1956, ông triển lãm hơn 60 bức tranh đầu tiên tại Sài Gòn.

Năm 1961, ông triển lãm lần thứ hai 60 bức tranh lập thể và trừu tượng cũng ở nơi đó.

Năm 1975, sau thời gian học tập cải tạo, ông cùng vợ con vượt biển đến Malaysia và định cư tại Hoa Kỳ.

Trong thời gian sống tại nước ngoài, ông lại tiếp tục sáng tác.

Năm 2003 sau khi vợ ông qua đời tại Hoa Kỳ, ông quyết định trở về Việt Nam với ước vọng sống những ngày cuối cùng ở quê hương mình.

Vào 10 giờ sáng 24 tháng 8 năm 2004 (mùng 9 tháng 7 năm Giáp Thân), Tạ Tỵ đã từ trần tại nhà riêng số 18/8 đường Phan Văn Tri, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau một cơn bệnh kéo dài do tuổi già, hưởng thọ 83 tuổi.

PHẦN MUỖI MỘT

Bài Thơ Không Đoạn Kết

Bây giờ, chúng tôi đã quá quen với cuộc sống trong trại tù này. Trại cũng có vẻ yên trí thấy chúng tôi luôn “chấp hành nghiêm chỉnh” quy định của trại. Các buổi văn nghệ bỏ túi cũng không bị cấm đoán.

Chúng tôi cứ kéo lê kiếp sống không có ngày mai như vậy, không thể đoán được cuộc xoay vần của tạo hóa. Lúc này, lúa đã chín. Chúng tôi được phát “cần xế”, bao tải, để chuẩn bị đi gặt lúa. Cánh đồng lúa chín thơm ngát. Chúng tôi không ngờ trồng lúa đòi hỏi dễ như vậy. Nhà nông chúng ta ở dưới đồng bằng làm ra được hạt lúa thì qua mất bao nhiêu giai đoạn nhọc nhằn. Chúng tôi làm cỏ cho đòi lúa lần cuối cùng.

Đang trên đường về thì bất ngờ chúng tôi gặp một đoàn người Thượng đi ngược chiều. Họ có thể nói bập bẹ tiếng người kinh. Họ cho biết là họ ở bên kia đồi. Họ nói mùi lúa chín thơm quá. Họ đến coi mới biết là đồi lúa họ nói đồi lúa kia. Họ có vẻ như muốn trao đổi lúa với những món họ có trong “sóc” của họ. Chúng tôi bằng lòng ngay vì mình không dám ăn cắp thì để người khác ăn cắp họ. Bù lại, mình sẽ nhận lại được cái gì đó. Tôi chỉ một bụi tre rậm còn sót lại ven ruộng lúa nói:

- Khi nào chúng tôi gặt xong, sẽ bỏ thóc vào mấy bao cát, giấu trong bụi tre này. Ban đêm các anh cứ ra lấy, muốn đổi cái gì cho chúng tôi cũng được.

Trước khi về, họ cho chúng tôi một nải chuối và hứa sẽ làm theo đề nghị của chúng tôi. Đặc biệt một điều là những người Thượng trên rẫy này chỉ đi hàng một, người này sau người kia. Thường thì đàn bà đi trước.

Đến mùa gặt, chúng tôi cũng dựng thành những tấm cót. Người nào cắt lúa thì chỉ lo cắt. Anh nào lo đập lúa thì cứ đập. Người nào lo gánh về thì cứ gánh về. Cuối ngày, chúng tôi không quên giấu một vài bao thóc vào bụi tre như đã hứa. Sáng hôm sau, chui vào bụi tre thì quả

thực, mấy bao thóc chúng tôi để lại đã được lấy đi. Họ cũng giữ lời hứa, để lại một bao cát, trong đó có một con gà mái đã bị bẻ cổ.

Chỉ tiêu của trại là mỗi một mẫu ruộng phải gặt được một tấn thóc. Chúng tôi vừa làm vừa ăn cắp, vừa phá, mà vẫn “vượt chỉ tiêu”. Lúc đầu, các ông cán bộ còn bắt chúng tôi móc bao thóc vào cân, ghi ghi, chép chép, nhưng rồi cũng lười, biết thế nào cũng vượt chỉ tiêu nên không thèm cân – đo – đong – đếm gì nữa. Chúng tôi gánh thóc về, cứ việc đổ vào lẫm cho họ.

Cuộc đời chác thóc với người Thượng vẫn êm xuôi. Lúc này chúng tôi có gà. Lúc khác có miếng thịt lợn. Có khi là một bao gạo nếp do họ trồng bên kia đồi. Không ai trong chúng tôi phàn nàn gì về công tác đi gặt lúa này cả!

Thật ra thì chúng tôi cũng có ăn cắp thóc mang về, lấy nón sắt ra giã, lấy được bao nhiêu gạo thì lấy, không thì cho gà ăn. Cũng một điều lạ là mấy con gà có vẻ thích ăn thóc hơn là ăn gạo. Cái vỏ thóc có gai, cứng và sắc như thế mà gà lại thích ăn thì cũng lạ. Chúng tôi cũng có “của ăn, của để” nên cuộc sống cũng trở thành dễ chịu hơn. Buổi tối, thỉnh thoảng chúng tôi vẫn tụ họp nhau lại, đem “tài hèn sức mọn” ra công hiến anh em bên khói thuốc, ly trà hay ly cà phê.

Tôi thuộc lòng một bài thơ (của tác giả nào tôi không biết), chỉ biết là bài thơ đó từ miền Bắc. Trong những lúc cao hứng, được anh em yêu cầu, tôi lấy giọng ngâm bài thơ này, có khi có tiếng tiêu hoặc tiếng đàn ghi-ta phụ họa, khiến không khí như trầm, buồn và có chút lãng mạn.

Tôi mào đầu trước với “thính giả” của tôi:

- Các bạn phải tưởng tượng ra trên một mảnh đất nhỏ vừa đủ để cất hai nóc nhà tranh, cách nhau một dàn đậu ván, một cái giếng và một vài cây ổi, cây chanh, cây bưởi. Nhà bên này có một anh con trai. Nhà bên kia có một cô con gái. Hai người đã có đầy ắp tình cảm với nhau nhưng chưa một lần ngõ ý. Thế rồi, vì phải phục vụ cho nhu cầu chiến tranh với Miền Nam. Họ phải nhận hai công tác khác nhau, hiếm khi

được về nhà cùng thời gian. Bài thơ tôi sắp ngâm cho các bạn nghe là tiếng khóc nức nghẹn của đôi trai gái đó.

(Hồi trong trại, tôi chỉ biết tựa đề của bài thơ là “Hai đầu công tác”. Sau này, tôi mới biết được tác giả bài thơ là Tế Hanh, viết năm 1957)

Vườn Xưa – Tế Hanh

Mảnh vườn xưa cây mỗi ngày mỗi xanh,
Bà mẹ già tóc mỗi ngày mỗi bạc.
Hai ta ở hai đầu công tác,
Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?

Hai ta như ngày nắng tránh ngày mưa,
Như mặt trăng mặt trời cách trở,
Như sao hôm sao mai không cùng ở,
Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?
Hai ta như sen mùa hạ, cúc mùa thu,
Như tháng mười hồng, tháng năm nhĩ;
Em theo chim em đi về tháng tám,
Anh theo chim cùng với tháng ba qua.

Một ngày xuân em trở lại nhà,
Nghe mẹ nói anh có về, anh hái ổi.
Em nhìn lên vòm cây gió thổi,
Lá như môi thâm thĩ gọi anh về.
Lần sau anh trở lại một ngày hè,
Nghe mẹ nói em có về, bên giếng giặt.
Anh nhìn giếng, giếng sâu trong vắt,
Nước như gương soi lẽ bóng hình anh...
Mảnh vườn xưa cây mỗi ngày mỗi xanh,
Bà mẹ già tóc mỗi ngày mỗi bạc.
Hai ta ở hai đầu công tác,
Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa...

Các bạn tôi say sưa nghe giọng ngâm của tôi. Bất ngờ, từ trong bóng tối, ông thủ trưởng xuất hiện cùng vài anh vệ binh. Các bạn tôi vội tắt ngọn đèn, chạy bỏ cả dép. Tôi là tên đầu têu ra việc này nhiều lần, biết là không thể chạy trốn được, cứ ngồi chết trân. Một cái hất hàm của ông thủ trưởng, anh vệ binh trói hai tay tôi ra sau lưng. Các bạn tôi ngồi trong mừng ngó ra không dám có thái độ gì. Tôi bị dẫn lên trại cán bộ. Họ hình như chỉ đợi dịp này, đánh cho thẳng tù phản động này một trận cho nó chừa.

Họ có tất cả năm người. Người nhẹ tay lắm thì lấy chiếc dũa cả đánh vào đầu tôi. Người thì đâm, người thì đập. Ông thủ trưởng có lẽ muốn tự tay ông tát tôi mấy cái cho hả giận. Như tôi đã có nói ở mấy chương trước, hồi còn trẻ, cũng như hồi phục vụ trong quân đội, tôi có học một vài ngón nghề để tự vệ khi cần. Lúc này tuy tay tôi bị trói ra phía sau, không đỡ gạt được nhưng vẫn biết cách tránh né để không bị thương nặng. Cũng may là họ không lấy báng súng mà đánh tôi như lần trước ông thủ trưởng đã làm. Đánh tôi một lúc, thấy máu mũi, miệng tôi chảy ra, mặt và miệng tôi sưng húp, mà tôi (làm bộ) có vẻ muốn siu thì họ cũng chán tay. Có thể họ không hiểu tại sao bọn tù vẫn tụ tập, hát hồng nhiều lần, mà sao lần này ông thủ trưởng lại nặng tay với thẳng này? Họ từ từ bớt nóng giận và để mặc tôi nằm dưới đất như vậy.

Tôi cũng không nhớ mình nằm như vậy bao lâu, đến gần sáng thì họ xỏ một cái đòn vòng vào hai tay tôi bị trói đằng sau. Hai người vệ binh nắm hai đầu dẫn tôi về trại. Tôi cũng không nhớ nổi đây là lần thứ mấy tôi bị cán bộ quân giáo và vệ binh trại đánh. Cái định mệnh oái oăm này cứ bám lấy thân thể còm cõi của tôi đến bao giờ nữa? Càng bị đánh, tôi càng trở thành lỳ đòn. Hai anh vệ binh nắm hai đầu cây tầm vòng dắt tôi về trại, tôi mặt mũi đầy máu và sưng húp nhưng tôi vẫn đi được và nhìn thấy bạn, tôi vẫn tươi cười. Các bạn của tôi không ai cười đáp lại. (Cái mặt sưng húp của tôi đã biến nụ cười của tôi thành một cái mặt méo xệch.) Không biết cái cảm giác của hai anh vệ binh này ra sao trong tình huống này? Hôm qua, họ có tham gia vào việc đâm, đập tôi.

Ai biết đâu ông thủ trưởng có tâm sự âm ứ gì với bài thơ này nên ông

mới giận dữ và muốn hành hạ tôi đến như vậy?

Những vết thương trên mặt tôi rồi cũng lành. Chúng tôi lại vác cuốc, vác dao đi làm rẫy. Sau vài lần trao đổi “quà cáp” với mấy người Thượng, chúng tôi đã quen họ nhiều hơn. Những người này rất chất phác và luôn giữ chữ tín. Tôi ngỡ ý muốn đến sóc Thượng của họ chơi. Họ rất vui, nói tôi có thể ra chơi với họ bất cứ lúc nào. Họ chỉ đường cho tôi đi. Sóc Thượng chỉ cách cánh đồng lúa của chúng tôi hai con đồi.

Tôi quyết định ra làm quen với những người miền thượng du chất phác này. Khi đi, tôi mang theo một lọ thuốc đỏ, một tuýp pô-mát Peniciline, một ít thuốc trị những bệnh thông thường. Ra tới sóc của họ, hầu như tất cả mọi người đều hoan hỉ đón tôi vào nhà của họ. Những người Thượng này sống trên những căn nhà sàn. Hai ba thế hệ đều ăn ngủ và sinh sống trên cái sàn đó. Ở dưới căn nhà sàn, họ quây lại để nuôi gia súc. Khi thấy các cháu nhỏ bị đau mắt, tôi lấy thuốc đau mắt nhỏ cho chúng. Có ai bị cảm cúm hay bị thương, tôi đều giúp họ. Tôi ra vào sóc Thượng ấy nhiều lần và họ luôn kêu tôi là “bác sĩ”. Dần dần, tôi được giới thiệu với ông tù trưởng. Ông rất vui và muốn mời tôi uống vài “sùng” rượu cần với ông.

Tôi thiết tưởng cũng nên giải thích tại sao tôi gọi đó là “sùng” rượu cần: Trước khi chúng tôi “nhập tịch”, ông tù trưởng sai cô con gái của ông (cô gái này chừng 18 tuổi) lấy ra hai cái sùng trâu, rỗng ruột, ở dưới đã đục một cái lỗ. Vò rượu của ông đầy tới miệng. Ông muốn tôi khoèo tay với ông, lấy một ngón tay bịt cái lỗ ở dưới. Cô con gái lấy nước suối đổ đầy vào hai cái sùng trên tay chúng tôi. Ông hô một, hai, ba, là chúng tôi phải hút rượu (qua cái ống sậy nhỏ) từ trong vò, trong khi thả ngón tay ra để nước trong sùng chảy xuống vò rượu, không được để rượu tràn ra ngoài! Trò chơi này cũng khá hào hứng. Ông tù trưởng cười tít mắt (hở cả lợi) khi thấy tử lượng của tôi cũng không tệ. Cô con gái, ngực vẫn để trần như vậy, cũng che miệng cười. Những người Thượng này coi vậy mà họ yếu đuối hơn người kinh nhiều lắm. (Có thể vì không có môi gì để nhắm chẳng?) Mới uống vài sùng thì ông tù trưởng đã ngã lảo quay, ngủ như chết. Tôi nhẹ nhàng cáo từ ra về.

Cũng phải nói thêm về phong tục đẻ ngực trần của các cô gái người miền thượng du: Khi chưa lấy chồng, nhất là khi chưa có con thì theo phong tục của họ, họ cứ để bộ ngực trần như vậy. Sau khi lập gia đình (đi *bắt cái chồng*) thì họ mới mặc áo. Một bên cho chồng, một bên cho con. Hầu hết họ vẫn áp dụng chế độ mẫu hệ nên khi đến tuổi cập kê, các nàng cũng ngấp nghé, để ý anh trai làng và khi hai bên chịu nhau, nàng sẽ tuyên bố “bắt cái chồng”. Anh chàng kia cũng phải chịu tục thách cưới, có khi cũng nặng lắm.

Càng ngày, tôi càng thân với dân sóc thượng này. Họ vẫn nhờ tôi chữa trị những vết thương hay những bệnh thông thường. Họ vẫn gọi tôi là “bác sĩ”. Sau này, ông tù trưởng còn hay mời thêm những người bạn của ông đến “nhậu” với tôi. Phải thực tình mà nói, rượu cần của họ lạt nhách, chua lè, không có vị gì ngon cả. Tôi chỉ muốn làm thân với họ nên lúc ra chơi, cũng uống tận tình. Họ đều giống nhau ở chỗ là hay “xỉn” trước, và cứ tự nhiên lăn ra ngủ. Tôi lại âm thầm rút lui!

Như tôi đã có đề cập ở phần trước, ở trong tù, chúng tôi không còn ý niệm thời gian. Thời tiết đã bắt đầu se lạnh. Vụ lúa đã xong. Thóc đã được đổ đầy vào kho lúa. Chúng tôi chưa bao giờ nghe thấy trại tỏ ý muốn cho chúng tôi được hưởng một chút công sức của mình. Thỉnh thoảng chúng tôi có thấy mấy chiếc xe quân đội đến, đậu ở trên đường. Chúng tôi lại bị hò hét “khẩn trương” gánh thóc ra đổ đầy mấy chiếc xe đó và chúng lại biến mất.

Cũng may, trại cho biết là chúng tôi lại được phép viết thư về nhà “động viên” đợt thăm nuôi trước Tết. Lúc đó chúng tôi mới biết lại sắp hết một năm nữa. Lần này, tôi có dặn vợ tôi mang cho tôi một đôi giày bột-dờ-sô và một đôi găng tay da. Tôi cảm thấy mình bị tai nạn nhiều lần, mất nhiều máu quá nên cũng không cần nghĩ đến số tiền mà gia đình phải tiêu để đáp ứng nhu cầu của tôi. Từ đó, trông tôi lại càng ngứa mắt hơn. Quần áo thì vẫn là quần áo nhà binh thời xưa, bây giờ lại “chơi” thêm đôi bột nữa, trông giống y hệt một anh lính VNCH. Chỉ có khác một chút là không mang lon lá và phù hiệu. Quần áo cũng tả tơi chứ không lành lặn và ùi hờ như ngày xưa. Đặc biệt là hai vai áo được độn thêm mấy lớp để khi gánh cái gì, khỏi đau vai. (Cũng vẫn còn kiểu sống của tiểu tư sản!)

Sau đợt thăm nuôi đó, chúng tôi có đủ phương tiện vật chất để sống tiếp những “phần đời của định mệnh”. Bây giờ tôi phải tiết lộ một sự thật nào nê: Buổi tối, tôi cho nhóm bạn mượn cái gang tay bằng da của tôi, bỏ vào kho thóc, trong đêm tối như mực. Một người ngồi ở dưới gốc cột nhà, mang gang tay đợi sẵn. Một bạn khác bật cái bật lửa. Giống chuột theo khuynh hướng tự nhiên, hoảng hốt bám vào cột, leo lên trên. Người bạn có gang tay, chỉ cần nhắm mắt, chộp bằng cả hai tay, thế nào cũng tóm được hai chú. Đợi một lúc, chuột đã quên cái tai nạn lúc trước, cả trăm con lại bò ra đầy kín mặt kho thóc. Đây là chuột đồng một trăm phần trăm! Chúng tôi làm chừng hai, ba bạn như vậy là có thịt ăn. Về đến nơi, có người đợi sẵn để mổ bụng, lột da. Sáng hôm sau là có một mẻ chuột chiên giòn, hay xào lăn, hay ít lắm cũng có món thịt chuột kho khô. (Chúng tôi áp dụng hệ thống dây chuyền *Taylor* của “đế quốc Mỹ”). Cũng gọi là có thêm protein để “bồi dưỡng”.

Cũng phải nói thêm là từ khi chúng tôi về đây, đã các loại hoa màu, các con vật cũng về đây kiếm ăn. Buổi tối chúng tôi nghe tiếng chim bìm bịp kêu nào nê trong không gian rừng âm u. Ban ngày đã có nhiều tiếng chim hót. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng bắt được thêm một con ếch, một chú nhím, thỏ... Có một hôm người bạn của tôi bắt được một con rắn hổ hành dài khoảng gần hai thước, to hơn cổ tay. Thịt của nó rất thơm, làm thịt nó mấy ngày rồi mà tay vẫn còn thơm mùi hành. Hôm đó chúng tôi được một bữa cháo rắn ngon tuyệt vời.

Hồi này trại không còn gạo để phát cho chúng tôi. (Kho lúa lớn như thế mà họ nói không còn gạo!) Thay vào đó, họ phát một loại hạt gọi là hạt “bo bo”. Hạt bo bo này nấu khó chín. Cơm bo bo này ăn rất cứng vì hạt của nó còn nguyên vỏ. Anh nào cũng ngao ngán, ăn không được. Dần dần, chúng tôi chỉ còn cách nấu kỹ hơn, đổ nước nhiều hơn so với gạo thường. Lại một lần nữa, cái nhà xí công cộng lại đầy máu tươi. Thôi thì cũng đành mặc cho định mệnh. Hồi xưa, lúc nấu cơm bằng gạo trắng, tổ nào nấu bếp hôm đó thì được no vì còn có cháy mà cạo trước khi rửa chảo. Bây giờ nấu cơm bo bo, cũng có cháy sót lại khi phát cơm xong nhưng cháy bo bo thì xin chịu. Ăn cháy bo bo chỉ có nước rót cả bộ răng ra ngoài.

Những cây khoai mì chúng tôi trồng đôi bên kia cũng đã có thể “thu hoạch” được. Nhân khi không có gạo cho chúng tôi ăn, trại phải phát bo bo cho chúng tôi. Thêm vào đó, trại phát động đợt thu hoạch khoai mì. Chỉ tiêu mỗi người 100 ký mỗi ngày. Mới nghe thì hết hồn, thân xác tàn tạ này mà phải đi đào rồi gánh về mỗi ngày 100 ký thì còn gì là đời trai? Như tôi cũng có đề cập trước đây, đất đỏ trên Phước Long tốt vô cùng. Coi cây mì như vậy mà khi cần phải nhổ thân mì lên để lấy củ thì vô cùng khó khăn. Phần củ nằm dưới đất quá to, có củ to bằng bắp đùi của một người. Ở thành phố, chúng tôi chưa bao giờ thấy những củ khoai mì to như vậy. Chúng tôi bắt cặp với nhau, hai người lay một gốc mì. Vừa lay, vừa đào, một lúc thì nhổ được cây mì lên, chừng bốn cây mì đã đủ cho chúng tôi cả trăm ký củ mì. Hai người chúng tôi chỉ cần bỏ ra độ hai tiếng đồng hồ là đã có đủ 200 ký mì về nạp cho trại.

Lợi dụng lúc rảnh, chúng tôi không gánh mì về vội. Chúng tôi thả bộ ra quán Ba Cô đi mua sắm lung tung. Chỉ có một điều là muốn tránh vỏ dưa thì lại gặp vỏ dừa. Trại bớt phần bo bo của chúng tôi và thay vào đó, phát cho chúng tôi mỗi ngày một ký mì tươi. Chúng tôi chỉ còn có một cách là gọt vỏ xong, cắt lát ra phơi rồi trộn vào bo bo để nấu “com”. Những con người vô thần, vô tâm này tìm cách bắt chẹt chúng tôi đủ điều. (Bây giờ thì không cần phải đào trộm công sức của chính mình nữa).

Khi kể chuyện này đến đây, tôi vẫn không thể nhớ nổi bây giờ là tháng mấy, của năm nào, chỉ cảm nhận bằng cái không khí, hoặc nóng, hoặc lạnh. Một hôm, trời nắng trong xanh. Chúng tôi được lệnh tập trung lên hội trường. Đây là lần đầu tiên tất cả chúng tôi được tập hợp nhau trong cái hội trường này. Chúng tôi chờ đợi một buổi học tập, noi gương “Bác” để trở thành con người tốt của XHCN, nhưng không phải. Đó là một phái đoàn gồm năm ông cán bộ. Trông cốt cách của họ có vẻ lịch sự, ra dáng có học. Họ đợi không khí lắng dịu xong thì cho biết là họ là một số y sĩ, muốn về tuyển một nhóm chúng tôi đi theo họ, dựng một cái bệnh xá. Không ai trong chúng tôi giơ tay. Mọi người đều ngán ngấm phải dời đi nơi khác, làm quen với không khí mới. Đợi một lúc, không thấy ai tình nguyện, các ông y sĩ cho biết là bệnh xá cũng ở gần đây thôi, các anh vẫn có thể trở về trại thăm anh

em.

Tôi tự nhiên muốn thay đổi không khí sống. Tôi giờ tay tình nguyện. Máy ông y sĩ vui ra mặt, hẹn sau khi họp xong gặp tôi nói chuyện thêm. Trong lúc này, ông y sĩ nói rõ hơn về dự án xây dựng bệnh xá. Chúng tôi mới biết là nơi làm việc mới cũng chỉ cách đây độ hai cây số, bên cạnh sông Bé. Khi nghỉ giải lao, tôi chiêu mộ thêm một số anh em. Nhiều người cũng muốn thay đổi không khí, cũng muốn mạo hiểm, đồng ý theo tôi. Máy ông y sĩ nói chúng tôi về chuẩn bị đồ đạc cá nhân, sáng mai các ông ấy sẽ đến đón chúng tôi.

Trong số những người bạn thân còn lại ở trại này, tôi chỉ còn anh Tuyên. Tôi gửi một ít đồ cá nhân cho anh giữ hộ. Anh Tuyên bảo tôi:

- Cậu cũng lý thật, đang ở đây yên lành, lại dám mạo hiểm đi nơi khác làm việc!

Sáng hôm sau, ông y sĩ và một vài anh vệ binh đến trại đón chúng tôi đi. Chúng tôi cứ ngỡ như ngày xưa, nghe nói “đón đi” thì cứ tưởng là sẽ có xe đến chở mình đi. Không phải như vậy. Chúng tôi vác đồ đạc cá nhân đi bộ trong rừng theo họ về chỗ làm việc mới. Nhiều anh đã lộ vẻ bất bình. Chúng tôi cứ phải khuyến khích nhau.

Đến chỗ mới thì chúng tôi vui hẳn lên vì ông y sĩ hôm qua nói đúng: Chỗ sẽ xây dựng bệnh xá nằm bên cạnh sông Bé thật. Nước chảy lững lờ. Bên bờ cũng đã có sẵn một cái bè nổi, rộng chừng 9 thước vuông. Các ông y sĩ đưa chúng tôi về đến đây thì cũng về chỗ ở của họ. Chúng tôi nhảy xuống sông, vẫy vùng một lúc rồi leo lên bờ, bàn thảo xây dựng chỗ ở cho mình trước. Tôi lại được làm tổ trưởng. Chúng tôi có tất cả mười lăm anh em. Chúng tôi chia nhau ra đi chặt cây, chặt lò ô, lấy tranh về dựng cái lán cho chúng tôi.

Mấy ngày đầu, vì chưa có chỗ ở, chúng tôi căng võng nằm. Một đêm, chúng tôi bị đánh thức dậy. Một ông y sĩ nói với chúng tôi:

- Chúng tôi đi săn, bắt được một con heo rừng, muốn nhờ các anh đi gánh nó về, chúng tôi sẽ đền bù.

Chúng tôi mang theo dây thừng, đòn vông đi theo ông y sĩ. Chỉ đi chừng nửa cây số đường rừng thì đã đến nơi, con heo rừng bị bắn vẫn nằm đó. Chúng tôi buộc bốn chân nó vào, xỏ đòn vông gánh về. Chúng tôi đâu có chỗ để con heo, đành phải để nó nằm tơ hơ trong sân vậy.

Sáng sớm, mấy anh bộ đội ra mượn đòn vông của chúng tôi, gánh con heo về chỗ ở của họ. Họ làm thịt con heo xong, họ bung ra cho chúng tôi cái đầu heo và một chai rượu. Họ nói chúng tôi cứ “liên hoan”. Chúng tôi phải mượn họ cái nồi lớn, luộc cái đầu heo xong thì chia nhau ra thưởng thức món thịt heo rừng. Chai rượu họ cho cũng là chai rượu đế thật. Ăn xong, hầu như mọi người đều say! Bụng đang rỗng, lại uống rượu mạnh, say là phải.

Ở chỗ làm mới, được cái là mấy ông y sĩ không bao giờ ra lệnh cho chúng tôi. Họ cứ để chúng tôi tự lo công việc. Nhờ vậy mà chúng tôi lợi dụng thời giờ rảnh rỗi, chia nhau đi khám phá khu vực chung quanh. Nếu bỏ thì giờ ra đi ngược về thượng nguồn sông Bé thì sẽ đến quán Ba Cô. Nếu đi xuôi theo dòng chảy của con sông, một lúc sẽ đến một cái làng nhỏ. Khu dân cư ở nơi này có tên là xã Đức Hạnh. Họ là những người Quảng Nam được tổng thống Diệm cho về khẩn hoang lập ấp trong vùng này đã lâu. Họ sống có tổ chức, cũng buôn bán những vật dụng và thức ăn cần thiết mỗi ngày. Chúng tôi biết là từ giờ chúng tôi sẽ không thiếu thốn nhiều nữa.

Hai món đặc sản từ Quảng Nam đưa về đây là món khoai lang hấp chín xong phơi khô, ăn vừa dai, vừa ngon, ngọt. Món thứ hai là món *bánh tổ*. Bình thường thì phong bánh như vậy rất cứng. Khi cắt lát ra, chiên hoặc nướng trên lửa thì tuyệt vời. Bánh tổ không bao giờ bị mốc. Ăn bao nhiêu thì cắt vừa đủ bấy nhiêu. Phần còn lại cứ gói trong miếng vải, để bao lâu cũng được.

Thỉnh thoảng, tôi có mua một vài món quà vặt về trại cũ cho anh Mai Quang Tuyền và một vài bạn khác. Tôi kể về cuộc sống ở chỗ làm mới. Anh nào cũng thèm và mừng cho tôi đã mạo hiểm và có quyết định đúng. Cuộc sống ở trại cũ vẫn như vậy. Chân trời của anh em ở đó vẫn bị khép kín. Mỗi ngày các cán bộ trại vẫn nghĩ được những chỉ tiêu để những người tù phải thực hiện. Nhưng cuộc đời không luôn êm ả như vậy.

Lần sau tôi và hai bạn nữa trở về thăm trại cũ. Chúng tôi được nghe kể là trại cũ đã chứng kiến một tai nạn thảm khốc, đau thương. Số là những con rựa chúng tôi vẫn vác theo trên vai mỗi ngày đều được mài vô cùng sắc bén. Có như vậy thì công việc đi chặt cây, chém tre, mới nhẹ bót đi. Chỉ cần một nhát chặt là có thể hạ được một cây lồ ô. Một trò chơi lấy cảm giác mạnh mà chúng tôi vẫn thích là lựa một cây lồ ô đang bị uốn cong bởi phần ngọn đã bị đan vào nhau. Lựa thế và lấy sức, chém một nhát vào chỗ bị uốn cong. Cây lồ ô sẽ bị bật lên và vì sức nặng, nó sẽ cắm phập xuống đất. Anh bạn bị tai nạn mà các bạn chúng tôi kể, đã không để ý trước cái thế uốn cong của cây lồ ô, chém một nhát, cây lồ ô đứt thật, nhưng vì cái thế uốn cong của nó, nó bật lên cao, phóng trở lại xuống đúng chỗ anh bạn đó. Mũi nhọn của cây lồ ô xuyên qua bụng anh này và anh ấy chết tại chỗ. Một cái chết oan khiên.

Một hôm, trên đường về trại thăm bạn, qua một khúc rừng, chúng tôi nhìn thấy một cái hộp đựng đạn đại bác có vẻ còn mới, nước sơn hãy còn tốt. Chúng tôi nhìn quanh quẩn thì thấy thêm một vài thùng đạn đại liên rải rác trong khu vực. Chúng tôi đào xới thêm khu đất chung quanh thì khám phá được một ít lương khô “Ration C” được phát cho lính Mỹ ngày xưa. Những đồ ăn này không còn ăn được nữa. Như vậy có nghĩa là trước đây, đã từng có những người lính của quân đội Mỹ đóng quân ở đây. Chúng tôi chạy về trại, rủ anh em mang thêm đồ nghề ra đào bới tiếp. Chúng tôi khám phá được một kho bao cát, loại bằng sợi nylon dẻo, rất dai và bền.

Chúng tôi gánh tất cả về, chia nhau may quần áo bằng loại bao cát này. Tự nhiên có một đội tù binh trang bị quần áo bằng bao cát của Mỹ!

Các hộp đạn đại bác cũng có một công dụng rất hữu ích. Chúng tôi xúc sạch xong dùng để đựng nước. Chắc dung tích của những hộp đạn đại bác này cũng phải chừng 15 lít. Tiện lợi một điều là chúng hãy còn nguyên cả nắp đây. Chúng tôi vác xuống suối, lấy đầy nước xong, đây nắp lại, vác trên vai đi lên trại. Không phải gánh như hồi còn phải dùng thùng tôn.

Ở bệnh xá, chúng tôi không có chỉ tiêu. Muốn làm bao nhiêu rồi nghỉ cũng được. Tuy vậy, chúng tôi cũng còn đầu óc tự ý thức. Công việc xây bệnh xá vẫn tiến đều. Ông y sĩ trưởng muốn xây bốn dãy nhà, mỗi nhà có thể đặt 15 cái giường. Chúng tôi không hiểu tại sao chiến tranh đã kết thúc từ lâu mà trong khu rừng âm u hiểm trở này lại cần phải xây một cái bệnh xá? Nghĩ như vậy nhưng chúng tôi cũng không tiện hỏi. Từ từ rồi cũng có một vài anh thương binh ở đâu về dưỡng thương.

Thỉnh thoảng, lúc rảnh, chúng tôi vẫn chia nhau đi ra xã Đức Hạnh để mua sắm linh tinh. Một hôm, tôi ra xã Đức Hạnh mua một ít gạo nếp và một ít đậu phộng tươi về định nấu xôi đậu phộng. Lâu lắm không được ăn xôi này. Lúc về gần đến bệnh xá thì một anh bạn đợi sẵn, chạy đến nói với tôi:

- Tôi chờ anh này giờ. Hôm nay, anh nên lánh mặt đi vì có một ông đại úy thương binh, chống ba toong đến tìm anh. Ông có ý tìm anh để trả thù. Ngày xưa ông ấy đã từng bị giam ở trại giam Phú Quốc. Ông ấy hận quân cảnh các anh.

Hôm đó tôi về trại cũ ở với anh Tuyển. Ngày hôm sau, tôi trở lại bệnh xá. Tôi tìm ông y sĩ trưởng. Ông ôn tồn hỏi tôi:

- Hôm nay có gì mà anh tìm tôi đây? Tôi trình bày:

- Có một anh thương binh bắt tôi trình diện anh ấy. Hình như anh ấy là đại úy Hưng. Tôi nghĩ ở đây chỉ có anh là người chỉ huy cao cấp nhất. Nếu anh gọi tôi trình diện thì tôi sẽ có mặt ngay. Tôi không muốn trình diện anh Hưng này.

Ông y sĩ trưởng đập bàn nói:

- À, cái thằng Hưng “cà khịa” này đó hả. Nó ỷ nó đại úy nên ở bệnh xá này, ai nó cũng cà khịa hết. Ở đây, tôi là người điều hành mọi việc. Anh không phải trình diện ai cả. Để tôi xem cái thằng Hưng này nó muốn cái gì.

Tôi biết là kẻ khích bác của tôi đã thành công. Tôi vẫn tìm cách lánh mặt cho chắc ăn. Mấy hôm sau, anh em cho biết không còn thấy cái ông đại úy Hưng “ba toong” này đâu nữa.

Có những buổi chiều ngồi trên cái bè nổi, vừa thả mồi câu cá, vừa ngắm nhìn dòng nước (Sông Bé) lững lờ trôi. Tôi có ý nghĩ một ngày nào đó, kết một cái bè chuôi hoặc bè lồ ô, thả xuôi theo dòng sông này, chắc thế nào cũng về được đến một thành phố nào đó ở dưới hạ nguồn. Từ đó, ý tưởng trốn trại cứ lớn dần lên. Tôi đã ở tù hơn bốn năm rồi còn gì. Trông thấy mấy em nhỏ chơi đùa ngoài xã Đức Hạnh, tôi nhớ hai con tôi quá.

Buổi tối, ngồi uống trà, ngắm sao với mấy người bạn, tôi lại mơ tưởng đến một ngày, tôi cũng sẽ ngắm sao đêm như thế này ở một khung trời Tự Do nào đó. Ý tưởng trốn trại càng thôi thúc tôi hơn. Bây giờ tôi đã biết địa hình, địa vật của vùng này. Sự thật thì làm gì có các trại bộ đội ở rải rác trong rừng như họ vẫn đem ra “dọa” chúng tôi.

Công việc xây dựng bệnh xá cuối cùng cũng xong. Ông y sĩ trưởng ân cần tiễn tôi về trại cũ, không quên dặn là nếu có chuyện gì cần ông giúp, cứ chạy ra đây. Thực ra, trong suốt thời gian chúng tôi xây dựng cái bệnh xá này, chúng tôi chưa hề xin thuốc hay nhờ vả gì các ông y sĩ ở đây cả. Có thể họ cũng cảm nhận được lòng tự trọng của chúng tôi nên họ cũng cứ để thả lỏng cho chúng tôi làm việc.

Chúng tôi lại lôi thôi lếch thếch trở về trại cũ. Lại trở về nơi bị “kìm kẹp” bằng những cái chỉ tiêu quá sức người mỗi ngày. Ngao ngán quá. Anh Mai Quang Tuyến lại hoan hỷ đón chúng tôi trở về bằng một bữa cơm canh mướp ăn với cà muối sổi. Tôi kể về cái xã Đức Hạnh, anh nào cũng muốn tôi dẫn đường đi một lần cho biết.

Hồi này, trại vẫn cho thăm nuôi. Từ khi đi công tác xây bệnh xá, tôi được ăn uống tương đối đầy đủ và cũng không có địa chỉ thực sự nên không nghĩ đến việc thăm nuôi. Giờ tôi lại muốn gặp gia đình quá.

Qua các bà vợ của bạn lên thăm chồng, chúng tôi nhắn tin đi, nhắn tin lại. Cuối cùng tôi cũng được thăm nuôi. Lần này tôi nói vợ tôi chuẩn

bị cho một bộ giấy tờ giả, mang thêm cho tôi một bộ quần áo *civil* và một ít tiền. Tôi nói cho vợ tôi nghe ý định trốn trại của tôi mà vợ tôi lạnh toát người, run rẩy nói tôi đừng mạo hiểm như vậy. Tôi an ủi bà xã là “nói như vậy thôi chứ đâu đã có kế hoạch rõ rệt”.

Tối hôm đó, chúng tôi vẫn có một buổi sinh hoạt văn nghệ bỏ túi. Các bạn tôi quý mến tôi nên khi nghe nói có bà xã tôi lên thăm là anh em háo hức. Người thì chuẩn bị chè, cháo. Người thì chuẩn bị cà phê, nước trà ngon. Hậu và Tiến vẫn có mặt với cái đàn ghi-ta. Hai anh em hát cho tới nửa đêm. Chúng tôi cảm thấy được an ủi vô cùng.

Cuộc sống trong cái trại đầy ải con người này vẫn trôi qua. Càng ngày vị trí trồng cây của trại càng mở rộng. Chúng tôi đã vượt chỉ tiêu gặt hái lúa. Những đồi khoai mì chắc cũng đem lại lợi nhuận cho nhà nước hàng “tỷ” đồng. Các ông cán bộ cũng được hưởng thêm khoai, sắn, đậu, do công sức của chúng tôi. Chắc ông thủ trưởng của trại chúng tôi phải được “trên” ưu ái lắm vì những thành quả lao động tốt của cải tạo viên.

Chỉ tiếc một điều là trên rừng này, không có chỗ cho tôi “thi thố” tài viết chữ đẹp thành ra tôi không có gì để mặc cả với các ông. Tôi không có những giây phút nằm vắt chân chữ ngũ nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, hưởng những giây phút thư thái như hồi còn ở Long Khánh.

Chúng tôi vẫn tiếp tục công việc khẩn đất khai hoang. Người Thượng có lẽ cũng oán hận bộ đội cách mạng lắm vì cuộc sống của họ bị xáo trộn. Họ dần dần bị đẩy lui vào rừng rậm. Họ lại cũng phải bắt đầu khai hoang, lập trại để có chỗ ở mới. Chúng tôi thấy họ cũng đốt rẫy thường xuyên. Khói bụi bay về phía trại chúng tôi mù mịt.

Một hôm, tôi cùng các bạn đi phạt cây, đốn tre để mở rộng rẫy của trại. Chúng tôi sắp hàng ngang, cứ thế mà chém ngã bất cứ cái cây nào trước mặt, lớn nhỏ đều đốn xuống hết. Tiếng dao chém cây rào rào. Bất ngờ, một đàn ong bay tủa ra, chúng đánh bất cứ ai đứng gần tổ của chúng nhất.

Tôi không biết tại sao bao giờ tôi cũng chịu nhiều hình phạt hơn các bạn khác. Tôi cứ thế mà ôm đầu, chạy ra khỏi đám rừng rậm đó. Đàn

ong, có lẽ phải đến cả ngàn con, cứ thấy có người chạy là chúng đuổi theo. Tôi vừa chạy vừa cố tránh các gốc tre vừa bị chặt. Những gốc tre này còn rất nhọn. Vô phúc mà đạp trên những gốc tre đó hoặc tệ hơn là té vào đó thì coi như lên bàn thờ sớm. Chạy được một lúc thì những con ong đã roi rụng dần. Đặc điểm của loài ong là chúng rất trung thành, bảo vệ tổ ong và ong chúa của chúng đến chết thì thôi. Mỗi lần chúng nhào từ trên cao xuống như phi cơ *Kamikaze* của Nhật Bản ngày xưa, đập xuống thân hình của người dám phá tổ của chúng, dùng ngòi chích một cái thì cái ngòi ở lại trong người nạn nhân, kéo ruột của con ong ra theo, và chúng sẽ chết. Tôi nhìn thấy một bụi tre rậm còn sót lại, nhào vào trong đó. Ong không thể “oanh kích” từ trên cao xuống nữa, chúng lảng vảng một lúc rồi bay mất.

Các bạn tôi đốt cỏ để khói đuổi đám ong này đi. Các bạn dìu tôi về trại. Khi tôi chạy, đã rơi mất cái nón nên đầu tôi trở thành bãi đáp oanh kích tự do cho bầy ong. Trên đầu và trên vai áo của tôi đầy những đốm màu trắng của ruột con ong. Các bạn tôi rút từng cái nọc ra và khảy những cái kim của ong còn trong đó. Ngày hôm sau, đầu, mặt và vai tôi sưng tấy lên, không thể nằm ngửa mà ngủ được. Tôi bị lên cơn sốt mất mấy hôm.

Công việc phá rừng làm rẫy vẫn phải tiếp tục. Lần bị ong rượt đuổi và bị cả ngàn con ong chích chưa phải là một lần duy nhất. Có nghĩa là tôi bị ong tấn công lần thứ hai, y như lần trước. (Sau này, khi sang định cư ở Mỹ, tôi không bao giờ bị dị ứng với bất cứ cái gì, không biết đây có phải là cái may của hai lần bị ong chích hay không? Có vị bác sĩ nào trả lời dùm!)

Người dân sóc Thượng oán thán các ông “cách mạng” này lắm nhưng cảm tình của họ đối với tôi không vì thế mà thay đổi. Mỗi lần tôi ra chơi với họ, họ vẫn gọi tôi là “bác sĩ” và vẫn tiếp đón tôi nồng nhiệt.

PHẦN MƯỜI HAI

Cháy Rừng, Áo Nảo Con Tim

Cuộc sống không có ngày mai của chúng tôi ở trong trại cải tạo này đã qua đến năm thứ tư. Chúng tôi vẫn không có ý niệm nào về ngày tháng. Những anh em có thân nhân ở gần, có nghĩa là ở chung quanh Sài Gòn, Biên Hòa và nói chung là gần khu Bà Rá, Phước Long này thì còn được gia đình lên thăm nuôi và tiếp tế tiền, quần áo, thuốc men, và thức ăn. Những bạn khác có thân nhân ở xa quá, ở tận miền Trung, hoặc ở tận dưới miền cực nam của Miền Nam, thì không được tiếp tế, luôn mang khuôn mặt phiền não, bi quan. Chúng tôi cũng chia sẻ một phần nào những ưu tư vật chất với các bạn này nhưng không nhờ thế mà họ có được lẽ sống hồn nhiên như chúng tôi.

Trại cán bộ cũng có vẻ sung túc hơn. Họ hay bắt chúng tôi lên phụ những công việc lật vật mà đáng lẽ họ phải tự làm lấy. Chúng tôi vẫn chịu cái kiếp làm nô lệ cho bọn này. Gần đây, họ sắm được một cái cửa loại lớn, cần đến hai người, đứng “kéo cửa lừa xẻ” hai đầu mới điều khiển được cái cửa đó. Họ bắt chúng tôi thành lập toán cửa đưa lên trại để làm những công tác mới. Chúng tôi bắt đầu phải đi săn tìm những thân cây, súc gỗ lớn, đem về cho toán cửa, cửa thành từng lát mỏng, đóng bàn ghế, giường tủ cho họ. (Không biết có phải cán bộ trại đã bắt chước nếp sống tiểu tư sản của Miền Nam hay không?)

Toán cửa của các bạn chúng tôi cũng rất tài tình. Tôi đoán trong đời của họ, chắc chưa bao giờ làm công việc nặng nhọc này. Thế mà các anh em ấy cửa thành những thớt gỗ mỏng đều nhau. Khi cửa, đục, đẽo thành những sản phẩm do “đơn đặt hàng” của cán bộ, những cái bàn, cái ghế, đặc biệt là đầu giường ngủ cũng đẹp vô cùng. Các cán bộ rất hài lòng. Có lẽ họ dự định sẽ mang về Bắc “lòe” bà con ở ngoài đó bên cạnh ba cái *Đồng – Đạp – Đài* mua từ Miền Nam về?

Các ông cán bộ cũng “thừa cơ xông lên” bằng cách ra lệnh cho chúng tôi đợt này, khi đi phát hoang để làm rẫy, cây nào thẳng thân phải được xếp ngay ngắn thành một khu riêng. Cây lờ ô hạ xuống nếu không cần dùng đến, cũng phải xếp thành từng đống chung với nhau.

Họ cho biết là bây giờ không đốt rừng nữa, khi mùa khô đến, sẽ có xe nhà nước lên chở về đồng bằng cho những công trình khác. Chúng tôi đoán, đây không phải là kế hoạch của nhà nước nhưng các anh cán bộ này đi phép về thành phố, được người khác mớm cho cái ý tưởng thu gom đồng tài nguyên thiên nhiên về bán cho thương lái ở dưới đó, kiếm lời – mà không mất vốn. Chúng tôi có suy luận kiểu gì thì cũng vẫn phải chấp hành. Theo thời gian, hết đồi nọ sang đồi kia, trồng trọt, mênh mông bát ngát, sẵn sàng cho vụ mùa mới. Các ụ cây được chúng tôi xếp ngay ngắn và sẵn sàng để được chở về thành phố.

Một buổi trưa, tôi đưa anh em sang bên kia đồi, tiếp tục công tác phát cỏ, chất gỗ, tre vào vị trí. Hôm ấy tôi không được khỏe nên cất đặt công việc cho anh em xong thì về trại nghỉ. Trước khi về, tôi không quên nhấn mạnh là tuyệt đối không được hút thuốc Lào. Tàn thuốc hoặc cây đóm còn đang cháy, rút xuống cỏ khô thì cháy không kịp chữa.

Về nhà nằm khểnh một chút thì anh em ở trại chỉ cho tôi thấy một đám khói đen bốc lên từ bên kia đồi. Tôi tự trấn an bằng cách nói với anh em:

- Chắc bên đồi Thượng, họ đốt rẫy.

Chỉ độ hai phút sau thì thấy mấy anh em bên đó chạy về báo là cỏ trên đồi đã bắt đầu cháy, yêu cầu anh em chạy sang tiếp sức dập tắt ngọn lửa. Thân xác tôi đã mệt, lại muốn ngã xiêu luôn vì đây là một tai họa lớn do tổ của tôi gây ra. Tôi cùng anh em gánh nước sang bên đồi. Những thùng nước chúng tôi gánh sang không bỏ vào đâu so với đám cháy đang lan rộng. Gió trên đồi tha hồ cuộn tung đám tàn lửa từ chỗ nọ thổi sang chỗ kia. Sau cùng, thấy sự có mặt của chúng tôi trên này nguy hiểm quá, lát nữa lửa cháy từ bề thì không biết đường nào mà chạy. Chúng tôi hô nhau bỏ chạy về.

Đám cháy rừng đó kéo dài liên tục trong ba ngày, ba đêm. Ba ngày đó chúng tôi không được ra khỏi nhà. Cán bộ sẽ cho đi điều tra xem đám cháy phát xuất từ đâu. Chúng tôi cứ đồ bữa cho người Thượng họ đốt rẫy, cháy lan sang bên mình.

Trong ba ngày đó, chúng tôi phải ngồi kiểm điểm và tìm ra ai là thủ phạm vụ cháy này. Ai cũng xanh mặt vì không hiếm người hút thuốc Lào hôm đó. Tôi không được ra khỏi nhà để lên tận nơi xem, tính coi có cách nào phi tang nơi phát xuất đám cháy không.

Một anh bạn tên Nguyễn Huy Tường, có tài đi rừng, vẫn hay ra sóc Thượng và xã Đức Hạnh buôn thịt heo về cho chúng tôi, nói riêng với tôi:

- Để cho tình hình lắng xuống, tôi sẽ đi vòng từ sóc Thượng lên, sẽ tìm cách xóa sạch vết tích.

Hai đêm sau, anh Tường đi thật. Anh về đến nhà, báo cho trôi biết, đúng là chỗ phát xuất ngọn lửa là từ chỗ tổ tôi chịu trách nhiệm. Tuy vậy, anh đã dùng chân xóa sạch vết tích. Mình cứ đổ cho bên sóc Thượng họ đốt là được.

Trại lần lượt cho gọi nghi can lên điều tra. Người hay hút thuốc Lào nhất trong tổ tôi là anh Trần Khắc Thành. Anh này đầu óc cũng lơ-tơ-mơ. Ít khi có khả năng suy nghĩ thấu đáo công việc. Làm cái gì cũng phải có người nhắc. Tôi phải kéo anh ta ra một chỗ và dặn anh ta:

- Nếu trại có gọi mày lên hỏi han gì cũng chỉ nói “không biết”. Dù họ có đánh, mày cũng phải ráng mà chịu, không được khai. Tao đã bị đánh nhiều lần rồi, bây giờ cũng lành lặn, không sao, chuyện gì rồi cũng sẽ qua. Anh chàng gật gật cái đầu. Chính anh ta là thủ phạm hút thuốc rồi để rơi tàn xuống đám cỏ khô. Mới đầu còn cời áo ra phủ tàn lửa nhưng càng phủ thì lửa càng lan nhanh. Tôi phải “dọa” thêm:

- Tội này là tội tử hình đó vì mày đã cố tình phá hủy tài nguyên của nhà nước. Nhưng nếu tao thấy mày có vẻ yếu bóng vía, chưa gì đã sợ, tội nó chưa xử tử mày, tao cũng sẽ giết mày để tránh cho những anh em khác.

Tay này đứng ngậy ra nhìn tôi, không ngờ tôi lại “dữ” như vậy.

Trong ba ngày miễn lao động, phần bo bo cũng bị cắt giảm. Trại lừa chúng tôi lên hội trường. Họ đe dọa đủ mọi hình phạt cho tất cả chúng

tôi nếu cuối cùng không tìm ra thủ phạm. Chúng tôi ngồi im, không có ý kiến.

Cuối cùng thì trại cắt chúng tôi đi làm ở một quả đồi khác. Có lẽ họ vẫn tiếp tục lên quả đồi đó để điều tra. Ban đêm, anh Tường vẫn có gan đi ra sóc Thượng. Tường cho tôi biết có nhiều vết chân đi từ bên này qua bên kia đồi, có lẽ của cán bộ trại. Mỗi ngày có bao nhiêu cơn gió, sau một ít lâu thì chỗ nào trông cũng giống chỗ nấy. Chúng tôi an tâm.

Cuộc sống của chúng tôi lại trở lại bình thường. Tôi vẫn hay ra sóc Thượng, săn sóc cho trẻ em thì ít, nhưng để uống rượu cần bằng sừng trâu với ông tù trưởng thì nhiều. (Mà cũng để ngắm bộ ngực trần của cô con gái của ông!) Nói thực lòng, cô gái này có vẻ cũng thích tôi, hay bịt miệng cười theo mỗi khi ông tù trưởng cười nhe cả mảng lợi đỏ của ông. Tôi không hề dám có ý tán tỉnh, lợi dụng người con gái chất phác này. Cũng vì sợ cô ấy biết cách “bỏ bùa” hay “thư” của độc vào bụng tôi như vẫn đọc trong tiểu thuyết. Tôi cũng hay ra xã Đức Hạnh để mua gà, đậu, gạo, và có khi cả rượu đế.

Một dịp cao hứng, tôi bàn với anh Tường là mình sẽ rủ anh em chung tiền, mua một ít thịt nai về xào lăn nhậu chơi. Tôi sẽ lãnh trách nhiệm ra xã Đức Hạnh mua rượu. Anh em chịu liền. Chúng tôi hăm hở đi ngay. Hôm ấy là Chúa Nhật, chúng tôi chỉ phải làm nửa chỉ tiêu của ngày thường. Sau đó là ba chân bốn cẳng chạy ngay đến nơi cần đến. Anh Tường sắm được một phần đùi nai và bốn con ếch lớn. Tôi “rinh” được hai chai rượu “cuốc lủi” chính hiệu, do dân xã Đức Hạnh cất tại nhà. Buổi chiều về là anh em đã đợi sẵn, nào là dao, thớt, hành, tỏi, tiêu, gừng, nôi, niêu, xoong chảo,... cứ như là một tiệc cưới dân dã.

Buổi tối, mọi người tự mang ghế đến tham dự tiệc. Chúng tôi anh em cùng tổ, tất cả 15 người, ngồi quanh hai cái bàn dài, thì nhau gắp và thì nhau rót rượu. Tôi kể cho anh em nghe về bộ ngực trần của cô con gái ông tù trưởng. Ai cũng hưởng ứng câu chuyện dòn dã. Đến khuya thì mọi người cũng đều ngà ngà say. Anh em hay có cái tật gọi nhau bằng “sư phụ”, “ông thầy” và đặc biệt anh Thành “thỏ đế” hay hát bài “Vì Tôi Là Linh Mục”. Chúng tôi gọi anh là “linh mục đại khờ”. Tiếng

cười của chúng tôi càng ngày càng vang lớn trong rừng thẳm. Không có ai đả động gì đến chính trị hay than vãn gì về cuộc sống tù đầy.

Bất chợt, mặt anh bạn ngồi đối diện tôi đổi sắc. Ban đêm, trong rừng, đèn dầu nhỏ quá, tôi không nhận rõ là trên mặt anh có biểu hiện gì nhưng mà thấy anh có vẻ rất bất thường. Anh chỉ tay về phía sau tôi, nói lắp bắp:

- Anh thủ trưởng đứng sau lưng anh. Tôi quay lại thì thấy ông thủ trưởng thật. Ông ấy nói nhỏ nhẹ:

- Nãy giờ, tôi đứng nghe các anh nói chuyện. Không ngờ các anh lại có ý phỉ báng tôn giáo. Các anh lấy “sư, thầy, linh mục” ra mà điều cợt. Tôi sẽ nói việc này với các anh sau. Bây giờ, Anh Dzuơng cho anh em đi nghỉ, sáng mai lên trình diện tôi. (Chúng tôi không hiểu sao ông này lại ghép cho chúng tôi cái tội “phỉ báng tôn giáo”. Ông này cũng ra cái điều là người cộng sản không hề bài bác tôn giáo?)

Tất cả anh em chạy về mừng của mình, chui vào đó nằm im.

Đến sáng, anh chàng trực hôm đó hỏi tôi:

- Hôm nay mày có đi sang trại với tao không?

Tôi trả lời:

- Hôm nay tao hãy còn “hậu chấn” của rượu nên, nếu được hỏi, mày cứ nói là hôm nay tao cáo bệnh.

Anh bạn đi nhận công tác xong, trở về trại, nhắn lại là ông thủ trưởng nhắc “Hôm nào mày khỏe hẳn, lên gặp ông ấy”.

Công việc “đồng áng” vẫn diễn ra bình thường. Tôi vẫn cáo bệnh không đi làm việc. Tự nhiên, tôi đồ lý ra. Kệ, cứ đấu não với nhau tới đâu thì tới. Dĩ nhiên là trong cuộc đấu này, người thua chắc chắn cũng chỉ là tôi. Nhưng tôi biết rằng cuộc đời tôi ở trên thế gian này không còn bao lâu nên cứ đồ lý ra vậy. Câu giờ được tới đâu hay tới đó.

Những người bạn thay phiên trực, lên nhận công tác mỗi ngày đều phải trả lời quanh co hộ tôi. Các bạn này không còn muốn nghe điệp khúc cũ là ông thủ trưởng muốn gặp tôi nên năn nỉ tôi:

- Dương ơi, tao lạy mày, ít ra thì mày cũng viết một vài hàng tự kiểm điểm, tao lên nạp cho trại cho xong việc của tụi tao. Tôi vẫn ngoan cố trả lời:

- Thì mày cứ nói là “tôi có nói rồi nhưng nó không muốn lên trình diện mà cũng không muốn viết tờ tự kiểm”. Mọi việc để tự tao chịu trách nhiệm.

Trong đội của chúng tôi có một anh bạn bị chứng sốt rét kinh niên. Người anh lúc nào cũng xanh như tàu lá. Tôi chỉ nhớ anh tên Sơn, nhưng không nhớ họ. Từ hồi chúng tôi được gia đình thăm nuôi tới nay cũng cả hai năm nhưng anh bạn Sơn này chỉ được gia đình lên thăm có một lần duy nhất, cũng khá lâu rồi. Có một lần, anh ấy tâm sự với chúng tôi là em gái của anh ấy lên cho biết là vợ anh ở nhà đã “bước thêm bước nữa”. Thân gái đơn chiếc, cần một chỗ dựa. Anh Sơn cho là việc làm này của người vợ đáng trách thật, nhưng cũng phải để cho người ta có chọn lựa riêng trong hoàn cảnh đơn chiếc như vậy. Hoàn cảnh này cả đất nước cũng có bao nhiêu trường hợp như vậy mà mình không biết đó thôi. Anh Sơn càng yếu hơn theo ngày tháng. Anh mất hết ý chí muốn sống. Chúng tôi phải thay phiên nhau giúp đỡ, an ủi anh ấy.

Sơn vẫn hay nằm trong mùng lâu hơn chúng tôi vì anh dậy lúc nào thì vẫn có việc nhẹ cho anh ấy. Buổi sáng, chúng tôi thức dậy đi làm, thấy mùng của anh vẫn buông, nghĩ là anh ấy còn ngủ nên chúng tôi nhẹ nhàng đi ra rừng. Buổi trưa về, thấy mùng vẫn còn buông. Chúng tôi giờ mùng ra để giúp anh dậy. Gương mặt của anh trắng bệch, hàm răng nghiêng chặt. Mấy lớp chăn của anh thấm đẫm máu. (Có lẽ anh đã cố lột nhiều lớp chăn ở dưới để máu không rò xuống sàn, không ai nhìn thấy, và không ai ngăn cản quyết định tự kết liễu cuộc sống của mình.) Chúng tôi xốc anh ra khỏi giường. Thân xác của anh lạnh toát, mềm nhũn. Chúng tôi khám thật nhanh thân thể của anh thì thấy có nhiều vết cắt trên ngực nhưng có lẽ vết cắt đã tiền anh về bên kia thế

giới là vết cắt sâu vào cổ tay. Lọ thuốc trị sốt rét của anh cũng đã bị nuốt hết, có lẽ anh lấy thêm can đảm để tự kết liễu cuộc đời vô vọng của mình.

Chúng tôi ghen ngào bó xác của anh bằng chính những cái chần đâm máu của anh. Chúng tôi quây góp những tấm ván lót chỗ nằm của anh em, hy vọng có đủ để đóng cho Sơn một cái áo quan, nhưng vẫn chưa đủ. Chúng tôi lên báo cáo trại. Ông thủ trưởng ra lệnh tổ cura cho anh thêm mấy tấm gỗ đủ để làm một cái áo quan đơn sơ cho anh. Chúng tôi lặng lẽ khiêng anh xuống gần suối, đào huyệt chôn anh tại đó. Lại một cái chết oan khiên.

Độ một tháng sau, bất ngờ trại cho lệnh chúng tôi tập trung xuống hội trường. Khi chúng tôi đã tề tựu đầy đủ, hai anh vệ binh nhảy tới chỗ tôi đứng, nhanh chóng trói hai tay tôi ra sau. Họ lấy một cái đòn vòng xỏ qua hai khuỷu tay tôi như lần trước. Họ ra lệnh cho tôi quỳ dưới nền đất. Anh em chúng tôi hoang mang chưa biết chuyện gì nhưng biết rằng chuyện sắp xảy ra cho tôi không lành.

Ông thủ trưởng tươi cười bước vào hội trường, tay cầm theo một xấp giấy. Ông cho tù ngồi xuống và đồng dục tuyên bố:

- Hôm nay, nhà nước quyết định khoan hồng cho một số anh em cải tạo tốt. Sau khi tôi đọc tên xong thì các anh có tên trở về lán của mình mang đồ tư trang ra công trại. Chúng tôi sẽ phát giấy ra trại ở đó. Các anh sẽ tự ra đón xe đò về nhà.

Hôm ấy, khoảng hơn một trăm người tù nhận được giấy ra trại thật. Người được xướng tên thì nhảy cẫng, bắt tay anh em ngồi xung quanh. Người nào chưa được xướng tên thì ủ rũ, mong sớm nghe tên mình được đọc.

Khi đọc xong danh sách những anh “cải tạo tốt”. Ông thủ trưởng tỏ vẻ rất tiếc, nói với chúng tôi:

- Cái anh Sơn ấy tội quá. Hôm nay anh ấy có tên trong danh sách được về. Anh Dương này cũng vậy, đáng lẽ ra hôm nay anh ấy cũng

có tên về. Ông thủ trưởng chỉ chỉ vào tờ danh sách ông cầm trên tay. Nhưng vì anh này ngoan cố, vi phạm nội quy của trại nhưng không thành khẩn nhận lỗi, chúng tôi không cho anh ấy về được. Anh Dzương sẽ phải ở trại cải tạo thêm một thời gian nữa. Ngày nào được về thì tùy vào tinh thần tự giác của anh ấy thôi.

Tôi quỳ dưới đất nghe mà buồn cười. Ông này đâu cần giờ cái trò giả nhân giả nghĩa như vậy! “Trên” của ông cho về thì tôi đồ ông dám giữ tôi lại!

Sau khi thủ tục phóng thích tù ra rồi, tất cả mọi người giải tán. Tôi bị hai anh vệ binh xóc hai đầu đòn vòng lồi về trại của họ. Ông thủ trưởng bây giờ có quyền ra oai của một ông thủ trưởng. *Tôi bị biệt giam khoảng hơn một tháng.*

Mỗi ngày, trên đường đi làm, các bạn tôi luôn qua song cửa cho tôi một đĩa bo bo trộn khoai mì và một ít cá khô. Trại kiểm soát đĩa cơm trước khi đến tay tôi nên các bạn tôi không giấu thêm gì vào đó được. Độ hai tuần sau, ông thủ trưởng lại đổi ý, ban ngày không khóa cửa phòng biệt giam tôi, ông cho tôi ra ngoài làm công việc tưới mấy luống rau thơm của các ông. Dân gian có câu: *Đói ăn rau, đau uống thuốc*. Ở trong này, tôi không có thuốc để uống, chỉ lén ngắt những lá rau thơm bỏ miệng nhai vội. Sức khỏe của tôi cứ thế mà yếu dần. Gần cuối thế kỷ hai mươi rồi mà con người còn hành hạ nhau đến như vậy. Họ bày đặt cái trò cùm chân tôi vào hai cái nẹp tre. Ngoài Bắc, họ gọi là “huyền” chân, không gọi là “cùm” chân. Ở trong cái nơi biệt giam kiên cố này, tôi còn làm được gì mà phải cùm chân tôi? Cứ ba ngày, sau khi tưới rau, họ cho tôi thêm thời gian ra giếng tắm giặt. Hai chân của tôi giờ này đã thâm tím, đi lại rất khó khăn. Khổ nhất là lúc ngồi để đi tiêu. Tôi phải đu mình trên cái xà ngang trong nhà xí vì hai chân đã bị kẹp, không ngồi xổm được.

Hôm anh thủ trưởng quyết định cho tôi về trại. Ông cho tháo cùm chân nhưng hai tay tôi vẫn bị trói. Ông nói:

- Hôm nay tôi cho anh về trại. Tôi phạt giam anh một tháng vì cái tội không lên trình diện, cũng không làm tờ tự kiểm hơn một tháng.

Hai anh vệ binh lại xô cái đòn vòng vào hai khuỷu tay tôi phía sau lưng, cầm hai đầu gậy dẫn tôi về. Đến ranh giới giữa trại cán bộ và trại tù, họ tháo dây trói cho tôi.

Các bạn tôi đã nhìn thấy từ xa, chỉ chờ mấy anh vệ binh đi khuất, họ chạy lại đỡ tám thân vốn khỏe mạnh của tôi, nay trở thành thân tàn, ma dại. Tôi được anh Tuyển nấu cho một nồi cháo hành. Tôi húp tô cháo nóng hổi mà thấy nước mắt mặn mặn.

Chỉ độ nửa tháng sau thì chúng tôi lại bị đánh thức dậy lúc hai giờ sáng. Chúng tôi biết là sắp có biến cố nữa. Một số vệ binh đã chạy đến, âm thầm vây chung quanh trại (hồi này thừa thớt lắm vì đợt thả tù tháng trước). Ông thủ trưởng đến và trong tay ông cũng có một danh sách. Lần này, trong bóng tối, chúng tôi vẫn biết khuôn mặt của ông không (làm bộ) tươi cười như lần trước. Ông bắt đầu gọi tên và những người bị gọi tên lại thất thểu xách đồ đạc ra sắp hàng, đợi được chuyển sang trại khác. Anh Mai Quang Tuyển có tên trong danh sách này. Chúng tôi buồn bã nắm tay nhau thầm cầu chúc nhau bình an, may mắn.

Biến chuyển xảy ra dồn dập với trại chúng tôi. Phần thì được thả về, một phần lớn khác đã bị chuyển đi trại khác. Số nhỏ chúng tôi còn lại, ngao ngán nhìn nhau, mất hết tinh thần chống chọi với định mệnh.

Chỉ hai tuần sau, chúng tôi được lệnh dời trại, sát nhập với một trại khác gần đó. Chúng tôi rã rời, kéo lê lét đồ đạc, thúng mủng, chổi cùn rế rách dời trại. Khổ nhất là những anh đang bị thương, không tự đi được, lại phải nhờ chúng tôi cáng theo. Chúng tôi áp dụng chiến thuật chuyển quân của Vua Quang Trung. Hai người khỏe gánh một người bệnh. Cứ luân phiên nhau, mệt nhọc mà không nỡ bỏ nhau. Các anh em bị thương cũng cảm thấy không muốn phiền người khác, cứ nhấp nhúm, nhưng chúng tôi cứ phải ần ần anh ấy xuống võng để chúng tôi tiếp tục cáng đi.

Các anh em ở trại cũ chạy ra tiếp đón chúng tôi, phụ tay khiêng vác những thứ linh kinh chẳng đáng một đồng bạc “bác” Hồ nào nhưng không có nó thì cũng khổ. Được cái là trại này gần con đường đất đỏ

mà các bà vợ chúng tôi hay đi xe đồ ngang qua. Các bạn ở trại này cho biết ở phía bên trên con đường, họ cũng có cất một nhà thăm nuôi. Nghe cũng tỉnh lại được một chút.

Ở trại mới này, tôi quen được một anh bạn. Tên của anh là Nguyễn Vĩnh Linh. Anh bạn này rất đẹp trai, cằm vuông, có râu quai nón, lông mày rậm, rất thích hút thuốc rê. Ước mơ của anh là một ngày nào đó, sang được đất Mỹ, anh ấy sẽ học nghề đạo diễn làm phim xi nê. Đẹp trai, không mơ đóng phim mà lại mơ làm đạo diễn! Anh nói, ngày xưa “moi” đâu có phải hút cái loại thuốc rơm này. Bây giờ, không những phải hút thuốc rê loại rẻ tiền mà còn phải quán bằng bất cứ thứ giấy nào có được: từ giấy báo, giấy tập vở, có khi là lá chuối khô. Mùi giấy và thuốc khét lẹt. Anh chàng này trước đây học trường Tây nên tiếng Pháp phải giỏi rồi. Anh khuyến khích tôi tập hút thuốc lá (trong trường hợp này là thuốc rê) vì đàn ông, con trai mà không hút thuốc lá thì không ra “dáng” đàn ông. Tôi nghe theo và muốn thử. Anh ấy cuốn cho tôi một điếu, chỉ tôi cách cầm điếu thuốc. Tôi cũng tập tành nhưng có lẽ trời không muốn tôi nghiện thuốc nên hút lần nào là sặc lần đó! Sau cùng, chúng tôi đành phải đầu hàng.

Bây giờ tôi có người bạn tri kỷ mới nên khi đi lao động, chúng tôi đi cặp với nhau và về buổi chiều ăn cơm chung với nhau. Trong suốt ngày lao động bên nhau, tôi tập lại khả năng sinh ngữ của tôi và nói hoàn toàn bằng tiếng Pháp với anh.

Thỉnh thoảng buổi tối, tôi cũng chỉ dẫn thêm Anh Văn cho những bạn muốn học. Ấng ten báo cáo lên trại những “hành vi” này của tôi. Trại cho gọi tôi lên, vặn hỏi tôi “có ý gì mà dạy tiếng nước ngoài cho bạn tù?” Tôi cũng thật thà nói hoàn cảnh đưa đẩy chứ không có ý gì hết. Ở trong này, ai có khiếu về môn gì thì chỉ dẫn cho anh em thôi. Ông thủ trưởng trại này hình như có họ với ông trại trưởng ở Long Khánh của chúng tôi. Ông cũng dễ tính, nghe xong, chỉ nói tôi phải cẩn thận, đừng để anh em nghi ngờ điều gì.

Số phận tôi lại sang một khúc quanh mới. Bên trại cán bộ cần một người biết sơn chữ và biết vẽ. Tôi lại tình nguyện. Từ hôm đó, tôi và Linh đi sang trại cán bộ, vẽ cho họ bảng hiệu Doanh Trại Quân Đội

Nhân Dân như tôi đã làm trước đây ở Trảng Lớn. Mỗi ngày lại có quyền tà tà, dùng đỉnh đi sang trại cán bộ, vẽ vờ để câu giờ, khỏi phải vác rựa đi làm rừng. Lúc đó đã là năm 1979, hình như “nhà nước” có đợt bắt “nghĩa vụ quân sự” cho quân đội của họ. Nghe đâu, mặt trận phía Nam với Campuchia, cùng lúc với mặt trận phía Bắc với Trung Cộng, đang đi vào giai đoạn quyết liệt. Bên trại của cán bộ xuất hiện mấy cô bộ đội mới. Rõ ràng mấy cô này là gái thành phố, trông ngượng ngịu trong bộ quần áo phát cho bộ đội rộng thùng thình.

Trong những lúc (lấy cớ) nghỉ giải lao, chúng tôi mon men đến gần chỗ mấy cô tập dợt những động tác căn bản quân sự. Một ngày sau thì anh bạn Linh của tôi cũng đã bắt chuyện được với một cô. Cô bé này trước học trường Trung Vương ở Sài Gòn. Bị bắt đi nghĩa vụ quân sự, ảm ức lắm nhưng không dám cãi lệnh, không dám trốn. Cô tâm sự thêm là cô hay bị các cán bộ ve vãn, tán tỉnh, có khi còn dọa nạt cô nữa. Các cô bạn khác trong nhóm cũng thường xuyên bị như vậy. Đáng thương thay cho cô gái tỉnh thành. Trong hoàn cảnh đất nước (và thành phố) đổi chủ, thân phận người dân bị hành hạ đê tiện.

Cô kể cho chúng tôi nghe những biến chuyển đau thương của thành phố: từ mấy đợt đánh “tư sản, mại bản” đến những đợt đổi tiền (tiền thật đổi thành tiền rác!) đến những đợt lừa thanh niên thiếu nữ đi làm công tác “thủy lợi” – cho đến lúc họ cố tình chiếm nhà đất của dân. Họ đuổi dân đi đến những nơi gọi là “vùng kinh tế mới”. Từ từ, người dân thành phố cũng tìm cách trốn về vì không thể sống nổi ở các vùng kinh tế mới này. Nhà nước chở dân đến những nơi “khí ho – cò gáy” thả xuống đó, ai sống được thì sống. Họ không cấp cho bất cứ một phương tiện nào để bắt đầu cuộc đời cơ cực mới. Thực chất chỉ là một hình thức cướp nhà của dân ở thành phố cho hợp lý mà thôi. Những chuyện này chúng tôi cũng được nghe lỏm bõm từ các bà vợ nhưng không để ý lắm nên bây giờ nghe và biết được mới thấy chúng tôi có thêm lý do chính đáng để căm hận bọn cộng sản này.

Hai đứa chúng tôi vẫn tiếp tục với công việc vẽ vờ cho họ. Chưa hoàn tất công việc này, họ lại cho biết là sẽ phân công làm việc mới. Dù vậy, cũng đỡ hơn là vác cuốc/rựa ra làm việc ngoài rừng, tai nạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Các cô tân binh cũng còn ở đây nhưng không

tập “ác ề” như lúc đầu. Cô Trang, cô học sinh Trung Vương xinh xắn hôm nào – cũng ít có cơ hội ra nói chuyện với chúng tôi.

Một hôm, trong khi chúng tôi đang leo lên leo xuống, cố hoàn tất cái bảng hiệu Quân Đội Nhân Dân Việt Nam trên cổng chính vào trại cán bộ thì thấy một chiếc xe La Dalat đậu trước cổng trại. Chúng tôi ở trên cao nhìn xuống thì thấy một cặp vợ chồng tay xách nách mang, khệ nệ với những bịch nylon, có lẽ là quà cáp gì ở trong đó. Chỉ một chút xíu sau thì đã thấy cô Trang chạy ra, ôm lấy người đàn bà, có lẽ là người mẹ, khóc tức tưởi. Bà mẹ thương con quá cũng không cầm lòng nổi. Cô Trang đưa bố mẹ vào trong nhà tiếp tân của trại gần cổng chính. Cha mẹ tiếp cho con gái ăn uống và cứ ấn vào tay con những túi quà. Một vài cô bạn của Trang cũng xin được phép ra gặp bố mẹ của cô. Họ đã bớt con buồn. Tất cả ăn uống, cười nói tíu tít.

Cô Trang chợt nhìn ra cổng, thấy chúng tôi, cô mới chợt nảy ra ý định mời chúng tôi vào ăn uống chung. Chúng tôi ngại ngần, chưa quyết định ngay thì cô Trang cứ kéo tay bạn Linh của tôi. Bố mẹ của Trang cũng là người Sài Gòn nên rất thông cảm với thân phận hiện tại của chúng tôi. Họ nhắc là chút xíu nữa, Trang chia cho chúng tôi một ít thức ăn.

Cuộc vui nào cũng phải đến lúc tàn. Bố mẹ Trang ra về. Chúng tôi cũng trở về với công việc bỏ dở. Cô Trang để sẵn mấy bịch nylon đựng thức ăn cho chúng tôi ở dưới chân cổng ra vào.

Ba tuần sau, bạn Linh buồn buồn nói với tôi: Mai kia, có thể “moi” sẽ trốn theo Trang về thành phố. Sau đó muốn tới đâu thì tới. Hai người này cũng hay thật. Họ “phải lòng” nhau từ hồi nào mà bạn tôi cứ dấu biệt cho tới hôm nay. Tôi mừng cho bạn nhưng cũng lo vì cuộc phiêu lưu này có thể có những sự “cố” bất ngờ thì sao? Linh cho tôi biết là gia đình Trang có quan sát và thấy đường đi và về cũng dễ dàng. Họ bàn với nhau là Trang vẫn sẽ mặc bộ quân phục, làm như là đi công tác vậy thôi. Gia đình sẽ lên đón bằng xe nhà.

Ngày hẹn đã đến. Buổi tối hôm trước, Linh chuyển hết thức ăn và thuốc men còn lại cho tôi. Linh nhờ tôi chia cho mấy người bạn thân

số chăn màn, quần áo của Linh khi Linh đã đi được trót lọt.

Ngày hôm đó, chúng tôi sang trại, đi làm như thường. Linh hôm đó mặc một cái quần ka ki và một cái áo sơ mi ngắn tay màu xanh nhạt, trông đúng là người Sê Goòng! Chiều hôm đó, chúng tôi ngóng mãi mà vẫn chưa thấy xe nhà Trang lên tới nơi. Khoảng chiều gần tối, có lẽ lúc đó là hơn 5 giờ. Chúng tôi chuẩn bị gom góp đồ đạc ra về thì từ trong trại, cô Trang tắt tả chạy ra, nói chúng tôi cứ về và cứ yên trí. Kế hoạch phải dời lại để bố mẹ Trang có thì giờ nghiên cứu kỹ hơn. Linh buồn lắm trong khi tôi thì lại vui vì vẫn còn người bạn thân bên cạnh. Tôi an ủi Linh:

- Biết đâu kế hoạch dời lại là chuyện tốt vì cái gì làm hấp tấp quá, không nghiên cứu kỹ, có thể có những sơ hở không lường trước được.

Hai chúng tôi về trại tù lại. Buổi chiều hôm đó chúng tôi cũng không thiết ăn uống. Cũng may là số quần áo, mùng mền chưa chuyển sang cho các bạn khác nên hôm nay, Linh vẫn còn có cái để dùng.

Chúng tôi sắp hoàn thành công tác về công trại. Cả hai chúng tôi đều làm bộ tìm cách câu giờ để xem tình hình và chờ cơ hội. Trang vẫn tìm cách ra gặp chúng tôi thật nhanh, trao đổi mấy câu với Linh và lại biến mất. Giờ này, tôi để ý mới thấy khuôn mặt hai người rạng rỡ khi nhìn thấy nhau. Cô Trang có vẻ cũng trưởng thành, chín chắn hơn nhiều, không lúng túng trong bộ quần áo bộ đội rộng thùng thình như lần đầu chúng tôi gặp nhau. Các anh bộ đội khi đi ra vào công trại cũng có bắt gặp Trang và Linh nói chuyện với nhau nhưng không ai có thái độ gì. (Hay là họ dấu cảm tưởng hậm hực của họ - vì họ cũng có tán tỉnh nhưng bị Trang cự tuyệt?)

Chúng tôi cũng giữ thái độ tỉnh bơ. Trong hoàn cảnh này, người nào có vị trí của người ấy. Ai làm gì được ai? Buổi tối hôm đó, Linh lại nói nhỏ với tôi bằng tiếng Pháp: “Ngày mai có thể “moi” sẽ lên đường”. “Tôi” ở lại cẩn thận và giữ gìn sức khỏe”.

Buổi tối, hình như cả hai chúng tôi đều không ngủ được. Sáng dậy, mắt cay sè mà cũng cứ phải làm thủ tục buổi sáng cho xong, rồi lê

bước sang bên trái cán bộ. (Có thể trong tâm tư, Linh không nhìn cán bộ, mặt mũi nghiêm trang (hay là trong bụng cũng đang đánh “lô tô” như chúng tôi?) từ từ cho xe ngừng lại. Cô Trang từ trong trại đi ra. Cô ra hiệu cho Linh tuột xuống đất, đi bộ xuống dốc trước. Cô lên xe và chiếc xe quay đầu chạy. Một chút xíu sau, tôi thấy dáng của Linh đã khuất tầm nhìn của tôi. Một ông cán bộ chạy về trại, vừa chạy vừa la: “Con Trang nó chạy mất rồi!” Một số cán bộ và vệ binh chạy ra hỏi dồn dập:

Ngày làm việc cứ thế mà từ từ trôi qua. Hình như hôm nay thì giờ chạy chậm hơn những ngày khác!

Đến khoảng ba giờ chiều thì chiếc xe La Dalat hôm trước xuất hiện từ xa. Người lái xe hôm nay không phải là bố của Trang mà là một ông cán bộ, mặt mũi nghiêm trang (hay là trong bụng cũng đang đánh “lô tô” như chúng tôi?) từ từ cho xe ngừng lại. Cô Trang từ trong trại đi ra. Cô ra hiệu cho Linh tuột xuống đất, đi bộ xuống dốc trước. Cô lên xe và chiếc xe quay đầu chạy. Một chút xíu sau, tôi thấy dáng của Linh đã khuất tầm nhìn của tôi. Một ông cán bộ chạy về trại, vừa chạy vừa la: “Con Trang nó chạy mất rồi!” Một số cán bộ và vệ binh chạy ra hỏi dồn dập:

- Sao? Đồng chí nói gì? Con Trang nó chạy rồi là làm sao?

Người kia chỉ tay về phía cuối đường nói:

- Nó được người nhà đem xe lên đón, nó trốn mất rồi. Người đó nhìn thấy tôi mới nhớ ra là thằng tù vẫn làm việc với tôi tại công trại cũng leo lên chiếc xe đó. Mấy người kia xúm lại, vây chung quanh tôi. Tôi cũng làm bộ ngạc nhiên. Tôi nói với họ:

- Thằng bạn tôi nói nó cần xuống đi tiêu, tôi đâu có để ý. Bây giờ anh nói tôi mới biết là nó đi với con bé đó. Ngay sau đó, tôi đánh trống lảng: “hình như hai đứa nó là anh em ruột”.

Ông thủ trưởng nghe báo cáo cũng chạy ra trong khi tôi làm bộ thu xếp đồ nghề đi về. Ông đứng hỏi chuyện tôi một lúc. Tôi cũng lặp lại câu nói lúc nãy với mấy ông cán bộ kia:

- Tôi có nghe thằng bạn tôi nó nói cô Trang là em ruột nó. Tôi đâu có ngờ là hai đứa nó rủ nhau đi. Hay là hai đứa đi đâu đó một chút rồi về? Nếu chiều nay nó về trại, tôi sẽ nói nó ngày mai sang xin lỗi anh

sau.

Cả tháng sau, tôi không nghe trại nói là đã bắt được thằng tù đó lại. Một lần nữa tôi bắt quả tang các ông thích “nổ”.

Ông thủ trưởng trại cũng không hề tỏ ra là phiền hà gì với tôi. Như vậy là tạm yên trí: Thằng bạn thân của tôi đã “không cánh mà vẫn bay được”. Tôi lại tuyển người mới đi công tác với tôi.

PHẦN MƯỜI BA

Tôi Đang Ở Đâu?

Sau khi Linh đi thoát được (tôi đoán, và mong như vậy) hơn một tháng thì tôi lại được thăm nuôi. Tôi hỏi tình hình gia đình sinh sống ở nhà. Vợ tôi cho biết là bây giờ cái gì cũng hiếm, từ thịt, cho đến gạo, đường, bột, nhất là thuốc tây. Tiền kiếm ra thì khó mà chi tiêu, đã hà tặn, hà tiện lắm nhưng vẫn chật vật. Vì có hai con còn nhỏ, vợ tôi lại phải chi thêm tiền cho cái vụ thuê người trong xóm thay mình đi công tác “thủy lợi”. Mấy đợt đổi tiền, nó lột hết của mình rồi còn đâu? “Nhà Nước” bắt đầu cho thân nhân ở nước ngoài gửi quà về. Họ biết là họ không nuôi nổi dân cho nên họ đã phải “mở cửa” cho hàng nước ngoài tuồn về, dân có cái mà sống. Nhà nước cũng có thêm tiền để củng cố chế độ của họ. Tuy vậy, họ vẫn giới hạn hai ký cho mỗi gói quà.

Cái chuyện đi ra phi trường lãnh quà từ nước ngoài gửi về cũng là một sự ngao ngán khác. Thân nhân phải mang đủ các loại giấy tờ như: hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, có khi cũng bị hạch hỏi về sự “liên hệ” với người gửi quà ở nước ngoài... Mọi người phải xếp hàng từ lúc năm giờ sáng. Khi bụng được gói quà ra khỏi cổng thì cũng đã hơn hai giờ trưa! Có nhiều con buôn vây kín chung quanh mình để dành mua gói quà đó. Chen lấn, tránh né họ cũng lại là một vấn đề. Về đến nhà rồi thì phải lần mò từng đường kim mũi chỉ của chiếc quần *Jean* xem bên kia có luôn được chỉ vàng nào vào đó không. Các ống thuốc đánh răng cũng phải moi cho kỹ vì người dân đã truyền nhau những mảnh khóc đầu tiên, đầu vàng như thế nào để qua mặt nhà nước. Người trong nước bây giờ chỉ còn biết trông chờ vào những gói quà từ nước ngoài gửi về. Dĩ nhiên gia đình nào không có thân nhân đã ra được nước ngoài thì chỉ còn nước cố bươn chải nuôi nhau.

Tôi kể lại chuyện bạn Linh trốn như thế nào. Vợ tôi giết mình nói:

- Chết thật, bây giờ cái gì cũng khó, một đoạn đường từ đây về nhà cũng phải đi qua ít nhất năm trạm công an kiểm soát. Bây giờ họ có đủ loại công an, từ công an cơ động, đến công an kinh tế, thôi thì đủ loại công an. Họ muốn hạch sách, mè nheo thế nào thì cũng ráng mà

tránh né. Không được thì lại phải chìa ra cái thủ tục “đầu tiên”.

Mình tính đi theo con đường anh Linh đi thì chỉ có chết. Thôi, mình quên cái ý định trốn trại đó đi. (Chúng tôi đã gọi nhau là “mình” từ khi lấy nhau)

Từ khi sang trại này, khu cán bộ ở xa nên mọi sinh hoạt của bọn tù chúng tôi cũng tương đối dễ chịu. Hình như cái việc thỉnh thoảng có thằng tù trốn trại cũng không là mối quan tâm của cán bộ. Sau bốn năm “giải phóng” Miền Nam, có lẽ người cộng sản Miền Bắc cũng dần dần cảm nghiệm được rằng người dân Miền Nam trước đây sống rất sung túc. Không phải dùng cái muỗng dừa ăn cơm như họ vẫn được nghe khi ở ngoài Bắc. Cái tụi tù này nó cũng còn cái nét phong lưu, “tiểu tư sản” nhưng cũng rất vô hại.

Tôi ở với vợ suốt đêm ở ngoài nhà thăm nuôi. Về sau này, tụi cán bộ nó cũng biết là tụi tù nó cũng nhiều mảnh thủ thân lắm. Không nên mò mẫm vợ con nó mà thiệt thân. Nhà thăm nuôi cũng nhờ thế mà có nhiều sinh hoạt vui vẻ giữa tù nhân, vợ con, và bạn bè trong trại. Khi có gia đình lên thăm, chúng tôi được cái “đặc quyền” hưởng thụ. Anh em xúm ra giúp gánh quà vào trại, lo nấu nướng, chế biến thức ăn hộ, mang ra cùng thưởng thức đêm văn nghệ với nhau. Chúng tôi mất một tay đàn kiệt xuất là Tạ Kỳ Linh nhưng vẫn còn hai bạn Tiến và Hậu. Ăn cơm tối xong còn thưởng thức bánh, trà hoặc cà phê.

Vợ chồng chúng tôi nằm trong mùng nghe đàn, hát, và những tiếng kêu thảng thốt của bầy chim lạc tổ. Ở thành phố, lúc trước chỉ lo làm ăn, nuôi con cái, không được cái thú ngắm trăng đêm qua cảnh lá cùng tiếng rì rào, thủ thi. Tôi lại tưởng tượng rồi chẳng? Tôi đang chập chờn qua tiếng thủ thi của vợ hay tiếng thì thầm của gió đây? Tôi vừa ôm chặt vợ trong tay, ngửi mùi mái tóc quen thuộc, nhớ lại câu thơ “Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới” trong bài thơ Dạ Khúc của Thanh Tâm Tuyền. Chưa chia tay mà đã nghĩ tới lúc ly biệt và tiếp tục “trùng trùng xa cách” nhau. Cuộc đời vốn đã là vô thường.

Sống ở cái xã hội bấp bênh này khiến cho người ta không thể tính toán điều gì trước cho tương lai. Ngày hôm nay còn trong vòng tay nhau.

Ngày mai, sự bất hạnh nào đó có thể xảy ra, mọi chuyện sẽ thay đổi. Vợ tôi đã ngủ thiêm thiếp, tôi thì vẫn chấp chờn và cái ý định trốn trại của tôi vẫn luôn lớn vồn trong đầu. Tôi ôn lại những chuyện trốn trại của các bạn tôi. Có những bạn ra đi rồi vào thiên thu vĩnh viễn. Nhiều bạn hình như đi được trót lọt vì không thấy trại tuyên bố là đã bị bắt lại. Có nhiều bạn tù đã trốn, tưởng đâu như dễ dàng, nhưng rồi cũng bị bắt trở lại, bị biệt giam một thời gian. (Chuyện này cũng xảy ra trong trại tôi và chắc chắn cũng xảy ra ở nhiều trại khác nhưng tôi không có bạn thân trong trường hợp này, và do đó, không can dự trực tiếp nên không viết vào đây.)

Bây giờ, trong đầu óc tôi, điều hoang mang nhất, khó nghĩ nhất là: có trốn về thành phố an toàn nhưng rồi sẽ ăn, ở đâu? Ai mà dám chứa quả bom nổ chậm này. Nếu công an phường khám phá ra việc chứa chấp người tù trốn trại thì cả gia đình chứa chấp mình đều bị liên lụy. Điều càng không thể nào nghĩ đến là trốn về xóm cũ ở. Mặc dù hàng xóm có thương và có muốn bao che nhưng, theo vợ tôi nói, công an phường nó hay rình rập lắm. Sống theo kiểu đầy đủ, sung túc như ngày xưa là tụi nó kéo đến hạch sách, đòi “chia lại” ngay. Cái trò “chia lại” này du nhập từ ngoài Bắc vào: Thấy người khác có chút “thu nhập” khá là phường sẽ xin “chia lại” chút đỉnh. (Việc thu nhập này có thể là từ việc làm ăn buôn bán thành công, hay “trúng mánh”, cũng có khi chỉ vì thân nhân khá giả ở nước ngoài gửi quà về liên tục.) Một cái trò tổng tiền hợp pháp, chỉ có ở nước cộng sản! Sau này, người nhà phải nhặn người nước ngoài gửi quà về cho những tên khác nhau trong gia đình để thay phiên nhau đi lãnh quà. Trước khi về đến nhà phải tìm cách tẩu tán, kéo công an phường biết được là sẽ kéo đến “hỏi thăm”.

Trong đêm, chúng tôi không biết là anh em đã giải tán lúc nào. Sáng ra đã thấy sân trước được dọn dẹp sạch sẽ củi lửa. Bạn tôi lại còn chu đáo, gánh nước ra cho chúng tôi đánh răng, rửa mặt, lại còn có sẵn hai nắm xôi đậu phộng, món xôi tôi vẫn thích. Cũng sắp đến giờ xe đò vòng trở lại đón thân nhân đưa về thành phố. Vợ tôi không nuốt nổi miếng xôi. Mặt mũi thẫn thờ, thân thể lạnh ngắt, run rẩy. Vợ tôi cứ khuyên tôi nên bỏ ý định trốn trại vì cô ấy có linh tính là lần này gặp nhau, có thể không bao giờ gặp lại. Tôi nghe thấy mà não lòng. Chẳng lẽ định mệnh này lại khắt khe với chúng tôi như vậy sao?

Nói những lời “gở” như vậy nhưng vợ tôi vẫn đưa cho tôi cái túi nylon nhỏ trong đó đựng căn cước giả và một ít tiền đi đường – nhờ tôi vẫn giữ ý định trốn trại thì có cái mà dùng.

Xe đồ cũng vừa tới. Các bà vợ, bà nào bà nấy nước mắt dàn dụa, lú lú riu riu theo nhau leo lên xe đồ. Bao nhiêu quà cáp giao cho chồng hết rồi, bây giờ về tay không nhưng bước chân vẫn nặng nề.

Nhiều cánh tay vẫy vẫy trong tâm trạng ngậm ngùi, đau xót. Tôi đau lòng quá mức. Càng ngày tôi càng có ý định trốn thoát khỏi cái nơi đầy đọa này.

Hồi này, các bạn tôi đồn nhau là có một anh vệ binh mới từ ngoài Bắc vào, gia nhập trại này để cai quản chúng tôi. Anh chàng này còn rất trẻ, tên là Dũng, lại có đem theo bà mẹ. Các bạn tôi nói tay này có lòng hận thù quá khích với tù Miền Nam. Khi có cơ hội là anh ta bắt tù quý xuống, lấy thắt lưng quất không tiếc tay. Các bạn tôi đặt cho hẳn cái tên “mỹ miều” là Dũng “Đa Kao”. Tôi cảm thấy thật phí phạm khi cho thằng này cái tên đó. Nó không đáng một xu nào khi so sánh với nhân vật Dzũng Đa Kao của Vũ Mộng Long Duyên Anh. Hình như gia đình bà mẹ của Dũng này có ý định vào Miền Nam sinh sống hay sao mà lại mang theo cả một thằng con trai nữa. Nó chừng mười một, mười hai tuổi. Thằng bé này có tài hỗn láo “thiên phú”. Nó thấy chúng tôi là nó ngoác cái mồm ra chửi. Nó nhìn thấy những người đáng tuổi cha, chú nó mà nó vẫn xưng “mày tao” với chúng tôi. Thằng nhỏ lèm bèm những gì chúng tôi không hiểu. Có thể là những bài tuyên truyền “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào” học được ngoài Bắc, nó chỉ nhớ mỗi đoạn một vài hàng, nó thấy chúng tôi, nó muốn ráp lại những lời cái loa Bắc Việt ra rả trong xóm nó – nhưng với số tuổi của nó và với cái đầu óc ấu trĩ của nó, nó không không ráp lại thành câu được. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn hiểu là nó chửi chúng tôi.

Thỉnh thoảng nhớ lại thằng bé này, tôi cũng thông cảm tại sao người dân sống ở ngoài Miền Bắc vẫn dễ lòng căm thù bọn Mỹ-Ngụy vì những trận bom thả xuống Hà Nội và các căn cứ chiến lược ngoài vĩ tuyến 17 suốt 12 ngày đêm năm 1972 – nhưng thực ra, csVN không cần phải đợi đến lúc hứng chịu những trận mưa bom này mới dạy trẻ

con căm thù và ác độc đối với người Miền Nam như vậy. Tên đồ tể được “ca tụng” như ông Tổ Hữu, ngay từ những năm 1945, trong trí tưởng của ông toàn là “giết” và “máu” – đã ảnh hưởng vào tâm tưởng của những đứa trẻ đáng lẽ còn được hưởng sự trong trắng ngây thơ.

.....

Mau mau lên đứng dậy!

Guom guom đầu, tuốt ra

Súng súng đầu, vác chạy

Cứu cứu đồng bào ta!

Giết giết quân xâm lược!

Mau xung phong! Xung phong!

Cờ bay lên cứu nước

Máu giặc phải thành sông! (Tổ Hữu – 1945)

Một hôm, tôi vác cái rựa sắc như nước của tôi, đi ra rừng làm việc theo sự phân công hôm nay. Đi cạnh tôi là người bạn cùng tổ, tay này vác cái cuốc trên vai. Chúng tôi đang vừa đi vừa nói chuyện vui vẻ thì thấy mẹ con thằng Dũng đi ngược chiều. Người bạn tôi đang kể chuyện say sưa, quay sang tôi hỏi:

- Mày thấy tao nói có lý không? Vừa hỏi, bạn tôi vừa quay sang tôi. Cái cuốc của người bạn quơ trước mặt bà cụ. Thằng Dũng hét lên:

- Thằng tù này, mày định ám sát mẹ tao hả? Nó vừa nói, vừa có vẻ như sắp rút cái dây lưng của nó ra.

Nóng mặt quá, tôi cũng hét lên:

- Anh em đứng lại, xem thằng này nó định làm gì? Các bạn tôi, nhóm đi trước, nhóm đi sau, đều đứng lại xem chuyện gì xảy ra. Tôi sấn ngay lại sát cạnh thằng Dũng hỏi lớn:

- Mày định làm gì bạn tao? Tay tôi cầm cái cán rựa dài dứ dứ vào mặt nó. Bà mẹ nó sợ quá, thấy chúng tôi đông, lại thấy tôi đứng sát thằng con bà với gương mặt có vẻ nhất định ăn thua. Bà kéo tay nó đi nói:

- Thôi con, người ta có làm gì mẹ đâu mà con đứng lại gây sự. Đi con! Vừa đi, bà vừa kéo tay thằng con. Thằng nhóc cũng biết là không phải

lúc ra oai nên nghe theo mẹ, sai bước quay đi. Các bạn tôi kể lại rằng lúc đó mắt tôi có lửa nên thằng Dũng Đa Kao đành phải nhin. Ít ra cũng phải dzậy chứ?

Hồi này, trại hay lừa chúng tôi đi xem chiếu bóng ban đêm. Lúc này, trại chúng tôi chỉ còn chừng hơn một trăm anh em. Khi được gọi đi xem phim, chúng tôi “rồng rắn” nối đuôi nhau đi trong đêm tối của rừng già vùng Phước Long này. Đội cán bộ chiếu phim cũng có máy phát điện riêng. Họ căng tấm vải trắng lên thành xe Molotova của họ và bắt đầu chiếu phim. Lần đầu tiên chúng tôi được nghe hai chữ “thuyết minh”. Hóa ra nó có nghĩa là phim chạy tới đâu, anh chiếu phim giải thích (và phiên dịch) tới đó.

Chúng tôi được xem những phim thần thoại của Rumani. Phim chúng tôi nhớ nhất là phim “Trẻ mãi không già”. Sau này chúng tôi đổi tên cho hợp với hoàn cảnh hiện tại của chúng tôi thành: “Ồ mãi không về” để có cái mà đùa giỡn với nhau. Khi đi xem xi nê thì chúng tôi phải đi bộ trong rừng khoảng nửa cây số. Phần đông những thước phim cán bộ trại cho chúng tôi xem đều mang chủ đích tuyên truyền (rẻ tiền!), thí dụ như cuốn phim (dzô dziên) “Thép đã tôi thế đấy”! Một phim nữa mà tôi nhớ là phim do Việt Nam đóng, mang tên “Đến hẹn lại lên”. Không phải là phim hay nhưng ít ra cũng do người Việt đóng, thấy cô tài tử đẹp thì trông cũng “đã” hơn. Một đêm, khi hết phim, chúng tôi kéo nhau về theo đường cũ trong rừng, tình cờ lại nghe giọng của thằng nhỏ mắt dạy đang nói ở gần đó. Hình như nó đang đi với một anh bộ đội nào khác.

Chúng tôi âm thầm quan sát, đúng lúc nó đứng lại đi tè bên gốc cây, anh bộ đội kia cũng không để ý, cứ vậy mà đi. Chúng tôi nhào ngay đến, bế xốc nó lên, người thì cầm tay, người thì cầm chân, vừa làm bộ quăng nó, vừa đếm, một, hai, ba, vừa nói để nó nghe: “nào anh em mình vút nó xuống giếng nước gần đó cho nó chết đuối đi cho rồi”. (Làm gì có giếng nước nào trong rừng già Phước Long này!) Thằng nhỏ sợ quá, lạy van rõi rít: “các chú tha cho con”. Chúng tôi đặt nó xuống đất hỏi: “bây giờ mày có muốn chửi chúng tao nữa không?” Thằng bé muốn đá thêm lần nữa, lạy lạy: “Không, con không chửi các chú nữa, tha cho con”.

Từ hôm đó, Dũng Đa Kao cũng không dám ra oai với chúng tôi. Đặc biệt là thằng nhỏ, từ hôm đó, thấy chúng tôi, không dám mở miệng chửi bới gì hết! Thằng nhỏ này đến bây giờ, khi tôi viết cuốn hồi ký này, chắc cũng phải hơn năm mươi tuổi. Mẹ con nó sống ở trong Miền Nam này đã lâu, chắc chắn nó đã sáng mắt ra nhiều rồi mà không cần đi khám bác sĩ mắt.

Đời tù và định mệnh vẫn theo sát thân phận tôi. Đời sống trong trại tù vẫn lập đi lập lại một cách buồn tẻ. Ngày nào cũng phải ráng “đạt” chỉ tiêu. Chúa Nhật nào cũng phải làm nửa ngày để lập công dâng “Bác”. Có nghĩa là sức lao động của chúng tôi bị bóc lột sáu ngày một tuần, cộng với nửa ngày Chúa Nhật, được gọi là “lao động vinh quang”!

Tôi vẫn tiếp tục tìm cách ra sóc Thượng để mua bán, đổi chác. Ông tù trưởng vẫn tiếp đón tôi nồng hậu. Tôi vẫn mang theo những loại thuốc men cần bản để chăm sóc cho trẻ em trong sóc. Từ trại mới này đến xã Đức Hạnh cũng gần. Chúng tôi vẫn có đủ mọi thứ cần thiết để sống qua ngày. Chỉ có điều là lâu lắm, chúng tôi không ra quán “Ba Cô” vì không có nhu cầu.

Các công tác vẽ vôi cho trại cũng không còn. Tôi lại trở lại cái kiếp con tầm nhả tơ! Hàng ngày vẫn phải vác rựa ra rừng. (Không hiểu sao, tôi vẫn thích con rựa này hơn các dụng cụ đi rừng khác!) Những người bạn thân thiết dần dần bị chuyển đi nơi khác, hoàn toàn không còn biết gì về nhau. Tôi không còn hay ngâm thơ cho bạn bè nghe. Đã lâu, chúng tôi không được thăm nuôi nên những buổi tối có văn nghệ bỏ túi cũng không còn. Hậu vẫn còn đàn, hát nhưng không có nhiều hứng thú như trước, toàn những bài hát ra nước mắt.

Chúng tôi rỉ tai nhau là phải cẩn thận với một anh bạn tù lớn tuổi, có tên là “bác Răng”. Anh bạn này lớn tuổi hơn chúng tôi nhiều. Trước đây, có thể là một con lai của thời Pháp thuộc. Tên của anh ta, theo chúng tôi đoán, có thể từ nguyên thủy là “Jean” nhưng người mẹ không nói được tiếng nước ngoài nên đọc thành “Răng”. Trông bạn này thì chắc chắn ai cũng biết là anh ta là con lai. Da mặt lúc nào cũng sần đỏ, mũi cao, mắt xanh. Anh bạn này không chơi với ai. Thủ cuộc sống riêng tư rất kỹ. Tay này rất ích kỷ, chưa được ai thăm nuôi bao giờ, hay ghen tuông với anh em. Sáng, trưa, chiều, tối, chỉ ngồi chồm

hôm trên phản ngũ, nhìn anh em như kiểu con điều hầu nhìn đàn gà con. Thoạt đầu, chúng tôi cũng không để ý, trời sanh tính mà.

Càng về sau chúng tôi càng nghi ngờ và quan sát thì quả thực, anh này hay lên trại cán bộ. Những gì chúng tôi nói bên này thì bên kia họ biết hết. Chúng tôi có nhẹ nhàng nhắn với anh một cách tế nhị là anh nên bỏ việc làm của mình. Không được cái quyền lợi gì hơn chúng tôi đâu. Anh không muốn nghe và dĩ nhiên, không thay đổi cách sống.

Một buổi tối, một trong những người bạn của chúng tôi được gọi ra thăm nuôi. Chúng tôi nói là sẽ có một buổi văn nghệ bỏ túi, đàn hát với nhau cho vui. Chúng tôi muốn mời “bác Răng” ra chơi, có thức ăn từ thành phố mang lên, có trà, có cà phê, v...v... Bác Răng nghe bùi tai, tham gia với chúng tôi. Bác cũng được “chiêu đãi” ăn uống như chúng tôi. Bác có vẻ vui lắm. Tàn tiệc, chúng tôi rủ nhau về trại. Trên đường về, bất ngờ, một anh đá vào lưng bác Răng. Bác té sấp xuống và chưa kịp hiểu điều gì. Cùng lúc đó, chúng tôi xúm lại, đám, đập cho bõ tức. Vừa đánh, chúng tôi vừa truyền cho bác lời cảnh cáo: “Nếu từ nay mà còn tiếp tục lên trại làm ăng ten, báo cáo sinh hoạt của tù thì lần sau sẽ siết cổ cho đến chết”. Bác Răng hiểu chuyện và từ đó, chơi với chúng tôi như chưa có chuyện gì xảy ra. (Trại mất đi một cần ăng ten! Bác Răng với những ngón tay, ngón chân sưng phồng to lên nên vẫn được miễn đi lao động).

Hôm nay, chúng tôi cũng sắp hàng đợi các anh vệ binh đến phân chia công tác. Tôi cũng vẫn mang theo cái vật bất ly thân của tôi là con rựa cán dài, sắc như nước trên vai. Sau khi lãnh công tác trong ngày, chúng tôi chuẩn bị lên đường. Một anh bạn của tổ khác, tên Lê Ngọc Châu, chạy lại nói với tôi: “Anh có thể cho tôi đổi công tác, sang tổ anh đi làm rừng được không?”. Tôi không thắc mắc gì, gật đầu đồng ý vì tôi cũng nghĩ là chắc anh này cần đi làm rừng để thừa cơ hội, chạy đâu đó mua thêm thức ăn. Tôi cắt cử một bạn trong tổ tôi sang tổ kia thay thế cho anh. Trong ngày hôm đó, anh Châu này biến mất!

Trời ơi, tại sao lần nào có người trốn trại là có tôi liên lụy trong đó? Sau này, nghĩ lại mới nhớ ra rằng lúc tôi và anh bạn này trao đổi câu chuyện, bác Răng đứng gần đó, đã chứng kiến.

Hai hôm sau, cán bộ trại cho gọi tôi lên. Những lần trước, có người trốn trại, cán bộ quản giáo đâu còn quan tâm nữa mà sao lần này, lại gọi tôi lên? Tôi lên tới trại quản giáo, được một anh vệ binh dẫn vào phòng ông thủ trưởng. Vệ binh Dũng đã chờ sẵn ở đó, lấy mũi súng AK đâm vào giữa ngực tôi. Tôi né sang một bên. Vết đâm thành một vết thương dài trên ngực. Vết thương xé màng ngực tôi, máu không chảy nhưng vết thương rát như lửa bỏng. Tôi làm bộ ngã xuống đất để tránh đòn thù tiếp theo. Ông thủ trưởng xuất hiện kịp thời. Ông quát Dũng: “Không đánh nữa”!

(Cho tới hôm nay, khi viết lại tập hồi ký này, vết thương trên ngực tôi vẫn còn “sống”. Đã gần nửa thế kỷ, nó vẫn lớn lên theo ngày tháng. Tôi không bao giờ dám cởi trần trước mặt ai, ngay cả trong khi đi tắm biển! Ở bên Mỹ, các bác sĩ gọi chứng bệnh này là “keloid scar”, không thể chữa được. Khởi thủy, chỉ cần là một vết thương nhỏ, nó sẽ lớn mãi. Thịnh thoảng đi chích một mũi thuốc cho nó không mọc thêm ra nhưng không hiệu quả).

Tôi lại bị biệt giam. Có mỗi một lần, cán bộ gọi tôi vào, hỏi tôi là tại sao những người trốn tù gần đây xảy ra trong trại, luôn có tôi (trực tiếp hay gián tiếp) ra tay giúp họ? Tôi rơi vào hoàn cảnh “tình ngay mà lý gian”. Quả thực, nghĩ lại thấy hồi bạn Linh của tôi chạy mất theo em bé Trang, cũng có mặt tôi ở đó. Bây giờ, đến anh bạn này, tôi “cố tình” đổ công tác cho anh để anh ta trốn mất. Tôi biết là anh chàng vệ binh Dũng này vốn đã muốn trả thù tôi, không nghe lời biện minh của tôi. Ông thủ trưởng cũng vẫn là người tốt nhưng không bênh cho tôi được. Tội của tôi rành rành ra đó. Những ngày ở trong bóng tối của phòng biệt giam, sống “không bằng chết”, dự tính trốn trại của chính tôi lại lớn mạnh hơn bao giờ hết. Tôi căm phẫn và nhất định khi được trả về trại, tôi sẽ thực hiện ý định của mình.

Đây là phòng biệt giam nằm trong trại cán bộ nên mỗi ngày, thay vì do anh em đưa cơm, tôi được vệ binh tiếp sức cho một đĩa cơm trắng với một miếng cá khô nướng. Tự nhiên, không cầu mà được ăn cơm trắng với miếng cá “khô” (khô thật) nướng thơm phức. Tuy nhiên, đó cũng là đĩa cơm duy nhất trong ngày. Phòng biệt giam này không có

khe để đưa đĩa cơm vào như những lần tôi bị biệt giam trước đây. Vệ binh lừa đĩa cơm dưới cửa buồng. Các anh ấy nhớ lúc nào thì lừa đĩa cơm vào cho tôi lúc ấy, không đúng giờ.

Có những đêm, nằm lơ mơ dễ giấc ngủ. Tôi thấy mờ mờ hình bóng của bố mẹ tôi, hình như ông bà đang cười với tôi và hình như có vẻ muốn nói gì đó nhưng hình ảnh cứ thế mà mờ nhạt dần. Những giấc mơ sau, tôi được thấy cả gia đình tôi, vợ tôi tươi cười khoe hai đứa con đã lớn. Khuôn mặt của các em tôi lần lượt hiện ra trong hoạt cảnh đang xúm nhau lại chụp ảnh với nhau, trong đó có cả bà ngoại tôi. Các em tôi chụp xong, khoe tôi tấm ảnh. Tôi hỏi:

- Ủa, sao trong tấm ảnh này không có anh? Các em tôi buồn buồn nói:

- Anh đi học tập đã lâu rồi còn đâu?

Trong những giấc ngủ ám ức, chập chờn như vậy, tôi lại cảm thấy hạnh phúc vì tôi được gặp lại mọi khuôn mặt trong gia đình tôi – người còn sống, cũng như người đã mất. Có hôm, tôi lại thấy tôi bị tra tấn, có người cầm cục than hồng ấn vào ngực tôi. Mùi cháy khét lẹt và đau rát của cục than hồng trên ngực tôi đánh thức tôi choàng dậy, ôm lấy ngực.

(Từ đó cho đến nay, khi tôi viết hồi ký này, năm 2024, vết thương vẫn đau rát cái kiêu cục than hồng di lên đó.)

Thêm một điều lạ nữa là những con chuột thích gặm ngón chân tôi. Không đêm nào mà chúng nó không đi rào một vòng, dừng lại, gặm ngón chân tôi một chút rồi chạy mất.

Trong những lúc đầu óc bồng bềnh không có một chút gì về cái thực tại mà tại đang sống trong đó, tôi tự hỏi **“Tôi đang ở đâu?”**

PHẦN MƯỜI BỐN

Con Giun Xéo Lắm Cũng Oan

Cán bộ trại thả vào phòng biệt giam cho tôi một cái chậu bằng plastic cỡ trung bình, như những cái chậu được bán ở ngoài chợ. Chỉ có điều là cái chậu này sứt mẻ, trầy trụa, có lẽ đã bị phế thải từ lâu. Miệng chậu rách hai đường, họ đã phải lấy dây thép buộc chúng lại với nhau, trông méo mó, thảm hại. Khi vớt cái chậu này vào cho tôi, họ cũng không nói để làm gì. Tôi phải tự sử dụng trí óc “sáng tạo” của mình: Biến cái chậu này thành cái cầu tiêu di động! (Các đỉnh cao trí tuệ cũng chỉ có thể sáng tạo tài tình đến thế này mà thôi!)

Mấy hôm sau, nó trở thành ép-phê ngược: nó bốc mùi khắp cả phòng! Tôi phải chõ mũi ra ngoài thở và lớn tiếng kêu trại cho tôi ra tắm rửa. Một vệ binh đi ngang, mở cửa, chưa kịp hỏi là tôi cần gì thì dội ngược trở ra, mở toang cánh cửa cho tôi ra ngoài, bịt mũi, chỉ hướng cái giếng mà tôi có thể ra đó tắm giặt.

Một tuần sau, trại thả cho tôi từ trại tù nhỏ, trở về trại tù lớn. Trong suốt thời gian tôi bị biệt giam như vậy, tôi chưa hề bị gọi lên hỏi cung hay điều tra thêm gì về cái vụ trốn trại của anh bạn Châu. Không hiểu sao họ lại bắt tôi đem vào phòng biệt giam như vậy? Chịu!

Về bên trại, tôi hỏi thăm về bạn Châu. Các bạn tôi kể cho nghe rằng chỉ khoảng nửa tiếng sau, khi mọi người đang nối đuôi nhau đi trên đường thì một người đi xe Honda chạy ngược chiều, chỉ một thoáng, anh ấy vòng xe lại và Châu đã nhảy lên sau xe và họ biến mất trên con đường đất đỏ mịt mù.

Bác Răng có vẻ hậm hực với chuyện này lắm vì có lẽ bác cũng ghen với anh bạn Châu này. Sao nó có người lên tận rừng Phước Long này đón nó về? Trong khi bác chưa được một lần có người lên thăm. Thỉnh thoảng, lúc rảnh rỗi, bác lại đem tên Châu ra mà lèm bèm, lắm bầm những gì chúng tôi nghe không rõ.

Có lần, tôi giả vờ hỏi bác Răng: “Bác có lên trại báo cáo là tôi đổi việc

làm hôm đó cho Châu vượt ngục không”? Bác trợn mắt, thề sống thề chết là “tao không làm việc đó”. Tôi thân nhiên nói với bác: “Nếu sau này, tôi phát giác ra một manh mối nào là bác đã lên báo cáo tôi, khiến tôi bị biệt giam và bị hành hạ một tuần như vậy, tôi sẽ không để bác yên”.

Mùa Thu trong rừng đã bắt đầu. Cái se se lạnh vào lúc sương sớm còn lăng đăng trên các ngọn cây. Chúng tôi thức dậy, sửa soạn vào rừng đi làm. Anh bạn Tiên “thi sĩ” ngâm nga vài câu. Có nhiều người hỏi: “Giờ này mà còn lãng mạn như vậy”? Anh bạn Tiên nói: “thì cũng phải thi vị hóa cuộc sống này để còn có ý chí mà sống chứ”? Có lẽ như vậy thật các bạn ạ. Cứ yêu đời đi.

Nhắc lại cái chuyện cứ yêu đời đi... tôi nhớ lại trước đây mấy tháng, trước khi có đợt thả hơn một trăm tù từ trại của chúng tôi về, có một anh bạn (đã được thả trong đợt đó) có tên là Danh. Anh này trước đây là một dược sĩ quân y. Anh chàng này cũng được thăm nuôi, tiếp tế đầy đủ nhưng mặt mũi lúc nào cũng thiếu ngủ, sưng sía. Anh thấy tôi hay cười nói “linh tinh” với anh em, bạn bè. Tôi hay “đàn đúm” với Tiên “thi sĩ”, với Hậu “đàn thùng” và chính tôi cũng phụ trách đánh “đại hồ cầm” cho các buổi họp mặt, văn nghệ bỏ túi. Tôi cũng hay được mời chè, cháo, cà phê – hay ít lắm, cũng có châu trà với anh em. Anh ấy không được ai mời bao giờ và không thích cái thái độ của tôi. Mỗi lần gặp nhau, anh ấy hay nói: “chúc anh vẫn luôn có được cái vui vẻ, vô tư như vậy”! (Hay là anh này mĩa mai tôi về cái việc hay bị bắt lên trại, có khi bị biệt giam, có khi còn bị đánh bầm dập?) Tôi cũng không muốn bào chữa cho thái độ bất cần đời của tôi. Không biết anh bạn này được thả về với gia đình rồi, có vui hơn tý nào không, hay là lại tiếp tục đau khổ vì cuộc sống trong chế độ cộng sản không được như ý muốn? Trong trại, tôi chưa bao giờ thấy anh bạn này cười!

Như đã nói thoáng qua trong phần trên, mùa Thu trong rừng đang trở lại với chúng tôi. Chúng tôi lại phải tìm cách đối phó với đàn muỗi rừng vào buổi sáng sớm như thế này. Nhiều anh có sẵn mầm mống bệnh sốt rét trong người thì lại đang lo. Chúng tôi được trại cho lệnh phải chuẩn bị cho việc “niên hoan” mừng ngày Hai tháng Chín.

Trại cho lệnh thiết lập một cái bàn thờ (người cộng sản vô thần mà cũng muốn lập cái bàn thờ) giữa sân trại. Các cán bộ cho biết là buổi chiều hôm sau, trại sẽ đưa bức ảnh của “Bác” sang để giữa bàn thờ. Chúng tôi nghe xong thì cũng “vô tư”, không để ý đến nữa. Chỉ hy vọng là trại sẽ lại cho mỗi người tù một miếng thịt heo to bằng hai ngón tay như những năm trước.

Chiều hôm đó, hai anh vệ binh trình trọng khiêng một tấm ảnh khổng lồ, có đóng sẵn khung, bọc trong một tấm vải đỏ, gọi chúng tôi phụ trang trí lên bàn thờ. Tấm ảnh này được người nào đó “thổi” cho nét mặt hồng hào, béo tốt, râu ria oai vệ, trái hăn 180 độ với những gì mà chúng tôi biết trước đây. Ăn gì mà béo tốt hồng hào thế? Hay là được bác Mao tặng cho mấy con chuột “hà nàm” nuôi bằng củ sâm Cao Ly? Trước khi về, các anh vệ binh còn dặn chúng tôi là phải “bảo quản” tốt bức ảnh, cùng bàn thờ của bác. Chúng tôi không thể hiểu nổi anh này dặn điều gì. Phải “ướp” bằng “formol” cho cái hình này tươi tốt hay sao?

Thời gian rồi cũng từ từ trôi. Ngắm bức ảnh vô duyên đó mà bàn luận mãi cũng chán. Chúng tôi tắt đèn đi ngủ.

Sáng sớm hôm mừng Hai tháng Chín, chúng tôi nghe anh em gọi nhau hót hải: “Có thằng nào phá bàn thờ”!

Chúng tôi chạy túa ra xem. Má ơi, thằng nào mà ăn gan trời thế này? Nó lấy một bịch nylon đựng đầy chất thải của con người vào buổi sáng, đập vào tấm ảnh “Bác” trên bàn thờ. Chất vàng chảy nhầy nhụa trên khuôn mặt oai vệ hôm qua, khiến cho bức ảnh này trở thành chân dung của “bá tước Dracula”, chỉ thiếu hai cái răng nanh nữa thôi. Chúng tôi chờ trời xập.

Một thoáng sau, một số vệ binh xách AK-47 chạy sang. Các anh cán bộ cũng được báo cáo, lập xấp theo sau. Họ nhìn thấy tấm ảnh “Bác” yêu quý của họ trong ấn tượng khủng khiếp, không thể tin được là việc này xảy ra trong ngày trọng đại thế này. Mặt họ tái đi vì giận dữ. Chúng tôi cũng lặng lặng bỏ về, nhưng dĩ nhiên là họ không để cho việc này qua đi êm thấm như vậy. Các anh vệ binh lên đạn, chĩa súng

về phía chúng tôi hết:

- Các anh đứng đó. Việc làm ngay bây giờ của các anh là đem tấm ảnh “Bác” xuống, rửa sạch sẽ, lau khô xong đem sang trại trả chúng tôi. Hôm nay, không có liên hoan gì hết. Tất cả nghỉ lao động, vào họp tổ “khẩn trương” tìm cho ra thủ phạm việc này.

Chúng tôi tán mát. Tổ trực lo việc gỡ tấm ảnh xuống, đem ra giếng rửa và lau khô. Tổ nọ đổ tổ kia xem ai có trách nhiệm đem bức ảnh sang trả. Không tổ nào muốn làm việc này.

“Thằng” nào có “tài” “ném c...dầu tay” hay vậy không biết!

Chúng tôi được nghỉ lao động đã bốn ngày. Ngày nào cũng phải “làm bộ” họp tổ và “tìm cho ra thủ phạm”. Các anh nuôi vẫn phải lo củi lửa để nấu cơm, nấu nước cho anh em.

Cán bộ trại bắt đầu sốt ruột và họ khủng bố chúng tôi thêm bằng cách, bắt thần, xuất hiện giữa đêm khuya, hò hét, bắt chúng tôi thức dậy, ra ngoài sân, sắp hàng ngay ngắn xong, ngồi tại chỗ cho đến sáng. Đây hẳn nhiên là cuộc đấu trí giữa hai bên. Một bên thì tức lồng lộn, một bên thì chỉ biết giữ im lặng (ra cái điều ân hận!).

Đúng như chúng tôi nghĩ, thế nào họ cũng bày mưu ly gián, làm bộ hỏi cung, đánh đập người này thì bên kia bức phen tre, người khác cũng nghe. Họ đã có kết luận, cho biết đã tìm ra thủ phạm. Những người bị gọi lên vẫn nghĩ là người kia đã nhận tội thay cho mình. Bác Răng cũng không tránh khỏi bị cán bộ trại gọi lên. Bác run rẩy, phân bua với anh em:

- Tao có làm gì đâu mà họ nghi tao, gọi tao lên làm gì?

Chúng tôi “dọa” cho bác sợ hơn một chút:

- Biết đâu? Những lúc bác lên nói chuyện với cán bộ quản giáo, bác nói hớ cái gì đó khiến họ nghi bác thì sao?

Bác Răng nhăn nhó bước đi.

Cả tuần sau, không thấy biến chuyển gì mới. Chúng tôi vẫn muốn ra rừng làm việc nhưng chưa được lệnh đi. Buổi sáng hôm đó, một anh vệ binh chạy sang trại, thổi còi tập họp và ra lệnh cho chúng tôi lên hội trường học tập.

Hội trường đã có kê sẵn một cái bàn dài dành cho cán bộ quân giáo hoặc các ông “chính trị viên”. Chúng tôi ngồi đợi trong yên lặng.

Một lúc sau, một phái đoàn cũng gồm năm người vào hội trường. Một cán bộ trại ra lệnh cho chúng tôi đứng dậy. Ông đứng giữa, biểu diễn một vài động tác “thao diễn cơ bản” của cái quân đội “nhà quê” của ông. Trông vụng về, ngổ nghề và buồn cười. Ông trình ông cán bộ chủ tọa xong cũng ngồi lên bàn với mấy ông kia.

(Ngày xưa, những tờ bia để chúng tôi tập bắn có vẽ một cái mặt, đội nón cối, với bộ răng “cải mả” làm sao – thì bây giờ mấy ông này giống y như vậy! Ngoài Bắc ăn ngô nhiều quá chẳng?)

Ông chủ tọa hắng giọng xong, đỏ mặt nói:

- Tôi được các cán bộ quân giáo báo cáo về sự “cố” xảy ra trong trại các anh ngày 2 Tháng 9 vừa qua. Tôi không ngờ là Đảng và Nhà Nước cố gắng giáo huấn, cải tạo các anh, mong có ngày các anh trở thành người công dân tốt của xã hội tiên tiến này, mở đường cho các anh có ngày trở về đoàn tụ với gia đình – thế mà, khi nghe báo cáo, chúng tôi hoàn toàn thất vọng. Đến bây giờ thì chúng tôi không nghi ngờ gì nữa. Chúng tôi không bao giờ có thể cải tạo được các anh. Tư duy của bọn đế quốc, của cái bọn tay sai, bán dân, hại nước, đã ngấm vào dòng máu, vào não trạng của các anh. Điều này tôi sẽ phải báo cáo lên “trên” nữa và tôi chắc chắn rằng sẽ có “phương án” đối xử thích đáng với các anh. Các anh sống dưới sự quản giáo của quân đội chúng tôi cũng là cái điều may mắn cho các anh. Mai đây, chúng tôi giao các anh cho đơn vị công an thì cuộc sống các anh sẽ khác lắm, các anh cứ chuẩn bị tinh thần đi.

Mấy tuần rồi, tự nhiên chúng tôi nghe nguồn tin là chúng tôi sẽ bị chuyển trại về vùng Hàm Tân, dưới sự quản trị của công an. Nghe nói

ở đó sống trong vòng rào kẽm gai, họ có nhiều cách đày đọa mình hơn. Hôm nay, ông cán bộ này vô tình hé ra quyết định của “trên” của ông.

Chúng tôi buồn bã trở về trại. Tâm trạng vốn đã náo nức, bây giờ lại càng náo nức, căng thẳng hơn. Chúng tôi nhủ lòng, bây giờ cuộc sống đã mất niềm vui, không cần phải cố gắng “đạt” chỉ tiêu nữa, chỉ làm cầm chừng, đợi bị đưa về Hàm Tân.

Từ khi vết thương nằm ngang trên ngực của tôi vẫn là một vết bỏng, luôn đau rát. Lúc đó cái thẹo đó dài khoảng 5 phân, đỏ ửng như muốn rỉ máu. Tôi cứ lấy có bị thương, hay lên trại xin khám bệnh. Ông y sĩ Bắc Việt cũng không biết nên làm thế nào. Rõ ràng ông ấy biết vết thẹo ấy đau lắm nhưng thuốc Xuyên Tâm Liên – Ka Pê Xiline của ông không chữa được bệnh này. Ông phê chuẩn cho tôi được làm việc nhẹ.

Anh em bên trại cũng thương thân phận méo mó của tôi nên để tự tôi tìm việc gì làm được thì làm. Tôi vẫn được anh em cho giữ chức tổ trưởng. Thường thì tôi đảm trách việc chẻ tre làm lạt hoặc đan lát nhẹ. Có khi thềm đi ra ngoài quá, tôi nói với anh em là tôi đi kiếm củi cho bếp.

Không biết làm sao các bạn tôi có được lời của bài hát “Sài Gòn Ôi Vĩnh Biệt” do Nam Lộc sáng tác ngay từ khi còn đang ngồi trên chuyến máy bay rời Việt Nam ngày 27 Tháng Tư, 1975. Bài hát từ bên Mỹ dội về Việt Nam. Chúng tôi chuyền tay nhau chép bài hát này. Hay hơn nữa là các bạn có khả năng đàn hát cũng đã hát được bản nhạc này. Hóa ra tâm hồn cũng có một điểm chung: Hễ yêu văn nghệ, và có cùng tâm sự, là dễ tìm đến nhau. Lời của bản nhạc này đánh động đến tâm can của chúng tôi và vì thế chúng tôi đều thuộc lòng.

Tôi được phân công làm việc nhẹ và các bạn của tôi cũng thương tôi nên tôi có nhiều thì giờ để “lén” ra sóc Thượng. Mục đích của tôi là ra đây mua thêm thức ăn về “tẩm bổ” cho thân thể khỏe mạnh hơn, nhờ có quyết định trốn trại thì còn có sức mà đối phó với nghịch cảnh. Tôi càng thân với họ hơn. Ông tù trưởng vẫn thích “nhậu” với tôi. Đôi khi, sau khi nhậu với ông vài “sùng”, tôi vẫn còn đủ thì giờ “phóng” ra xã Đức Hạnh, cũng để mua thêm những thứ lặt vặt. Anh em biết tôi

hay phóng ra đó và họ cũng hay gửi tôi mua dùm thức ăn, vật dụng linh tinh. Thỉnh thoảng, tôi cũng mua vài món ăn mang về cho bác Răng. Bác ấy vui lắm, không để ý đến thời khóa biểu đi lại trong trại của tôi nữa.

Như đã nói ở phần trên, càng ngày, ý định trốn khỏi nơi đày đoạ này càng trở nên mãnh liệt hơn, vì thế mà tôi hay lợi dụng thời khóa biểu rộng rãi, chạy ra xã Đức Hạnh và sóc Thượng cho quen đường đi và cũng để ước lượng thời gian đi từ điểm nọ sang điểm kia mất trung bình bao lâu. Cứ chuẩn bị được cái nào hay cái nấy!

Cán bộ trại hay có thói quen bắt ngờ cho điểm danh vào lúc 7 giờ tối. Mùa khô, giờ này hãy còn sớm, ngày còn dài, nhưng vào mùa mưa thì trời sập tối nhanh chóng. Trong rừng, trời nhá nhem tối đã không nhìn rõ mặt nhau. Khi các ông này điểm danh, đọc đến tên ai thì người đó chỉ việc trả lời “có” là đủ. Tôi hay la cà ngoài xã Đức Hạnh, có khi về trễ, hôm ấy lại có điểm danh thì các bạn tôi cứ việc hô to “có” thì mấy ông cán bộ cũng chẳng hay biết gì.

Có lẽ các ông này cũng chơi cái trò khùng bố, dọa nạt cho “phải phép” nên thực ra cũng không chú ý lắm.

Có hôm trời đã tối, với tâm hồn “nghệ sĩ” và bất cần đời sẵn có, tôi miên man ngắm nhìn con suối ở gần sóc Thượng, chợt nhớ đến hai câu thơ:

Hồi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?*

** Ở trên là hai câu thơ cuối trong bài “Tiếng hát trong trăng”, trích trong tập “Tiếng thông reo” của thi sĩ Bằng Bá Lân in năm 1934. Sau đó nhiều người đã thuộc và truyền miệng rộng rãi nên bị nhầm tưởng là ca dao.*

Mặc dù ở đây không có cô thôn nữ nào đang tát nước nhưng mà *con tằm đến thác hãy còn vương tơ (!)*, tức cảnh sinh tình, mơ màng nghĩ: nhờ bây giờ cô con gái (để bộ ngực trần) của ông tù trưởng ra suối này

tắm thì làm sao đây hở trời? Cô này có lẽ cũng có để ý đến tôi – dù sao cũng là “bác sĩ” cơ mà?

Đang say sưa tưởng tượng thì chợt nhớ ra là bây giờ chắc cũng quá 7 giờ tối rồi. Tôi phải “trốn” giấc mộng, ba chân bốn cẳng chạy về trại. May quá, hôm ấy mấy ông cán bộ lại không điễm danh. Mấy thằng bạn tôi cảnh cáo, bắt tôi phải hứa, dù thế nào cũng ráng về trại sớm. Tôi kể lại cho các bạn ấy giấc mơ dưới ánh trăng vàng của tôi ở ngoài suối. Mấy đứa nó không thèm nghe mà còn nói:

- Mày không phải là *con tằm đến thác hãy còn vương tơ* đâu, mà là con giun, xéo lắm cũng oằn đấy. Cán bộ trại “xéo” cho mày vài trận nữa thì chỉ có “lết” chứ không còn chân mà rong chơi nữa đâu.

Của đáng tội, không phải tôi mê rong chơi trong khi các bạn tôi vẫn bị bó chân bó cẳng trong trại tù. Một phần các bạn ấy không có điều kiện rộng rãi thì giờ như tôi, cũng có thể các bạn ấy không có nhu cầu đi ra ngoài mua bán linh tinh như tôi. Vấn đề ở đây thực ra là một hình thức trả thù tiêu cực của tôi. Ông đây cứ trốn tụi mày, cứ qua mặt được tụi mày lúc nào hay lúc ấy. Ít ra thì tao cũng có được những giây phút gọi là “Tự Do” với trời trăng, mây nước. Đơn giản là vậy.

PHẦN MƯỜI LĂM *Đã Bước Chân Đi Chẳng Trở Về*

Tôi vẫn đang trong thời kỳ dưỡng bệnh, vẫn được làm công việc nhẹ. Trước đây, đã lâu, vợ tôi có mang lên cho tôi một bộ quần áo thường, gồm một áo sơ mi xanh nhạt, một quần ka ki màu vàng đậm, và một cái áo khoác ngoài mỏng. Tôi đã gói trong hai lớp bao nylon, chôn xuống một cái hố cạnh bìa rừng, gần xã Đức Hạnh. Chưa biết có bao giờ sẽ phải dùng đến nó nhưng có vẫn hơn không. Một anh bạn thân trong tổ, anh Nguyễn Huy Tường, người hay ra sóc Thượng buôn thịt heo về phân phối cho anh em. Anh Tường cũng là người đã dám mạo hiểm đi trong đêm, sang bên kia đám cháy rừng để xóa vết tích đám cháy do tổ chúng tôi gây nên. Tôi và anh Tường rất thân nên tôi có thổ lộ với anh về ý định trốn trại của tôi. Tôi cũng hay đi rừng nhưng so với anh Tường thì khả năng đi rừng của tôi còn thua xa. Anh nghe xong ý định muốn trốn trại của tôi, anh hứa sẽ giúp khi nào tôi sẵn sàng thực hiện việc này. Anh rất thân nhiên nghe và coi như đó cũng là chuyện nhỏ. Anh Tường có gia đình ở tận ngoài Quảng Nam nên, theo anh, việc trốn trại, anh có thể thực hiện dễ dàng – nhưng ra đến ngoài rồi đi đâu, về đâu, mới là vấn đề.

Tôi và anh Tường rủ nhau đi rừng, ra xã Đức Hạnh. Trên đường đi, anh chỉ cho tôi những cái mốc cần phải nhớ. Đó có thể là một cái cây cao, có thể là một cái chòi canh lúa của người Thượng, có thể là một ghềnh đá dưới bờ suối, v...v...Anh Tường cũng nhấn mạnh là muốn tìm hướng đi chính xác, luôn luôn phải đối chiếu hai điểm để xác định hướng đi vì một trong hai vật mà mình dùng để làm cột mốc, có thể thay đổi: Biết đâu một ngày nào đó, người ta quyết định đốn ngã cái cây cao mình vẫn ghi nhớ để làm cột mốc, tìm mãi không thấy đâu thì sẽ bị hoảng loạn. Phải bình tĩnh để tìm vật đối chiếu thứ hai thôi. Tôi không nhớ anh Tường này ngày xưa đã từng là Biệt Kích hay Thám Báo gì không mà anh ấy có kinh nghiệm “sinh tử” loại đó.

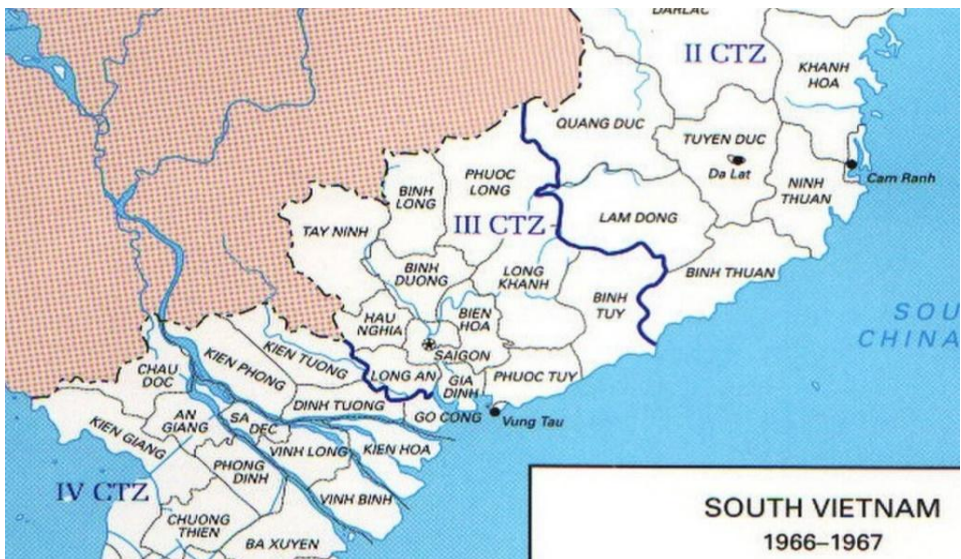
Từ đó, mỗi lần đi ra sóc Thượng tôi luôn cố nhớ một vài cột mốc, vì thế, tôi trở thành yên tâm hơn.

(Vào những năm 1974, 1975, Phước Long là một trong số 11 tỉnh bao

quanh Biệt Khu Thủ Đô Sài Gòn-Gia Định. Ở cách Sài Gòn khoảng 150 cây số về phía Bắc, Phước Long có địa giới giáp với Bình Long (phía Tây), Quảng Đức (phía Đông), Long Khánh (phía Nam) và Campuchia (phía Bắc) và nằm trong địa bàn tác chiến của Quân khu III (Quân đoàn III) của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.)

Tôi trao đổi với anh Tường về kế hoạch trốn trại của tôi. Tôi cũng chia sẻ với anh là bà xã tôi cho biết, trên đường quốc lộ từ Phước Long về tới Bình Dương, đã có tất cả 5 nút chặn của công an. Tất cả mọi hành khách trên xe đều phải xuống xe, đi bộ và trình giấy trong trạm kiểm soát. Nếu không bị gây khó dễ vì những nghi ngờ của công an trạm – khách sẽ được sang bên kia trạm kiểm soát, lên xe và tiếp tục hành trình.

Anh Tường cũng có hiểu biết về địa hình của Phước Long. Anh nói nếu vậy thì nguy hiểm quá. Thực ra, lúc đầu, anh Tường có nghĩ đến cách là đưa tôi ra đến điểm hẹn gần xã Đức Hạnh, móc nối một người quen, chở tôi bằng xe gắn máy ra bến xe, mua vé, lên xe đò và thẳng đường về Biên Hòa. Bây giờ có thêm tin tức về những nút chặn của công an trên đường về, anh sẽ tính cách khác cho tôi. (Như đã có lần tôi nói, anh Tường quê ở tận Quảng Nam, mà dân xã Đức Hạnh, cũng từ Quảng Nam, đã được Tổng Thống Ngô Đình Diệm cho vào khai



khẩn ruộng đất ở vùng này nên anh Tường cũng kết bạn với một vài đồng hương ở đây.)

Tôi cũng đang suy nghĩ về lộ trình trốn trại của mình. Anh Tường không có ý trốn trại nên chúng tôi chỉ trao đổi suy nghĩ để giúp chuyển đi của tôi an toàn. Sau cùng, chúng tôi đồng ý với nhau là cứ đi về phía Nam của Phước Long là có thể sẽ gặp Long Khánh, hay Bình Dương, hoặc nếu may lắm, thì gặp Biên Hòa. Từ đó tìm đường về Sài Gòn. Dĩ nhiên, trong chương trình của tôi và anh Tường, khi tôi về đến Sài Gòn sẽ tìm cách móc nối lại với gia đình rồi sẽ tính tiếp.

Chúng tôi đều thấy rõ là những người bạn trốn trại gần đây, không người nào bị bắt lại. Kết luận của chúng tôi là thành phố Sài Gòn, giờ này chưa có hệ thống kiểm soát người dân quy mô, cứ về tới nơi đã rồi sẽ có cách!

Tôi càng tìm có đi ra ngoài nhiều hơn. Các bạn của tôi cũng thương tôi nên cũng chiều, để tôi tự tung tự tác! Miễn làm sao lúc 7 giờ tối, cán bộ trại điểm danh, tôi có mặt để hô “có” một tiếng cho các bạn đỡ lo sợ, áy náy dùm. Tôi nhờ một người bạn thân mỗi ngày phơi hộ ít cơm bo bo thành cơm khô. (Tôi không muốn bác Răng đề ý tôi làm việc này.) Tôi sẽ ngào với đường và ruốc, đựng trong lon “gô” mang theo mình khi quyết định đi trốn. Một nắm cơm khô loại này (và một vài hộp nước lạnh) cũng có thể giúp no bụng được cả ngày.

Tôi cũng hay mua quà về tặng anh em như một hình thức âm thầm cảm ơn họ trước. Khi thì vài cục đường thẻ, khi thì một hai lon gạo nếp, lúc thì một nửa trái mít. Ai cần thuốc rê hay thuốc tây thì tôi cũng có thể mua về từ xã Đức Hạnh. Người nào có ý muốn bán lại quần áo hay món gì khác thì tôi cũng giúp làm người trung gian. Anh em cũng có chỗ trông chờ, nhờ vả. Cuộc sống ở trong trại (khô sai) này chỉ mong được bình an như vậy.

Đặc biệt, ông tù trưởng sóc Thượng là người hài lòng nhất với món quà của tôi. Đó là một lọ muối sả ớt, tôi đặt mua từ ngoài xã Đức Hạnh. Người Thượng vốn đã quý muối bột của người miền xuôi vì trên núi cao, họ không có cách gì để làm ra muối được. Khi cần dùng

muối, họ phải cạo lớp màng trắng bên trong ruột của cây tre, hay ở đây, là cây lồ ô. Loại “muối” này chỉ có tính tượng trưng vì cái lớp màng trắng này chỉ có vị hơi mặn, không biết có bằng được một phần mười so với muối bột của chúng ta ở dưới đồng bằng hay không. Tôi mang lọ muối ra tặng ông tù trưởng. Ông ném thử và vô cùng thích thú. Ông cười hở cả mảng lợi đỏ của ông. Ông nói cái muối này chấm được hết mọi thứ, từ lòng heo, lòng gà, thịt heo, đến các loại trái cây V...V...

Ông lại sai cô con gái đi xuống suối múc một gàu nước lên, chuẩn bị hai cái sừng trâu để chúng tôi uống rượu. Ông không quên sai một “tà lọt” của ông đi chuẩn bị cho chúng tôi một đĩa lòng gà luộc. Cô con gái cũng đặc biệt hứng thú với công việc phục vụ chúng tôi. Có lẽ người con hiếu thảo nào cũng vậy, làm việc gì cho cha mẹ mình vui là một niềm hạnh phúc cho họ. (Hay là cô muốn chiều đãi tôi? Tôi không biết.) Hôm ấy trước khi về, tôi có hẹn là sẽ trở lại.

Cô con gái tặng cho tôi một cái vòng bằng chỉ đỏ gồm những sợi chỉ màu se lại với nhau. Cô nói phải đeo cô đích thân đeo vào cổ tay cho tôi và bắt tôi hứa không được tháo ra. Cô gái này kể cho tôi nghe là cô cũng có ra xã Đức Hạnh để trao đổi, mua bán với người kinh vào đầu mùa lúa. Cô không thích người kinh vì theo cô nói, họ hay bắt nạt và không thành thật với cô. Cô cũng xưng hô với tôi theo như cách của cha cô: Gọi tôi bằng “bác sĩ” nhưng xưng “tao”. Cô có vẻ tránh chữ “tao” khi nói chuyện với tôi. Cô có cảm tưởng rằng chữ này không đúng trong những dịp nói chuyện với nhau, nhưng không tiện hỏi tôi là cô nên xưng thế nào và tôi cũng không muốn sửa cho cô.

Thời gian càng qua đi nhanh bao nhiêu thì chúng tôi đều biết là ngày chúng tôi sẽ bị đưa về Hàm Tân cho công an “quản lý” càng gần bấy nhiêu. Tôi biết rằng mình phải quyết định thôi. Từ đó, tôi ra sức tận bỏ để dự trữ sức lực.

Tôi mua được một con gà từ xã Đức Hạnh, đã được làm sạch. Mấy người bạn của tôi rất vui, đề nghị làm một nồi cà ri gà lớn, chia sẻ với anh em một bữa cho tung bừng. Dĩ nhiên, ngoài anh Tường, không ai biết dụng ý của tôi là dùng nồi cà ri gà này nói thay cho lời tạm biệt!

Hôm ấy, chúng tôi nấu một nồi com nếp lớn, lúc gần chín thì lấy mỡ của con gà đổ vào, trộn đều, béo ngậy, khỏi chê. Nồi cà ri gà được tiếp đón nồng hậu. Ai nấy cười nói vui vẻ. Tôi cũng có phần cảm thấy áy náy vì mình không dám nói thật dụng ý của mình.

Tôi trở về trại sau một chuyến đi kiểm củi cho “bếp”. Tôi thử sức của mình bằng cách vác một thân củi lớn và dài hơn khả năng thực sự của tôi. Về đến nơi, quảng bịch xuống mặt đất. “Anh nuôi” Đinh Văn Xuân trông thấy la lên:

- Mày khùng hả Dzuong? Sao tự dưng đọa thân xác dữ vậy? Vác cây củi cỡ đó, có ngày sạm xương sống mà mang tám thân tàn phế suốt đời, con ạ.

Trắc nghiệm của tôi đã thành công. Với sức khỏe trong tình trạng hiện tại của tôi, tôi chắc chắn sẽ vượt qua được những thử thách trong tương lai gần.

Hai hôm sau, tôi lại ra sóc Thượng. Thú thật, tôi không hề có tình ý gì với cô con gái ông tù trưởng nhưng dù sao nếu nói tôi không để ý đến cô thì cũng không đúng. Mà cô bé ấy thì còn có vẻ mong ngóng tôi ra chơi lắm. Mỗi lần thấy bóng dáng tôi từ xa là cô nàng vội vàng sửa chữa, thu dọn lại chỗ ngồi của cha cô với tôi. Có hôm, tôi đánh bạo, hỏi tên cô là gì. Ông tù trưởng trả lời thay cho cô:

- Tao đặt tên nó là “Lan Rừng”. Ôi, cái tên thật là thơ mộng. Cô không hỏi tên tôi. Cô cho rằng gọi tôi là “bác sĩ” cũng hay.

Sau một châu nhậu lòng gà luộc chấm với muối sả ớt, tôi ra về và hẹn sẽ trở lại năm ngày nữa. Cả ông tù trưởng và cô Lan Rừng bắt tôi phải hứa sẽ đến đây lại.

Tối hôm đó, tổ tôi có tổ chức họp tổ và bầu tổ trưởng mới. Họ nhất định lưu lại chức vụ tổ trưởng cho tôi. Bạn đồng môn với tôi là Tiêu Quang Hiền và Nguyễn Hữu Phương, hai sĩ quan Quân Cảnh thời cũ, nhất định tôi phải lưu lại chức vụ tổ trưởng! Tôi tìm cách thoái thác. Tôi nói rằng:

- Các anh em thương tôi thì tôi cảm ơn, nhưng hồi này, tình hình sức khỏe của tôi không được khá. Tôi sợ nhận chức vụ này rồi mai kia, anh em lại phải bầu người mới thôi. (Đây là lời trần tình cuối cùng tôi với anh em trong tổ. Vài ngày nữa, họ sẽ nghiệm ra lời nói của tôi hôm nay).

Tôi quyết định sẽ ra đi vào Chúa Nhật tuần đó. Tôi chọn ngày này vì chúng tôi chỉ phải làm một nửa chỉ tiêu của thường ngày. Còn dư nhiều thì giờ để làm những việc khác.

Tối hôm trước, tôi gọi Uyển và Phúc ra một chỗ, đưa cho hai bạn này số lương thực khô và một ít thuốc tây tôi còn lại và dặn:

- Sáng mai, lúc đi làm, có nhìn thấy tao thì cũng chỉ làm ngơ, đừng nhìn nhau kéo tao bịn rịn, không đi được. Nhờ có thằng “ăng ten” nào thấy ánh mắt mình trao đổi, nó sẽ nghi. Sau khi tao trốn đi rồi, có thể nó sẽ báo cáo với trại là mày biết mà không tố cáo, liên lụy, tội cho mày. Uyển ghen ngào bắt tay tôi, chúc tôi may mắn.

Phân thuốc tây còn lại, tôi có ý định sẽ mang theo ra sóc Thượng, tặng lại cho ông tù trưởng. Tôi cũng nói với anh Đề, người đội trưởng của chúng tôi:

- Ngày mai tôi sẽ trốn trại. Nếu 7 giờ tối mà chưa thấy tôi về, trại không điểm danh thì anh lờ đi hộ tôi, giữ cho tôi một ngày nữa. Còn nếu xui lắm, trại điểm danh tối hôm đó, thì anh đành phải báo cáo với họ là tôi vắng mặt. Anh Đề cũng là một trong những bạn thân của tôi ở trong này. Tôi biết anh không nỡ tố giác “âm mưu” của tôi đêm ấy nên tôi đã nói thật với anh. Tôi cũng nói là sáng mai, khi thức dậy, tôi sẽ cuốn chăn màn của tôi, luồn sang cho anh. Anh cứ giữ lấy mà dùng. Buổi tối hôm ấy tôi vẫn ngủ được như thường, không hề trần trọc gì cả. Tôi cũng không hiểu tại sao.

Tôi và anh Tường đã hẹn nhau sẽ đi (làm) cùng đường, kẻ trước người sau, như một sự tình cờ. Anh sẽ dẫn tôi đi đường khác, ra xã Đức Hạnh. Ở đó, tôi sẽ đào số quần áo lên, đi bộ theo anh, xuyên qua xã Đức Hạnh, về phía Nam. Đến khu biên giới của xã Đức Hạnh và một

xã khác, sẽ có người đón tôi, dẫn đường tôi đi tiếp.

Sáng Chúa Nhật, ngày của định mệnh đã bắt đầu. Tôi thức dậy sớm, cuốn chăn màn, luôn sang giường anh Đệ như đã hứa. Làm mọi thủ tục buổi sáng như thường lệ để không ai nghi. Tôi cũng vẫn trong bộ đồ lính của VNCH như mọi ngày. Hôm nay, tôi còn trang bị một dây lưng loại lớn, đeo “bi đông” nước. Chân thì cũng xỏ đôi “bốt đồ xô” như thường ngày.

Đột nhiên, tôi nhớ vợ con quá mức. Đôi bốt này vợ tôi mang lên cho tôi cũng là một kỳ công: Bà xã tôi phải nhờ hai người cùng đi chuyển xe thăm nuôi chồng, mỗi người mang hộ một chiếc giày vì vợ tôi đã vừa khiêng, vừa vác hai bao tải đồ thăm nuôi cho tôi, hai chiếc bốt nhà binh này trở thành “quá tải”. Cũng may là hai chị kia sẵn lòng giúp, tôi mới có đôi bốt này mà đi làm rừng.

Ngoài con dao rựa là vật liền thân của tôi, hôm nay tôi còn đeo theo một túi vải nhỏ. Người ngoài cũng không cần để ý trong đó đựng những gì. Đi làm việc ở ngoài rừng, mang theo cây cuốc, hay con dao rựa, và một túi vải nhỏ cũng không có gì lạ.

Tôi và anh Tường đã nhìn thấy nhau. Anh Tường rào bước đi trước. Tôi theo sau, đi sâu vào trong rừng. Từ từ thì mọi người cũng tản mát hết. Mỗi người có công việc riêng của mình.

Lần này, anh Tường dẫn tôi đi theo con đường rừng mới, tôi chưa đi bao giờ. Chúng tôi phải lội qua con suối nhỏ, chỉ ướt đến đầu gối. Tôi sợ ướt giày vớ, có khi cả ngày chưa khô nổi, sẽ khó chịu lắm, nên tôi nói anh Tường chờ tôi chút xíu, tôi tháo giày ra, đi chân không sang bên kia, đi giày vào lại, rồi sẽ đi theo anh. Có lẽ anh Tường không nghe tôi nói nên anh lội qua con suối rồi, cứ rào bước đi. Sang đến bên kia bờ suối, tôi không thấy anh Tường. Dĩ nhiên là tôi không thể bắc loa tay mà gọi anh được, chỉ hy vọng anh ẩn nấp đâu đó, đang quan sát tôi. Ngóng mãi không thấy anh Tường, tôi phải liêu mình, lạng lẹ đi loanh quanh xem may ra gặp lại anh.

Chỉ có một khoảnh khắc ngắn, tôi đã có cảm tưởng thời gian như vô

tận. Biết đi hướng nào bây giờ? Sao anh này đi nhanh dữ vậy? Đợi mãi không thấy nhau, tôi phải quyết định cứ liều nhắm hướng mà đi. Trong rừng thì chỗ nào cũng giống chỗ nào. Không thể tìm ra dấu vết gì quen thuộc hết. Tôi cũng thầm cầu mong anh Tượng bình an, không gặp sự nguy hiểm nào.

Tôi cứ lò mò nhắm hướng đi, có lẽ cũng phải cả hơn một giờ đồng hồ mà chưa thấy quang cảnh nào quen thuộc hết. Tôi vẫn thầm cầu mong là đi đúng hướng về xã Đức Hạnh, và sẽ gặp anh Tượng ở đó.

Đi cái kiểu lần mò như vậy thì không đi nhanh được. Có lẽ tôi chỉ cách bờ suối, chỗ lạc nhau khoảng một cây số. Sốt ruột quá, nhưng biết làm sao bây giờ. Đang suy nghĩ luẩn quẩn trong óc thì nghe có tiếng gọi, tôi mừng quá, đứng lại, hỏi “có phải anh Tượng đó không”?

Người mới gọi tôi không phải là anh Tượng. Đó là hai anh du kích Thượng. Họ mặc quần áo bộ đội và có trang bị hai khẩu súng AK-47. Họ đến gần tôi và hỏi:

- Mày trốn trại hả? Tôi đáp:

- Không, tôi định ra sóc Thượng gặp ông tù trưởng. (Tôi nhanh trí chuyển mục đích chuyến đi của tôi.) Hai người du kích không tin, họ nói:

- Trông mày giống như đang đi trốn trại. Đi theo tao, về giao cho ông tù trưởng rồi tùy ông ấy quyết định. Tôi nói với họ:

- Thật mà, tôi có ý định ra chơi với ông ấy đây. Các anh bắt tôi rồi lát nữa ông ấy cũng thả tôi ra thôi. Tôi có trốn trại đâu.

Hai anh chàng này vẫn nghi ngờ. Họ bắt tôi đi trước, hai người theo sau. Họ dắt tôi về sóc Thượng. (Không biết đây là cứu tinh của tôi hay là một tai họa mới?)

Về tới sóc Thượng thật! Hú vía. Ông tù trưởng đứng trên nhà sàn cao, nhìn xuống hỏi:

- Hai đứa mày dắt ông bác sĩ đi đâu đó?

Tôi nói vọng lên:

- Tôi nói với hai anh này là tôi đang trên đường ra gặp ông – mà hai anh ấy không tin, nhất định bắt tôi về đây giao cho ông. Anh ấy nghi ngờ tôi trốn trại!

Ông tù trưởng quát:

- Hai đứa mày để ông bác sĩ ở đây với tao, đi đâu thì đi đi!

Tôi quay lại, mỉm cười với hai anh du kích:

- Hai anh thấy không? Tôi đã nói là tôi ra đây chơi với ông tù trưởng của các anh mà.

Có lẽ hai anh chàng này có tiếp xúc nhiều với bộ đội nên khá rành tiếng người miền xuôi. Hai anh chàng này mất hứng, định quay đi, chợt thấy cô con gái ông tù trưởng chạy ra vẫy vẫy. Họ tưởng là cô vẫy họ, họ đáp lại bằng tiếng Thượng.

Cô cũng đáp lại một tràng dài. Hai anh chàng du kích có vẻ tức tối, bỏ đi một nước.

Trong bụng tôi như có lửa đốt vì đã trễ lắm rồi mà chưa ra được tới xã Đức Hạnh, không biết anh Tường còn chờ tôi ở đó không? Nghĩ vậy, nhưng tôi vẫn phải làm bộ vui, leo lên nhà của ông tù trưởng.

Tôi kể cho ông nghe sự việc xảy ra. Ông nói từ bây giờ trở đi, tôi không phải sợ những anh du kích nữa, ông sẽ dặn họ. Cô con gái thì vui lắm, cô đem một thanh “cơm lam” ra khoe tôi. Cô nói:

- Hôm nay “tao” cho bác sĩ ăn thử món cơm của người chúng tao. Cô lấy con dao nhỏ dắt bên cạnh sườn chẻ thanh cơm lam ra, cơm còn nóng hổi, thơm phức mùi nếp mới. (Bây giờ tôi mới biết là cô bé này có giấu con dao nhỏ bên sườn). Cô trải ra chiếc lá chuối, rắc một chút

muôi tôi mang đến hôm trước. Ông tù trưởng và tôi cùng bốc ăn. Cô con gái sung sướng nhìn chúng tôi ăn ngon lành. Quả thực, đã lâu lắm tôi mới được thưởng thức một bữa cơm nếp ngon miệng như vậy. Tôi vốn thích ăn xôi nên tuy bữa cơm đơn sơ, đạm bạc, cộng với ánh mắt triu mến của cô con gái Thượng, tôi cảm thấy ngon hơn những nắm xôi tôi thường mua ở xã Đức Hạnh. Nhớ đến xã Đức Hạnh, tôi giật mình nghĩ bụng: Mình không thể chiều thể xác quá như thế này. Phải đi thôi.

Ông tù trưởng vẫn tưởng tôi có nhiều thì giờ như mọi khi nên tỏ ý luyện tiếc khi tôi nói phải xin phép đi một chút, nếu xong việc sớm tôi sẽ quay lại. Cô con gái cũng giật mình. Cô quay vào trong đem ra hai thanh cơm lam còn nóng, có lẽ cô mới nướng xong, vỏ cây tre đã cháy đen. Cô lấy lá chuối bịt đầu ống tre, lấy lạt buộc chặt, trao cho tôi và nói:

- Bác sĩ cầm về ăn. Nếu ăn không hết, cứ lấy lá này đập lại, để một hai ngày cũng còn ăn được. Tôi cảm ơn và chào hai cha con ông. Hai thanh cơm lam nằm yên trong cái túi vải tôi mang theo.

Tôi phải chú thích thêm ở đây: Cơm lam là một hình thức nấu cơm đặc biệt của người miền thượng du. Họ lấy một khúc tre (ở vùng này là lồ ô) cưa hai đầu, một đầu giữ lại cái mắt tre, dùng như đáy nồi, phía trên cưa bỏ mắt để cho gạo vào. Có khi là gạo tẻ, có khi là gạo nếp. Gạo đã được trộn với nước sắn. Họ lấy lá bịt đầu trên cho gạo không thể trào ra khi nấu. Lá chuối hoặc lá tre cũng được. Sau đó, họ thả vào bếp lửa. Thanh tre cháy đen ở ngoài và cơm ở trong cũng vừa chín tới. Những thanh cơm lam này thường tỏa ra mùi thơm lừng, trông vừa lạ mắt, lại vừa rất ngon.

Tôi chào hai cha con ông tù trưởng xong là ba chân bốn cẳng chạy về phía xã Đức Hạnh. Bây giờ có lẽ đã trễ lắm, chắc phải hơn ba giờ chiều. (Hồi ở Long Khánh, cán bộ trại đã tịch thu hết đồng hồ, dây chuyền, vàng bạc của chúng tôi và lúc chuyển trại lên đây, họ “quên” không trả lại nên chúng tôi đều trở lại thời “đồ đá”, chỉ còn biết nhìn bóng mặt trời mà đoán giờ)!

Bình thường, tôi chỉ mất khoảng một giờ đồng hồ để đi từ sóc Thượng ra tới xã Đức Hạnh. Nếu ra tới nơi mà không gặp được anh Tường thì tôi vẫn còn kịp trở lại trại trước khi điểm danh.

Đi không được bao lâu, lại nghe tiếng gọi. Lại là hai anh chàng du kích Thượng. Lần này, họ thay quần áo nguyên thủy của họ, nghĩa là chỉ mặc một cái khố, vai đeo cái “gùi” bằng nan tre, tay cầm cái gậy đi đường rừng. Tôi giật mình, suy nghĩ thật nhanh. Chắc đây mới là điểm xấu. Tôi lấy con dao rừng của tôi chém thật mạnh vào một thân cây gần đó. Lưỡi dao lún sâu vào thân cây.

Hai người Thượng sấn đến gần tôi. Một người giật lấy cái bao vải trên vai tôi. Người ấy có vẻ tức tối lắm, cầm hai ống com lam đập thật mạnh vào một thân cây gần đó. Hai ống com lam bể tan, com trắng văng tung tóe. Tôi chưa kịp phản ứng gì thì người thứ hai giật cái vòng tay chỉ đỏ của tôi, ném xuống đất. Hóa ra hai anh này ghen với tình cảm của hai cha con ông tù trưởng dành cho tôi. Một cây gậy vụt mạnh lên đầu tôi. Tôi kịp thời lách sang một bên. Cây gậy chỉ đập xuống vai trái của tôi.

Tôi nhảy ra phía sau, hỏi:

- Tại sao hai anh đánh tôi?

Hai người họ không trả lời, vung gậy đập tôi rồi rít. Giờ này thì tôi biết rằng có đôi co cũng vô ích. Phải phản đòn thôi.

Tôi nhảy lui lại phía sau, quan sát tình hình xem nên hạ thằng nào trước. Người đập hai ống com lam của tôi còn đang đứng gần tôi. Tôi bám vào cây gậy của anh này, phóng mình lên, đá một phát bằng gót giày bột vào cạnh sườn của anh ta. Anh chàng này không ngờ tôi ra đòn nhanh như vậy, ngã xuống đất, ôm cạnh sườn có vẻ đau đớn lắm. Anh chàng thứ hai cũng có vẻ chột dạ, bỏ đi thì quê quá, mà ở lại thì bây giờ coi như còn có một mình. Anh ấy nhìn tôi bằng ánh mắt căm hờn.

Trong đầu tôi cũng thoáng qua một ý nghĩ. Hai đứa mày làm lỡ cơ hội

của tao. Giờ lại còn chặn đường gây sự với tao. Mày phải nếm mùi thất bại đau đớn. Thực lòng, tôi hận hai thằng này lắm nhưng dĩ nhiên tôi không muốn hạ độc thủ.

Người còn lại nhảy đến trước mặt tôi, định dùng gậy đâm vào vùng bụng tôi một đòn nữa. Tôi giật được cây gậy và chụp ngay lấy cổ tay hắn. Người giỏi Judo, hoặc Aikido thì đều biết rằng khi nắm được cổ tay của địch thủ thì phần thắng đã có thể tới 50 phần trăm. Khốn nỗi là họ mặc “quần áo” kiểu dân tộc thiểu số, không có cổ áo hay tay áo để dùng đòn vai hay đòn hông. Nhanh như chớp, tôi đành phải áp dụng đòn chí tử của Judo, đó là đòn “hy sinh” Tomoe Nage.

Tôi té xuống đất trước, kéo anh này ngã theo, dùng chân phải đá vào hạ bộ và thấy anh này 180 độ. Thú thực, trong lúc thập tử nhất sinh như thế này, tôi vẫn còn nghĩ được là chỉ nên làm họ sợ thôi, không cần giết họ. Khi đã ngã của cả hai đến gần mặt đất, tôi giật ngược cánh tay của anh này lại, tránh cho đầu anh không bị đập xuống đất. Đầu bị đập xuống đất trong trường hợp này, không bẻ đầu thì cũng gãy cổ, chết ngay tại chỗ. Lúc còn học trong trường, khi thực tập với các bạn, thầy chỉ cho đập vào “bẹn” hoặc phần trên của đùi chứ không cho đập vào hạ bộ. Lúc này, tôi chỉ muốn loại hai anh này ra khỏi cuộc càng sớm càng tốt thôi.



Đòn Tomoe Nage, ảnh chủ thích lấy từ Internet xuống.

Giờ này thì cả hai người Thượng vẫn còn nằm trên mặt đất nhăn nhó. Họ không ngờ là đã ăn hiếp lầm người. Tôi đứng lên, nhổ con dao ra, chỉ vào mặt hai người nói:

- Tao không có trốn trại. Lần này, tao không muốn giết hai đứa mày, nhưng lần sau, gặp tao thì cũng tránh mặt tao ra.

Tôi quay gót bước đi sau khi cầm hai cây gậy của hai đứa nó vứt xuống

triền dốc. Bây giờ, hơi tỉnh táo lại một chút mới kịp nhận ra là trời trong rừng đã chấp choạng tối. Khi hai người này đứng dậy được, họ sẽ tìm xuống đồi để “phục kích” tôi. Nghĩ vậy cho nên thay vì đi xuống dưới triền dốc, tôi đi ngược lên trên đồi. Cứ đợi xem tình hình thế nào đã.

Thoáng một cái mà trời đã tối hẳn. Cơ hội trở về trại không còn nữa rồi. Tôi tức cái định mệnh oái oăm của tôi quá. Tự nhiên thì xảy ra những chuyện không đâu, mất thì giờ và vượt mất cơ hội. Từ bây giờ trở đi, tôi chỉ còn biết trông nhờ vào chính khả năng của tôi để giành sự sống. Tôi leo lên một cành cây cao. Tôi sẽ ngủ qua đêm ở trên này. Sáng ra, ở trên cao quan sát phía dưới cũng dễ mà không sợ bị lộ.

Trong giấc ngủ chập chờn, thỉnh thoảng tôi nghe thấy tiếng xe của cả một đoàn “công voa”, rầm rầm chạy ngoài đường. Lúc khác thì lại nghe thấy tiếng voi thét trong đêm khuya, hình như một con voi và một con hổ đang quần nhau dưới đất. Gần sáng thì lại nghe tiếng anh em trong trại gọi nhau ới ới, rõ ràng có cả tiếng của Uyên, Linh, anh Đồng, anh Tuyền, lại có cả tiếng nói vọng lại rất mơ hồ của Lộc và Bé. Choàng tỉnh dậy thì cảnh vật vẫn còn yên tĩnh trong hơi sương sớm. Tôi nhắm mắt, cố tìm lại giấc mơ dở dang xem Lộc và Bé định nói gì với tôi.

Tôi cảm thấy bụng đói còn cào cào mới nhớ ra là từ lúc ra khỏi nhà ông tù trưởng cho đến giờ, chưa ăn thêm miếng nào vào bụng. Tôi lấy lon gô ra, bốc một nắm cơm bo bo ngào đường và ruốc bỏ vào miệng, vừa nhai từ từ, vừa ngẫm nghĩ về những phần đời trước trong cái định mệnh này, không biết nó sẽ kéo mình về đâu. Vậy mà trời đã sáng bạch tự bao giờ. Tôi vẫn ngồi trên cành cây cao, quan sát bên dưới xem có ai đi làm rừng ở đây vào giờ này không. Cảnh vật vẫn yên tĩnh. Thỉnh thoảng chỉ có tiếng chim bay vụt vì những cử động của tôi. Từ đây, tôi cũng chưa thể định hướng được xem xã Đức Hạnh ở phía nào. Nhìn bao quát toàn cảnh vật thì cũng chỉ thấy toàn rừng là rừng. Chỉ một điều tôi chắc chắn là xã Đức Hạnh phải ở phía đồng bằng dưới chân đồi.

Dễ chừng đã khoảng một giờ đồng hồ trôi qua, tôi cầu mong đừng có ai đi qua khu vực này, nhất là hai anh chàng du kích Thượng. Tôi phải

tìm cách định hướng về Đức Hạnh. Nghĩ vậy, tôi tuột xuống khỏi thân cây, coi lại dao rựa, thức ăn, nước uống đầy đủ và bắt đầu đi xuống đồi. Những kiến thức đi rừng tôi học được khi còn ở Long Khánh hình như không giúp được tôi trong trường hợp này. Có biết hướng Bắc ở đâu theo vị trí của sao Bắc Đẩu đã thấy trong đêm qua thì cũng như không – vì đứng ở vị trí này, tôi đâu có biết xã Đức Hạnh nằm ở hướng nào? Định mệnh ơi, dẫn dắt tôi đi với.

Xuống đến gần chân đồi, tự nhiên tôi nghe tiếng nước róc rách. Tôi đứng lại để nghe xem đây có phải là ảo tưởng không. Quả thật, đây là tiếng nước suối chảy. Tôi cứ lần theo sườn đồi mà đi xuống hướng có tiếng nước chảy. Càng xuống gần, tôi càng nhận thấy đây là một con suối thật. Đúng là *cái kiếp con tằm đến thác hãy còn vương tơ!* Tôi liên tưởng ngay, đây chắc chắn là phần hạ nguồn của con suối mà cô con gái ông tù trưởng hay múc nước lên, pha rượu cho chúng tôi uống. Con người *đa sầu đa cảm* của tôi nghĩ ngay đến bốn câu thơ tôi trích ra ở đây.

Ai cũng biết là tôi muốn tâm sự điều gì rồi!

TRƯỜNG TƯỜNG TU'
(Tác giả Lương Ý Nương)

我在湘江頭
Thiếp tại Tương Giang đầu

君在湘江尾
Chàng tại Tương Giang vĩ

相思不相見
Tương tư bất tương kiến

同飲湘江水
Đồng ẩm Tương Giang thủy

PHẦN MƯỜI SÁU

Giấc Mơ Thiên Đàng

Đang lơ mơ, vừa leo xuống triền dốc, vừa suy nghĩ miên man. Bất thần, tôi trượt chân, cả thân thể cứ thế mà “trôi” xuống dốc. Tôi cố giang hai chân ra, tìm cách ngáng vào vật gì trên đường để có thể dừng lại được. Càng như vậy thì thân thể tôi càng quay, không cách gì gượng được. Thân thể tôi trôi như vậy bao lâu tôi không nhớ rõ.

Tôi mơ màng nghe như có tiếng cười nói. Khi mở mắt ra, tôi thấy một ngôi nhà thờ, có người lớn nhỏ đứng trong đó. Còn có người vẫy tay gọi tôi vào. Tôi cố đứng lên, đi về phía nhà thờ. Tự nhiên, phía trên cao, tôi thấy dáng một người phụ nữ ăn mặc giản dị, khuôn mặt nhân từ. Trông dáng người rất quen. Tôi đang cố nhớ lại xem người này là ai. Bộ trang phục người phụ nữ chuyển thành áo dài trắng, đang chuyển dần sang màu xanh. Tôi nhớ ra: Đây là hình ảnh Đức Trinh Nữ Maria mà các bạn của tôi: Linh, Uyển, Vang, Thái và anh Ninh Thế Đồng trong trại đã chỉ cho tôi xem khi dạy đức tin Công Giáo cho tôi. Tôi cầu xin:

- Phải Đức Mẹ đây không? Xin Mẹ cứu giúp, dẫn dắt con ra khỏi chốn nguy hiểm này. Đó là lần đầu tiên tôi xin ơn Đức Mẹ.

Bóng dáng người phụ nữ áo xanh cứ lui dần lên triền dốc. Tôi vừa bò, vừa cố leo lên để đến gần được người phụ nữ đó. Người ấy lấy tay chỉ về một hướng. Tôi không biết đó là ám hiệu gì. Trong khi lơ lửng trên sườn đồi như vậy, tôi nhìn xuống thì thấy rõ ràng thân xác tôi đang gục ngã bên bờ suối. Tôi nhủ thầm: “Không thể được. Không thể được. Tôi còn phải về với gia đình tôi. Tôi không thể chết ở đây như thế này”. Tôi lại cố tìm cách xuống gần thân thể gục ngã dưới kia. Mọi chuyện sao khó vậy? Có một quãng không xa mà mãi tôi không xuống tới được. Cuối cùng, tôi chạm được vào thân xác tôi. Tôi còn đang mơ màng, không biết chuyện này giờ là sự thực hay chỉ là một giấc mơ?

Có một bàn tay chạm vào ngực tôi. Tôi hất bàn tay ra, choàng dậy.

Tôi nghe người đó nói:

- Người này chưa chết. Thân thể còn đang nóng. Đó là một người đàn ông. Ông hỏi tôi:

- Cậu đi đâu mà té đập đầu vào thân cây, bất tỉnh này giờ, tôi cố lay cậu dậy đây. Tôi ngồi dậy, hỏi ông:

- Những người khác đâu hết rồi?

Ông trả lời:

- Này giờ chỉ có mình tôi ở đây với cậu. Con bé cháu tôi nó về trước rồi. Tôi nhìn quanh, tìm ngôi nhà thờ không thấy đâu cả. Tôi hỏi ông:

- Ngôi nhà thờ hồi này tôi thấy đâu rồi? Người đàn ông mỉm cười:

- Đúng là cậu mê man nhìn thấy ảo ảnh thôi. Ở đây làm gì có nhà thờ nào.

Tôi kể cho ông nghe những gì tôi nhìn thấy trong “mơ”. Có lẽ ông cũng là một người Công Giáo nên ông có vẻ tin tôi lắm. Ông nói:

- Vậy là Đức Mẹ cứu cậu thật rồi đấy. Cậu vô trong rừng này làm gì vậy?

Tôi trả lời:

- Tôi vào đây kiếm củi với mấy anh bạn, bất ngờ lạc nhau. Chúng tôi có hẹn, nhớ có lạc thì ra xã Đức Hạnh, gặp nhau ở quán bà Lài bán bánh cuốn.

Người đàn ông nói:

- Tôi cũng ở xã Đức Hạnh, nhưng ở đầu bên này, xóm bà Lài ở đầu bên kia, đi bộ mất khoảng nửa tiếng. Nếu cậu muốn thì đi theo tôi về Đức Hạnh. Người đàn ông không có vẻ nguy hiểm gì nên tôi theo đi

ông.

Bây giờ tôi hoàn toàn đi tay không. Bi đông nước vắng đầu mắt. Bịch com khô và con dao rựa cũng vắng đầu mắt. Như thế cũng hay, không sợ lộ tông tích.

Về tới xã Đức Hạnh, ông mời tôi vào nhà ông chơi, uống ly nước trà rồi ông chỉ đường cho đi. Bước vào nhà, tôi thấy có bàn thờ Chúa và Đức Trinh Nữ Maria. Một người phụ nữ xuất hiện làm tôi giật mình: Hình ảnh của người có khuôn mặt khả ái mặc áo dài xanh hồi nãy. Tôi hỏi cô:

- Có phải hồi nãy cô đứng trên đồi chỗ tôi ngã không? Cô trả lời:

- Hồi nãy, anh làm em sợ quá. Trông anh như người mất hồn, nhất định muốn đến gần em. Mắt anh mở to nhưng hình như không nhìn thấy gì.

Tôi kể lại giấc mơ hồi nãy cho chú cháu cô nghe một lần nữa. Ông chú bảo tôi:

- Hay là cậu ở lại dùng bữa com với chú cháu chúng tôi. Sau đó, tôi chỉ đường cho mà đi. Tôi nhận lời.

Cô cháu gái nói với tôi:

- Em cũng có một người anh trai, cỡ trạc tuổi anh, trước đây là sĩ quan, làm cho đại tá Lưu Yêm ở đây. Anh ấy đi học tập năm năm rồi chưa được về.

Tôi giật mình nghĩ bụng, hay là họ đang dò hỏi tôi? Tuy vậy, sau đó họ không nhắc đến chuyện ấy nữa. Tôi phải làm bộ khai lý lịch của tôi:

- Tôi là một giáo viên ở trên thành phố nhưng lương không đủ sống. Anh em bạn rủ nhau về đây, kiếm củi, đốt thành than rồi chở về thành phố bán, kiếm thêm chút đỉnh.

Ông chú nghe nhưng cũng không hỏi thêm. Có thể ông đang quan sát tôi xem mức độ thật thà của tôi đến đâu. Thời buổi nhiều nhưong này không tin ai được. Biết đâu trong óc ông đang có câu hỏi: “Thằng em ở vào cái lứa tuổi này sao không đi lính, sao không đi cải tạo mà giờ này ở đây”? Tuy vậy, ông vẫn giữ thái độ bình thản, vô hại. Tôi cảm thấy nên xin phép rút lui là vừa. Tôi nói lời cáo từ và đứng dậy.

Ông chú bảo tôi:

- Hay là cậu thay đôi giày ra, đi đôi dép này vào cho thoải mái? Ông đưa cho tôi một đôi dép plastic màu nâu. Tôi nghĩ thật nhanh:

Người đàn ông này tinh đời thật. Tôi mà mang đôi boot này ra xã Đức Hạnh thì khó mà hòa mình vào với người dân ở đây. Tôi lý nhí cảm ơn ông, bỏ đôi giày lại, mang đôi dép ra đường.

Tối hôm đó, tôi tìm một cái sạp ở chỗ kín đáo trong chợ, cố dỗ giấc ngủ. Tôi cũng tự hài lòng với những giây phút “tạm” được Tự Do. Nếu các bạn tôi ở trong trại biết được tôi đã gặp Đức Mẹ và đã được cứu giúp thì niềm tin của họ lại càng mãnh liệt hơn. Tôi chìm vào giấc ngủ.

Trời chưa sáng hẳn mà tôi đã nghe người ta nói lao xao chung quanh. Tôi vội vàng nhồm dậy, hòa mình vào những người buôn bán. Họ bắt đầu một ngày vất vả mới. Tôi đi về phía bìa rừng, nơi tôi chôn bộ quần áo. Gần đến nơi thì tôi thấy một tờ giấy nhỏ nhét vào kẽ thân cây. Tờ giấy viết: “Tôi sẽ trở lại”.

Anh Tường là người chí tình thật. Đã giúp thì giúp cho trót. Tôi ẩn mình vào một góc vắng, kiên nhẫn chờ đợi. Quả nhiên, lúc ấy khoảng 10 giờ sáng. Anh Tường, vị cứu tinh của tôi, đang đến gần điểm hẹn. Tôi nhảy ra mừng rỡ nắm lấy tay anh. Anh Tường nói:

- Tôi biết anh bị lạc nhưng tôi chắc thế nào anh cũng sẽ tìm cách ra được đến đây. Tôi đã đảo qua chỗ này hai buổi sáng nay. Thôi, vào thay quần áo rồi đi theo tôi. Anh ngồi xuống vệ đường chờ tôi. Đối với xã Đức Hạnh này thì anh đã là người quen nên anh rất bình thản. Tôi vào trong rừng, đến chỗ tôi chôn bộ quần áo ngày xưa. May quá,

chúng còn nguyên vẹn. Tôi thay quần áo xong, ra chỗ anh Tường hỏi:

- Sao, anh thấy giống người Sè Goòng chưa? Anh Tường nói:

- Giờ này mà còn đùa được? Đi theo tôi.

Tôi đi theo anh được một quãng. Chúng tôi đang ở gần một con đường đất. Một anh thanh niên lái xe gắn máy chạy tới. Anh hỏi:

- Anh bạn của anh đây hả anh Tường? Chờ mấy ngày hôm nay rồi bây giờ mới gặp!

Anh Tường chào tạm biệt:

- Thôi, chúc anh đi bằng an. Người bạn này sẽ giúp anh chặng kè tiếp.

Chàng thanh niên nói tôi leo lên xe, anh sẽ chở đi tiếp. Bánh sau của chiếc xe gắn máy của anh chàng này có một chỗ bị phình bụng. Khi chạy, nó cứ “cà giựt, cà giựt”. Tôi áy náy quá, hỏi sao anh không thay nó đi. Anh chàng trả lời:

- Thời buổi này, cái gì cũng đắt đỏ. Chạy được ngày nào hay ngày đó. Lúc nào không chạy nổi nữa thì phải kiếm tiền thay nó sau.

Anh cho tôi biết là anh “chạy hàng xách” tức là ai muốn mua cái gì thì anh lũng cho ra và mua cho họ. Ai muốn bán cái gì cũng vậy. Lúc thường, không có ai tìm mua cái gì thì anh cứ chạy ra tỉnh, mua vài ba món đồ gia dụng, thuốc men, về bán lại cho bà con trong xã. Cứ như vậy mà sống qua ngày, không có ngày mai. Ngày xưa, anh cũng là lính. Bây giờ anh mới hỏi tôi:

- Tôi biết anh là bạn thân của anh Tường, nhưng không biết rõ ý của hai anh. Anh đang định làm gì?

Tôi nói “Tôi cần về thành phố trong ngày hôm nay. Tôi sẽ gửi anh một số tiền nhỏ, hy vọng cũng đủ để anh thay cái ruột xe mới”.
Bất ngờ, anh hỏi tôi:

-Có phải anh đang chạy trốn khỏi trại tù trong đó không?

Đến nước này thì tôi biết rằng tôi không nên giả vờ với anh này nữa. Tôi thú thật:

- Anh biết rồi đó, tôi và anh Tường đều đang trong lao tù cải tạo. Gia đình anh Tường ở xa nên anh không có ý trốn trại. Gia đình tôi ở ngay trong Sài Gòn nên tôi thử thời vận, về đến thành phố rồi tính sau.

Anh chàng quay lại hỏi tôi:

- Bây giờ anh có sợ không? Tôi đáp lời anh:

- Người sợ bây giờ là anh chứ không phải là tôi. Tôi trốn trại và nếu tôi bị bắt lại, tôi xứng đáng với cái tội của tôi. Còn anh, anh vô tình tiếp tay cho thằng trốn trại, nếu bị bắt thì quả thực anh gặp xui.

Anh chàng nói:

- Tôi nói thật với anh. Theo như tôi hứa với anh Tường, tôi sẽ chở anh ra đến bến xe đò Phước Long, thả anh ở đó, anh tự mua vé mà về Sài Gòn. Nhưng coi cái dáng khác thường của anh, cộng với cái bộ điệu lúng túng của anh, sau năm năm không tiếp xúc với người bên ngoài, trông biết ngay. Đứng xó rợ ở đó thế nào cũng bị bắt lại. Thôi được, nếu anh không sợ thì tôi sẽ chở anh ra đến trạm công an đầu tiên. Tôi quen với mấy anh công an ở đây, tôi sẽ nhờ họ gửi anh lên chuyến xe đò đầu tiên về Sài Gòn.

Mới nghe, tôi cũng choáng người. Mình là thằng trốn tù mà lại loanh quanh ở trong trạm công an. Không biết sống được mấy phút. Chúng tôi cứ “lọc cọc” chạy như vậy một thời gian khá lâu. Tình trạng cái bánh xe như vậy không thể chạy nhanh được. Anh chàng tốt bụng này chưa hỏi tên tôi, mà tôi cũng không hỏi tên anh.

Chúng tôi đã đến được trạm công an. Anh công an vừa thấy anh bạn này thì chạy ra nói:

- Cho tao mượn cái xe máy phóng một vòng coi. Nói xong là anh ấy nhảy lên xe, phóng mất.

Đây là lúc tôi lấy tiền ra trả cho anh chàng tốt bụng. Tôi nói với anh:

- Tôi và anh chưa hề biết tên nhau, mà có lẽ cũng không cần, vì bây giờ tôi đang dùng tên giả trong giấy tờ. Nhưng tôi phải cảm ơn anh rất nhiều. Đây là chặng đầu tiên trong hành trình trốn trại của tôi. Bây giờ chỉ biết cầu may rủi thôi. Chúc anh luôn khỏe, và may mắn trong cuộc sống.

Chỉ một lúc sau, anh chàng công an trạm vừa về đến. Người thanh niên nói với anh công an:

- Ông anh tao cần về thành phố ngày hôm nay. Lát nữa, có xe đồ chạy ngang, nhờ máy gửi anh ấy lên xe dùm.

Anh công an thân nhiên:

- Ờ thì máy cứ nói anh ấy ở đây, lát nữa tao sẽ tính hộ.

Anh chàng thanh niên quay xe, chào tôi rồi phóng mất.

Tôi làm bộ mệt mỏi, ngồi ngủ gật trong góc.

Độ nửa tiếng sau, một xe Molotova chạy đến. Một anh bộ đội cầm lái và hai anh khác ngồi bên cạnh trong buồng lái. Phía sau xe đã có một vài người đi làm ruộng, làm rẫy về, đi quá giang. Anh công an hỏi:

- Xe có đi về thành phố không? (thành phố HCM) Người trên xe trả lời:

- Xe này chỉ chạy về đến Bình Dương thôi. Anh công an quay vào hỏi tôi:

- Anh gì ơi: Xe không về thành phố mà chỉ chạy đến Bình Dương thôi, anh có muốn đi không? Tôi vội vàng nói:

- Cho tôi theo với, về được đến đâu hay đến đó. Thế là tôi nhảy lên phía sau xe. Cũng là một chiếc xe Molotova! Những chiếc xe này đã từng chở tôi vào tù, bây giờ lại chở tôi đi trốn tù!

Thỉnh thoảng, xe ngừng lại để cho những người quá giang đi xuống. Lúc tôi lên xe thì đã có khoảng mười người. Bây giờ thì con số này cứ nhỏ dần. Người sau cùng bám vào thành xe chỉ còn là tôi. Khi xe đi qua các trạm công an, tôi không xuống xe như hành khách xe đồ. Trạm công an hỏi:

- Ai trên xe đó? Người bộ đội trong buồng lái nói:

- Anh này ở trạm công an trên gửi về Bình Dương. Trạm gác khoác tay bảo:

- Vậy thì thôi, đi đi.

Xe đi qua liên tiếp ba trạm công an khác. Cũng một câu hỏi và cũng một câu trả lời.

Chừng độ năm giờ chiều ngày hôm đó thì xe về đến Bình Dương. Xe đậu trước cửa một “Doanh Trại Quân Đội Nhân Dân Việt Nam”. Tôi không biết đây đã là Bình Dương nên chưa nhảy xuống xe. Một trong ba anh bộ đội nói vọng lên:

- Đến Bình Dương rồi, chúng tôi không đi đâu nữa. Sao anh chưa xuống xe? Tôi nhanh trí trả lời:

- Nãy giờ tôi đứng lâu quá nên đang còn tê chân. Chút xíu nữa tôi xuống. Các anh bộ đội bỏ đi vào trong trại.

Chỉ đợi có thế, tôi nhảy xuống xe, đi bộ vào khu phố chiều.

Tôi thấy một quán mì nhỏ ven đường. Tôi vào quán, gọi một tô mì, một ly cà phê sữa, và một điều thuốc lá. (Thời buổi khó khăn nên người ta chỉ mua từng điều thuốc một. Hiếm ai có khả năng mua hẳn một gói thuốc lá). Cũng xin nói thêm ở đây là tôi đâu có biết hút thuốc.

Ngày xưa, lúc ở cạnh bạn Nguyễn Vĩnh Linh, tôi có tập nhưng không hút được và bỏ luôn từ đó. Hôm nay, tôi biết ít ra, tôi cũng được Tự Do hơn ba ngày rồi. Tôi tự thưởng cho mình đủ mùi vị của cuộc đời: Một tô mì, một ly cà phê, và một điếu thuốc lá! Còn gì bằng?

Ăn tô mì xong, đang nhâm nhi ly cà phê và điếu thuốc lá. Chú Ba, chủ tiệm, đến hỏi tôi: “Nị ở đâu ra vậy”? Tôi hỏi:

- Sao chú lại hỏi tôi ở đâu ra? Chú Ba nói:

- Cánh tay áo của nị có vết máu. Tôi nhìn xuống thì quả thật, cánh tay áo trong, bên trái của tôi có vết máu thật. Chắc chắn đây là một con vắt trong rừng đã bám được vào tôi, hút máu no nê và đã rụng đi mất! Tôi nói với chú:

- À, tôi gãi quá nó chảy máu vậy chứ không sao. Hôm trước, bà xã tôi cẩn thận, có gói thêm cho tôi một áo khoác mỏng. Tôi chôn tất cả trong rừng và lúc đi cũng có mang theo. Bây giờ có cái mà dùng. Tôi khoác cái áo mỏng ra ngoài áo sơ mi, che vết máu đi và hỏi chú:

- Chú tính tiền cho tôi đi và chỉ tôi đường đi ra bên xe đò. Chú tính tiền xong nói:

- Ở phía đó, đi chừng hai mươi phút là đến nhưng giờ này thì họ không bán vé nữa đâu. Hết giờ rồi. Lại một con buồn ập đến. Vui chưa được bao lâu! Tôi chào chú và đi về hướng chú chỉ.

Trên đường đi, không bao lâu, tôi thấy một chú bé chừng 12 tuổi, đang gánh một gánh củi nhỏ. Tôi chặn chú lại hỏi:

- Nè cháu, còn bao xa nữa thì tới bến xe hả cháu? Thằng nhỏ nhìn tôi nói:

- Mềng ơi, giờ này mà chú còn định ra bến xe đò. Họ đóng cửa rồi. Nếu chú muốn đón xe đò thì cứ đứng đây, cầm đồng bạc vầy vầy vầy nè, xe họ ngừng lại, chú đưa tiền cho anh lơ xe, họ cho chú lên hà! Tôi đưa cho thằng bé mấy đồng lẻ như để cảm ơn nó nhưng thằng bé

không cầm, chào tôi rồi gánh củi đi luôn.

Quả thực, một lúc sau, có một chiếc xe đồ nhỏ chạy tới. Tôi làm như lời thằng bé nói, cầm đồng bạc vẩy vẩy. Chiếc xe ngừng lại. Chú lơ xe hỏi tôi:

- Anh Hai muốn đi đâu dzậy? Tôi hỏi lại:

- Vậy xe chạy về đâu? Chú lơ xe cho biết là sẽ ghé Biên Hòa rồi về tới Bình Triệu là không đi nữa. Quá đẹp rồi còn gì? Tôi leo lên xe. Mọi người phải nhích thêm cho tôi có chỗ ghé cái mông vào. Khi xe đã chạy, tôi mới liếc xem những người đi trên xe này thuộc thành phần nào. Tôi giật mình vì ngoài những bà con buôn thúng bán bưng, còn có cả mấy anh bộ đội! Phải cẩn thận mới được.

Có lẽ tôi cũng ngủ gà ngủ gật được một lúc. Đến Biên Hòa, đất ngày xưa của tôi, mấy anh bộ đội xuống xe hết. Bây giờ chỉ còn những người thường với nhau. Lòng tôi lâng lâng, tưởng tượng đến cái giây phút tôi được trùng phùng với gia đình. Chợt nghĩ ra cái điều mà vợ tôi dặn:

- Nếu may mắn trốn thoát được về đến Sài Gòn, “mình” tìm đến quán cà phê của anh Thăng ở gần Công Xe Lửa Số Sáu, dùng “mật khẩu” “*Tôi là Kỳ, từ Long Khánh về*” thì anh ấy sẽ nhận ra và sẽ đến nhà báo tin hộ.

Lúc đó, việc trốn trại của tôi hãy còn mơ hồ, nên điều vợ dặn, tôi không chú ý lắm. Bây giờ nghĩ mãi không ra tên của anh chủ quán là gì. Cùng lắm thì cứ vào các quán cà phê, nói mật khẩu, nếu đúng thì anh chàng đó sẽ nhận ra. Ung dung với ý nghĩ đó, tôi thiu thiu dễ giấc ngủ tiếp.

Khi xe về đến khu nhà thờ Bình Triệu thì cũng là lúc vừa tan lễ. Cả hàng trăm giáo dân ủa ra đường. Tôi trà trộn vào đám người ấy. Tôi cũng có ý vào nhà thờ, tạ ơn Đức Mẹ nhưng nghĩ bụng, chả lẽ tạ ơn mà vào tay không. Thôi thì đợi hôm nào có cả vợ, sắm của lễ đầy đủ rồi vào viếng Đức Mẹ sau. Dù sao, có lòng thành thì Mẹ cũng chứng

cho rồi!

Đến đây, tôi xin được nói lên tấm lòng biết ơn chân thành của tôi đối với anh Nguyễn Huy Tưởng và nhiều ân nhân “không biết tên” đã giúp tôi tạm thoát được kiếp sống đọa đày trong cái-gọi-là “trại cải tạo” của cộng sản VN.

PHẦN MƯỜI BẢY *Phần Đời Bị Lưu Đày*

Tôi chờ cho mọi người đi hết mới mò ra đường, gặp một anh xe ôm. Tôi hỏi:

- Anh ơi, giờ này anh còn chạy không? Anh xe ôm trả lời:

- Giờ này mới là giờ kiếm tiền của tôi. Anh muốn đi đâu?

- Tôi muốn về khu Nhà Thờ Ba Chuông, gần cổng xe lửa Số Sáu. Anh xe ôm nhìn tôi, hỏi lại:

- Sao bữa nay đi xa dữ vậy? Có việc cần hả? Thôi được, tôi chỉ lấy anh 5 đồng.

Tôi nhảy lên sau xe của anh. Chúng tôi len lỏi qua các khu phố buôn bán nhộn nhịp về ban đêm. Tôi không ngờ chỉ sau năm năm, thành phố Sài Gòn lại có nhiều quán nhậu và quán cà phê đêm như vậy. Về đến khu Nhà Thờ Ba Chuông, anh nói:

- Lúc nào muốn xuống thì nói tôi nhé. Tôi đâu có thể mừng tượng ra được là quán cà phê của người bạn mà vợ tôi nói hôm trước ở đâu. Tôi nói với anh xe ôm:

- Thôi, hay là anh cho tôi xuống đây cũng được. Chúng tôi chào nhau. Anh phóng xe đi mất.

Vừa đi tôi vừa cố moi trí nhớ xem vợ tôi nói anh bạn ấy tên gì. Chịu.

Tôi chợt nhận ra rằng cả khu phố này, hai bên đường, dễ chừng có đến cả trăm tiệm cà phê mở buổi tối. Bây giờ mà lết từng tiệm, nói ra mặt khẩu thì rất cả hòng, không biết đã có cơ may tìm ra chưa.

Nghĩ vậy, nhưng tôi vẫn phải đi từng tiệm một. Vào nhà hàng nào, tôi cũng xin được gặp ông chủ. Những quán chỉ có “bà chủ” thì thủ tục xong rất lẹ. Tôi cảm ơn, xin lỗi là tôi vào không đúng tiệm. Những tiệm có “ông chủ” thì nhiều kê hơn.

Ông chủ quán cà phê ra hát hàm hỏi tôi:

- Xin việc làm hả, không có mướn. Tôi nói mặt khẫu, ông xua tay:

- Đã nói là không mướn mà! Tôi lết từng quán cà phê bên đường, có lẽ đã khuya lắm rồi, vẫn chưa gặp may.

Bây giờ thì chỉ còn một số ít quán mở về khuya. Tôi nhìn thấy một cái quán nhỏ, bước vào, gặp “ông chủ”. Ông hỏi tôi “muốn uống gì”? Tôi nói: “*Tôi là Kỳ, mới ở Long Khánh về*”. Ông chủ chớp lấy tay tôi:

- Anh về an toàn rồi hả? Ngồi đây, uống đỡ một ly nước chanh, tôi lấy xe đạp chạy sang nhà anh báo cho chị ấy biết. Sao định mệnh cuối cùng cũng chiều tôi thế này nhỉ? *Cám ơn Đức Mẹ.*

Chỉ độ nửa tiếng sau, vợ tôi đạp xe theo anh sang tiệm. Chúng tôi nhìn nhau nghẹn ngào. Anh bạn lẳng lẳng rút lui để chúng tôi tự nhiên. Cũng may, lúc đó đã khuya lắm rồi nên quán không có khách. Chúng tôi thồn thức nói nhau nghe những nhớ nhung. Một lúc sau vợ tôi nói phải về chuẩn bị cho tôi vài thứ, ngày mai có mà dùng.

Bây giờ anh bạn, tên Thăng, (bây giờ anh ta giới thiệu, tôi mới nhớ ra!) kể với tôi rằng:

- Lúc tôi sang nhà, chỉ gặp bà ngoại mấy đứa. Bà cụ nói chị đang ở trong nhà thờ cầu nguyện cho anh. “Để tôi vào nói cho em nó nghe”. Sau đó thì chị đạp xe sang đây gặp anh đấy. Tôi nắm tay, cảm ơn lòng tốt của anh. Anh Thăng cho biết tiệm chỉ có bấy nhiêu thước vuông, vợ chồng con cái anh ngủ trên gác, diện tích cũng chỉ bằng dưới nhà nên anh nói tôi cảm phiền, sau khi đóng cửa, chịu khó kê mấy cái ghế nhựa lại với nhau, lấy chỗ ngủ. Anh cũng chỉ cho tôi mảnh bếp đằng sau, chỉ đủ để một người tắm ban đêm. Anh bảo tôi cứ tự nhiên. Tôi hỏi anh nhà có cửa sau không để tôi chuồn khi cần. Anh cho biết: Nhà chỉ có vậy, không có cửa sau.

Tối hôm đó rồi cũng ổn thỏa. Tôi kê mấy chiếc ghế nằm cũng được. Lâu lắm không nghe tiếng xe cộ chạy trong đêm nên cũng khó ngủ.

Sáng sớm, tôi xin phép chủ quán, đi lanh quanh gần khu đó cho biết. Tôi thấy một xe đẩy, hành nghề ép *plastic* giấy tờ khổ nhỏ, lầy lèn.

Tôi đưa tờ giấy “Chứng Minh Nhân Dân” của tôi cho anh chủ xe, nói muốn ép *plastic* tờ giấy này cho chắc ăn. Anh chủ xe cầm tờ giấy, xem xong, hỏi tôi:

- Anh mua tờ giấy này ở đâu vậy? Tôi hỏi lại:

- Sao anh lại hỏi tôi mua ở đâu? Giấy thật mà? Anh chủ xe nói:

- Thời buổi bây giờ người ta dùng giấy tờ giả, tên giả nhiều lắm. Anh đừng lo. Tôi không báo cáo anh đâu, nhưng tờ giấy này làm giả vụng về quá sức. Anh coi nè: hàng số đỏ ở trên góc phải, đóng vụng về quá, không thẳng hàng. Công an nhìn vào thì biết ngay là giấy chứng minh giả. Anh sẽ bị lôi thôi to. Tôi toát mồ hôi, chưa biết nói sao thì anh chủ gian hàng lại nói:

- Nếu anh cần một bộ giấy tờ giả mà làm thật “xịn” thì tôi chỉ chỗ cho, tính rẻ thôi. Tôi lúng túng nói với anh:

- Nếu vậy thì tôi chờ vợ tôi tiếp tế tiền đã rồi mới có thể chi nổi. Bây giờ, trong túi tôi chỉ có mấy đồng bạc lẻ. Anh chủ xe bình thản nói:

- Việc này tôi quen rồi, đừng ngại. Lúc nào có tiền thì ra đây tìm tôi. Trong khi chờ đợi thì hủy tờ giấy này đi. Thà làm bộ nói để quên ở nhà, câu giờ rồi hầy hay, còn hơn là trình tờ giấy này ra thì bị “tóm” ngay.

Tôi thần thờ trở về quán cà phê của anh Thăng, nói cho anh tất cả sự việc. Anh nói, như vậy thì tay này có chỗ làm thật. Phải tin hẳn thôi. Chút xíu nữa, nếu chị chưa sang đây thì tôi chạy sang nói hộ cho.

Sáng hôm đó, dĩ nhiên là vợ tôi sốt ruột lắm, lo cho hai đứa con xong là đạp xe sang bên quán cà phê gặp tôi ngay. Tôi chưa kịp nói với vợ tôi về chuyện giấy tờ giả thì vợ tôi kéo tay tôi đi ngay.

Chúng tôi chờ nhau trên chiếc xe đạp. Vợ tôi nói là sang nhà anh này, anh ấy hứa sẽ giúp chỗ tạm trú, sẽ lo cho giấy tờ giả trong khi chờ đợi sắp xếp cho xuống ghe, đi vượt biển. Lúc ấy, tôi mới biết là vợ tôi đã “nạp” cho anh này năm cây vàng. Theo anh ấy hứa thì với 5 cây vàng, anh ấy sẽ lo cho tôi và đứa con trai lớn của tôi đi trước. Anh chàng này tên là “Anh Thìn”.

Anh ấy nổi tiếng là đã đưa được nhiều chuyến vượt biển “an toàn”. Chỉ cần Anh Thìn “vui lòng” cầm tiền đặt cọc là gia đình đã yên trí rồi.

Vợ chồng chúng tôi đến nhà anh lúc khoảng hơn 12 giờ trưa. Chị giúp việc nói là “cô cậu” còn đang ngủ trên lầu, yêu cầu vợ chồng chúng tôi chịu khó đợi. Chúng tôi sốt ruột ngồi đợi. Khoảng hai tiếng sau, “cậu chủ” mới đùng đỉnh đi xuống. Vợ tôi gặp được cậu mừng lắm, giới thiệu đây là chồng tôi mới về tới hôm qua, xin anh sắp xếp chỗ ở giúp. “Anh Thìn” thân nhiên nói:

- Rất tiếc là “đường giây” của tôi đang bị động, những việc tôi hứa với chị hôm trước, bây giờ tạm hoãn đã. Vài hôm sau đến gặp tôi, sẽ tính tiếp. Máu trong người tôi sôi lên. Nghe như vậy là biết “tiền mất, tật mang” rồi. Mình là con cá đã lỡ chui vào rọ của người ta. Thân phận của tôi bây giờ lại đang ở vào thế kẹt, chịu mất toi thôi! Tôi thầm nghĩ, ngày xưa, thái độ hách dịch của mày với một sĩ quan Quân Cảnh, quyền hành một cõi như tao, tao tát cho vỡ mặt. Bây giờ thì “ngậm đắng nuốt cay” vậy. Năm cây vàng bốc hơi ngay từ hôm đó. (Hồi đó, 5 cây vàng là cả một gia tài cho một gia đình rồi.) Mấy lần sau, xin hẹn gặp, lần nào cũng bị từ chối! Bây giờ vợ chồng chúng tôi đều ở thế kẹt. Tiền (và vàng) không còn, lấy đâu ra mà đi vượt biên? Chả lẽ chịu đợi đến lúc bị bắt lại?

Quán cà phê của vợ chồng anh Thăng không thể là nơi trú ngụ an toàn. Mỗi ngày có cả chục người khách khác nhau ra vào. Buổi tối thì lại kê mấy cái ghế với nhau mà ngủ. Các phương tiện vệ sinh cá nhân cũng quá giới hạn. Tôi phải tính cách khác.

Tôi nhớ lại hình ảnh của bến xe đò. Mỗi đêm, hàng nghìn người mướn chiếu ngủ la liệt trên lề đường. (Trong phim Doctor Zhivago cũng vậy,

hàng ngàn người chờ đợi ở ga xe lửa mỗi đêm.) Tôi bàn với vợ tôi, hay là để tôi trà trộn vào dòng người đi buôn bán. Ngày thì la cà cho hết thì giờ. Đến tối, cứ ra bến xe đò lục tỉnh, mượn một cái chiếu ngủ qua đêm rồi tính tiếp.

Từ đó, tôi trở thành một người vô gia cư, ban ngày thì la cà, tìm cách đi vệ sinh “chùa” ở các hàng, quán. Đến gần tối thì trở về bến xe đò. Sở dĩ tôi chọn bến xe đò là vì với số người đi, lại mỗi ngày đông như vậy, công an không thèm xét giấy tờ của ai. Một cái chiếu không đủ dài cho tôi duỗi chân cũng mất hai mươi xu. Tôi dùng hai chiếc dép cao su làm gối, không sợ bị lấy mất. Khoảng ba giờ sáng là người ta đã xô lấn, có khi đạp cả lên thân thể mình mà họ cũng không thèm để ý. Họ giữ chỗ để lát nữa mua vé xe đi lục tỉnh! Một lon gô nước để đánh răng, rửa mặt, cũng mất hai mươi xu nữa. Những ngày vô vị như vậy vẫn cứ trôi qua. Vía hè Sài Gòn thân thương lúc đó trở thành “khai” không thể tả nổi! Riết rồi cũng phải quen thôi. Thịnh thoảng vợ tôi cũng đạp xe lang thang ra bến xe tìm tôi, tiếp tế cho ít tiền. Vợ chồng lại rủ nhau đi ăn cơm trưa. Một đĩa cơm lạp xưởng vừa ngon, vừa rẻ nhất, chỗ nào cũng có bán, giá chỉ có một đồng.

Vợ tôi kể lại: Mẹ tôi nghĩ ra là cái giấy căn cước giả vợ tôi mang lên trại cho tôi làm quá tẻ, quá lộ liễu. Tôi dùng cái giấy đó đi đường thì bị bắt sớm. (Cũng may là có lẽ nhờ Đức Mẹ che chở, hôm tôi trốn về từ Phước Long, đi quá giang xe bộ đội mới thoát được, chứ nếu mua vé xe đò, tự đi về thì đã bị tóm lại ngay từ hôm đó). Nghĩ như vậy cho nên mẹ tôi một mình lên trại, dự định làm bộ thăm nuôi, đưa cho tôi căn cước mới. Khi mẹ tôi lên đến trại thì tôi đã đi trốn được hai hôm. Trại giữ mẹ tôi lại, đổ tội là mẹ tôi cố ý lên đưa tôi đi trốn. Mẹ tôi làm bộ khóc bù lu bù loa, nói:

- Tôi giao con tôi cho Cách Mạng giáo huấn nó, mong nó trở thành người tốt, mau chóng trở về với gia đình. Bây giờ, trại để cho nó trốn, tôi bắt đền Cách Mạng!

Vừa nói, bà cụ vừa làm bộ đưa cho anh vệ binh đứng gần hai chục bạc, nói:

- Tôi không quen ai, bây giờ có chú, tôi gửi chú mấy chục này, khi

nào con tôi nó trở về thì nhờ chú đưa cho nó hộ tôi. Tôi cảm ơn chú. Anh vệ binh cầm được số tiền lớn như vậy thì mừng rơn, làm bộ quát tháo:

- Bà già này lẩm chuyện quá. Thôi bà đón xe đồ mà đi về đi. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về con bà.

Mẹ tôi chỉ đợi có vậy, ba chân bốn cẳng chạy ra đường đón xe về Sài Gòn ngay.

Làm cái thân vô gia cư này được vài hôm thì vợ tôi dẫn bố tôi đến tìm tôi. Bố tôi nhìn thấy thằng con ngày xưa “cậu cả” như thế mà bây giờ đang sống kiếp lưu đày như thế này thì xót quá. Bố tôi nói:

- Thôi con cầm đỡ cái giấy chứng minh nhân dân này, hôm nay đi theo bố về Gia Kiệm, bố đã nói với một người quen ở đó, họ chịu cho con ở nhờ.

Vợ tôi lại ghen ngào chia tay tôi. Bây giờ ở gần thế này mà còn khó gặp, mai kia ở mãi tận Gia Kiệm thì làm sao? Tuy vậy, vợ tôi tin ở bố tôi. Biết đâu chỗ này là nơi trú ngụ tốt cho tôi trong khi chờ đợi cơ hội mới.

Bố con tôi lên xe đồ về Gia Kiệm. Người quen này, khi gặp nhau tôi mới nhận ra: đó là anh Niệm. Anh Niệm đã cùng sống trong một xóm với gia đình chúng tôi ở Ngã Tư Bảy Hiền. Mỗi cuối tuần, anh cũng hay tham gia một chân đánh chẵn, đánh tổ tôm, với bố mẹ tôi và nhạc sĩ Anh Bằng (lúc đó cũng đang ở cùng xóm). Anh Niệm gặp tôi mừng lắm. Anh bảo:

- Hôm trước nghe bác nói muốn gửi một người con trai trốn từ trại cải tạo về, tôi không nhớ là ai. Hóa ra là cậu Dzuong. Thế thì hay quá rồi. Cậu cứ ở đây với gia đình chúng tôi. Từ hôm ấy, tôi có chỗ ăn, chỗ ở đàng hoàng. Tôi cũng nghiệm lại những điều tốt đẹp mới xảy ra trong đời tôi gần đây. Có thể đây là ơn phước của Đức Mẹ ban cho tôi thực chăng?

Tự nhiên, tôi được ăn trắng mặc trơn. Các cháu con anh Niệm cũng có vẻ quý mến tôi lắm. Nhiều buổi sáng, tôi muốn phụ chị Niệm thái rau cho heo ăn, hoặc làm một vài công việc nhẹ, chị ấy nhất định không cho. Tôi mặc một bộ quần áo “bà ba” vải đen, tay cầm cuốn sách kinh, đi tới đi lui trong nhà, cố đọc cuốn sách kinh để có thêm kiến thức về đạo Thiên Chúa Giáo. Thỉnh thoảng, mấy bà hàng xóm sang chơi, trông thấy tôi, các bà chào:

- Chào cha ạ. Cha ở đâu về nghỉ vậy? Tôi vội trả lời:

- Ấy, các bác đừng gọi cháu là cha. Cháu đang học kinh kệ chứ có phải là cha ở đâu về đâu!

Hình như càng cải chính thì các bà càng không muốn tin. Đi ra, đi vào vẫn gọi tôi bằng “cha”. Thỉnh thoảng, các bà lại sai con cháu đưa sang cho tôi một đĩa xôi, hay vài quả chuối, có khi cả một cái đùi gà. Mãi rồi cũng quen, không muốn cải chính nữa. Anh Niệm cũng nói:

- Hay là cậu không cần cải chính nữa. Các bà có nói với tôi là các bà biết là “cha” mới chịu chức “chui” ở địa phận nào đó, về đây nghỉ, đợi đi nhận “xứ”. Cứ để các bà nghĩ vậy, có khi lại tốt cho cậu. Nhỡ công an phường mở cuộc khám xét, các bà sẽ báo ngay để cậu liệu mà “chuồn”.

Tôi ở với gia đình anh Niệm được độ hai tuần. Anh Niệm cho cháu Hồng, con gái lớn của anh đi lấy chồng. Hôm đám cưới, một người em ruột của anh Niệm về dự đám cưới cháu. Hóa ra quả đất tròn thật. Người này là bạn chơi với tôi lúc anh còn ở nhà anh Niệm trong xóm, cho tới khi tôi nhập ngũ. Chúng tôi nhận ra nhau, mừng mừng tủi tủi. Bạn này tên Phạm Văn Đường, tốt nghiệp cao học Luật Khoa Sài Gòn, hồi xưa cũng có làm cho USAID như tôi. Anh Đường đang làm trưởng phòng cho một xí nghiệp nhà nước. Anh Đường gợi ý:

- Ở đây coi vậy chứ cũng không chắc đã an toàn cho ông đâu. Hay là ông về nhà tôi ở Cư Xá Thanh Đa. Tôi quen với công an phường, hy vọng tôi đỡ đàn cho ông được.

Tôi lại chào anh chị Niệm, theo bạn Đường về Thanh Đa. Lại được ơn Đức Mẹ che chở? Về Thanh Đa, vừa yên trí hơn, và nhất là được gần vợ con, gia đình hơn. Nhà anh chị Đường ở lầu bốn trong cư xá. Hai căn nhà hai bên phải, trái, là hai bà chị ruột của vợ anh Đường. Hai bà nói:

- Chú cứ ở đây, đừng lo. Đường nó quen công an phường ở đây. Lỡ bất thần họ đi xét nhà thì chúng tôi thò đầu sang hành lang phía sau báo động, chú trốn cũng kịp.

Nhân dịp rảnh rỗi, với cái “tài” mọn vẽ vời của tôi, tôi tự tạo cho tôi một bộ giấy tờ đi đường giả, trông y như thật!

Gia đình chúng tôi thỉnh thoảng cũng thay nhau đến thăm chúng tôi. Định mệnh hóa ra cũng không quá khắt khe với tôi.

Một tháng sau, vợ tôi tìm đến gặp tôi, cho tôi biết là mới gặp được mẹ của một người bạn, chồng chị ấy cũng đang ở trong trại cải tạo. Bà cụ nêu ý kiến: Hay là để tôi có thêm chỗ ẩn náu, thỉnh thoảng cứ về nhà ông bà để thay đổi chỗ ở cho an toàn. Tôi lại có thêm chỗ ở mới.

Tôi về gặp ông bà. Ông bà rất vui, lại còn cho tôi mượn chiếc xe đạp để có cái mà đi lại.

Nhà ông bà ở đường Lạc Long Quân, gần Ngã Tư Bảy Hiền. Thỉnh thoảng, tôi đạp xe từ nhà nọ sang nhà kia, từ cư xá Thanh Đa về Ngã Tư Bảy Hiền, cũng “bở hơi tai”. Bà cụ biết tôi có ý muốn rửa tội, theo đạo Công Giáo, trước khi đi vượt biên, có nơi để gửi gắm linh hồn. Vợ chồng cùng một tôn giáo cũng tiện hơn. Bà hay giúp đỡ giáo xứ gần nhà cho nên quen thân với Cha Sở. Bà nói “để tao lo cho nó”.

Ông bà nhận làm cha mẹ đỡ đầu cho tôi rửa tội, theo đạo.

Một lễ cưới “chạy làng” được tổ chức âm thầm trong nhà thờ của họ Đạo. Cha Sở làm chủ tế. Thầy giúp lễ đánh đàn “organ” cho lễ cưới. Khách được mời rất giới hạn, chỉ có mẹ vợ tôi cùng bà chị ruột. Bên tôi thì cũng chỉ có bố mẹ tôi tham dự. Chúng tôi, trong bộ quần áo đơn

giản, khoác tay nhau đi lên cung Thánh trong bài “Oui, Devant Dieu”

Oui devant Dieu, devant les hommes, Oui pour l'amour que tu me donnes. Et pour qu'un jour je te pardonne. Si malgré toi, tu m'abandonnes. Oui pour les joies et pour les peines. Et pour les lois qui nous enchaînent. Oui, je promets quoi qu'il advienne, de rester près de toi...

Tôi mang cái tội *đa sầu, đa cảm* sẵn nên cảm động quá sức! Đang bị tù khổ sai, biệt xứ, mà được nắm tay người vợ thủy chung, chính thức kết hôn trước bàn thờ Thiên Chúa.

Lúc Cha xứ bảo chúng tôi cầm tay nhau, trao đổi câu thề hứa:

Tôi Dz... nhận em H... làm vợ, và hứa sẽ giữ lòng chung thủy với em, khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi bệnh hoạn cũng như lúc mạnh khỏe, để yêu thương và tôn trọng em mọi ngày suốt đời tôi.

Tôi H... nhận anh Dz... làm chồng, và hứa sẽ giữ lòng chung thủy với anh, khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi bệnh hoạn cũng như lúc mạnh khỏe, để yêu thương và tôn trọng anh mọi ngày suốt đời tôi.

Tôi đã nghẹn ngào, nước mắt cứ tuôn rơi, không nói nổi nên lời. Sau “lễ” cưới, cả hai gia đình chúng tôi, Cha Xứ, và thầy giúp lễ, kéo nhau về nhà cha mẹ đỡ đầu của tôi, ngả một bữa tiệc mừng nho nhỏ. Cha Xứ nói với tôi:

- Tớ nói thật với cậu: Hôm nay, cậu mà có mệnh hệ gì thì cậu lên Thiên Đàng thẳng rặng. Cậu đã ở trong luyện ngục 5 năm rồi, bây giờ chắc đã được thanh tẩy sạch sẽ các tội lỗi. Trong một ngày mà cậu chịu 4 bí tích Công Giáo: Bí tích Rửa Tội, Chịu Mình Thánh Chúa, Thêm Sức, và Hôn Phối, còn muốn gì nữa?

Quả thực, suốt năm năm bị đày đoạ trong cái địa ngục trần gian cộng sản, tôi đã có nhiều dịp suy ngẫm lại quá khứ của mình. Có những

điều mình *không* nên làm – mà mình đã làm. Có những điều nên làm – thì mình lại *chưa* làm. Tôi rất ân hận với những điều đó. Tôi tự dằn vặt mình với những thiếu sót trong quá khứ, với cha mẹ, vợ con, anh em bạn bè và nhiều điều khác khi thi hành nhiệm vụ của một người trai thời chiến.

Những ngày sau đó, vào các Chúa Nhật, tôi thức dậy thật sớm, đi xem lễ thứ nhất, lúc 5 giờ sáng. Tôi luôn luôn quỳ trên cùng để không ai nhìn thấy mặt.

Một buổi sáng, sau lễ, tôi nán lại, đợi mọi người ra về hết, mới làm dấu, đứng dậy, ra về. Một cô bé chừng 8 tuổi, lên hàng ghế, khều vai tôi, nói nhỏ:

- Bác ra phía sau nhà thờ, ba con đang đợi bác ở ngoài đó. Tôi chợt dạ: không lẽ đây là giây phút Tự Do sau cùng của tôi? Công an đã có mặt ở ngoài đó? Tôi nói với cháu bé:

- Ủ, con cứ ra ngoài trước, chút xíu bác sẽ ra sau.

Chậm chậm lê bước nặng trĩu ra ngoài, một anh chàng trông rất quen thuộc, nhảy lại, nắm tay tôi, kéo tôi về nhà anh, cũng gần nhà thờ.

Câu đầu tiên anh ta hỏi là:

- Ngày xưa, ở Biên Hòa, ông đã có vợ rồi, sao bây giờ lại cưới “bà” khác?

Tôi nhận ra, đây là thượng sĩ Toàn, phòng Văn Thư của chúng tôi trong phi trường Biên Hòa.

Anh Toàn cho biết bây giờ, anh đang đạp xe xích lô sống qua ngày. Vợ anh buôn bán lật vặt ở chợ Tân Bình. Tôi vui cười trả lời:

- Vẫn “bà” ấy đấy thôi. Ngày xưa, tôi được phép chuẩn của Tòa Giám Mục Sài Gòn, cho đạo ai nấy giữ, bây giờ mới làm phép hôn phối thực thụ. Anh Toàn thở phào. Anh Toàn thấy có người lạ mặt đi lễ, anh đã để ý quan sát tôi từ lâu. Tôi cũng thú thực với anh là chúng tôi đang

tìm đường vượt biên. Anh đãi tôi một châu bánh cuốn bà hàng xóm bán. Ăn xong anh bắt tay tôi, chúc người bốn đạo mới được nhiều ơn phước của Chúa và Mẹ Maria.

Kể từ hôm cha mẹ đỡ đầu tôi cho mượn chiếc xe đạp nên tôi có phương tiện để thỉnh thoảng đạp xe từ nhà anh Đường về nhà ông bà.

Anh Đường cẩn thận nên tôi nào tôi định đạp xe về Ngã Tư Bảy Hiền, anh Đường lo nhiệm vụ đạp xe đi trước, tôi giữ một khoảng cách xa xa đằng sau. Nếu thấy nút chặn công an, anh Đường vòng xe lại, chúng tôi rẽ sang đường khác. Từ nhà tù nhỏ, trốn ra được nhà tù lớn, tôi bị lưu đây ngay trên quê hương của tôi.

Trong khi đó, bà xã tôi vẫn tìm đường giầy đi vượt biên. Vợ tôi cho tôi hẹn gặp một ông chủ ghe, cũng có thành tích giúp được nhiều chuyến vượt biên êm thấm. Ông chủ ghe là một người dân xứ Gò Công, có một bộ “răng dzàng sáng chói”. Ông gặp tôi thì có vẻ chịu ngay. Tôi cũng thật thà nói với ông: ngày xưa, tôi là một sĩ quan Quân Cảnh, “vô nghề đây mình”! Ông nói:

- Nếu vậy thì cho chú làm “thuyền trưởng”, trách nhiệm an ninh trật tự trên ghe. Chú đi miễn phí, nhưng thím và hai đứa nhỏ thì 6 “cây”. Giá đặc biệt cho chú đó. Không chắc là vợ tôi có thể “xoay” được 6 cây, nhưng tôi vẫn nhận lời bừa.

Ông muốn ngay hôm đó, tôi phải đi theo ông về Cà Mau cho quen đường và ông sẽ giới thiệu với những người trưởng toán khác. Vợ tôi đạp xe về, còn tôi thì theo ông ra bến xe đò.

Tôi theo ông chủ ghe xuống Cà Mau, quan sát địa hình. Sau đó, ông đưa tôi một ít tiền, sai tôi về bến Ninh Kiều, Cần Thơ, gặp mấy người nữa cho ông. Vào thời điểm đó, lúc nào tôi cũng mặc một cái áo màu xanh lá cây của bộ đội, một chiếc quần tây “bèo”, chân đi đôi dép cao su đen, để qua mắt “bàn dân thiên hạ”, trong túi có bộ giấy tờ giả. (Cũng may là tôi vẫn giữ giọng Bắc xưa nay, bây giờ chỉ phải học thêm mấy “từ” của các ông ‘75 nữa, để ẹc!)

Tôi về Cần Thơ, ra bến Ninh Kiều, theo sự chỉ dẫn của ông chủ ghe, tìm gặp mấy người trưởng toán kia không khó. Mỗi người trưởng toán chúng tôi có nhiệm vụ móc nối và đưa đón khách (đã đóng tiền) của ông chủ ghe. Theo chương trình, chúng tôi sẽ đi từng ghe nhỏ, trên ghe là nhóm khách của mình. Mỗi ghe sẽ giả vờ đi bán trái cây, rau quả, đi trong sông, từ bến Ninh Kiều ra tới Cà Mau. Nếu đúng dự trù thì sẽ được đón bởi các ghe “taxi”, hướng dẫn ra ngoài cửa biển, leo lên ghe lớn đã đợi sẵn ở ngoài đó, và nổ máy, ra khơi.

Chương trình nghe đơn giản và dễ dàng như vậy, nhưng dĩ nhiên không phải vậy! Nếu dễ dàng và đơn giản như vậy thì “cột đèn” nó cũng đi hết rồi!

Từ hôm đó, ông chủ không cho tôi về Sài Gòn nữa. Ông bắt tôi phải ở Cần Thơ để làm trung gian cho ông. Khi ông cần nhân ai hoặc cần làm việc gì thì tôi sẽ là người đảm nhiệm.

Hai lần tôi thoát công an địa phương trong gang tấc. Một lần ở Cần Thơ và một lần ở Cà Mau. *Hai lần bước qua lần chỉ ngăn cách giữa cái chết và sự sống.* Cũng từ hôm đó, tôi không được về Sài Gòn, phải làm con thoi giữa Ninh Kiều và Cà Mau, nhận lệnh của ông chủ ghe. Tôi không được gặp mặt bố mẹ và các em tôi. Tôi cũng không có cơ hội chào tạm biệt vợ chồng anh Đường.

Tôi cũng phải tạm dừng ở đây để nói lên lòng chân thành biết ơn của tôi đối với anh chị Niệm, vợ chồng bạn Phạm Văn Đường, anh Thắng, cha mẹ đỡ đầu của tôi, Cha Xứ, thầy giúp lễ, cha mẹ, họ hàng hai gia đình, và nhiều ân nhân “không biết tên” nữa đã âm thầm an ủi, giúp đỡ tôi có thêm can đảm, nghị lực, để vượt qua những chướng ngại trong phần đời bị lưu đày trên chính xứ sở của mình. Biết nói gì để cảm tạ ơn phước của Mẹ Maria những ngày qua?

PHẦN MƯỜI TÁM

Phần Đòi Có Bình Minh

Một hôm, ông chủ ghe về Cần Thơ họp với các trưởng toán. Ông cho biết là mọi người phải nhấn khách xuống để trong hai ngày nữa sẽ khởi hành. Tôi vội vàng nhấn khách của nhóm tôi, và dĩ nhiên, nhấn vợ con tôi xuống. Mặc dù chưa thanh toán tiền cho ông chủ ghe nhưng tôi cứ nhấn vợ con xuống, tìm cách năn nỉ ông chủ ghe sau. Khi vợ tôi xuống thì cũng có được ba cây vàng. Cả hai gia đình vợ vét, bán hết đồ trong nhà mới gom đủ ba cây. Tôi đưa ba cây vàng cho ông chủ ghe, trình bày hoàn cảnh. Tôi và ông chủ ghe làm việc với nhau đã đủ lâu để chúng tôi hiểu tâm tính của nhau. Ông cầm ba cây vàng, không đòi thêm.

Từ hôm đó, mỗi khi cần di chuyển, tôi nhìn vợ tôi và cô nàng hiểu ý, dắt hai con đi theo, giữ khoảng cách xa xa. Chúng tôi mua đầy thuyền những loại rau quả linh tinh, chất đầy khoang trước của ghe. Các ghe khác cũng trang bị xong. Chúng tôi nối đuôi nhau đi trên sông. Thỉnh thoảng, làm bộ ghé vào chợ chào hàng, thực ra để lên chợ mua thức ăn trong ngày cho mọi người trong ghe. Ghe chạy hai ngày mới về tới Cà Mau. Ông chủ ghe xuất hiện, cho biết mọi thứ đã thuận lợi, không phải lo.

Buổi tối hôm đó, ông cho lệnh xuất phát. Ông không đi trên ghe với chúng tôi, nói ông sẽ đi ghe khác. Chúng tôi được một ghe nhỏ, máy rất mạnh, chạy rất nhanh, dẫn đường ra cửa biển. Lúc đó, chúng tôi vớt hết số rau quả còn trên ghe cho nhẹ, để có thể theo kịp chiếc “taxi” kia. Chúng tôi kiểm lại số nước uống trên ghe. Cảm thấy không đủ nên thả gầu xuống mức nước lên đổ vào mấy cái “can” nhựa. Chúng tôi cứ theo nhau như vậy, len lỏi đi trong sông. Trời đã tối lắm. Lúc khoảng 2 giờ sáng thì chúng tôi ngừng lại. Anh chàng lái ghe nhỏ cho chúng tôi biết là cứ ém “quân” ở đây một lúc, chờ anh đi liên lạc với ghe lớn. Nói xong, anh phóng vụt đi.

Anh chàng này có lẽ quen việc lắm nên rất nhanh nhẹn, rành rõi đường đi trên sông. Một chút xíu sau, anh trở lại, gọi chúng tôi theo sau. Anh dặn là phải theo đúng đuôi sóng của chiếc ghe của anh. Nếu đi trật, có

thể vướng vào “đáy” (lưới) người ta cắm trên biên, sẽ khó gỡ lắm. Chúng tôi cố căng mắt trong màn đêm để theo anh cho kịp. Khoảng hai giờ sáng thì chúng tôi thấy anh taxi chạy chậm lại, anh xoẹt mấy ánh bật lửa. Ngoài kia, chắc là trên ghe lớn, cũng có mấy tia sáng xoẹt xoẹt trong màn tối mù mịt. Anh taxi lại ra hiệu cho chúng tôi theo. Khi đến gần chiếc ghe lớn, anh ghé lại, cặp vào ghe chúng tôi nói:

- Anh chị, bà con có còn tiền Việt thì cho tôi xin, bây giờ ra cửa biển rồi, tiền Việt đâu có ý nghĩa gì nữa. Chúng tôi cũng thấy cơ hội trước mắt rồi nên cũng không tiếc anh chàng này. Tất cả mọi người moi móc trong túi, trong giỏ, còn bao nhiêu tiền, đưa hết cho anh. Anh chàng chỉ đợi có thể, phóng vụt đi mất. Chúng tôi cặp vào ghe lớn, đàn bà trẻ em leo lên trước. Đàn ông chúng tôi leo lên sau. Khi mọi người leo lên ghe lớn rồi mới biết là anh chàng lạng lẽ lái ghe nhỏ cho chúng tôi từ trong sông đi ra, không leo lên đi với chúng tôi. Anh ta cũng không xin xỏ gì, lạng lẽ quay mũi ghe vào, trở về. Trên ghe lớn, không ai có thì giờ kiểm soát xem toán mình ra tới nơi chưa, leo lên ghe chưa. Ghe đã nổ máy, ra khơi.

Anh chàng tài công nói chúng tôi xuống hầm hết để không bị nghi ngờ. Trời đã gần sáng rồi. Anh chàng thấy tôi tần ngần không xuống hầm theo vợ con tôi. Anh hát hầm nói:

- Ê, anh này, anh có nghe tôi nói xuống hầm hết không? Tôi hơi bất bình vì thái độ của anh đối với tôi. Có lẽ vì trời còn tối quá, anh chàng không trông rõ sự cách biệt tuổi tác. Tôi trả lời:

- Ông chủ ghe nói tôi làm thuyền trưởng, kiểm soát trật tự trên ghe. Tôi mà xuống dưới thì ai trách nhiệm trên này? Anh chàng không nói gì thêm. Tôi ngồi cạnh anh trong khoang lái, quan sát. Được một lúc, có lẽ ghe đã chạy ra khỏi cửa biển an toàn. Tôi hỏi anh:

- Ghe mình có bản đồ, địa bàn không? Anh nói “có, trong hộc đó”.

Anh chỉ tay cho tôi lấy ra. Tôi lấy ra được một cái địa bàn lớn, và một tờ bản đồ. Mặt anh này trông “non choẹt”. Tôi không nghĩ là anh ấy đã từng là một sĩ quan hải quân. Tôi muốn thử anh nên tôi nói: Anh

dùng địa bàn mà định hướng bản đồ đi. Anh này có vẻ ngạc nhiên, tại sao tôi lại “ra lệnh” cho anh ta. Anh có vẻ bất mãn:

- Anh biết thì anh làm đi. Tôi lẳng lặng đóng tấm bản đồ xuống mặt “bàn”. Để cái địa bàn vào giữa bản đồ. Quay quay để tìm hướng. Anh tài công quan sát, có vẻ bớt căng thẳng. Tôi cho bản đồ và địa bàn cùng hướng với nhau xong, tôi nói:

- Bây giờ, anh cứ ráng giữ hướng này mà đi, từ Cà Mau, lấy 270 đến 290 độ là đến Thái Lan. Anh chàng không trả lời.

Bây giờ, có lẽ ghe đã bắt đầu ra ngoài cửa biển, sóng càng ngày càng mạnh hơn. Đây là lúc tôi ngoái cổ lại, nhìn thấy một dải đất màu trắng mờ mờ trong ánh sáng chênh vênh của sương sớm. Tôi biết đây là dải đất cuối cùng của quê hương. Đây có lẽ là lần cuối cùng trong cuộc đời, tôi còn nhìn thấy quê hương. Tôi ra đi, mang theo nhiều thương nhớ, nhiều cảm phần và con tim rướm máu.

Ghe đã đi được một lúc. Trời đã có những tia nắng hồng nhợt nhạt và ánh bình minh bắt đầu ló dạng. Tôi nhìn mà hết hồn. Trong đêm, chưa nhìn thấy biển cả, chỉ thấy một màu đen như có ai bịt mắt. Bây giờ nhìn thấy đại dương lần đầu tiên, sao nó rộng lớn mênh mông đến như vậy? Thân phận con người trước hoàn cảnh này mới thấy mình quá bé nhỏ và quá yếu đuối. Nhìn quanh, chỉ một màu nước biển xanh thẫm, không còn thấy bờ bên đâu nữa. Sóng càng xô mạnh vào mạn thuyền. Nhiều người đã tự động chui lên từ dưới khoang thuyền, ời mưa hàng loạt. ời mưa xong thì cũng nằm sóng xoài trên khoang trước của ghe. Đuổi họ cũng không xuống nữa. Họ nói, ở dưới đó nồng nặc mùi dầu hôi và đã có nhiều nước tràn vào thuyền. Tôi nhảy xuống, thứ nhất là để xem vợ con tôi thế nào. Sau đó là để đốc thúc thanh niên trẻ tát nước dưới lòng ghe. Một ông khách có vẻ cũng lớn tuổi hơn đám trẻ, cứ ý ra đó, không chịu tham gia tát nước. Tôi nói với ông:

- Nếu anh không tham gia tát nước với đám trẻ, lát nữa ghe chìm thì anh cũng chết. Trước khi ghe chìm, tất cả chúng tôi đều chết, tôi sẽ là người thấy anh xuống nước trước.

Ông ta miến cưỡng ngời dậy, chuyển những gầu nước từ tay anh em, chung vai đổ nước ra ngoài.

Tôi thấy thuyền có vẻ chòng chành, chạy trở lên khoang lái thì thấy chính anh “tài công” cũng ới mưa, nằm vật vã dưới sàn. Tôi đẩy anh sang một bên, nhảy vào thay anh cầm lái. Cái cần lái của chiếc thuyền



này không phải là cái “vô lăng” có nhiều cái tay nắm chìa ra ngoài như ở các thuyền lớn.

Ở đây, người lái phải vớ tay ra sau lưng, điều khiển cái cần lái dài, chuyển ra sau, móc với bánh lái ở dưới nước.

Tôi cố giữ lại thăng bằng cho chiếc ghe xong thì nhờ chú thanh niên đứng gần (anh chàng phụ máy) giữ bánh lái cho tôi. Tôi vớ tay lấy cái bịch nylon tôi mang theo, trong đó

đựng gạo sấy, tôm khô, và một sợi dây dù dài. Tôi nói chú phụ máy tìm cho tôi cái búa và mấy cây đinh. Tôi lấy dây dù buộc chặt chung quanh người xong, dùng búa, đinh đóng chặt hai đầu dây vào khoang thuyền. Tôi nói với chú phụ máy:

- Tôi phải buộc người tôi vào thể này chứ nếu lỡ sóng lớn hất tôi xuống biển thì cả ghe này sẽ chết. Tôi còn sống thì mọi người sẽ sống. Chú phụ máy, chú Thảo, nghe xong nức lòng giúp tôi mọi thứ. Anh chàng xưng là “tài công”, theo ông chủ ghe quảng cáo với tôi lúc ở trên bờ: Đã tuyển được một tài công, trước đây là một “Hải Quân Trung Úy”, thuộc lòng đường đi biển từ Cà Mau sang Thái Lan! Ông “hải quân trung úy” giờ này nằm sóng sượt như đã chết rồi vậy!

Chiếc ghe cũng cứ “phành phạch”, nhẹ nhàng, chậm chậm lướt sóng. Khi trời sáng bạch thì ghe chúng tôi đã đi được khá xa bờ. Không có một dấu chấm nào trên đường chân trời. Phải nói thêm là trong đời tôi

chưa bao giờ cầm lái một chiếc ghe, chạy trong sông cũng chưa, nói gì chạy ngoài biển như thế này. Cũng may, tới giờ này thì biển vẫn êm, sóng cũng giảm độ mạnh, không như lúc mới ra khỏi cửa biển.

Khoảng giữa trưa thì tiếng máy ghe “ho” hù hụ. Anh chàng Thảo nói tôi tắt máy để anh lặn xuống xem chuyện gì xảy ra. Nhân lúc này, vợ tôi từ dưới khoang chui lên, đưa cho tôi mấy miếng củ đậu.

- Tìm mãi mới mò được mấy miếng củ đậu này, gọt sẵn rồi. Mình ăn lấy sức. Tôi vừa khát nước, vừa đói, cắn ngay một miếng lớn, tôi lập tức phun ra vì miếng củ đậu này “tắm” đầy dầu ghe máy. Vợ tôi nói, ở dưới đó, cái gì cũng tắm đầy mùi dầu! Đành phải cố nuốt vậy.

Chú Thảo ngoi lên, cho biết là “chân vịt” bị cuốn đầy rong rêu, rác rến, lá dừa từ trong sông nên không quay được. Bây giờ “em đã cắt hết, nó quay được rồi. Anh thử xem sao”? Máy lại nổ. Con thuyền Định Mệnh vẫn chòng chành chạy được. Đêm thứ nhất trên biển tương đối êm ả.

Đêm thứ hai, mọi người chờ đợi mòn mỏi nhìn thấy đất liền. Khi thấy một ngọn đèn đỏ chớp chớp ở xa, bà con trong ghe cứ đòi chạy về hướng đó, biết đâu đó là giàn khoan dầu của nước ngoài? Tôi do dự nhưng cuối cùng cũng phải chiều mọi người. Chiếc đèn đỏ đó cũng đang chạy về phía chúng tôi! Như vậy là không phải dàn khoan dầu rồi. Bây giờ có chạy cũng trễ vì chiếc thuyền kia cao, lớn, và lướt sóng nhanh vô cùng. Gần đến chúng tôi, họ nổ một loạt súng, ra lệnh chúng tôi ngừng lại. Hóa ra, đây là bọn cướp biển Thái Lan. Bọn cướp này thực ra không phải là người Thái. Chúng nó người Mã Lai, sống ở một làng chài sát biên giới Thái/Mã Lai. Chúng quần “xà rồng”, đeo những chuỗi hạt quái dị trên cổ. Mặt mũi bặm trợn. Bọn cướp thả một cái thang dây xuống, bắt chúng tôi theo nhau leo lên ghe của chúng. Tôi còn kịp nói với mấy anh em trẻ:

- Nếu chúng hỏi “tài công” hay “thuyền trưởng” đâu thì đừng chỉ tôi. Chúng vớt tôi xuống biển thì không ai tiếp tục lái ghe.

Chúng tôi đã leo lên ghe của bọn cướp biển. Ghe của chúng lớn vô

cùng. Chúng tập trung mọi người lên boong trước. Chúng lấy một sợi dây thừng căng giữa sàn. Một tên cầm cái sô bằng tôn, một tay cầm một khẩu súng nhỏ, khoác khoác tay, bảo chúng tôi bỏ vàng, đồng hồ, dây chuyền, tiền bạc vào cái sô đó, xong đi sang bên kia sợi dây thừng.

Trước khi xuống ghe ở Cần Thơ, vợ tôi có lấy kim băng cài một nhẫn vàng một chỉ vào lưng quần thằng con trai lớn của chúng tôi. Trên ghe cướp biển, tôi làm bộ xiu, nằm lê lét trên sàn. Tôi liếc hai đứa con trai tôi, ra hiệu cho hai đứa lẳng lẳng bò sang bên kia sợi dây thừng. Bọn cướp không để ý hai đứa trẻ nhỏ. Hai đứa con tôi bò sang bên kia an toàn. Sau khi lục soát hết mọi người trên ghe, chúng ra hiệu cho chúng tôi trở về thuyền của mình. Mọi người trở về thuyền an toàn, mới biết là đã có thằng cướp xuống ghe, lục soát hết mọi thứ.

Chúng lấy đi cái máy “đuôi tôm” chúng tôi cài bên cạnh ghe, chọc thủng hết các thùng dầu dự trữ để tìm vàng giấu trong đó, vứt hết địa bàn và bản đồ của chúng tôi xuống biển.

Chúng thông xuống ghe cho chúng tôi một nồi cháo trắng lớn và một vài con cá khô, xong chúng chỉ chúng tôi đi hướng đó...Tôi liếc mắt tìm sao Bắc Đẩu thì biết ngay, hướng đó là đi *ra* biển, trong khi chúng tôi đang muốn đi *vào* bờ. Tôi đợi cho chúng chạy khuất rồi quay mũi ghe đi theo hướng định đi. Tôi nói với bà con là từ bây giờ trở đi, lái theo hướng nào là quyết định của tôi, không đuổi theo đèn đỏ nào hết. Mọi người im lặng. Cũng may một điều là bọn cướp chỉ chủ trương lục soát, lấy của cải vật chất. Chúng không làm hại ai, không bắt cóc ai theo chúng như những chuyện chúng tôi từng được nghe. Bây giờ tôi chỉ còn lái ghe bằng kiến thức đi biển đã học được trong tù. Ghe vẫn đang trôi êm đềm.

Đến gần sáng thì một trận bão hay biến động đã xảy ra. Chiếc ghe của chúng tôi lúc thì bị đội lên đỉnh sóng, nhìn xuống hai bên thấy nước sâu như trên lầu ba nhìn xuống, lúc ở dưới chân sóng, nhìn lên thì hai bên bờ nước cao bằng năm lần chiếc ghe của chúng tôi. Tôi nghĩ bụng, nếu luồn dưới chân sóng mà đi thì may ra thoát, chứ nếu đi xuôi theo luồng sóng thì nó lật úp ngay. Chống cự với sóng như vậy trong một thoáng, chắc chỉ độ 10 phút, thì biển êm trở lại. Không thể hiểu

nổi đó là hiện tượng gì. Cứ thế mà trời sáng dần trở lại. Trời sáng thì có nỗi sợ khác: Biển mênh mông, không bờ, không bến nào. Nhân lúc trời yên gió lặng, tôi cho vợ con tôi lên trên khoang với tôi, hít thở không khí trong lành.

Trong những giây phút vợ chồng chúng tôi nhìn nhau mà thầm cảm ơn định mệnh đã cho chúng tôi tạm thoát những cơn nguy kịch. Chúng tôi nhìn xuống mặt biển mà điếng hồn vì những mảnh ván thuyền trôi vờ vờ chung quanh con thuyền của chúng tôi. Chúng tôi cùng thoáng qua một ý nghĩ: đã có bao nhiêu cánh tay tuyệt vọng bám víu lấy miếng ván đó như cái phao cuối cùng trước khi buông tay, thả cho thân xác chôn vùi dưới đáy đại dương, căm hận bọn người đã khiến họ phải quyết định rời bỏ quê hương ra đi. Chúng tôi, như một phản xạ, đưa tay làm dấu thánh giá, cầu nguyện cho linh hồn họ được cứu rỗi.

Nhân lúc biển êm, nhiều người đã “tranh thủ” làm những việc cần thiết! Nồi cháo của bọn cướp cũng đã được thanh toán hết. Có người tình nguyện nấu cơm cho mọi người ăn. Sờ đến bịch gạo thì ôi, nó thấm đầy nước biển lẫn với dầu máy! Từ hôm qua đến nay, tôi cũng chỉ mới “cạp” được mấy miếng củ đậu, chưa có thêm gì vào bụng.

Khi tôi nói về một nỗi lo sợ mới ban ngày: đó là khó đoán phương hướng. Mặt trời thì chói chang, cứ phải lấy một cây gậy, cột cho đứng giữa khoang thuyền, nhìn theo bóng của nó mà đọc phương hướng.

Bất thần, một đàn cá heo xuất hiện. Gặp ghe chúng tôi, đàn cá có vẻ dzui lắm. Nó đua nhau nhảy lên mặt nước đùa với chúng tôi. Chúng húc rầm rầm vào thành ghe và như muốn “chạy đua” với chúng tôi. Cũng vui được một lúc thì đàn cá cũng tản đâu mất hết, trả lại sự yên lặng của mặt biển. Nhiều người tin rằng hề có cá heo xuất hiện, tức là gần đến đất liền.

Tôi vẫn buộc chặt người vào khoang lái. Trời ban ngày nóng quá mà không dám cởi áo vì vết sẹo dài trên ngực, kết quả của đòn thù của thằng Dũng vệ binh. Một ngày nữa sắp tàn. Mặt trời chuẩn bị “lặn” xuống biển, hắt ra những tia nắng đỏ cuối cùng của ngày.

Anh chàng “tài công” giờ thì đã tỉnh táo nhưng tuyệt đối không có ý muốn giúp tôi cầm lái. Chú Thảo cũng khinh hấn ra mặt nhưng anh chàng tài công cũng đành phải làm mặt lỳ ra thôi. Thảo bây giờ thay tôi làm trật tự. Chú cầm can nước đi rót cho từng người theo một số lượng cố định, không phung phí. Gọi là nước “ngọt” nhưng loại nước mà chúng tôi thả gầu xuống sông mức lên, lúc sắp ra cửa biển nên thật ra là nước lợ, pha trộn giữa nước sông và nước biển. Có còn hơn không!

Một ngày, một đêm nữa qua đi bằng an. Đêm thứ ba lênh đênh trên biển đã bắt đầu. Tỉnh thoảng, chúng tôi thấy những ngọn đèn đỏ chớp chớp ở xa xa nhưng không ai đòi lái về hướng đó. Mấy can nước cũng voi dần. Cũng nhờ ban đêm không nóng nên cũng không khát nước như ban ngày. Chắc lúc đó khoảng bốn giờ sáng, chúng tôi thấy một ngọn núi mờ mờ trong đêm. Ở dưới chân núi cũng có một bóng đèn đỏ chớp chớp nhưng chúng tôi vẫn chạy vào hướng đó vì có ngọn núi tức là sắp đến đất liền. Độ 5 giờ sáng thì ngọn núi hiện ra rõ thêm. Ngọn đèn cũng phát ra từ một cột ăng ten sắt cao. Chúng tôi cảm thấy như là sắp sống lại. Càng gần bờ thì chúng tôi thấy một đám người lố nhố, vẫy chúng tôi vào. Gần hơn nữa thì nghe họ gọi bằng tiếng Việt! Anh em trên ghe nói:

- Ông ơi, ông lái làm sao mà trở về Vũng Tàu rồi. Tôi nghe cũng điếng cả người, nhưng ngẫm nghĩ lại: theo góc độ mà tôi lái ba ngày nay, thì đây không thể là Vũng Tàu được, mặc dù trông ngọn núi mờ mờ trong sương sớm, cộng với cái cột đèn ăng ten cao nữa, trông giống Vũng Tàu thật. Khó hiểu quá.

Khi trời sáng hẳn thì chúng tôi nhận ra những người trên bờ đang vẫy tay gọi chúng tôi vào đều ăn mặc như người Thái, tức là đàn ông, đàn bà gì cũng mặc “xà rông”. Như vậy, đây là bờ biển Thái Lan rồi. Tôi cho ghe đâm thẳng vào bờ, tắt máy. Những thanh niên, trai tráng nhảy xuống trước, phụ đỡ đàn bà trẻ em xuống sau. Tôi thấy vợ con an toàn ở dưới rồi tôi mới nhảy xuống.

Ngay sau đó, cảnh sát Thái đến. Họ tập trung chúng tôi vào một chỗ, bắt đầu lấy lý lịch và lập thủ tục. *Tôi sung sướng và hãnh diện khai tên thật của tôi!* Cũng chỉ một lúc sau thì một anh Cao Ủy Tỵ Nạn

đến. Anh ấy mang cho chúng tôi một ít nôi, xoong, chảo, và mấy bao gạo. Một số đồng hương đã đến đây trước mang nước ngọt, nước đá ra tiếp đón chúng tôi. Ôi, Đức Mẹ ôi, sao một ly cô ca và nước đá lạnh có thể ngon đến như vậy? Bình tâm trở lại, anh chàng Cao Ủy đến nói chuyện với tôi. Anh hỏi tôi cần gì nữa không? Tôi kéo anh ra một chỗ, hỏi anh giúp tôi đánh điện về cho gia đình tôi ở Việt Nam được không? Anh nói “Được”. Tôi thảo ngay một bức điện ngắn, đưa cho anh. Anh chào tôi và hứa ngày mai trở lại.

Đây là giải đất cực Nam của Thái Lan, trước khi sang bên kia biên giới Mã Lai. Vùng đất này có tên là Narathiwat. Đã có 5 ghe khác đến vùng đất này trước chúng tôi. Họ cho biết đây là một trại tỵ nạn bán chính thức. Cảnh sát địa phương hay vào làm tiền. Ai có tiền thì có khi họ còn hộ tống ra chợ cho mua bán lặt vặt. Một vài người Hoa còn có tiền, hay ra phố mua mì gói, cà phê về bán lại cho bà con trong trại ăn thêm, bên cạnh những thức ăn Cao Ủy cung cấp.

Năm người chủ ghe đến trước chúng tôi họp thành Ban Đại Diện trại, tiếp xúc với ông Cao Ủy mỗi khi ông xuống. Từ khi ghe chúng tôi vào trại, ma mới cũng hay bị ma cũ bắt nạt, đành chịu lép vế. Hai hôm sau, anh Cao Ủy (người Singapore) trở lại. Anh ôm theo một thùng giấy, trong đó có dép “Nhật”, quần áo, một ít thuốc tây chữa cảm cúm... Anh họp năm ông chủ ghe cũ lại, giới thiệu tôi là chủ ghe mới vào trại.

Anh tuyên bố với tất cả mọi người:

- Kể từ hôm nay, khi tôi đến đây, các ông không cần gặp tôi nữa. Tôi chỉ nói chuyện với ông này (chỉ tôi) và nếu có lệnh mới, ông này sẽ nói lại với các ông.

Tôi không hiểu tại sao tôi được chú ý đặc biệt như vậy. Có lẽ vì khả năng sinh ngữ của tôi chăng? Khi nói chuyện với nhau, chúng tôi hiểu nhau rành mạch. Cũng kể từ hôm đó, các ông chủ ghe cũ hay mời tôi ăn sáng, uống cà phê với các ông. Chúng tôi không bị nhìn bằng cặp mắt khinh rẻ nữa. Trong hộp dép Nhật mà anh Cao Ủy mang vào cho tôi hôm trước, chỉ có *hai chiếc dép cùng một bên* vừa chân tôi. Đành phải lấy mà đi vậy!

Chiếc ghe chúng tôi đâm vào bờ hôm trước vẫn nằm “lắc lư” bên bờ cát. Người dân địa phương đã đến gỡ chiếc máy của ghe. Hai ngày sau, phần mũi ghe, chỗ tôi ngồi cầm lái đã bị hất tung, bay đâu mất. Bây giờ chúng tôi mới có dịp ra ngắm nghía nó. Đáy của nó được tráng một lớp xi măng dày cui, nặng nề. Đáng lẽ nó phải được sửa chữa và trét keo hoặc nhựa đường. Thảo nào nó chỉ chạy được khoảng 5-6 cây số một giờ. Mũi của ghe cũng không phải là ghe đi biển, mũi bầu này chỉ có thể đi trong sông. Nghĩ mà ngán ngấm quá. Các ông “chủ ghe” quả thật là táng tận lương tâm. Ghe của chúng tôi chở tất cả 56 người, kể cả 4 người của gia đình chúng tôi. Mỗi người trung bình phải chi từ 3 đến 5 cây vàng. Cứ lấy trung bình 4 cây, 50 người chúng tôi đã phải nạp cho ông chủ ghe hơn 200 cây vàng! Cả một gia tài khủng khiếp! Ông đã đưa được bao nhiêu chuyến đi như vậy? Và bao nhiêu sinh mạng đã phải tức tưởi vùi thây ngoài biển cả?

Hơn một tuần sau, anh chàng Singapore trở lại. Anh cho tôi biết là bức điện tín đã được gửi đi ngay hôm tôi mới vào bờ. Anh đã quên không nói với tôi. Anh cho biết sáng mai, sẽ có hai ghe được chở vô trại tỵ nạn chính ở Songkhla. Tôi thông báo cho các ghe kia. Mọi người háo hức mong chờ ghe mình được gọi ngày mai. Họ ăn uống tung bừng tới hôm đó, mặc dù chưa biết ai đi, ai ở. Ghe chúng tôi mới vào trại được hai tuần nên biết thân phận mình, cũng phải đợi vài tháng nữa nên mọi người ăn cơm xong, đi ngủ ngay.

Sáng ra thì đã thấy một đoàn xe đò Thái xếp hàng ngoài trại. Anh chàng Cao Ủy gặp tôi, đưa danh sách hai ghe sẽ lên đường hôm nay. Nhìn vào danh sách, tôi tá hỏa, hô anh em trong ghe của tôi chuẩn bị, sắp xếp đồ đạc, hôm nay lên đường. Một chiếc ghe khác cũng được đi cùng chúng tôi. Các ông chủ ghe kia buồn rười rượi. Tôi gặp và phân bua với các ông là tôi không có ý xin đi trước. Đây hoàn toàn là quyết định của ông Cao Ủy. Hình như không ai muốn tin lời phân bua của tôi. Họ nhìn tôi hần học.

Đoàn xe chở chúng tôi mất cả ngày đường mới tới Songkhla. Trại cho đón chúng tôi. Một số anh em trật tự trại cầm sẵn gậy gộc, chuẩn bị “chào đón”. Nếu nhận diện được tên việt công nào trà trộn trong số những “thuyền nhân” mới vào trại thì sẽ được chào đón tận tình – như

chúng đã từng làm với người Miền Nam khi mới vào “giải phóng”!!!



Hình bên cạnh là tấm hình gia đình chúng tôi do Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc (UN HCR) chụp để làm thủ tục nhập trại và rồi sẽ được đi định cư ở một đệ tam quốc gia. Tác giả, người chồng/cha trong gia đình trông gầy còm, ốm yếu vì vừa trải qua 5 năm trong lao tù cộng sản, trốn trại và

vượt biên sang được đến đây. So với thời điểm tôi đang viết cuốn hồi ký này, hình được chụp 44 năm trước, có khi trông tôi còn già, còn hom nhem hơn bây giờ nữa? Rõ khổ!

Lúc chúng tôi vào trại tỵ nạn Songkhla thì đã có khoảng 13 ngàn người Việt, phần đông là “thuyền nhân” và một ít người được chuyển đến từ các trại dành cho người trốn khỏi Việt Nam bằng đường bộ. Sau khi “chiếm” được một khoảng “đất” trên bờ biển làm chỗ ở trong khi chờ đợi được dọn vào trong lều plastic, gia đình chúng tôi sống trong cảnh “màn trời, chiếu đất” mất hai tuần. Tôi tình nguyện vào giúp việc trong Ban Thông Dịch và Thủ Tục của trại. Tôi gặp lại anh bạn Hàn Bình Quang, thời VNCH là giáo sư dạy Anh Văn trong trường Sinh Ngữ Quân Đội. Anh ân cần giới thiệu tôi với anh trưởng ban Thông Dịch hiện tại. Tôi có vẻ được “trọng dụng” hơn một chút. Chỉ sau một tuần, anh Lãm, trưởng ban, được sang Mỹ định cư. Tôi lên thay thế, làm trưởng ban.

Có một hôm, tôi làm thông dịch giúp một gia đình xin đi định cư ở Mỹ, đơn của họ được chấp thuận. Đến tối, người chồng đến tìm tôi, hỏi tôi đã có chỗ ở chưa. Tôi nói chúng tôi mới vào nên hãy còn sống trong cảnh “màn trời chiếu đất”. Ông này là một viên chức gì đó trong chùa. Ông kéo tay tôi về chùa và cho gia đình chúng tôi một khoảng đất nhỏ, vừa một cái chiếu. Ban đêm tá túc ở đó nhưng ban ngày phải cuốn gói để chùa có chỗ làm việc Phật sự. Tự nhiên chúng tôi được

vào tá túc trong chùa. (Một bốn đạo Công Giáo mới lại được vô chùa tá túc!) Chùa là một gian nhà nhỏ, ở cuối dãy dân cư, dọc theo bãi biển.

Trước đó vài căn thì lại là một ngôi thánh đường nhỏ do *Cha Joe Devlin* cai quản. Mỗi ngày Cha chạy cái xe gắn máy từ ngoài vào, giúp giáo dân Công Giáo trong trại. Gia đình tôi cũng có nhận được 50 “bạt” từ Cha Joe, trợ cấp những gia đình mới vào trại. Rất nhiều người trong trại biết ơn Cha và họ đều nghĩ về Cha như một vị “thánh sống”.

Anh bạn Cao Ủy Tỵ Nạn người Singapore thỉnh thoảng cũng có ghé thăm tôi trong trại. Các anh em làm việc trong Ban Thông Dịch ngạc nhiên lắm vì một ông Cao Ủy “quyền hành toàn cõi” Đông Nam Á như vậy mà lại quá thân thiết với tôi. Trong chức vụ, tôi được làm việc nhiều với các phái đoàn ngoại quốc đến để cứu xét hồ sơ cho bà con Việt Nam đi tỵ nạn. Các phái đoàn đặc biệt quý mến tôi. Họ đưa giấy tờ chuẩn thuận sẵn, nói tôi lúc nào muốn đến định cư tại quốc gia của họ thì chỉ việc ra Bangkok trình giấy thì sẽ được đi. Họ đại diện các nước Pháp, Canada, và Thụy Điển. Ý tôi vẫn muốn chờ phái đoàn Mỹ nên cứ nhận giấy tờ của họ nhưng chưa muốn quyết định. Cơ hội làm việc với phái đoàn Mỹ đã đến: Anh chàng trưởng phái đoàn được bà con ở đây gọi là “thằng gà đá” vì hồ sơ xin tỵ nạn ở Mỹ đến tay của anh rất dễ bị khước từ. Trên hai cánh tay của anh ta có xăm hình hai con gà trống! Tôi chắc anh chàng này là một sĩ quan CIA cao cấp, rất giỏi tiếng Việt, nhưng vẫn hay giả vờ không biết, vẫn luôn có một cô thông dịch viên người Việt đi theo.

Tờ khai lý lịch của tôi bao gồm thời gian phục vụ trong Không Lực VNCH, 5 năm trong ngục tù cộng sản, trốn trại và vượt biên sang được đến đây. Tôi không quên nói về 3 năm tôi làm việc cho cơ quan USAID tại Sài Gòn. Ông trưởng phái đoàn đã phỏng vấn hàng ngàn người trước tôi nên ông cũng “rành sáu câu”. Ông không hỏi thêm.



*Tác giả cùng vợ và hai con trai
vừa ra khỏi trại tỵ nạn, bay từ
Bangkok đến phi trường
Oakland,
Tháng Chín, năm 1980.
(Người kia là chị vợ tôi, cùng
con gái của bà ra phi trường
đón chúng tôi.)*

Duy chỉ có chi tiết tôi đã từng làm việc cho USAID thì ông nói ông sẽ về kiểm chứng với Washington D.C., nếu đó là sự thực thì ông sẽ giúp tôi. Hai ngày sau, ông trở lại, tươi cười nói với tôi là ông đã gọi về USAID và họ xác nhận những lời khai của tôi là đúng. Ông đóng mộc chấp thuận cho gia đình chúng tôi vào định cư ở nước Mỹ. Ông cho biết phải đợi đến đợt sắp tới, khi có đủ số người đi định cư, họ sẽ thuê một máy bay chở chúng tôi đi. Chỉ hai tháng sau, gia đình chúng tôi đã đáp xuống phi trường Oakland, Bắc California.

*
* *



(Hai năm sau khi được định cư ở Hoa Kỳ) Tác giả cùng vợ và hai con trai trong lễ tốt nghiệp, nhận lãnh văn bằng Cao Học chuyên khoa Giáo Dục (M.Ed.) từ viện đại học University of San Francisco, một trong những trường đại học danh tiếng của Mỹ, được các linh mục Dòng Tên thành lập năm 1885. Lúc đó, gia đình chúng tôi mới sang Mỹ, lo học và lo đi làm, chưa có bạn nên không có ai đến chung vui!

PHẦN MUỖI CHÍN

Đời Binh Nghiệp

Trước khi viết đoạn kết của tập hồi ký này, tôi thiết tưởng cũng nên nhắc đến một phần đời trong định mệnh của tôi. Trong phần đời này, tôi đã trải qua hơn 6 năm phục vụ trong Không Lực VNCH. Tôi đã được định mệnh đãi ngộ “hậu hĩnh” vì những hoạt động của tôi trong thời gian này đều đưa đến những kết quả tốt đẹp, được cấp trên và bạn bè quý mến.

Lúc mới tốt nghiệp từ trường BB Thủ Đức với cái lon chuẩn úy mới toe, tôi về trình diện đơn vị ở phi trường Biên Hòa. Hôm đó, hình như có tất cả 4 anh chuẩn úy bước vào văn phòng của đại úy (Đ/u) Nguyễn Đức Tân. Chúng tôi làm đúng thủ tục đúng nghiêm, chào, xưng tên tuổi xong. Đ/u Tân nói:

- Các cậu cứ về nghỉ, tôi sẽ sắp chỗ làm cho các cậu sau. Cậu Dzương ngồi xuống đây.

Trong văn phòng của ông chỉ có hai bàn làm việc. Tôi chưa hiểu ý của ông nhưng vẫn cứ phải làm theo lệnh, kéo ghế ra ngồi, chờ ông giao cho công việc. Đ/u Tân bận rộn với công việc, có lẽ ông không nhớ là có anh “lính mới” đang ngồi đó chờ lệnh.

Tôi ngồi một lúc, không biết làm gì, làm bộ ra ngoài, sang phòng làm việc của các anh em trong Ban Điều Hành, tán chuyện gẫu. Các anh này đều là hạ sĩ quan, họ làm việc lâu năm ở đây cho nên công việc có vẻ trôi chảy, suôn sẻ. Họ đều gọi tôi là thiếu úy, thay vì chuẩn úy! Họ cũng có vẻ nể phục vì không biết tại sao ông trưởng đoàn, Đ/u Tân lại ưu ái tôi đến vậy. Ấu cũng là định mệnh.

Những ngày sau đó, tôi đã có cơ hội chứng tỏ khả năng của tôi qua một vài việc. Tôi được giới thiệu và gặp thiếu tá (Th/t) Tạ Văn Thái, Liên đoàn trưởng Liên đoàn phòng thủ phi trường. Một hôm, chúng tôi có buổi họp với một đại úy cô vấn người Mỹ. Tôi trao đổi câu chuyện với ông cố vấn này một cách tự nhiên, trôi chảy. Cả Th/t Thái và Đ/u Tân rất hài lòng với khả năng Anh Ngữ của tôi.

Cuộc đời binh nghiệp của tôi bắt đầu như vậy. Về làm việc tại phi trường Biên Hòa nhưng tôi vẫn mua “cua” ở trường Luật về học tiếp. Nhờ vậy, tôi lấy xong năm cuối của chương trình cử nhân Luật. Cùng lúc đó, tôi được cử đi học thêm khóa huấn luyện sĩ quan căn bản Quân Cảnh ngoài trường QC Vũng Tàu. Về lại phi trường Biên Hòa, với bằng tốt nghiệp và chỉ số lương của ngành Quân Cảnh, nhưng tôi lại được cả Th/t Thái và Đ/u Tân ưu ái, giữ lại làm việc tại văn phòng với hai ông, không phải ra đứng “gác cổng” phi trường cùng với anh em QC và những sĩ quan QC khác.

Từ khi có tôi về làm việc, Th/t Thái nhờ tôi thay ông đi họp hành quân và tình báo mỗi buổi sáng trên Phòng Hành Quân/Sư Đoàn do Chuẩn tướng Huỳnh Bá Tính chủ tọa.

Đại úy Hill, cố vấn cho Liên đoàn phòng thủ phi trường lại còn muốn mời tôi làm “sĩ quan liên lạc” giữa hai lực lượng phòng thủ. Lúc đó, năm 1970, phi trường Biên Hòa có ba lực lượng chính làm việc chung với nhau: Sư đoàn 3 Không Quân VN chịu trách nhiệm tác chiến. Bộ chỉ huy Kỹ Thuật & Tiếp Vận, chịu trách nhiệm bảo trì phi cơ, Không Đoàn 6251st Hoa Kỳ (cộng thêm một phần của Lữ Đoàn Một Kỵ Binh Không Vận Hoa Kỳ).

Tuyến phòng thủ phi trường được chia làm hai: một nửa vòng đai do lực lượng phòng thủ KQVN đảm trách, một nửa kia do lực lượng phòng thủ Mỹ đảm trách. Từ đó, tôi được trang bị hai máy “bộ đàm” (walki talki *Motorola*). Danh hiệu dùng để gọi trên máy của tôi là *Bạch Đằng 1* trên hệ thống Việt Nam, và *Blue 15* trên hệ thống của Mỹ. Hai chiếc máy này phát thanh suốt ngày đêm, trao đổi mệnh lệnh giữa các đơn vị và các giới chức. Những ngày vợ tôi mới từ Sài Gòn dọn vào cư xá sĩ quan sống với tôi, hay than phiền là không ngủ được vì hai chiếc máy này reo reo suốt đêm! Sau rồi cũng phải quen thôi.

Trải qua 6 năm làm việc tại phi trường Biên Hòa, qua 4 “đời” liên đoàn trưởng, tôi vẫn giữ chức vụ sĩ quan phụ tá liên đoàn trưởng.

Khi có nhu cầu thuyết trình trước các phái đoàn ngoại quốc đến thăm phi trường, bao giờ tôi cũng được ưu tiên đề cử lo công việc này. Trước khi toàn bộ các lực lượng Hoa Kỳ triệt thoái khỏi Việt Nam năm 1973, tôi được Không Lực Hoa Kỳ trao tặng huân chương “*Air Commendation Medal*” ghi nhận sự hợp tác hữu hiệu của tôi.

Căn nhà hai tầng bằng bê tông cốt sắt kiên cố nhất trong phi trường được dùng làm Bộ Chỉ Huy phòng thủ phi trường. Văn phòng làm việc của trung tá Thái ở trên lầu. Văn phòng làm việc của tôi ở dưới nhà. Trước công văn phòng có hai xe “Jeep”. Một của Trung tá Thái và một của Trung úy Dzuong.

Tôi vẫn luôn nhớ đến các vị chỉ huy trực tiếp của tôi: Tr/t Tạ Văn Thái, Tr/t Nguyễn Quan Vĩnh, và Tr/t Lý Thành Ba, Tr/t Nguyễn Đức Tân, và Tr/t Nguyễn Vĩnh Tấn. Ngoài vai trò là những vị chỉ huy trực tiếp của tôi, họ là những người anh sống thân thiết, đầy tình nghĩa anh em với tôi. Vì thế, trong 6 năm làm việc tại Biên Hòa, từ ngày về nhận đơn vị, cho đến ngày mất nước, tôi chưa hề bị đổi đi đơn vị khác làm việc.

Khi chiến tranh leo thang trầm trọng, bộ chỉ huy (BCH) phòng thủ của chúng tôi được làm cho kiên cố hơn bằng cách chôn thêm nhiều lớp bao cát ở trên nóc và nhiều lớp bao cát ở chung quanh. Từ đó, BCH phòng thủ trở thành BCH của cả Sư Đoàn 3 KQ.

Chuẩn tướng (Ch/t) Huỳnh Bá Tính, tư lệnh sư đoàn, đại tá (Đ/t) Tường, tư lệnh phó, và nhiều sĩ quan cao cấp của sư đoàn 3 KQ thường đến đây làm việc.

Trong tinh thần phục vụ tận tụy, tôi ở lại phi trường cho đến tối 27 tháng Tư, 1975. Khi chiến sự leo thang nhanh chóng, tất cả sĩ quan và binh sĩ cư ngụ trong các khu gia binh đều cho vợ con đi tản về quê trước. Tôi cũng gửi vợ con tôi về sống bên ngoại ở Ngã Ba Ông Tạ, Sài Gòn.

Tôi còn nhớ, đêm hôm đó phi trường chúng tôi bị việt cộng pháo kích khoảng 2000 quả đạn pháo, đủ loại, từ 122 ly, đến súng cối, đến đại bác 130 ly từ xa.

Trong hầm chỉ huy của chúng tôi đêm đó còn Ch/t Huỳnh Bá Tính; Ch/t Từ Văn Bê - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ Huy Kỹ Thuật & Tiếp Vận KQ; Đ/t Tường, và một vài vị đại tá mà tôi không nhớ tên. Tôi định về nhà thay quần áo, có chết cũng chết sạch, nhưng vc pháo dữ quá, các tướng tá khuyên tôi không nên đi ra ngoài vào lúc này. Chúng tôi ở trong hầm chờ đến sáng, đi thị sát tình hình rồi sẽ quyết định. Trời đã sáng. Hai chiếc trực thăng đậu phía sau hầm chỉ huy đã nổ máy. Ch/t Huỳnh Bá Tính rủ tôi cùng lên trực thăng, bay ra hạm đội 7 của Hải quân Hoa Kỳ đang đợi ngoài khơi. Tôi từ chối.

Chiều hôm đó, tôi và một số anh em binh sĩ còn lại, chạy xe khắp phi trường, xả súng bắn vào những máy bay bất khả dụng, còn để lại phi trường. Mục đích của chúng tôi là không để sau này vc còn có thể sử dụng. Chúng tôi cũng chạy xe GMC, chở các thùng xăng đầy trên đó, chạy đến các “hangar” bảo trì, vũ khí, và đạn dược, đập thùng phuy xăng xuống, quăng lựu đạn lân tinh và bỏ chạy.

Chúng tôi nghe trong máy truyền tin mệnh lệnh cuối cùng: Tất cả rời khỏi phi trường, ra tập trung ở sân vận động Biên Hòa. Trước khi rút lui, chúng tôi chất mấy can xăng vào trong BCH, thả lựu đạn lân tinh vào và bỏ chạy, mục đích là đốt cháy tất cả tài liệu mật của phi trường Biên Hòa.

Nói về hàng ngũ sĩ quan còn ở lại với nhau, tối hôm đó chỉ còn hai trung úy: Lê Thanh Du và tôi, và chừng độ 25 anh em binh sĩ, cùng chạy ra ngoài sân vận động của thành phố ngủ qua đêm. Sáng hôm sau, chúng tôi trở vô phi trường. Tòa nhà dùng làm hầm chỉ huy của chúng tôi đã bị cháy rụi, sập xuống hoàn toàn. Một chiếc trực thăng quần trên đầu chúng tôi một lúc rồi cũng bay mất.

Lúc đó, trong người tôi còn dất 10 trái lựu đạn “mini” và còn đeo hai khẩu súng ngắn. Bạn Lê Thanh Du còn đeo một khẩu súng lục và một cây súng trường M-16. Chúng tôi quyết định chạy về Bộ Tư Lệnh KQ

ở Tân Sơn Nhứt xem có lệnh lạc gì khác không. Từ Biên Hòa, chúng tôi về đến phi trường Tân Sơn Nhứt khoảng 3 giờ chiều 29 tháng Tư.

Chúng tôi chạy một vòng trong phi trường, không còn ai. Máy vô tuyến đã im tiếng từ hôm qua, không còn lệnh lạc gì nữa. Lê Thanh Du, tôi và còn sót lại chừng 20 anh em binh sĩ chạy theo chúng tôi từ Biên Hòa về, lẳng lẳng cởi bỏ áo giáp, nón sắt, súng đạn, xếp vào trạm kiểm soát của Quân Cảnh ở cổng Phi Long. *Chúng tôi ứa nước mắt, đứng nghiêm, chào nhau lần cuối cùng, tản hàng, ai về nhà nấy. Tôi còn tận tụy với chính nghĩa Quốc Gia cho tới giờ thứ 25.*

Đêm hôm đó, tôi chở vợ con chạy ra Bến Bạch Đằng nhưng thấy người ta đông quá, không dám lên tàu Hải Quân. Chạy về Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ thì không vào được. Nhìn những chiếc trực thăng đáp xuống nóc tòa đại sứ đón những người đã vào được bên trong mà chúng tôi như mất hồn vì trong thâm tâm, chúng tôi đều biết rằng cuộc đời đã đến lúc vô vọng. **Sáng 30 tháng Tư, nghe lệnh đầu hàng. Chấm hết.**

Với những lời đồn đãi của người dân Miền Nam về sự tàn ác của vc trước khi chế độ VNCH chấm dứt, tôi chuẩn bị tư tưởng cho những gì xấu nhất có thể xảy ra. Khi thì sống bên ngoại, lúc thì sống ở nhà nội. Tôi còn đầy đủ hai khẩu súng ngắn của tôi và 5 trái lựu đạn mini. (5 trái kia, trước khi chia tay ở trong phi trường Tân Sơn Nhứt, tôi đưa cho Lê Thanh Du, người bạn thân thiết, sống với tôi cho đến giờ phút cuối.)

Tôi cũng muốn nói thêm là trong thời bình, mỗi năm, tôi đều ra quân trường Đồng Đế (Nha Trang) dự thi bắn súng “Colt 45” với các tay thiện xạ của các quân, binh chủng khác. Tôi luôn chiếm được giải thưởng “Thiện xạ Ưu hạng của Toàn Quân”. Lúc này, ở nhà với tâm trạng rối bời, tôi nói với bố mẹ tôi rằng:

- Nhờ đang đêm mà chúng nó gõ cửa, bắt con đi, thì con sẽ chống cự đến cùng. Khi không còn chống cự được nữa, con sẽ tung lựu đạn cho chết cả hai bên. Bố mẹ tôi bằng lòng.

Chuyện đó đã không xảy ra.

Khi tình hình có vẻ không còn nguy hiểm, tôi đạp xe dọc theo bên Bạch Đằng thả xuống sông từng nắm cơ phận rời của hai khẩu súng, cùng 5 trái lựu đạn của tôi, không chịu nạp theo lệnh của “Nhà Nước”.

Viết đến đây, tôi nhớ các bạn trong đời binh nghiệp của tôi. Tôi muốn nhân dịp này, cảm ơn tấm chân tình của mọi người – những người bạn mà thuở đó, chúng tôi đã thân nhau đến cái độ có thể “mày tao, chi tớ” với nhau. Bây giờ thì người còn, người mất. Tôi vẫn muốn tri ân các bạn, không biết các bạn có dịp đọc cuốn hồi ký này của tôi không:

Vũ Ngô Khánh Truật, Vũ Duy Tỳ, Vũ Viên Hoàng, Trần Ngọc Tự, Trần Như Lâm, Trần Xuân Sơn, Lê Dzũng, Nguyễn Văn Phát, Nguyễn Thái Công, Nguyễn Hữu Thiện, Phạm Hoàng Hải, Ngô Kim Hùng, Ngô Hưng Tâm, Lê Thanh Du, Đỗ Văn Cung, Bùi Xuân Bắc, và nhiều nữa...

Sau cùng, tôi cũng phải cảm ơn hiền nội của tôi, người đã “đầu ấp tay gối” với tôi suốt 52 năm qua. Người đã gian truân, chịu đựng đắng cay, vất vả nuôi tôi suốt 5 năm bị đày đoạ trong các trại lao tù cải tạo của cộng sản. Định mệnh đã muốn chia cắt chúng tôi, kéo chúng tôi ra khỏi cuộc đời của nhau nhưng với trái tim trọn vẹn là của nhau, với tấm lòng sắt son, quyết chí tìm về với nhau, chúng tôi đã thắng định mệnh. Đến bây giờ, chúng tôi vẫn “tương kính như tân”. Chúng tôi đang chung sống yên bình dưới bóng mát của hạnh phúc.

Trong đời chúng ta, ai cũng có những người đàn bà đã tham dự vào vận mệnh của mình. Người đàn bà đã cuu mang, dạy dỗ, nuôi nấng tôi là mẹ tôi. Người đàn bà đã vất vả, khổ cực, chịu đựng bao đắng cay trong cõi trầm luân bể khổ với tôi nhưng không bao giờ bỏ cuộc, đó là vợ tôi. Người đàn bà đã cứu vớt, che chở linh hồn tôi, cho tôi phần đời sau tốt đẹp, có cuộc sống tốt và có nghị lực để viết lại tập Hồi Ký này là Đức Trinh Nữ Maria.

Giấc mơ Mỹ của tôi đã trọn vẹn. Bây giờ đến giấc mơ Việt:

Tôi mơ một ngày nào “tay bắt mặt mừng” với quý độc giả, quý đồng hương, những người bạn thân quý của tôi – trên mảnh đất quê hương Việt Nam hình chữ S *rợp bóng Cờ Vàng*.

PHẦN HAI MƯƠI

Những Công Hiến Cho Xã Hội

Trong phần này của tập hồi ký, tôi chỉ có thể “trình làng” những công hiến của tôi cho đất nước tạm dung này – cũng như cho đồng hương của tôi sinh sống trong vùng Vịnh San Francisco bằng hình thức của một “phóng sự” bằng hình và chỉ xin tóm tắt bằng một đoạn văn ngắn dưới đây:

Cho đến nay, đã 44 năm tôi định cư ở Hoa Kỳ, ngoài công việc dạy học chiếm gần hết thời gian đó, có một quãng thời gian 12 năm, tôi làm giám đốc (President/CEO) của một cơ quan bất-vụ-lợi chuyên phụng vụ cộng đồng – người dân địa phương – trong các lãnh vực dạy Anh Văn, huấn nghệ, dạy lập trình, sử dụng Microsoft Word qua máy điện toán, giúp tìm việc làm, giúp thi quốc tịch, xin trợ cấp của chính phủ, xin cung cấp nhà ở, và nhiều dịch vụ khác.

Sau này, với ngân khoản được chính phủ liên bang và tiểu bang tài trợ lên đến khoảng gần một triệu đô la mỗi năm, tôi mở rộng lãnh vực phụng vụ để – không những chú trọng giúp các sắc dân tỵ nạn từ Đông Nam Á, – chúng tôi còn giúp các sắc dân tỵ nạn khác đến từ *Liên Xô, Afghanistan, Ethiopia*, và sau cùng, còn giúp huấn nghệ và tìm việc làm cho người Mỹ gốc Phi Châu (*African American*) thuộc thành phần có lợi tức thấp trong quận hạt Alameda. Tôi cũng được cái vinh hạnh bảo trợ cho sinh hoạt của các hội đoàn Việt Nam tại địa phương, trong đó, có *Hội Cao Niên “Diên Hồng”, Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Vùng Vịnh, và Hội Phụ Nữ Oakland*.

*

*

*

Nine entrepreneurs heralded with district SBA awards

JOHN DZUONG NGUYEN, AMERICAN VIET LEAGUE

John Dzuong Nguyen knows how difficult it is for refugees to succeed in a new country because he was one himself.

After the fall of Saigon, Nguyen spent five years in a "re-education" camp before managing to escape by boat from Vietnam to Thailand. Arriving in Thailand, he still had more waiting to do, though.

"I spent five months in Songkhla refugee camp," Nguyen says. "I was resettled in Oakland in 1980."

After earning his master's degree in education from San Francisco State University while also working full time, Nguyen chose to help others like himself overcome the many obstacles they faced.

As president and chief executive of the American Viet League, Nguyen has helped make the path a little easier for immigrants and refugees. The League is a nonprofit organization that has offered free human and social services to economically and linguistically disadvantaged communities of Alameda County for the last 19 years.

"Basically, what we do at AVL is conduct English as a Second Language training programs, vocational ESL programs, vocational training programs, job-placement services, and other services to help newcomers adapt to this new environment," Nguyen says.

Refugees and immigrants hoping to go into business still need as much help as they can get, he says.

"Some of the obvious barriers include not understanding laws or requirements, lack of sufficient credit — or no credit history for startup loans and signing of leases," Nguyen says.

Nevertheless, though things are still dif-

"I believe (that) in the near future, Vietnamese business will be even better," he says, "even though it's somehow affected by the current economic situation and the Gulf War."

'What we do at AVL

is conduct English as a Second Language training programs ... and other services to help newcomers adapt to this new environment'



An important element of Small Business Week is the competition for awards, which recognize outstanding businesses and their advocates.

The U.S. Small Business Administration celebrates Small Business Week May 5-11, recognizing the contributions of entrepreneurs to the American economy. An important element of Small Business Week is the competition for awards, which recognize outstanding businesses and their advocates. This year, the San Francisco District Office salutes nine small businesses and their advocates. ■ Chien Van Lee and Yen Ngoc Quach, Lee of Lee Sandwiches in San Jose won both the San Francisco District and the Regional Entrepreneurial Success awards. ■ Doris Patterson, CEO and owner of

Smart Products Inc. of San Jose, was selected as Small Business Person of the Year for the San Francisco District.

■ SBA chose Hayward-based JQ American Corp. as the San Francisco District Exporter of the Year.

■ Cindy Twomey, CEO of No Slippery Hair Clipp Inc. in Pleasanton, is Young Entrepreneur of the Year.

■ The San Francisco Journalist of the Year is Richard Kreuz of Silicon Valley/San Jose Business Journal.

■ Paulette Meyer, board chair of Women's Initiative for Self-Employment in San Francisco and Oakland, was chosen as the Women in Business Advocate of the

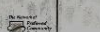
Year. ■ John Dzuong Nguyen, president and CEO of the American Viet League and chairman of the Board for the Oakland Vietnamese Chamber of Commerce, has been chosen as Minority Business Advocate of the Year.

■ Kenn Cunningham of the State Assistance Fund for Enterprise, Business and Industrial Development Corp., located in Santa Rosa, will be the 2003 Financial Services Advocate for the San Francisco District.

■ Scott Whitacre of SBC Communications has been chosen as the 2003 Veterans Advocate of the Year. ■



Above & Beyond Banking™



Trang báo trên đây ghi nhận lại thành tích của tôi lúc tôi đảm nhận dạy hai khóa huấn nghệ/tu nghiệp cho giới tiểu thương Việt Nam do sự bảo trợ của Cơ Quan Quản Trị Tiểu Thương SBA (Small Business Administration) của chính quyền liên bang. Lớp huấn nghệ được tổ chức trong Holy Names University, Oakland. Năm đó, tôi được giải thưởng dành cho *Minority Business Advocate of the Year*.

(Một ghi chú nhỏ: Khi làm việc với xã hội bên ngoài, đôi khi tôi có dùng thêm cái tên John D. Nguyen, John Nguyen, hoặc cũng có lúc là John Dzuong Nguyen.)



Ngày Chủ Nhật Đoàn Kết tại Vùng Đông Vịnh:

ĐẠI LỄ THƯỢNG KỲ & HỘI XUÂN ĐÌNH SỬ THÀNH CÔNG RỰC RỠ VỚI GẦN 2,000 NGƯỜI THAM DỰ

* Vùng Đông Vịnh mở đầu cho tình thân đoàn kết các tổ chức người Việt tị nạn của năm Đinh Sửu.

* Cộng Đồng Việt Nam chỉ có một biểu tượng quốc gia duy nhất: Cờ Vàng 3 Sọc Đỏ.

OAKLAND (Việt Hà)—“Sự hiện diện của quý vị trong Đại Lễ Thượng Kỳ năm nay, đã thêm một lần nữa xác định rằng, cộng đồng Việt Nam vẫn chỉ có một biểu tượng Quốc Gia duy nhất, đó là ngọn cờ Vàng Ba Sọc Đỏ. Chúng ta quyết tâm tranh đấu để lá cờ này luôn luôn hiện diện ở những nơi người Việt cư ngụ, và có ngày sẽ bay trên bầu trời quê hương.” Ông Nguyễn Kỳ Dzung, Chủ tịch Hiệp Hội Mỹ Việt và là Phó Trưởng Ban Tổ Chức trong lời phát biểu đã nói như trên.

Đại Lễ Thượng Kỳ chào đón Xuân Đinh Sửu 1997 được tổ chức trước Tòa Thị Chánh Thành Phố Oakland, góc đường San Pablo, đường 14 Street và đường Broadway lúc 11:00 sáng chủ nhật, 16/2/1997. Một chỉ huyệt đặc biệt được ghi nhận trong buổi lễ thượng kỳ này là một số đông đoàn thể từ Sacramento, Stockton, San Francisco và San Jose đã kéo về Oakland tham dự.

Sau phần biểu diễn múa lân, chúc mừng quan khách và đồng bào đầu năm trong không khí trang nghiêm, buổi lễ được bắt đầu với phần nước Quốc Quan Kỳ VNCH và Quốc Kỳ Hoa Kỳ và Tiểu Bang California sau đó là nghi lễ chào cờ, mặc niệm. Kế đó, trong diễn văn khai mạc, đại diện cho BTC gồm 18 Hội Đoàn thuộc Vùng Oakland, Ông Nguyễn Kỳ Dzung nói:

“Sự hiện diện của quý vị đã thể hiện tinh thần hợp nhất cần thiết để phục vụ cho lý tưởng quốc gia, và đã trả lời cho nhu cầu đoàn kết của khối người Việt Quốc Gia hải ngoại, để từ đó, chúng ta cùng chung sức xây dựng cộng đồng tại địa phương và cộng đồng tranh cho một Việt Nam tự do, không Cộng sản.

Từ ngàn xưa, tổ tiên chúng ta đã dùng màu cờ Vàng và Đỏ để tượng trưng cho nước Việt. Vào thập niên 50, cờ Vàng 3 Sọc Đỏ là biểu tượng cho Tự Do Dân Chủ của Quốc Gia Việt Nam. Trước năm 1975, biết bao chiến sĩ và đồng bào đã hy sinh tánh mạng, xương máu và nước mắt để bảo vệ lá cờ đỏ. Cũng vì màu cờ đỏ

mà hơn 2 triệu người đã phải bỏ nước ra đi sau năm 1975. Giờ đây, màu cờ Vàng Sọc Đỏ là tượng trưng cho khát vọng của cuộc đấu tranh tìm Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền và Tự Do Tín Ngưỡng cho toàn dân Việt Nam.

Đối với chúng ta, người Việt đang sinh sống ở hải ngoại thì đây là mùa Xuân lý hương thứ 21, tuy cuộc sống vật chất và tinh thần có phần thoải mái, nhưng niềm vui đó không được trọn vẹn vì chúng ta biết rằng, hơn 74 triệu đồng bào ruột thịt của chúng ta ở bên quê nhà, trong suốt 21 năm qua, chưa bao giờ được hưởng một mùa Xuân ấm no, hạnh phúc. Tự do, dân chủ, dân quyền và tự do tín ngưỡng chưa bao giờ được tôn trọng.

Sự hiện diện của quý vị trong Đại Lễ Thượng Kỳ năm nay, đã thêm một lần nữa xác định rằng, cộng đồng Việt Nam vẫn chỉ có một biểu tượng Quốc Gia duy nhất, đó là ngọn cờ Vàng 3 Sọc Đỏ. Chúng ta quyết tâm tranh đấu để lá cờ này luôn luôn hiện diện ở những nơi có người Việt cư ngụ, và có ngày sẽ tung bay trên bầu trời quê hương.

Chúng ta cũng biết, tình hình chính trị trong nước đang biến chuyển không ngừng, từ sự tranh dành quyền lực của tập đoàn lãnh đạo Cộng sản trong hệ thống chính quyền và đảng quyền, đến những tệ đoan xã hội, hối lộ, tham nhũng, buôn lậu, ăn cắp công quỹ, cộng với những phản kháng ngầm ngầm của nhiều giới, kể cả những đảng viên Cộng sản, hoặc những viên chức làm việc trong guồng máy chính quyền, cộng với phong trào đấu tranh, biểu tình chống nhà nước, nghiệp đoàn, đòi nhân sinh, nhân quyền của dân chúng, v.v... cho chúng ta thấy rằng thế thật bại, và sự sụp đổ của chế độ độc tài đảng trị CSVN sẽ không tránh khỏi trong tương lai. Tuy nhiên, là những con dân có tâm lòng thiết tha với quê hương, dân tộc, chúng ta không thể ngồi yên, chờ thế ‘Bất chiến tự nhiên thành,’ mà chúng ta phải chuẩn bị cho chúng ta một thái độ chính trị rõ ràng, hãy tích cực tiếp tay, tham gia những phong trào đấu

trị của người Việt khắp nơi trên thế giới khởi xướng. Công cuộc đấu tranh để giải trừ chế độ độc tài đảng trị CSVN, đem lại một thể chế tự do, dân chủ thiết thực cho đất nước và dân tộc Việt Nam, không phải là trách nhiệm của một riêng ai, mà nó phải là nỗ lực chung của mọi người Việt yêu chuộng tự do, không chấp nhận Cộng sản.

Quý vị hẳn cũng đồng ý với chúng tôi rằng, muốn đạt được những mục tiêu trên, ngay trong sinh hoạt của cộng đồng chúng ta, chúng ta phải có được sự đồng thuận, gạt bỏ tư ái cá nhân và mọi dị biệt về phương thức làm việc của mỗi tổ chức, của mỗi người. Chúng ta có thể bắt đồng ý kiến trong cách thức làm việc nhưng chúng ta không thể bắt hòa trong tư tưởng. Chúng ta đều có một chí hướng chung, đó là không chấp nhận chế độ Cộng sản, nhất là khi chế độ đó đang được áp đặt một cách độc tài trên số phận hơn 74 triệu đồng bào của chúng ta trong nước. Chúng ta cần phải chung sức đấu tranh để giải thể chế độ đó.

Ở vùng Đông Vịnh này, chúng tôi đang thực hiện công việc kết hợp. Thực vậy, BTC Đại Lễ Thượng Kỳ năm nay cũng là BTC Hội Xuân Đình Sửu, chúng tôi gồm 18 hội đoàn, đoàn thể, tôn giáo, và tổ chức chính trị trong vùng. Trong suốt ba tháng qua, chúng tôi đã hội họp, thảo luận, phân nhiệm công tác tổ chức trong tinh thần tương kính, dân chủ và tôn trọng lẫn nhau. Việc 18 Hội Đoàn cùng đứng ra tổ chức Đại Lễ Thượng Kỳ và Hội Xuân Đình Sửu năm nay là một thành tích đáng khích lệ trong sinh hoạt cộng đồng người Việt vùng Đông Vịnh, đánh dấu thành công đầu tiên của nhiều nỗ lực, của nhiều người, nhằm đáp ứng một số công tác ngắn và dài hạn như công việc xây dựng cộng đồng Việt Nam tại địa phương, phục vụ cho những nhu cầu kinh tế, xã hội của đồng hương, và tạo thế liên kết đấu tranh chung cho một Việt Nam Tự Do, Dân Chủ đích thực và Không Cộng Sản.”

Kế tiếp, em Dương Quốc Việt, đại

UNITED NATIONS
HIGH COMMISSIONER
FOR REFUGEES
Regional Office
for Western South Asia



NATIONS UNIES
HAUT COMMISSARIAT
POUR LES REFUGIES
Bureau régional
pour l'Asie du Sud occidentale

Telephone: HONGKONG Bangkok
Telex: 202 011 - 182 011
Etc. - 1985 - 1987

P.O. Box 3-127, Rajmangam
BANGKOK 4, Thailand

July 1, 1980

007/44/010/10

TO WHOM IT MAY CONCERN

I have great pleasure in certifying that Mr. Nguyen Ty Duong has devoted his/her time to the service of fellow refugees and UNHCR staff during his/her stay in Bangkok Refugee Camp in the capacity of: Head of Translation Sub-Section.

The services rendered covered the period from March 20, 1980 to July 1, 1980 and were given voluntarily, without remuneration. They were, moreover, carried out efficiently, in a full spirit of cooperation and were of great importance to the smooth running of the camp.

I would like to take this opportunity to express my deepest appreciation for the assistance thus generously given.

Yours truly,

K. K. K.
Mr. Rafael Polanco
UNHCR, PHILIPPINES



ContraCostaTimes Page 34—Wednesday, April 24, 1984

Refugee job-training program saving county money

By Nina Rago
Little News Service
MARTINEZ — A month-old program designed to get refugees a full off welfare has saved 20 percent above of welfare and is saving the county's General Assistance program \$1,000 a month, the staff of Superior learned Tuesday.
The plan is designed to help 100 refugees off the welfare rolls by end of the year. Those 100 are enrolled in the program and are given food, clothing, and other necessities. They are also given job training. They are also given food, clothing, and other necessities. They are also given job training. They are also given food, clothing, and other necessities. They are also given job training.

good at first. All Nguyen could get was a laborer's job paying the minimum wage, and now I'm a teacher," he said.
A Laotian, Sonmuth also has a law degree. He said when the program started, he was in a law degree. He said when the program started, he was in a law degree. He said when the program started, he was in a law degree. He said when the program started, he was in a law degree.

"I always see my own story to show I started with a low labor. There are refugees who have lived in the United States for 10 months or longer and have not been able to get a job. The Federal Refugee Cash Assistance program. The classes are taught in English with some translation. Following the classroom training the students receive two months of on-the-job training. In addition, the program helps refugees find jobs and help employees after they leave the program.
In its first four months the program served 100 Vietnamese, 10 Laotians, seven Afghans and one Thai. They ranged in age from 17 to 34.
The program is one of the fund- ing in the county under the Federal Refugee Assistance Program designed to help refugees become self-sufficient. The county provided \$40,000 grant last January.

B-4 Wednesday, April 25, 1984

Refugee jobs program yields big welfare savings

MARTINEZ — A program to find jobs for Southeast Asian refugees is paying off with a savings of \$1,000 a month in welfare payments, Contra Costa County supervisors were told yesterday.
Shirley Kallstrom of the county's Social Services Department reported that of the 100 refugees enrolled in the first four months of the program, 10 have found jobs and 30 have been moved off general assistance.
John Korman, a refugee from South Vietnam, told supervisors how he lost his household and became a prisoner in the job search program.
Nguyen said he came to America because he believed it was the country of opportunity. "I see my own story to motivate my students," he said.
The workshop covers all aspects of employment information.

April 25, 1984

(Tờ nhật báo của Quận Hạt Contra Costa đăng tải về sự thành công của chương trình dạy nghề, dạy sinh ngữ và chỉ dẫn cách đi tìm việc làm cho người tị nạn Đông Dương do tôi thiết kế và đảm trách. Chương trình này đã thành công ngoài dự kiến của chính quyền quận

hạt, đã vượt lên 250% so với tiêu chuẩn ban đầu, họ đã mời đại diện của 7 quận hạt khác trong tiểu bang Cali đến quan sát và học hỏi kỹ thuật giảng dạy trong chương trình của tôi.)

UNIVERSITY OF CALIFORNIA, BERKELEY

BERKELEY • DAVIS • IRVINE • LOS ANGELES • RIVERSIDE • SAN DIEGO • SAN FRANCISCO



SANTA BARBARA • SANTA CRUZ

POLICE DEPARTMENT

ROOM 1 SPURLOCK HALL
BERKELEY, CALIFORNIA 94720

June 11, 1993

Mr. John Nguyen
570 10th St., Ste# 306
Oakland, CA 94606

Dear Mr. Nguyen:

I want to thank you very much for participating in the Asian/Pacific Islander panel, as part of our Cultural Awareness training course. Our staff found the experience to be of great value. They were informed and enlightened by the varying points of view your panel presented.

I believe we are making progress in learning how to communicate with the diverse ethnic groups which reside in the Bay Area. I feel it is extremely beneficial for us to work closely with members of the community to ensure the safest possible environment for everyone concerned.

Your participation really contributed to the success of our presentation. Thank you again for all your help.

Victoria L. Harrison
Victoria L. Harrison
Chief of Police

(*Thư cảm ơn của sở cảnh sát trường đại học UC Berkeley khi tôi nhận lời làm giảng viên cho các cảnh sát viên trong khóa học “Nhận thức về sự khác biệt trong các nền văn hóa”*).

(*Một tờ báo Việt Ngữ vùng Vịnh đăng tải tin về buổi dạ tiệc do tôi tổ chức tại Oakland, trong một đêm, chúng tôi quyên góp được \$43,381 mỹ kim, gửi Đức Cha Ramon đem về Phi Luật Tân xây dựng làng Việt Nam, giúp người Việt tỵ nạn còn sót lại bên đó mà không được ai thừa nhận.*)



Program offers women a future

By Victoria Hudson
STAFF WRITER

OAKLAND — A group of Vietnamese refugees and unemployed Bay Area women have more in common than their low-income status.

Their mutual needs have led many of them to furthering their education, getting off the welfare dole, earning living wages and landing careers.

Such is the case for 30-year-old Karen Joseph of Oakland.

Separated from her husband, the mother of two spent years working her way up in a company, eventually operating a forklift, before being pushed out by corporate downsizing.

Tragedy forced her onto government assistance, Aid to Families with Dependent Children.

"My son, then 7, was waiting lunch, sitting on a weight bench on the patio in my father's back yard," recalled Joseph, who graduates today from the Auto-Tech Program run by the American Viet League.

"Then some guy, who was supposed to be retaliating against another guy, just started shooting through the fence instead of looking to see who he was shooting," she said.

After being shot several times in the head by a 9mm gun, her son Mirue walked into the house, told his grandfather he needed help and then collapsed to the floor.

"That was June 13, 1991," Joseph said. "On that day everything stopped for me."

It was a miracle her son survived and suffered no brain damage, she said. Medi-Cal paid for his numerous surgeries, the last of which was last summer. Caring for her son meant she was unable to work, so in 1992 Joseph went on welfare after her employment benefits expired.

"I had no choice," she said. "AFDC basically just covers bills. There is no extra."

Ironically, being unemployed and on welfare made her a perfect candidate for the Auto-Tech



Karen Joseph and Janet Wong are graduating from the American Viet League Auto-Tech Program offered at the College of Alameda. The program has helped about 70 women get jobs.

Program offered at the College of Alameda.

Founded in 1984 as the Vietnamese Fisherman Association to help immigrant anglers learn the legalities of fishing in America, the league has expanded over the years to include social services.

"The Auto-Tech Program is the only one that does not deal

with refugees or immigrants," said program director Anita P. Hall.

With a \$316,000 annual budget financed mostly by county, state and federal funds, the league serves about 700 clients annually through six programs.

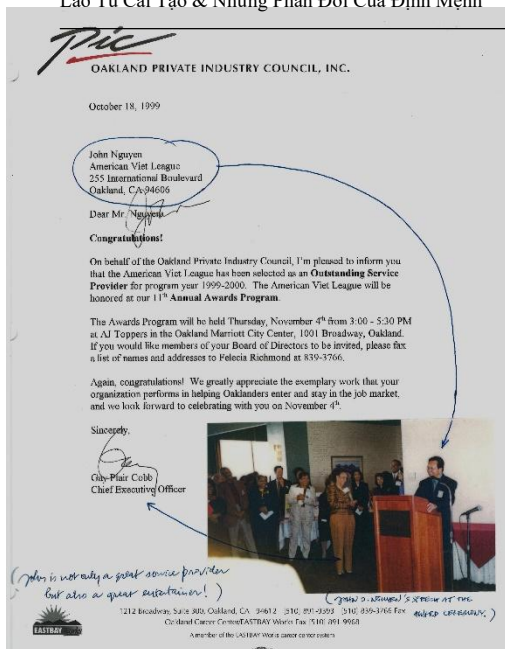
"Most of them are either on

AFDC, unemployment, general assistance or disability," said Hall. "They are all low-income clients."

In three years, the automotive mechanics course has helped about 70 low-income women

Please see **League**, A

Khi tôi làm Giám Đốc Hiệp Hội Mỹ Việt (American Viet League), chúng tôi cung cấp những dịch vụ hoàn toàn miễn phí cho người tỵ nạn Đông Dương, bao gồm các khóa huấn luyện Anh Ngữ, các khóa huấn nghệ, giới thiệu việc làm, xin tiền trợ cấp, xin nhà ở, và luyện thi quốc tịch. Sau này, chúng tôi nói rộng hoạt động, giúp đỡ những người phụ nữ có lợi tức thấp, thuộc các cộng đồng thiểu số khác, với sự cộng tác của College of Alameda, chúng tôi đã vô cùng thành công, được nhiều giải thưởng và giấy khen từ chính phủ liên bang cũng như tiểu bang.



Dzương (John) Nguyễn, Giám đốc Hiệp Hội Mỹ Việt (President/CEO, American Viet League) nhận phần thưởng từ cơ quan cung cấp tài khoản PIC trong những nỗ lực giúp đỡ người tỵ nạn, cũng như người bản xứ thuộc thành phần “lợi tức thấp” của Quận hạt Alameda County, Bắc Cali.

KGO-TV **PROFILES OF EXCELLENCE**

"PROFILES OF EXCELLENCE"
(ASIAN/PACIFIC ISLANDER)
Airs Sunday, June 30, 1996 6:30pm
Repeated Sunday, July 7, 1996 12 noon

SAN FRANCISCO - KGO-TV Channel 7 will feature five outstanding Bay Area Asian/Pacific Islanders in "Profiles of Excellence" Sunday, June 30th at 6:30PM. This half hour special is hosted by Channel 7 Morning News Anchor Sydnie Kohara and Channel 7 Business Reporter David Louie. It will be rebroadcast on Sunday, July 7th at 12 noon. The special will highlight the contributions made by the following people:

JUSTICE MING W. CHIN, who was appointed to the California Supreme Court earlier this year. He has previously served as the Presiding Justice of the First District Court of Appeal in San Francisco, and as Judge of the Alameda County Superior Court. Before his appointment to the bench, Justice Chin was a partner in an Oakland law firm, specializing in business and commercial litigation.

JESSE SAPOLU, of the San Francisco 49ers. One of the NFL's premier offensive linemen and one of the finest to ever wear the San Francisco uniform, Jesse Sapolu possesses surprising strength, outstanding agility and technique. Off the field, he provides inspiration, advice, and stability to newer team members.

JANICE MIRIKITANI, a poet, choreographer, administrator, and community activist. As the President of the Glide Foundation and Executive Director of Programs at Glide Church/Urban Center in San Francisco, she has been responsible for extensive outreach and services for poor and homeless men, women, and children. One of her goals is to create opportunities for people to break the cycle of poverty. She has received numerous awards for her community and creative works.

JOHN NGUYEN, President of the American Viet League. Originally founded in 1984 as the Vietnamese Fishermen's Association of America, the purpose of the group was to help fishermen from Southeast Asia adjust to American customs, culture and laws. Over the years, it has evolved to become the first refugee organization to help the non-refugee community through a unique non-traditional job training program offered at the College of Alameda for African American women.

PAULINE LO ALKER, President and CEO of Network Peripherals, Inc., a venture-funded company specializing in high-performance client/server networking solutions. Over the past thirty years, Pauline has gained experience and skills at some of Silicon Valley's most prestigious and powerful corporations. Last year, under her leadership, Network Peripherals was cited as one of Silicon Valley's fastest growing small companies, having achieved outstanding revenue growth over the past five years.

800 FRONT STREET - SAN FRANCISCO, CALIFORNIA 94111 415/398-7777

“Man of the Year” Dzuong (John) Nguyen, được đài truyền hình KGO-TV 7 - Chapter San Francisco, trao giải thưởng của chương trình “Profiles Of Excellence” ghi nhận những đóng góp có ý nghĩa khi mở rộng vòng tay, giúp đỡ thêm những người Mỹ da màu thuộc thành phần lợi tức thấp trong xã hội.



Nguyễn Kỳ Dzuong, giảng viên khóa đào tạo và tu nghiệp dành cho giới tiểu thương người Việt trong vùng Oakland, San José, Bắc

Cali., trao bằng tốt nghiệp cho một trong 25 sinh viên của khóa học. Chương trình được tài trợ bởi chính phủ Liên Bang Small Business Administration (SBA).

(Song song với vai trò chính là một giáo sư và một người phục vụ cộng đồng, Nguyễn Kỳ Dzuong còn là Chủ tịch Phòng Thương mại Việt Nam Vùng Vịnh trong hai nhiệm kỳ, tổng cộng 8 năm.)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI OAKLAND

Minh Anh

Tuần qua các sinh hoạt tại Oakland thật rộn ràng với các chương trình họp mặt tất niên, mừng Giáng Sinh và mừng Năm Mới.

Vào sáng thứ Bảy 11/12/1999, vùng Đông Vịnh, đông đảo quý vị quan khách, quý vị cố vấn và hội viên cùng gia đình đã tham dự một buổi họp mặt cuối năm 2000 do ban chấp hành hội tổ chức. Đến tham dự có ông Vince Reyes ứng cử viên Giám sát Quận Hạt Alameda, ông Trần Thành, Trưởng Phòng và quý vị

Trưởng Phòng Xã Hội của County, Ông Cựu Đại Tá Nguyễn Thành Chuẩn và quý vị trong hội HO, SF, Cựu Trung Tá Đoàn Thủ ở San José. Nhân dịp này, ông

Trần Hữu Thành, chủ tịch Hội Ái Hữu Cựu To Nhân Chính Trị Việt Nam vùng Đông Vịnh đã ngỏ lời cảm ơn và tặng giấy cảm ơn cho một số quan khách hiện diện.

Phần văn nghệ giúp vui do các ca sĩ Nhỏ Hoài, Mary Lyn và ban nhạc Four Brother's trình diễn. Cũng

năm trong sinh hoạt tất niên với hội 17/12/1999, Phòng Thương mại Việt Nam tại Oakland và Vùng Phu Cấn đã tổ chức thành công buổi họp mặt hội viên và gia đình tại nhà hàng Silver Dragon. Trong bốn năm qua Phòng

Thương mại Việt Nam tại Trung Hoa, Mỹ gốc Phi Châu. Theo lời bác sĩ Phan Kim Nguyên chủ tịch Hội Đồng Quận Trj Phòng Thương mại Oakland và vùng phụ cận thì Phòng Thương mại Việt Nam tại Oakland đã đoàn kết các hội viên trong tinh thần xây dựng. Đồng thời giúp cho thành phố thấy được sự đóng góp tích cực của Cộng đồng Việt Nam trong sự phát triển

phong phú đa dạng của thành phố. Nhân dịp này Bác sĩ Phan Kim Nguyên đã đại diện hội đồng quản trị trao kỷ vật làm niềm cho ông

Nguyễn Kỳ Dzuong, Chủ tịch điều hành phòng thương mại Oakland và phụ cận. Ngồi bên trái là 120 quan khách, hội viên và gia đình, Bác sĩ Phan Kim Nguyên và ông Nguyễn Kỳ Dzuong đã thay mặt hội đồng quản trị và ban điều hành phòng

thương mại Oakland giới thiệu các đến quý thân chủ, thân hữu và toàn thể quý đồng hương một năm mới an khang thịnh vượng.

Được biết sách đây là lần đầu tiên trong một buổi lễ trao bằng, tượng lễ được tổ chức bởi sáu phòng thương mại với sự hiện diện của trên sáu trăm thương gia Oakland và phụ cận. Ông Nguyễn Kỳ Dzuong, Chủ tịch phòng

thương mại Việt Nam tại Oakland đã nhận giải thưởng cá nhân xuất sắc. Buổi họp mặt đã kết thúc vào 22 giờ cùng ngày.

TIN VỀ LỄ KỶ NIỆM MỪNG CHÚA GIÁNG SINH TẠI VÙNG BAY AREA

Thời tiết vùng Bay Area năm nay nhiều sương lạnh, mưa phùn hoa lá, cỏ cây, chim muông như hoà chung vào niềm vui của nhân loại, kỷ

khí nhấc tại và ý nghĩa của lễ giáng sinh, đức giám mục đã nhắc đến lời dạy của đức giáo hoàng Gioan Phaolô II nhân dịp niên thánh kỷ mới,



thương cổ. Mọi người mở rộng cõi lòng bởi tưởng lại một sự kiện đã xảy ra tại Balem nơi con thiên chúa giáng trần, choa Otian đã đến với nhân loại trong ngày giáng sinh đầu tiên. Trong bài giảng đức giám mục chú ý sẽ sau

Gioan Phaolô II kêu gọi mọi người hãy những nỗ lực mới trong việc chia sẻ tin mừng của chúa cho xã hội và thế giới chúng ta đang sống. Thánh lễ đêm Noel đã kết thúc vào 22 giờ đêm cùng ngày.

SGN Oakland, Stockton & Sacto

ISSUE # 423 JAN 1, 2000



*Ảnh chụp lúc
Nguyễn Kỳ
Dzương (đeo
vòng hoa) nhận
giải thưởng của
chính quyền Liên
Bang tổ chức
trong phòng họp
của nhà băng
Wells Fargo,
Oakland, năm
2003.*



*Đã “khoe” thì khoe cho trót,” Thầy Dzương” là giáo sư cố vấn,
hướng dẫn cho Hội sinh viên Việt Nam trong trường Stanford, đang
chụp ảnh chung với các cháu sinh viên nhân dịp Hội sinh viên mừng
Tết Nguyên Đán.*

PHẦN HAI MƯƠI MỐT *Gìn Giữ Lá Cờ Chính Nghĩa*



Tác giả, trưởng Ban Tổ Chức Đại lễ Thượng kỳ Tết Nguyên Đán trước tiền đình Tòa Thị Chính thành phố Oakland, đang nhận giấy vinh danh Cộng đồng Người Việt Vùng Vịnh do ông Jerry Brown trao tặng. (Trước khi “tái” đắc cử vào chức vụ Thống đốc TB Cali, lúc này ông đang là đương kim Thị trưởng thành phố Oakland.)



*Sinh viên trường Stanford nghe lời thầy Dzuong:
Trong các sinh hoạt lớn, bao giờ cũng phải có hai lá quốc kỳ
của hai quốc gia Việt – Mỹ trên sân khấu.*



*Tác giả (thầy Dzuong) tổ chức lễ tưởng niệm 30/4 Đen
trong khuôn viên trường đại học Stanford.
Khách được mời làm diễn giả chính trong đêm đó là
thiếu tướng Lê Minh Đảo, đứng giữa.
(Có bốn vị phụ huynh của sinh viên cũng vào trường tham gia lễ
tưởng niệm 30/4 với chúng tôi.)*



Một bức ảnh nói vạn ngàn lời!

động công sản trên toàn thế giới, đặc biệt là vùng Đông Nam Á. Dưới trướng cờ cộng sản Hồ đã thành công trong việc đánh đuổi người Pháp để đem lại độc lập cho Việt Nam. Nhưng con người cộng sản thật của Hồ phản ánh rõ nhất qua cuộc cải cách ruộng đất mà Hồ đã áp dụng tại miền Bắc Việt Nam rập theo khuôn mẫu Cộng Sản Tàu và Nga. Theo Giáo Sư Zinoman Hồ có sự lựa chọn để không áp dụng khuôn mẫu Cộng Sản tại Việt Nam và con người cộng sản của Hồ lộ rõ trong việc này.

Theo Giáo Sư Zinoman thì Hồ Chí Minh vẫn là một người có nhiều bí ẩn. Cho đến nay vẫn chưa có một cuốn tiểu sử chính thức nào về một người đã gây ra bao nhiêu tranh luận trong nửa thế kỷ qua dù người ta có kính phục hay thù ghét Hồ Chí Minh. Giáo Sư Zinoman nói nay đang có

thêm nhiều tài liệu, nhân chứng mới soi sáng thêm cho thế giới biết về Hồ như Bùi Tín trong cuốn Hoa Xuyên Tuyết và Vũ Thư Hiên trong cuốn Đệm Giữa Ban Ngày.

Phần nói chuyện của ông Nguyễn Kỳ Dương đưa ra tội ác do Hồ Chí Minh và những đồng chí Cộng Sản đem đến cho dân tộc Việt Nam. (Xin xem nguyên văn bài nói chuyện của ông NGUYỄN KỲ DƯƠNG trong số này).

Ông Dương nói bộ mặt thật của Hồ Chí Minh được thấy qua hàng chục ngàn người chết vì cải cách ruộng đất, hàng ngàn người dân lành ở Huế chết trong Tết Mậu Thân, hàng trăm ngàn người chết trên biển vì thảm họa cộng sản tại Việt Nam.

Bài nói chuyện của ông Dương bị ngắt ngang nhiều lần vì lòng căm phẫn sôi sục của đồng bào khi nghe

kể tội ác cộng sản và hô to nhiều lần "đả đảo Cộng Sản". "Hồ Chí Minh là tên sát nhân". Phần cuối bài nói chuyện của ông Dương là hình chiếu cảnh đấu tố địa chủ, những mô chôn tập thể ở Huế làm xúc động mọi người.

Kết thúc bài tham luận Ông Dương đã được cử tọa hoan hô nhiệt liệt, đặc biệt chứng tôi thấy có sự hiện diện của Ông Henry Chang, Nghị Viên, Phó Thị Trưởng Thành Phố Oakland, tư hàng ghế tham dự viên đã tiến lên bắt tay chúc mừng và ngợi khen Ông Dương.

Bài nói chuyện của nhà văn Nguyễn Quý Đức là những trách móc. Trước tiên ông tự trách mình đã không đến với cộng đồng để giải thích về lập trường chống cộng của ông để bị hiểu lầm. Ông trách những người chịu trách nhiệm trong việc tổ chức triển lãm đã không quan tâm gì đến người Việt Nam đang sống tại Mỹ và trong vùng để tìm hiểu quan điểm của họ. Ông Đức cho việc triển lãm hình Hồ Chí Minh là một thất bại trong mục đích mà David Thomas muốn đưa ra là việc đối thoại để tìm hiểu về con người thật của Hồ Chí Minh.

Khi ông Đức nhắc đến việc tôi qua ông vào xem tranh và một số bạn của ông đã bị những người biểu tình dùng lời lẽ tục tĩu chửi rủa thì ông bị nhiều người la ó phản đối.

Đến lượt ông David Thomas nói chuyện thì cả hội trường ồn ào những tiếng phản đối. Những người tham dự gọi ông là kẻ nói dối, là người mù, người điếc, người bị cộng sản mua chuộc. Ông Thomas chỉ nói được vài phút rồi thôi.

Qua phần câu hỏi, có đến cả ba chục người muốn phát biểu ý kiến và nêu câu hỏi. Tất cả đều kết án cộng sản và Hồ Chí Minh và các câu hỏi đều nhắm vào ông David Thomas. Nhiều người có những lời lẽ nặng nề, mắng nhiếc ông Thomas, cho ông là kẻ ngu si, dấn dện, phản bội lại lý tưởng tự do của Hoa Kỳ, phản bội 58 ngàn đồng đội của ông đã chết tại Việt Nam, phản bội nhân dân Hoa Kỳ. Có



Hình trên: Tham Luận Đoàn, từ trái sang phải, Ông Nguyễn Kỳ Dương, Giáo Sư Peter Zinoman, Người Điều Hành Chương Trình, Ông Nguyễn Quý Đức và Ông David Thomas tác giả các bức tranh.

Hình Dưới: Quang cảnh bên trong hội trường

trang 16 Tuần Báo Thời Báo

427, 3/25/2000

PANEL DISCUSSION: "HCM, FORGOTTEN MAN", OAKLAND, CA. SUB. 3/19/2000

Bài báo tường trình về "chiến thắng vẻ vang" của Nguyễn Kỳ Dzuong: chỉ cần một đòn đã hạ tất cả ba tay "thiên cộng" trong buổi tranh luận về nỗ lực đánh bóng hình ảnh HCM của họa sĩ C. Davis Thomas tại Oakland, Bắc Cali, năm 2000.

(Giáo sư Peter Zinoman, Khoa trưởng Á Châu Học Vụ tại trường UC Berkeley, người tự nhận là "uyên bác" về lịch sử Đông Á, bị tôi đánh bại hôm đó, sau này là "xếp" của Nguyễn Kỳ Dzuong lúc tôi mới vào UC Berkeley phụ giảng cho một giáo sư khác. Thỉnh thoảng gặp nhau trên hành lang học đường, làm lơ chuyện cũ!)



Trong phần mở đầu của tập Hồi Ký này, tôi có nói tôi thuộc loại “hybrid” vì một nửa hồn tôi là nửa hồn của một quân nhân thời VNCH. Một nửa hồn kia là của một người làm nghề “godautre” để kiếm sống.

Tôi cũng muốn nói thêm về một trong những sinh hoạt nhằm gìn giữ lá cờ Chính Nghĩa: Tôi đang đọc diễn văn (tái) nhận chức vụ Tổng Hội Trưởng của Tổng Hội Quân Cảnh Hải Ngoại. Tôi đã nắm chức vụ này liên tiếp trong 10 năm qua, kể từ 2014. Tổng Hội QC được sự hợp tác của các Hội Ái Hữu QC các địa phương, bao gồm Bắc Cali, Nam Cali, Houston, Dallas, Đông Bắc Hoa Kỳ, Tây Bắc Hoa Kỳ, Miami, và một vài Hội Quân Cảnh Úc Châu.

PHẦN HAI MƯƠI HAI

Tiếng Chuông Ngân

Tôi đang lơ mơ nghe nhạc từ máy iPad của tôi. Máy phát ra một bài hát do Trần Thái Hòa, Thế Sơn, và Trịnh Lam trình bày. Bài hát mang tên “Belle”, tựa đề Việt và lời Việt là “Thằng gù nhà thờ Đức Bà”, phỏng theo tiểu thuyết cùng tên do đại văn hào Victor Hugo, người Pháp, viết năm 1831, đã được quay thành phim với nhiều ấn bản khác nhau. Phim mà tôi được xem ở Sài Gòn (hình như năm 1960) do Gina Lollobrigida và Anthony Quinn thủ hai vai chính.

Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà (Belle)

*Nàng là một nhan sắc tuyệt thế giữa nhân gian.
Nàng là bông hoa mỹ miều hóa công đã ban tặng!
Ôi! Như cánh chim tuyệt vời giữa xuân ngời rực rỡ khung trời!
Tôi thấy đang mở rộng dưới chân mình địa ngục tăm tối!
Hồn tôi đắm đuối với nét khoe tươi gọn trên áo nàng!
Ngàn muôn giáo huấn, tín ngưỡng, đức tin bỗng rụng phai tàn!
Ai? Nào ai dám nói đứng trước dung nhan nàng không rung động?
Là đang nói dối, giấu diếm con tim khát khao vô vọng!
Tôi ước ao một lần bước chân thật gần đến bên nàng!
Đan ngón tay vào dòng tóc êm đềm tựa suối thiên đàng!*

Nghe đến đây, tôi giật mình. Tôi nhớ lại cảm giác lúc tôi ngược lên, trên sườn đồi, tôi thấy nàng *Esméralda*. Chính ra, cô nàng du mục “bohémien” này trong truyện, được tả như một tuyệt thế giai nhân, trang phục sắc sỡ, nhưng sao hôm nay cô ăn mặc giản dị, đứng trên đồi vậy tôi lên. Làm sao tôi cưỡng lại được cử chỉ mời gọi đó. Tôi cố leo lên mãi mà không với được tới nàng. Nhìn xuống, tôi thấy anh gù *Quasimodo*, mà cũng chính là tôi, đang gục chết bên dòng suối.

Bất ngờ, những tiếng chuông từ căn nhà thờ tôi nhìn thấy lúc nãy lại đổ rền. Lại một người khác đang hát. Bài hát mang tên *Ave Maria* phỏng theo tác phẩm của Franz Schubert. Ông là một người sùng đạo, nhớ đến người con gái ông yêu có khuôn

mặt giống Đức Trinh Nữ nên đã phổ nhạc cho tác phẩm này. Lúc đầu, Schubert đặt tên tác phẩm này là *Ellens dritter Gesang*. (nhân vật chính là nữ anh hùng Ellen Douglas trong thời gian trốn tránh quân thù bên một cái hồ, đã cầu nguyện Đức trinh nữ Maria bằng những lời thơ).

Lúc đó, bài hát chưa được đổi thành Ave Maria.

Tuy nhiên, vì bài hát thường lặp lại hai chữ "Ave Maria" nên người ta đã đổi tên tác phẩm, đồng thời nghĩ đến việc phổ giai điệu này vào *Kinh Kính Mừng* tiếng Latinh.

Ave María, grátia plena. Dóminus tecum. Benedicta tu in muliéribus. Et benedíctus fructus ventris tui Iesus.

Sancta María, Mater Dei, Ora pro nobis peccatóribus, nunc et in hora mortis nostræ. Amen.

Ave Maria

Dâng về Maria. Đây những linh hồn đầy ưu tư. Khép nép trong lòng Mẹ, ôi hết ưu phiền. Đàn con xin Mẹ âu yếm nói cho lành duyên. Hãy ban cho hương đời đã tan vỡ trong ngày qua, và đưa tới nơi mơ hồ. Mẹ ôi! Santa Maria. Lòng con run lên vì nghe tiếng chuông xa xa. Từ xưa thơ ấu, hoa xuân nở trong gió thơ, Tàn kiếp mong linh hồn siêu thoát Thiên Đường kia. Ave Maria... (Lời Phạm Duy)

Nghe đến đây, tôi lại giật mình. Người phụ nữ mặc áo choàng trắng, đang đổi sang màu xanh, đứng trên đồi vẫy tôi lên chắc chắn không phải là nàng Esméralda với đôi mắt sắc, mà là một khuôn mặt hiền dịu, có vẻ như đang muốn ban ơn, cứu vớt linh hồn tôi. Tôi cố leo lên mãi mà không với được tới người. Nhìn xuống, tôi thấy xác một người – mà cũng chính là thân xác tôi, đang gục chết bên bờ suối. Tôi nghĩ bụng: Không thể được! Không thể được! Tôi còn phải về với gia đình tôi. Hồn tôi cố gắng bay xuống. Tôi chạm vào thân xác tôi. Tôi tỉnh dậy. Tôi đã thấy nụ cười hiền từ của Đức Mẹ đang vẫy gọi tôi.

Chính cảm giác này đã khiến tôi trỗi dậy. Ý muốn viết lại tập hồi ký này để kể từng chi tiết trong *những phần đời của định mệnh của tôi* –

đã trở thành háo hức hơn, mãnh liệt hơn tất cả những lời khuyến khích của các bạn tôi: Về cuối đời, viết lách một chút cũng là một thú vui lành mạnh!

Tôi ngồi xuống, hồi hải gõ vào bàn phím....và *tập hồi ký này đã ra đời.*

*
* *

PHẦN PHỤ ĐÍNH
Những Nhận Xét Và Giới Thiệu
Của Văn Hữu

Nhận xét và lời giới thiệu về tác phẩm của một người bạn thân, người đã từng bị biệt giam nhiều năm vì bị csVN gán cho cái “nhân hiệu” “tên xung kích cầm bút”: Nhà thơ Trần Ngọc Tự.

Có một người đã trải qua những phân đời
của định mệnh mình như thế đấy.

ngoctự.

*

(Cảm nhận sau khi đọc xong hồi ký: *“Lao tù cải tạo & những phân đời của định mệnh”* của Nguyễn Kỳ Dzuong).

Người ta thường nói mỗi người đều có định mệnh của mình, và cuộc đời mỗi người lần lượt trải qua những phân đời khác nhau trong từng hoàn cảnh thời gian và không gian, càng làm nổi bật định mệnh của mỗi người hơn, qua từng diễn tiến. Giữa hoàn cảnh đất nước, ở vào những bối cảnh lịch sử, nhiều người như cùng có chung định mệnh và cuộc đời có nhiều nét giống như nhau. Tuy nhiên đi vào chi tiết cụ thể, vẫn là những nét riêng nơi từng người.

Nguyễn Kỳ Dzuong, tác giả hồi ký: *“Lao tù cải tạo & những phân đời của định mệnh”* này là một trường hợp.

Sinh ra tại Hà nội, tác giả, một cậu bé mới bảy tuổi, theo gia đình di cư vào Nam sinh sống và lớn lên tại Sài Gòn cho đến ngày đau thương 30.4.1975. Rồi tiếp theo là những năm tháng lao tù cải tạo dưới chế độ cộng sản, và vượt trại, rồi vượt biển thành công. Đặt chân đến Hoa Kỳ, đất nước của tự do, với ý chí và nghị lực sẵn có, tác giả đã nỗ lực, cố gắng vượt bậc, để từ đó đã dẫn đến những thành quả vô cùng tốt đẹp nơi nhiều môi trường, lãnh vực khác nhau trong xã hội mới.

Khởi đầu với những bình thường nơi cuộc sống, rồi một thời gian vô cùng khó khăn thử thách là đi tù cải tạo. Nơi thời gian ấy, nhiều khi

ngõ như định mệnh sẽ cứ mãi khất khe, nhưng rồi cuối cùng định mệnh đã mỉm cười với Nguyễn Kỳ Dzuơng.

Nhìn lại những phần đời của con người này. Ngay sau khi vào Nam, bắt đầu tuổi đi học, cậu bé học trò đã sớm có cảm nhận về những kỷ niệm thú vị, dễ thương. Lớn lên, tiếp tục học hành bậc trung học, đại học và đi làm. Sau đấy là nhập ngũ, ra đơn vị phục vụ quân đội, đất nước, rồi lập gia đình như phần đông những người tuổi trẻ cùng trang lứa thời chiến. Những giai đoạn này cũng có nhiều kỷ niệm thật sâu đậm, đáng nhớ được tác giả kể lại. Mọi thứ tưởng sẽ tiếp tục bình thường, nhưng không phải thế, mà có những biến đổi làm cho khác hẳn đi, không thể nào ngờ được. Và rồi định mệnh của Nguyễn Kỳ Dzuơng đi đến giai đoạn khó khăn thử thách.

Nội dung chính của tập hồi ký: *“Lao tù cải tạo & những phần đời của định mệnh”*, và cũng là giai đoạn nghiệt ngã đầy sóng gió thử thách của định mệnh tác giả, suốt thời gian oằn mình chịu đựng 5 năm trời, qua các trại tù cải tạo cộng sản, cùng bao nhiêu vấn đề gặp phải.

Như tất cả mọi người đều đã biết, sau khi cưỡng chiếm miền Nam 30.4.1975 (do sự toan tính sắp xếp của các cường quốc thời điểm đó, mà Việt Nam Cộng Hòa lâm vào thế bất khả kháng), một trong những sự kiện nổi bật là chuyện cải tạo. Cộng sản đã mưu mô đưa hàng trăm ngàn Quân Dân Cán chính các cấp của VNCH vào các trại lao tù tập trung dưới cái vỏ bọc là các trại cải tạo lao động, thực chất là các trại tù khổ sai.

Chuyện kể về các trại lao tù cộng sản để tố cáo sự tàn độc, ác tâm vô cùng dã man của cộng sản, trước đây đã có nhiều người viết ra, kể lại dưới nhiều hình thức thơ văn, hồi ký..., như những tiếng nói của nhân chứng lịch sử nơi một thời điểm của đất nước.

Hôm nay, có thêm tập hồi ký này của Nguyễn Kỳ Dzuơng về chuyện lao tù cải tạo, như thêm một dấu chứng cụ thể của một sự kiện đau buồn, nhưng cũng không thiếu những nét đẹp nổi lên giữa những năm tháng đó.

Thời gian ấy, cũng như tất cả mọi sĩ quan QLVNCH còn bị kẹt lại, Nguyễn Kỳ Dzuơng đi trình diện *học tập cải tạo*, theo thông báo đầy trí trá của chính quyền Cộng sản, để rồi lần lượt trải qua biết bao khổ nhọc, vất vả, cay đắng trong các trại tù cải tạo suốt 5 năm dài cho đến khi quyết định vượt trại.

Những người bị đưa vào các trại tù cải tạo của cộng sản, đều là những thành phần ưu tú. Trong khi đó, việc trông coi trực tiếp các trại tù cải tạo lại được giao phó cho các đơn vị quân đội cộng sản (về sau chuyển giao sang công an), mà hầu hết trình độ thấp kém. Lại không có một chính sách minh bạch rõ ràng, cứ để cho sự tùy tiện theo mỗi nơi chỗ. Từ đó, ngoài việc không được nuôi ăn đầy đủ, bị bóc lột sức lực đến tận cùng, người tù cải tạo còn gặp những nghịch cảnh, những chuyện dở khóc dở cười, mà hầu hết các trại lao tù cải tạo cũng thường giống như nhau. Các trại lao tù cải tạo mà Nguyễn Kỳ Dzuơng trải qua cũng thế. Ngay bản thân anh còn trực tiếp gặp phải nhiều điều chuyện, mãi ghi nhớ không thể nào quên, như anh đã viết kể qua những trang sách trong hồi ký này.

Ngoài việc phải chịu nhận tất cả những uất nghẹn, khổ hạnh, nhọc nhằn vất vả, cay đắng muộn phiền, bị đối xử tồi tệ... như tất cả những anh em bạn tù cùng cảnh ngộ, cá nhân người tù Nguyễn Kỳ Dzuơng nhiều lần còn phải chịu đựng thêm nhiều điều khốc liệt khác nữa. Những khi bị đánh đập, hành hạ dã man tàn độc, mấy lần biệt giam khắc nghiệt, vì những chuyện vô cớ. Sự hung ác của đám cai tù cộng sản trút xuống Nguyễn Kỳ Dzuơng những kiêu đòn thù hằn đê tiện.... Tưởng chừng khó lòng mà vượt qua được nghịch cảnh ấy, nhưng qua mỗi sự việc, lại cho thấy rõ ràng nhiều nét hơn về con người Nguyễn Kỳ Dzuơng.

Từ lúc trưởng thành và trong mọi hoàn cảnh cuộc sống, dù khó khăn, vẫn luôn tỏ ra và thể hiện một con người đầy nghị lực vô cùng mạnh mẽ, giàu ý chí, quyết đoán và quyết tâm cao, tin vào chính mình, có khả năng ứng phó trước mọi diễn biến, cộng thêm nội lực lúc nào cũng sung mãn. Chính nhờ những điều đó đã giúp Nguyễn Kỳ Dzuơng luôn vượt qua, vượt lên được, cùng với sự cảm nhận của riêng mình nơi mỗi hoàn cảnh.

Cũng nói thêm nhờ có được cả sự may mắn và những giây phút tự thả lỏng để mộng mơ, mơ mộng, cùng với một niềm tin thành khẩn mãnh liệt khi nguyện xin, cầu khẩn các đấng bậc thiêng liêng; dù đức tin chỉ mới manh nha, đã như những nguồn trợ lực thật quý giá cho Nguyễn Kỳ Dzuong.

Chính những yếu tố vừa nêu trên đã giúp Nguyễn Kỳ Dzuong có được một quyết định dũng cảm, khi thời gian mà sức chịu đựng dường như đã đến lúc tận cùng, đó là thời điểm quyết định trốn trại từ Phước Long, như đã từng dự tính. Và cuộc vượt trại đã thành công, tuy không mấy dễ dàng, sau những cam go trên bước đường tìm tự do.

Nguyễn Kỳ Dzuong liên lạc được với gia đình và một quyết định táo bạo tiếp theo là đưa vợ con cùng đi vượt biên. Và rồi lại thành công. Chuyển vượt biển cũng gặp nhiều khó khăn thử thách: sóng gió biển khơi, ghe thuyền bị trục trặc bất thành linh, hải tặc cướp bóc...nhưng sau cùng cũng xuôi chèo mát mái. Đã có lúc kịp thời Nguyễn Kỳ Dzuong chứng tỏ khả năng để cứu lấy mình và gia đình cũng như mọi người, trước các khó khăn thử thách ấy giữa biển khơi, đưa con thuyền vượt biển tìm tự do vào được Songkhla, Thailand.

Ở trại tỵ nạn chỉ mới khoảng hai tháng, ngoài việc đi tù cộng sản, còn có 5 năm phục vụ trong QLVNCH, lại thêm trước đây đi làm trong thời gian 3 năm cho USAID, một cơ quan của chính phủ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, các yếu tố này đã giúp cho gia đình Nguyễn Kỳ Dzuong được đi Hoa Kỳ định cư rất nhanh sớm hơn mọi trường hợp khác.

Nguyễn Kỳ Dzuong đã thử phào nhẹ nhõm và sung sướng biết bao khi đặt chân đến Oakland (miền Bắc California), vùng đất nước tự do. Là người vốn sẵn ý chí tiên thủ, với nghị lực mạnh mẽ, Nguyễn Kỳ Dzuong hội nhập rất nhanh vào cuộc sống mới nơi xứ người. Tiếp tục việc học hành và đồ đạt và rồi từng bước bắt đầu có những nhiệt thành miệt mài đóng góp và cống hiến hết mình cho xã hội, cho cộng đồng, không ngừng nghỉ, qua nhiều chức vụ ở các lãnh vực giáo dục, xã hội, với các hoạt động rất thiết thực.

Các đóng góp và cống hiến ấy của Nguyễn Kỳ Dzuong đã được trân

trọng ghi nhận và vinh danh. Đây không phải là việc khoe kể, mà chỉ là niềm hân diện tự hào khi giới thiệu những thành quả tốt đẹp đã đạt được từ tâm ý hằng mong muốn của mình. Thật vô cùng đáng quý và trân trọng biết bao.

Là một trong những người Việt Nam tỵ nạn cộng sản tại đất nước Hoa Kỳ và thành công với “giấc mơ Mỹ”, nhưng Nguyễn Kỳ Dzuong vẫn luôn thao thức, đau đầu với “giấc mơ Việt” như tất cả những người Việt Nam ly hương khác. Đó là ngày quê hương Việt Nam hoàn toàn thoát khỏi sự cai trị độc tài của chế độ cộng sản, để mọi người dân được ấm no hạnh phúc trong đất nước tự do dân chủ.

Nguyễn Kỳ Dzuong đã có những kỷ niệm thật đẹp đẽ với cuộc đời. Với hồi ký: *“Lao tù cải tạo & và những phần đời của định mệnh”*, Nguyễn Kỳ Dzuong có thêm kỷ niệm mới, kỷ niệm với văn chương chữ nghĩa.

Đọc hồi ký này, các bạn hữu thân quen Nguyễn Kỳ Dzuong từ trước, có dịp chia sẻ và cùng cảm nhận, nhớ lại những năm tháng không thể nào quên, nhất là những người cùng ở trong quân ngũ và cùng đi tù cải tạo của cộng sản sau ngày 30.4.1975.

Với những người mới biết và quý mến Nguyễn Kỳ Dzuong sau này, sẽ thấy càng yêu mến thêm. Và những người khác thì được biết về cung cách sống của một người thanh niên Việt Nam thời chiến.

Xin chúc mừng và hoan hô người bạn thân quý.

ngoctự.

(Richmond, Texas)

tháng 11/2024.

Nhận xét và lời giới thiệu về tác phẩm của một người bạn thân, một người bạn đã từng phục vụ trong binh chủng Quân Cảnh: nhà văn Huỳnh Hồng Hiệp.

Khi trước, tôi có cơ hội quen biết một số đàn anh, có điều kiện, đã có được đôi ba sở trường. Tôi muốn nhắc đến người anh em thân thiết với tôi: Vũ Mạnh Quỳnh, cũng thuộc thành phần văn võ song toàn lại còn giỏi môn Tử Vi. Tôi cho đó là một phần tinh hoa của đất nước.

Khi đọc cuốn hồi ký của Nguyễn Kỳ Dzuong, tôi nhìn ra thêm được một phần tinh hoa của đất nước nữa. Tôi có một điều muốn chia sẻ với độc giả của ông: Tác giả là một người *đa năng, đa tài*. (Ông cũng tự nhận mình *đa sầu, đa cảm!*)

Quyển hồi ký của Nguyễn Kỳ Dzuong, tuy ra đời khá muộn so với nhiều quyển hồi ký kể về những năm tháng ngục tù của nhiều tác giả khác – nhưng tôi lại thấy cuốn hồi ký này có những nét độc, lạ.

Những tác giả trước đây của những tù tội ở địa ngục csVN, đều trút những oán hận và nguyên rủa lên đám quan giáo và đám coi tù. Việc đó rất chính đáng vì bản thân họ đã từng “thừa sống thiếu chết” vì sự hành hạ dã man của những kẻ tự cho mình có quyền hành hạ người khác.

Nguyễn Kỳ Dzuong cũng kể hết, rất trung thực, những thói đê hèn, dã man của đám cai ngục nhưng bằng một văn phong nhẹ nhàng không ẩn chứa lòng hận thù, tuy vậy, độc giả sẽ cảm được cái mỉa mai, khinh bỉ bọn cs Bắc Việt qua từng lời văn của tác giả. “Phe ta” đọc sẽ thấm thía, thông cảm và sẽ mỉm cười. Trái lại, “phe địch”, bên thắng cuộc, nếu còn chút lương tri và lòng tự trọng, thì khi đọc cuốn hồi ký của Nguyễn Kỳ Dzuong, sẽ không biết giấu mặt đi đâu!

Nguyễn Kỳ Dzuong còn là một nhiếp ảnh gia tài tình. Ông đã “chụp” được một bức ảnh toàn cảnh tù đầy năm năm – rồi thu lại, để bây giờ, mời độc giả mở ra xem. Trong đó, rõ nét hết những đày đọa, gian nan của kiếp tù cộng sản. Lời văn của tác giả cũng có lúc

dí dỏm như khi mô tả lúc uống rượu cần với ông tộc trưởng dân tộc thiểu số trên cao nguyên, có cô con gái để ngực trần đứng hầu ... Trái lại, độc giả sẽ giật mình khi bức ảnh tả chân cái địa ngục đó được điểm xuyết bằng một nét phác rất bạo khi mô tả bức ảnh của “Bác” ở giữa sân trại đã bị một tù nhân – ban đêm – “trang trí” bằng một bịch chất thải của con người, phối màu nhầy nhụa mà, tôi e rằng một họa sĩ tài ba cũng không pha nổi.

Cái hay của Nguyễn Kỳ Dzung là khiến độc giả sẽ muốn đọc tiếp mãi vì tác giả dẫn người đọc từ hào hức này sang cái tò mò khác. Sau khi trốn ra khỏi ngục tù cộng sản, sống ở nơi mà quyền làm người được bảo đảm, phẩm giá con người được tôn trọng, và Tự Do không còn là xa xỉ phẩm, đề đổi lại những phần đời của định mệnh khát khe, Nguyễn Kỳ Dzung đã tận tâm phụng vụ tha nhân tại địa phương nơi ông sinh sống.

Tôi tin chắc bạn đọc sẽ công nhận tác giả, người đã từng đối diện với tử thần, biết dùng ngòi bút thần kỳ, kể lại một cuộc đời nhiều trầm luân nhưng lại có đoạn kết hết sức đáng khích lệ.

Chúc thành công đến với tác giả Nguyễn Kỳ Dzung.

Trời lập Đông miền Bắc California, Hoa Kỳ.

Huỳnh Hồng Hiệp. 2024.

*
* *

Nhận xét và lời giới thiệu về tác phẩm của một người bạn thân, người đã cùng tác giả đi trên những bước đường đấu tranh cho Tự Do, Dân Chủ, và Nhân Quyền cho người dân trong nước: Bạn Nguyễn Trung Cao.

Cuối năm 2024, tôi đã có cái vinh dự nhận được bản nháp tác phẩm **LAO TỬ CẢI TẠO & NHỮNG PHẢN ĐÒI CỦA ĐỊNH MỆNH** của tác giả Nguyễn Kỳ Dzuong. Anh đã ghi lại một cách chi tiết những khổ nạn mà anh đã từng trải qua trong suốt thời gian bị tù tội. Tôi vẫn biết Nguyễn Kỳ Dzuong không phải là một “văn sĩ” nhưng tôi đã quá đỗi ngạc nhiên khi đọc những lời văn khúc triết, dí dỏm và bộc trực khiến cho hồi ký của anh đã trở thành vô cùng lôi cuốn. Anh bắt đầu kể lại một thời thơ ấu đại ở vào độ tuổi hoa niên mang nhiều hoài bão, mộng ước khi di cư từ Bắc vào Nam. Những môi trường rặt rề e thẹn vừa mới chớm nở, đây ắp những kỷ niệm. Nhưng thật oái ăm, đất nước bắt đầu lâm vào cảnh chiến tranh khốc liệt của cuộc chiến Quốc Cộng. Anh cũng như bao người trai thời chiến lúc đó, đành xếp bút nghiên theo nghiệp binh đao để trả nợ núi sông.

Sau 5 năm bị đày đoạ trong các cái-gọi-là “trại cải tạo”, anh quyết định liều thân vượt thoát ngục tù cs và sau cùng, đặt được chân lên đất nước tạm dung. Trong suốt hơn 40 năm qua, anh đã tranh đấu và cố gắng liên tục để đạt được những thành quả đáng khích lệ và đáng trân trọng như hiện nay. Trong những năm tháng định cư tại vùng vịnh San Francisco, Bắc California, anh em chúng tôi đã cùng hợp tác tổ chức những buổi sinh hoạt cộng đồng để gìn giữ và phát huy tập tục văn hóa cổ truyền của dân tộc, hay những buổi hội thảo đấu tranh nhằm phản đối, lên án nhà cầm quyền cộng sản VN vi phạm Nhân Quyền.

Đặc biệt chúng tôi quan tâm dạy tiếng Việt và văn hóa Việt cho giới trẻ sinh sống ở Mỹ. Tôi đứng ra sáng lập Trường Việt ngữ Hướng Việt tại thành phố Oakland nên thâm tình anh em chúng tôi càng đậm đà. Hiện nay, anh đang là giáo sư dạy tiếng Việt tại học viện Stanford. Riêng tôi, không những quý mến anh mà tôi còn rất ngưỡng mộ đức tính điềm tĩnh, khiêm tốn dù tôi biết anh là người có rất nhiều tài trong nhiều lãnh vực.

Cho đến nay, sau 50 năm, csVN vẫn luôn rêu rao là “đất nước đã được thống nhất”, nhưng chúng vẫn không có khả năng thống nhất lòng người. Sự chia rẽ, phân biệt, giữa Nam và Bắc càng ngày càng trầm trọng. Cuốn hồi ký của tác giả Nguyễn Kỳ Dzung, với văn phong rất nhẹ nhàng nhưng lại là một thông điệp rất mạnh mẽ, cảnh tỉnh những người Việt tha hương vẫn chưa tỉnh ngộ, vẫn nhìn cái bánh vẽ của vc mà mơ tưởng đến “thiên đường cộng sản”. Tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn hồi ký này đến với quý độc giả.

Hayward, đầu Xuân Ất Ty
NGUYỄN TRUNG CAO

*

*

*

Nhận xét và lời giới thiệu về tác phẩm của một người anh, một người bạn vong niên: Giáo Sư Hoàng Cơ Định.

Đôi dòng về thầy Nguyễn Kỳ Dzuong và tác phẩm “Lao Tù Cải Tạo & Những Phần Đời Của Định Mệnh”

(Thật là một vinh dự lớn cho tôi khi được mời viết đôi dòng về tác phẩm và tác giả - nhưng cũng là khó khăn không nhỏ khi thực hiện sứ mạng này chỉ với ... đôi dòng.)

Tôi xin thực hiện điều này bằng cách kể ra với quý độc giả là tôi đã quen và thân với tác giả trong trường hợp nào và ”công trạng” của tôi khiến cuốn sách này được ra đời:

Tôi biết Nguyễn Kỳ Dzuong đã lâu – biết chứ không thân – cho tới khi tôi xuất bản cuốn Việt Sử dành cho tuổi trẻ Việt Nam. Viết sử đối với tôi đã là chuyện khó, mà tìm được độc giả còn khó hơn. Đây chính là cơ duyên tôi gặp thầy Nguyễn Kỳ Dzuong, giáo sư dạy tiếng Việt tại Stanford University và nhiều trường Đại Học vùng Bắc California. Thầy Dzuong đã giúp tôi thật tận tình để có những buổi thuyết trình về lịch sử cũng như những vấn đề của thời cuộc tại các trường này. Một điều thú vị là các cháu sinh viên tại các lớp học tỏ ra rất trân trọng Thầy (và khách được mời đến lớp), một điều không dễ thấy tại nước Mỹ.

Điều làm tôi ngưỡng mộ nhất là hôm chúng tôi được bà mẹ của một cháu sinh viên Stanford của thầy Dzuong khoản đãi tô mì đặc biệt tại nhà hàng của bà. Điều đáng nói ở đây không phải là vì tô mì quá ngon, mà ở thái độ cung kính bà mẹ đó dành cho chúng tôi: Bà chủ đã từng là học trò của thầy Dzuong cách đây 42 năm ở một trường trung học ở San Francisco. Thật hiếm có ông thầy nào có được một quãng thời gian dài giảng dạy và được sự quý trọng từ thế hệ này qua thế hệ tiếp nối.

Mối liên hệ giữa thầy Dzuong và tôi càng thêm chặt chẽ khi chúng tôi soạn chung một đề tài thuyết trình về Việt Sử trong thời kỳ từ 1945 – 1975. Tôi khám phá thêm được là thân mẫu của thầy Dzuong

là một trong những đảng viên tiên khởi của Đảng Đại Việt, và bà đã rất thân thiết với (bà) Xứ Bộ Trưởng Xứ Bộ Bắc Phần, người làng Hành Thiện, chị ruột của BS Đặng Vũ Lạc, một nhân vật (của làng Hành Thiện) nổi tiếng trong giới khoa bảng và chính trị thời đó. Thầy Dzuong đã sinh ra trong bảo sanh viện của bác sĩ BS Đặng Vũ Lạc. Cơ duyên là tôi cũng có cái may mắn và vinh dự đó trước thầy Dzuong vài năm, nên chúng tôi trở nên anh em ... *cùng nhà bảo sanh.*

Thầy Dzuong có trí nhớ rất tốt, thỉnh thoảng ông kể cho tôi những kỷ niệm khi tù đầy trong các trại tù cs, hoặc những chi tiết khi ông trốn khỏi trại tù Việt Cộng cách đây mấy chục năm với những chi tiết như chuyện vừa xảy ra hồi tháng trước... Tôi nói thầy nên viết hồi ký để chia sẻ kinh nghiệm với người khác, và với thế hệ mai sau. Thầy ngại ngại vì đã từng có vài bạn, viết sách rồi sau đó không biết làm gì với mấy ngàn cuốn được in ra...

Thầy Dzuong đã rất ngạc nhiên và thích thú khi tôi truyền lại kinh nghiệm cá nhân in sách theo kiểu *Print On Demand*, mới có gần đây. Với cách này, sau khi xong bản thảo, chỉ với một phí khoản nhỏ, có thể in vài cuốn, vài chục hay vài trăm tùy theo nhu cầu, giá cuốn sách cũng như nhau.

Thầy Dzuong bắt tay ngay vào việc, thầy viết rất nhanh, chỉ một tuần sau đã khoe viết xong được trên 100 trang, cho nên nếu tôi nhận công là đã giúp có được cuốn “Lao Tử Cái Tạo & Những Phần Đời Của Định Mệnh”, thiết nghĩ cũng không đến nỗi vô căn cứ.

Cuộc đời của thầy Dzuong có nhiều khía cạnh, sắc thái. Thầy là người lạc quan, tích cực và khôn khéo trong hoàn cảnh khó khăn nên câu chuyện đời của thầy không bi quan đen tối mà có những khúc quanh rất có ý nghĩa. Ý chính mà tôi ghi nhận được trong khi đọc cuốn hồi ký cũng như khi trò chuyện với nhau là thầy Dzuong làm mọi việc mình muốn với tất cả khả năng, với tất cả quyết tâm, không bao giờ đầu hàng trước định mệnh.

Tôi là người chưa từng được sống cuộc đời sinh viên hoa mộng tại *Sài Gòn đẹp lắm Sài Gòn ơi...* và

chưa từng sống những ngày quân trường Thủ Đức đổ mồ hôi... và chưa từng bị VC lừa đi học tập cải tạo... và dĩ nhiên, chưa từng vượt ngục tù trại tù cộng sản ...và cũng chưa từng gian lao kiếm cách vượt biển tìm tự do...

Nhờ đọc tác phẩm của thầy Nguyễn Kỳ Dzung và tài kể chuyện của thầy, tôi cảm thấy cuộc đời của mình thật may mắn, thêm phong phú, ý nghĩa, và có cảm tưởng gần như chính mình đã trải qua phần nào đó trong “Lao Tù Cải Tạo & Những Phân Đời Của Định Mệnh”.

Tôi mong tác phẩm của thầy Dzung sẽ có rất nhiều độc giả để nhiều bạn sẽ có cái may mắn ... giống như tôi.

Hoàng Cơ Định

*
* *